

Thành kính dâng lễ Đức Thế Tôn
Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri



LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ (MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425

TẬP II
Quyển 11 - 20

Hán dịch: **Tam tạng Phật-đà Bạt-đà-la & Sa-môn Pháp Hiển**

Việt dịch: **Tỳ-kheo Thích Phước Sơn**

Chứng nghĩa: **HT. Thích Đồng Minh**

LỜI NÓI ĐẦU

Nhân duyên đưa đến việc dịch bộ Luật Ma-ha Tăng-kỳ này thực là hi hữu. Số là vào cuối năm 1989, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hiệu phó Trường Cao cấp Phật học (nay là Học Viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh) đang đảm nhiệm môn Luật của Trường thì đột nhiên lâm bệnh. Khi lên bệnh viện hầu thăm Hòa thượng, tôi được Hòa thượng ân cần nắm tay ủy thác phải tạm thời thay thế Hòa thượng hướng dẫn Tăng Ni cho đến hết chương trình. Thật là bỡ ngỡ, nhưng cũng vô cùng cảm động trước tấm lòng thương yêu, tin cậy của bậc Tôn sư khả kính, tôi chỉ còn biết cúi đầu vâng lệnh. Thế rồi, sau đó được Hòa thượng Hiệu trưởng chính thức mời phụ trách môn Luật cho trường. Chương trình dạy chủ yếu là dùng hai bộ sách Yết-ma Yếu Chỉ và Tứ Phần Hiệp Chú do Hòa thượng Bốn sư thượng Trí hạ Thủ biên soạn; một công trình khá công phu và nghiêm túc. Trong lúc tra cứu thêm về những chỗ dẫn chứng trong sách, đồng thời tham khảo ý kiến của Hòa thượng Thích Đồng Minh, một vị được xem là đặc biệt quan tâm đến vấn đề Luật học, tôi được Hòa thượng khuyến khích dịch bộ Luật Ma-ha Tăng-kỳ này. Thế là cố gắng sắp xếp thì giờ, tôi bắt đầu phiên dịch từ ngày 29-01-1996, dịch đến đâu, Hòa thượng đọc lại đến đó, đồng thời chịu khó cặm cụi sửa chữa những chỗ sai sót một cách tận tình. Việc làm đó quả thực

là một nguồn động viên vô cùng quý giá. Nhưng diễm phúc hơn nữa là được Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, một bậc ân sư giới hạnh cao nghiêm, hết lòng yêu thương, nhiệt tình cổ vũ cho công tác phiên dịch này.

Lúc bắt đầu dịch khó tránh khỏi một vài trường hợp lúng túng, nhưng qua thời gian, các khó khăn dần dần được khắc phục, rồi một niềm phấn khởi phát sinh; nhất là qua phương pháp giáo huấn của đức đáng Từ Phụ, vừa rõ ràng sinh động, vừa chí lý, chí tình, có ân mà cũng có uy, khiến cho người thụ giáo cảm nhận một sức thuyết phục phi thường.

Theo lẽ, một dịch giả đúng nghĩa phải hội đủ ba phương diện: Một là nắm vững ngôn ngữ của nguyên bản; hai là tinh thông tiếng bản xứ; ba là am tường nội dung của vấn đề. Mặc dù thấy mình còn nhiều điều bất cập, nhưng vì nhu cầu học hỏi và công việc giảng dạy thúc đẩy, tôi đành phải cố gắng tuân thủ ba nguyên tắc mà học giả Hồ Thích đã đề xướng và được giới dịch thuật đồng tình chấp nhận, đó là: Tín, Đạt và Nhã. Tín, nghĩa là trung thành với nguyên bản. Đạt, nghĩa là lột tả chính xác nội dung của vấn đề. Nhã, nghĩa là phải vận dụng ngôn ngữ trong sáng và tao nhã. Nếu không thể hội đủ cả ba phương diện thì phải cố gắng vận dụng một hoặc hai phương diện đến mức độ tốt nhất. Có như thế mới hy vọng bản dịch được độc giả dễ dàng tiếp nhận.

Dịch từ một bản văn cách nay đã hơn mười lăm thế kỷ, mà bản văn này lại là dịch phẩm chứ không phải nguyên bản nên chẳng dễ dàng chút nào. Nhưng may mắn là bản văn khá mạch lạc, nhất quán và tương đối sáng sủa, nên cũng ít khi gặp trở ngại. Bởi lẽ, hai Đại sư Phật-đà Bạt-đà-la và Pháp Hiển không những tinh thông Luật học, mà phương pháp làm việc cũng rất nghiêm túc và cẩn trọng.

Khi dịch, tôi đã cố gắng tối đa vận dụng ngôn ngữ hiện đại phổ thông và trong sáng để phổ diễn, tuy vậy, khó tránh khỏi một số

hạn chế nhất định. Chẳng hạn, các thuật ngữ chuyên môn của Luật học mang nhiều nội dung hàm súc, bắt buộc phải giữ nguyên phiên âm chứ không thể chuyển dịch. Ngoài ra, vì bối cảnh lịch sử, địa lí và văn hóa của Ấn Độ có nhiều điểm bất đồng đối với nước ta, do thế, về nhân danh, địa danh cũng như tên gọi của một số động vật, thực vật và y phục v.v... không có từ ngữ tương đương để phiên chuyển, nên đành phải để nguyên dạng phiên âm.

Bộ Luật này được phiên dịch là nhằm mục đích dùng để tham khảo giảng dạy, đồng thời cũng là một món quà tinh thần bé nhỏ kính cẩn dâng lên báo đáp phần nào công ơn pháp nhũ của các bậc ân sư trực tiếp cũng như gián tiếp. Nếu nó may mắn được giới độc giả thể tất, thì có thể xem như là một sự đóng góp nhỏ nhoi vào công trình chuyển ngữ Tam tạng Thánh giáo sang tiếng Việt, một sự nghiệp to lớn mà tất cả Tăng Ni Phật tử Việt Nam đang khát khao mong đợi.

Cuối cùng, xin chân thành cảm ơn thầy Tâm Hạnh đã nhiệt tình lo việc in cáo bản một cách chu đáo; cảm ơn Phật tử Thọ Huệ, Nguyễn Hạnh đã hoàn thành xuất sắc công đoạn đánh vi tính; cảm ơn thầy Giác Đồng, sư cô Từ Nghĩa và Nguyên Đoàn tận tụy hoàn thành khâu vi tính sau cùng.

Xin hồi hướng tất cả công đức lên Tam bảo chứng minh, thành tâm nguyện cầu cho kho tàng Pháp bảo được tồn tại miên trường trên cõi đời này.

Thiền viện Vạn Hạnh, ngày 4/1/2000
Người dịch kính cẩn ghi lại
Tỳ-kheo Thích Phước Sơn

MỤC LỤC

TẬP 2

Lời giới thiệu	i
Lời cảm bạch	iii
Lời nói đầu.....	viii

NI-TÁT-KỲ

Quyển 11: 24. Cho y rồi lấy lại	470
25. Sấm áo mưa trước thời hạn.....	475
26. Xin chỉ sơi về dệt vải.....	479
27. Quyết tiền công của thợ dệt.....	481
28. Cất y cúng gắp quá hạn.....	487
29. Rời y quá thời hạn	492
30. Biển thủ tài sản của tăng	497

BA-DẠ-ĐỀ

Quyển 12: 1. Cố ý vọng ngữ.....	502
2. Gièm pha thành phần nghề nghiệp người khác	506
3. Nói để ly gián kẻ khác	510
4. Khơi lại sự tranh cãi.....	515
Quyển 13: 4. Khơi lại sự tranh cãi (tiếp theo).....	533
5. Thuyết pháp cho phụ nữ quá giới hạn	555
6. Dạy người chưa thọ cụ túc đọc tụng	560
7. Nói thật rằng mình đắc đạo.....	562
Quyển 14: 8. Nói tội nặng của tỳ-kheo khác	566
9. Đồng ý yết-ma, sau phủ nhận.....	570

10. Huỷ báng giới pháp	572
11. Chặt phá cây sống.....	574
12. Nói để nhiều loạn người khác	581
13. Chê trách chức sự của tăng	585
14. Trái đồ của tăng ở chỗ trống	589
15. Trái đồ của tăng ở chỗ khuất.....	594
16. Lôi tỳ-kheo khác ra khỏi phòng	597
Quyển 15: 17. Cưỡng chiếm chỗ nằm của người khác.....	601
18. Ngồi giường có chân nhọn.....	604
19. Dùng nước có sinh trùng	606
20. Lợp nhà quá ba lớp	608
21. Tự đi dạy ni	612
22. Giáo giới ni cho đến trời tối.....	613
23. Không bạch tỳ-kheo khác tại chùa ni	617
24. Phỉ báng vị giáo thọ ni.....	621
25. Ngồi với ni ở chỗ khuất.....	623
26. Hẹn đi chung đường với ni	625
27. Hẹn đi chung thuyền với ni	629
28. Đem y cho ni không phải bà con.....	631
29. May y cho ni không phải bà con	633
30. Ăn thức ăn do ni ca ngợi	634
Quyển 16: 31. Ăn quá giới hạn được cúng dường.....	642
32. Ăn nhiều lần trong ngày.....	645
33. Ăn rồi, ăn lại.....	657
34. Khuyên người ăn rồi ăn nữa.....	668
35. Ăn thức ăn không được mời	671
Quyển 17: 36. Ăn phi thời	683
37. Để dành thức ăn mà ăn.....	683
38. Nhận thức ăn quá mức đã cho	689
39. Đòi thức ăn ngon.....	694
40. Không bệnh mà nhóm lửa	700

41. Ngủ quá thời hạn cho phép.....	714
42. Gởi dục rồi phủ nhận	719
43. Làm cho người khác nhin đói.....	721
44. Xuyên tạc giáo pháp, không nghe lời khuyên	723
Quyển 18: 45. Bao che người có lỗi	729
47. Mặc y không hoại sắc.....	735
48. Cất giữ bảo vật.....	740
49. Tắm quá giới hạn cho phép	749
50. Uống nước có sinh trùng	754
51. Cho tu sĩ ngoại đạo đồ ăn.....	758
52. Ngồi nơi phòng ngủ nhà thí chủ.....	761
53. Ngồi chỗ khuất nhà thí chủ.....	761
54. Đi xem quân trận	763
55. Ở trong quân trại quá hạn	765
56. Xem quân đội diễn tập.....	769
57. Đánh tỳ-kheo khác.....	771
58. Dọa đánh tỳ-kheo khác	773
Quyển 19: 59. Che giấu tội tỳ-kheo khác.....	777
60. Sát hại sinh vật.....	780
61. Gây phiền toái tỳ-kheo khác	786
62. Cho y rồi, lấy lại mặc	789
63. Giấu vật dụng của người khác.....	791
64. Hù nhát tỳ-kheo khác	794
65. Đùa giỡn trong nước.....	797
66. Chỉ chỗ lẫn nhau	800
67. Hẹn đi chung đường với người nữ	803
68. Ngủ chung một nhà với người nữ.....	806
69. Ngồi với phụ nữ	810
70. Cho người chưa đủ tuổi thọ giới.....	812
71. Hẹn đi chung với bọn cướp	817
72. Đào xới đất đai	822

Quyển 20:	73. Nhận cúng dường quá giới hạn.....	829
	74. Chống cự lại sự khuyên học.....	833
	75. Uống các thứ rượu	836
	76. Khinh thường người khác	840
	77. Nghe lén sự tranh cãi	844
	78. Lẳng lặng bỏ cuộc họp mà đi	846
	79. Vào làng mà không báo người khác.....	849
	80. Đi phi thời, không báo người khác.....	852
	81. Vào vương cung quá sớm	856
	82. Dùng xương, sừng làm ống đựng kim	860
	83. Làm chân giường cao quá cỡ	862
	84. Dồn bông làm nệm.....	866
	85. Làm tọa cụ quá quy định	868
	86. May y che ghẻ quá kích thước	872
	87. May áo tắm mưa quá kích thước	874
	88. May y quá cỡ y phật	876

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 11

NI-TÁT-KỲ (tiếp theo)

24. CHO Y RỒI LẤY LẠI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, trưởng lão Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà, vào mùa Đông thời tiết khá lạnh, bèn mặc áo dày, trải chăn nệm ấm, trên đầu chít khăn (318c) Phú-la, ở trước đốt một lò lửa. Bấy giờ, có ngoại đạo da đen, mắt xanh, lạnh run lấy bầy đi đến, đứng trước hai thầy. Ngoại đạo thấy thế lòng sinh vui vẻ, liền nói với Tỳ-kheo: “Các vị xuất gia được sướng như vậy nhỉ!” Thế rồi, tâm họ sinh hoan hỉ đối với Phật pháp, liền nói: “Chúng tôi cũng mang danh là xuất gia, nhưng Phất Lan Ca-diếp dạy chúng tôi sống lửa thể, nhổ tóc, leo lên núi, nhảy xuống khe, để cho năm sức nóng thiêu thân mà đi khát thực, chịu đau khổ oan uổng mà chẳng vui sướng gì.”

Các Tỳ-kheo liền bảo: “Các ông có thích giáo pháp này thì đến đây xin xuất gia, rồi sẽ sống an lạc như chúng tôi thôi.”

Ngoại đạo nói: “Tôi không có y Tăng-già-lê của sa-môn.”

Tỳ-kheo nói: “Ông cứ đến, tôi sẽ cho ông.”

Thế rồi, ngoại đạo liền đến, các Tỳ-kheo bèn cho họ xuất gia, thọ giới cụ túc, rồi bảo: “Nay Ta đã độ ông xuất gia, thọ giới cụ túc, ông phải làm những việc cần thiết như sau: Sáng sớm Ta ngủ dậy, phải hỏi rằng: “Ngủ có an ổn không?”, mang ống nhổ và đồ tiểu

tiện đi đổ, rồi đem rửa sạch để lại chỗ cũ, trao nước rửa mặt, tắm rửa răng, mang bát đi lấy cháo. Khi Ta điểm tâm xong, ông phải rửa bát, lau khô rồi để lại chỗ cũ. Nếu có chỗ nào mời thọ trai thì phải đến đó nhận lấy thức ăn. Khi Ta muốn vào xóm làng, phải đem y thường mặc vào xóm làng trao cho Ta, rồi lấy y Ta vừa thay xếp lại ngay ngắn cất vào chỗ cũ. Khi Ta từ xóm làng trở về, người phải trải ghế nhỏ cho Ta ngồi, trao Ta nước và lá cây. Khi Ta ăn, phải cầm quạt quạt. Ta ăn xong, phải rửa bát, lau khô, đem cất lại chỗ cũ, rồi cởi y Ta mặc vào xóm làng xếp lại đem cất, trao cho Ta y thường mặc. Khi người ăn xong, phải đi lấy củi rác, giặt y, đem nhuộm, quét trong phòng sạch sẽ, rồi lau sàn nhà. Khi Ta muốn vào rừng ngồi thiền, người phải mang tọa cụ đi theo, khi Ta trở về, thì theo về, rồi trao cho Ta nước rửa tay. Khi trao cho Ta hương hoa cúng dường xong, người phải trải giường, đưa nước rửa chân cho Ta, rồi lấy dầu xoa bóp, trải ra, bỏ mùng, đưa ống nhỏ, đồ tiểu tiện, đốt đèn v.v., cung cấp các thứ như vậy cho Ta xong xuôi, sau đó mới tự lo phần mình.”

Khi ấy tân Tỳ-kheo (ngoại đạo) bèn đáp với Thầy rằng: “Những điều đó không phải là phép tắc xuất gia, mà là làm đầy tớ.”

Thầy nói: “Nếu người không thể làm được thì phải trả y Tăng-già-lê lại cho Ta.”

Người ấy bèn cởi y để dưới đất rồi ra đi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn-giả Nan-đà là anh của Ưu-ba-nan-đà, Ưu-ba-nan-đà bèn nói với người đệ tử tùy tùng của anh mình như sau: “Ta cùng với người vào xóm làng, Ta sẽ cho người phẩm vật. Nếu Ta có làm điều gì trái oai nghi, (319a) người chớ nói với người khác, vì Ta là chủ của người.”

Người đệ tử nói: “Nếu tôi thấy cha tôi làm điều phi pháp, tôi cũng sẽ nói với người khác, huống gì là chủ.”

Ưu-ba-nan-đà lại nói: “Nếu người như thế, Ta sẽ cho người biết tay”, bèn dẫn y đến nhà hào quý. Nhà đàn việt này bèn mời họ ở lại dùng cơm.

Vì không muốn cho y ăn nên Ưu-ba-nan-đà làm ra vẻ suy nghĩ đợi cho mặt trời gần trưa để cho y không thể khát thực, mà trở về trú xứ cũng quá bữa, bèn nói với y: “Người hãy trở về Tinh xá.”

Người này liền trở về, vì sợ trễ bữa, nên vội vàng vừa nhìn mặt trời vừa đi, nhưng vừa tới Tinh xá, thì thấy các Tỳ-kheo đã ăn xong, đang đi kinh hành trước cửa.

Các Tỳ-kheo từ xa trông thấy Thầy đi vội vàng, nghi ắt có điều gì bất thường, liền hỏi: “Hôm nay, người cùng với Tỳ-kheo có nhiều người quen biết đi giáo hóa các nơi, được những thức ăn gì ngon mà mặt mày hớn hở như thế?”

Đáp: “Hôm nay tôi bị mất bữa ăn, chứ làm gì được thức ngon!”

Ưu-ba-nan-đà bảo y trở về rồi, sau đó ăn uống các thứ, ăn xong, sợ sự tình tiết lộ, bèn nhanh chân trở về, thì thấy các Tỳ-kheo đang tụ tập đông đảo bàn luận, liền suy nghĩ: “Mọi người tụ họp bàn luận, ắt Tỳ-kheo kia đã nói với các vị phạm hạnh về hành vi xấu ác của Ta”, liền nói với Nan-đà: “Trưởng lão, đệ tử của Ngài đã hướng đến các vị phạm hạnh nói về những việc xấu của tôi.”

Nan-đà bèn giận dữ, nói với đệ tử: “Hôm nay, vì sao người lại nói về lỗi của em Ta? Người hãy trả y Tăng-già-lê lại cho Ta.”

Các Tỳ-kheo nghe thế, cùng nhau bảo: “Thầy Tỳ-kheo này hôm nay gặp hai việc khổ não: Một là mất ăn. Hai là mất y.”

Phật nghe được việc ấy, biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: “Đó là Tỳ-kheo nào mà cao giọng lớn tiếng như thế?”

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Đó là Nan-đà đoạt lại y của đệ tử tùy tùng, cho nên mới lớn tiếng.”

Phật bảo gọi Nan-đà đến. Khi Thầy tới rồi, Phật bèn hỏi kỹ Nan-đà: “Có thật ông vì muốn được cung cấp cho mình mà độ người, cho y, khiến cho đệ tử giận không chịu làm thân phận tôi đòi, rồi ông đoạt lại y của đệ tử tùy tùng phải không?”

Thầy đáp: “Có thật như vậy.”

Khi ấy, Phật nói với Nan-đà: “Vì sao ông độ người xuất gia, không dạy pháp luật, mà chỉ sai họ chấp tác, cung cấp cho bản thân mình?”

Phật khiển trách đủ điều, xong rồi liền nói với các Tỳ-kheo: “Từ nay trở đi không được rấp tâm vì muốn cung cấp cho chính mình mà độ người xuất gia, ai độ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Trái lại, nên nghĩ thế này: “Mong cho kẻ kia nhờ Ta hóa độ, tu các thiện pháp, thành tựu đạo quả.”

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười việc lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo khác, rồi sau đó nổi giận không vui, hoặc tự đoạt, hoặc sai người (319b) đoạt lại, nói như sau: “Tỳ-kheo, trả y lại cho Ta, Ta không cho người nữa”, khi được y thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

(Một số từ đã được giải thích)

Đoạt: Hoặc tự đoạt, hoặc sai người đoạt, nói như sau: “Trả y lại cho Ta, Ta không cho người nữa.” Khi lấy lại được, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tóm lại, có các trường hợp: Hoặc tự mình cho, rồi sai người đoạt lại; hoặc sai người cho, rồi tự mình đoạt lại; hoặc tự mình cho, rồi tự mình đoạt; hoặc sai người cho, sai người đoạt; hoặc cùng cho, đoạt riêng, hoặc cho riêng, cùng đoạt; hoặc cùng cho cùng đoạt; hoặc cho riêng, đoạt riêng.

Cùng cho, đoạt riêng: Tỳ-kheo một lần cho 3 y, về sau đoạt riêng từng cái, nói: “Trả cho Ta Tăng-già-lê, trả cho Ta Uất-đa-la-tăng, trả cho Ta An-đà-hội.” Đoạt như vậy thì phạm nhiều tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là cùng cho, đoạt riêng.

Cho riêng, đoạt chung: Tỳ-kheo cho y Tăng-già-lê, cho Uất-đa-la-tăng, cho An-đà-hội không cùng một lần, nhưng đòi lại một lần, nói: “Người trả các y lại cho Ta.” Đoạt như vậy thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là cho riêng, đoạt chung.

Cùng cho, cùng đoạt: Tỳ-kheo một lần cho các y, sau đó nói: “Trả hết các y lại cho Ta.” Đoạt như vậy, phạm một tội Ba-dạ-đề.

Cho riêng, đoạt riêng: Tỳ-kheo cho Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội không phải cùng lúc, rồi sau đó đòi lại dần dần, nói: “Trả cho Ta Tăng-già-lê, trả cho Ta Uất-đa-la-tăng, trả cho Ta An-đà-hội.” Nói như vậy mà được, thì phạm nhiều tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo khi cho y Tỳ-kheo khác, nói: “Người ở gần bên Ta, Ta sẽ cho người y, nếu không ở, Ta sẽ lấy lại”, thì khi lấy lại không có tội.

Nếu Tỳ-kheo khi cho y Tỳ-kheo khác, nói: “Người ở đây, Ta sẽ cho, nếu không ở, Ta lấy lại”, thì khi lấy lại không có tội.

Nếu Tỳ-kheo khi cho y Tỳ-kheo khác, nói: “Người làm vui lòng Ta thì Ta cho.” Sau đó, không làm vui lòng, bèn lấy lại, thì không có tội.

Vì người xem Kinh mà cho, sau đó, họ không xem, bèn lấy lại, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo bán y chưa lấy tiền, hoặc lấy chưa đủ, nên lấy lại y thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cho y cho đệ tử tùy tùng, đệ tử y chỉ mà không thể dạy dỗ được, vì muốn chiết phục mà đoạt lại y, sau khi chiết phục được, bèn trả lại, thì không có tội.

Nếu đoạt y của Tỳ-kheo, phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề; đoạt y Tỳ-kheo-ni, phạm tội Thâu-lan-giá; đoạt y Thúc-xoa-ma-ni, sa-di, sa-di-ni, phạm tội Việt-tỳ-ni; đoạt y người thế tục, phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 24 của Ni-tát-kỳ)

*

25. SẮM ÁO MƯA TRƯỚC THỜI HẠN

(319c) Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, dân chúng bốn phương cách 12 do tuần, bố thí cho chúng Tăng áo mưa, như nhân duyên Tỳ-xá-khư lộc mẫu đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật trụ tại nước Kiêu-tát-la, có một Tỳ-kheo lắm cảm, khi du hành, mặc áo mưa bên trong, mặc y An-đà-hội bên ngoài, cầm cây chổi cán dài quét đất, Phật thấy thế, nói với các Tỳ-kheo:

Các ông có thấy Tỳ-kheo lắm cảm kia chẳng? Vì sao mà mặc y một cách ngược ngạo như thế!

Tỳ-kheo lắm cảm ấy trông thấy Phật, bèn đi đến, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: “Này Tỳ-kheo, bên trong ông mặc áo gì?”

Thầy đáp: “Áo mưa.”

Bên ngoài mặc áo gì?

An-đà-hội.

Này Tỳ-kheo, vì sao cái đáng lý mặc ở ngoài, ông lại mặc ở trong, cái đáng mặc ở trong, lại mặc ở ngoài? Nay vì sao lúc nào ông cũng mặc áo mưa?

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Các ông hãy đợi Như Lai du hành nước Kiền-tát-la trở về thành xá-vệ, rồi nhắc lại Ta, Ta sẽ chế định cách thức mặc áo mưa cho các Tỳ-kheo.”

Sau khi Phật du hành nước Kiền-tát-la trở về, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Khi Thế Tôn du hành nước Kiền-tát-la có nói rằng: – Sau khi Như Lai du hành nước Kiền-tát-la trở về Xá-vệ, các ông hãy nhắc lại Ta, Ta sẽ chế định việc mặc áo mưa cho các Tỳ-kheo. Nay thật đúng lúc, xin Thế Tôn chế định việc mặc áo mưa.”

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Trong vòng một tháng cuối mùa Xuân, các Tỳ-kheo nên tìm vải may áo mưa, rồi may trong vòng nửa tháng mà dùng. Nếu chưa đến tháng cuối mùa xuân mà Tỳ-kheo đi tìm vải may áo mưa, rồi may trong vòng nửa tháng sử dụng, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Một tháng cuối xuân: Túc 15 ngày cuối của tháng 3 và 15 ngày đầu của tháng tư. Đó gọi là một tháng cuối mùa xuân.

Áo mưa: Như Thế Tôn đã cho phép.

Y: Có mười loại, như trên đã nói.

Tìm: Cầu xin, hoặc khuyên người ta cho. Lúc tìm, không nên đến các nhà nghèo xin chỗ này một thước, chỗ kia hai thước, mà nên đến xin những nhà khá giả, hoặc một người cho, hoặc nhiều người cùng cho. Đó gọi là tìm.

Nửa tháng cuối: Từ 16 tháng 3 trở đi nên giặt, nhuộm, vá y, cho đến ngày mồng một tháng tư thì sử dụng. Nếu Tỳ-kheo chưa đến ngày 16 tháng 3 mà đi tìm, may thành, sử dụng, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo nào có năm đức tính thành tựu thì Tăng nên làm yết-ma cử vị ấy chia áo mưa. (320a) Năm đức tính đó là: (1) Không thiên vị; (2) Không giận dữ; (3) Không sợ hãi; (4) Không mê muội; và (5) biết ai đã chia rồi, ai chưa chia.

Đó gọi là năm đức tính. Người làm yết-ma nên nói như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm pháp, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cử Tỳ-kheo mỗ giáp làm người chia áo mưa. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm pháp, nay Tăng cử Tỳ-kheo mỗ giáp làm người chia áo mưa, Đại đức nào bằng lòng Tỳ-kheo mỗ giáp làm người chia áo mưa, thì xin im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo mỗ giáp làm người chia áo mưa xong, vì Tăng đã im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành.”

Khi làm yết-ma xong, nên xướng lên giữa chúng rằng:

Đại đức Tăng lắng nghe! Có các loại vải lớn, nhỏ, bằng 4 ngón tay, 8 ngón tay, không bằng nhau, không thể tính, tôi sẽ chia.

Nếu không xướng lên như thế thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Người này làm yết-ma xong, phải đi tìm cho Tăng. Khi đi tìm, không nên đến những gia đình nghèo, xin chừng một thước, hai thước, mà nên đến những nhà khá giả, hoặc một người cho, hoặc

nhiều người hợp lại cho, tối thiểu được một áo mưa. Đó gọi là đi tìm.

Nếu từ 16 tháng 3 trở đi có người mang vải đến cúng thì nên chia. Khi chia nên hỏi Thượng-tọa: “Thượng tọa muốn lấy hôm nay hay đợi sau này lấy?” Nếu đó là loại tốt. Nếu Thượng-tọa nói: “Lấy hôm nay” thì liền trao cho. Nếu nói: “Sau này sẽ lấy”, thì đợi về sau sẽ đưa. Nếu có Tỳ-kheo khách tới, nên hỏi: “Thầy định an cư mùa hạ tại đâu?” Nếu nói: “An cư tại đây” thì nên đưa cho. Nếu nói: “Tôi muốn an cư chỗ khác, nhưng muốn nhận áo mưa ở đây” thì cũng nên đưa, nhưng dặn: “Thầy không nên nhận áo mưa ở chỗ khác nữa.” Nếu nói: “Tôi không lấy ở đây, đợi khi an cư chỗ nào, tôi sẽ lấy ở đó” thì cứ tùy ý.

Nếu được nhiều áo mưa thì mỗi Tỳ-kheo nên cho một trong hai sa-di một cái. Nếu ít, cho không đủ, thì khi an cư xong, chia y nên chia đều áo mưa, áo này không được dùng mặc thường như ba y, cũng không được tác tịnh thí, không được mặc áo mưa xuống tắm dưới sông, dưới ao, không được mặc khi mưa lâm râm. Khi tắm không được khỏa thân mà nên mặc đồ lót. Nếu dư y cũ thì không được thường mặc áo mưa làm các công việc, mà phải đợi khi mưa lớn, mặc tắm. Khi mặc tắm bỗng dừng trời ngừng mưa, mà còn bắn, thì được mặc tìm chỗ nước khác tắm, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo khi ăn, hoặc khi có bệnh muốn dùng dầu thoa mình mà gặp chỗ nhiều người qua lại, thì có thể hai người chụm đầu lại che khuất để thoa.

Cái y tắm mưa này được dùng tắm vào khoảng nửa tháng 4 cho đến 15 tháng 8 (320b) thì nên xả. Khi làm phép xả, một Tỳ-kheo xướng giữa chúng Tăng như sau:

“Đại đức Tăng lắng nghe! Hôm nay Tăng xả áo tắm mưa.”

Nói như thế ba lần. Nếu để đến ngày 16 mới xả thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi xả rồi, được dùng nó để may 3 y, được tác tịnh với Tỳ-

kheo quen biết, cũng được mặc vào trong các chỗ có nước khác tắm, đều không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 25 của Ni-tát-kỳ)

*

26. XIN CHỈ SỢI VỀ DỆT VẢI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ nói rộng như trên. Bấy giờ Tôn-giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà cầm bắp chỉ sợi đi đến nhà Cư sĩ, nói với Ưu-bà-di: “Bồ thí vải sợi cho tôi.”

Những bà vợ của các Cư sĩ suy nghĩ: “Thầy Tỳ-kheo này muốn mua vải sợi”, nên mỗi người đều mang vải sợi đến.

Tỳ-kheo thấy vậy, bèn lấy so sánh với cuộn vải sợi của mình rồi nói: “Chính tôi muốn tìm loại vải sợi này đây, bây giờ đem so sánh thì giống y hệt.” Nếu thấy cái nào đẹp, thì lại nói: “Tôi muốn tìm loại này, nhưng so sánh thì ở đây đẹp hơn.” Nếu thấy loại thô, thì liền nói: “Chỉ sợi này tuy thô, nhưng có thể làm thành đẹp.” Thế nhưng, những người gánh gồng vải sợi đến đều chẳng được tích sự gì.

Lúc bấy giờ, cách Tinh xá Kỳ-hoàn không xa có một xóm nghèo, nơi đây có lập ra một cửa hàng dệt, các Tôn-giả kia định độ thợ dệt này xuất gia, để sai dệt y (cho mình). Tôn-giả A-nan khi đến giờ khát thực, bèn khoác y, cầm bát vào xóm làng tuần tự khát thực, đến trước cửa nhà ấy, trông thấy Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà cùng cầm cuộn chỉ sợi căng ra. Thấy thế, rồi cùng nhau chào hỏi. Đoạn A-nan hỏi hai vị kia: “Các trưởng lão đang làm gì đấy?”

Họ đáp: “Chúng tôi định dệt vải”.

Thế rồi, họ suy nghĩ: “Hôm nay Ta được thấy thị giả A-nan (tức A-nan là thị giả của Phật), thế nào Thầy ấy cũng sẽ nói với Thế

Tôn tạo ra phương tiện (có giải pháp linh động).” Nghĩ thế rồi, ông bèn cầm cuộn chỉ cúng dường tôn-giả A-nan, nói: “Nên cầm cái này về để vá y.” Nhưng A-nan không lấy.

Sau khi khát thực trở về, ăn xong, A-nan bèn đem sự kiện trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi Ưu-ba-nan-đà về vấn đề trên, cho đến: “A-nan không nhận chỉ sợi của ông có thật thế chẳng?”

Thầy đáp: “Có thật như vậy.”

Phật khiển trách: “Đó là việc xấu. Ông không từng nghe Ta dùng vô số phương tiện khen ngợi thiếu dục, chê trách đa dục hay sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.”

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo tự đi xin chỉ sợi rồi sai thợ dệt dệt vải, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tự xin: Khuyến hóa xin, hoặc được một cuộn, hai cuộn chỉ sợi.

Vải sợi: Có 7 loại (320c) vải sợi.

Thợ dệt: Như thợ dệt Kim-tì-đề-trú-cu-lợi.

Nếu dệt thành vải thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo tự đi xin vải sợi thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sáu hối. Nếu nhận được (vải sợi) thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi dệt thành vải thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Theo phong tục của nước Ca-thi, cứ sau khi an cư xong, đàn việt cúng chỉ sợi và tiền dệt cho các Tỳ-kheo. Tỳ-kheo nào muốn dệt thành vải thì đem đến bảo thợ dệt như sau: “Tôi đưa ông cuộn chỉ này, ông dệt thành vải cho tôi.” Nếu như thợ dệt nói: “Tôi không hiểu ý Thầy”, thì nên hỏi: “Nhà ông làm nghề gì?” Đáp: “Dệt vải.” Lại nói: “Ông hãy dệt cái này thành vải cho tôi.” Nếu thợ dệt cũng không hiểu lời nói ấy, thì nên đem cuộn chỉ ấy giao cho tịnh nhân nhờ họ thuê dệt giúp, nhất thiết không được dùng những lời nói thuê mượn. Nếu có Tỳ-kheo biết dệt đai buộc lưng, Ta muốn nhờ Thầy ấy dệt thì nên cầm chỉ đến đưa và nói: “Trưởng lão, hãy làm giùm thành đai lưng cho tôi.” Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 26 của Ni-tát-kỳ)



27. QUYẾT TIỀN CÔNG CỦA THỢ DỆT

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ-hoàn trong thành xá-vê, bấy giờ Tỳ-xá-khư lộc mẫu cứ mỗi ngày mời chúng Tăng về nhà thợ trai. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tới phiên mình đến nhà ấy thợ trai, trông thấy Tỳ-xá-khư lộc mẫu cầm cuộn chỉ đưa thợ dệt, nói: “Ông dệt thành vải giúp tôi. Tôi muốn cúng dường Tôn-giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà. Những vị này khó tính, ông gắng dệt cho thật đẹp.”

Tỳ-kheo ấy thợ trai xong, trở về Tinh xá, nói với Nan-đà: “Trưởng lão, tôi muốn báo cho Thầy một tin vui.”

Có việc gì vui thế?

Tôi nghe Tỳ-xá-khư lộc mẫu định cúng dường y cho Thầy.

Y đó không phải cúng dường cho tôi. Vì sao? Vì Ưu-bà-di này sắp cúng dường cho các bậc hiền thánh.

Không phải vậy, chính mắt tôi trông thấy Tỳ-xá-khư lộc mẫu cầm cuộn chỉ sợi đưa thợ dệt, nói: “Tôi đưa ông cuộn chỉ sợi này, ông hãy dệt thành vải cho đẹp giúp tôi. Tôi muốn cúng dường cho Nan-đà, vì Thầy ấy khó tính.”

Thầy có biết nhà thợ dệt ở đâu không?

Tôi Biết.

Nhà ấy ở vùng nào? Tại hẻm nào? Cửa hướng về phương nào? Chỉ cho tôi rõ các tiêu tướng (dấu hiệu).

Khi đã hỏi kỹ, biết rõ chỗ rồi, sáng hôm sau Nan-đà khoác y, đi đến nhà ấy, trông thấy thợ dệt đang căng đường kinh (đường chỉ dọc) để dệt liền hỏi:

Lão trượng, căng đường kinh dệt vải cho ai vậy?

Tôi sắp dệt vải cho Lộc mẫu Tỳ-xá-khư.

Ông có biết Tỳ-xá-khư thuê dệt cho ai không?

Tôi biết. Bà thuê dệt cho Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà.

Ông biết Nan-đà không?

Tôi không biết.

Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà chính là chúng tôi đây. Ông hãy dệt cho đẹp, dài, rộng, mịn, dày.

(321a) Số lượng sợi có giới hạn nhất định, tôi có thể dệt không có đường vĩ (đường chỉ ngang) được sao?

Ông cứ theo lời tôi dệt cho đẹp, nhà ấy giàu có, sẽ tự đưa thêm vải sợi cho ông.

Nhà ấy đưa thêm cho tôi vải sợi, thế còn tiền dệt thì ai đưa cho tôi?

Ông cứ dệt cho đẹp, còn tiền dệt tôi sẽ đưa cho ông.

Nếu Tôn-giả trả tiền dệt cho tôi, bà ấy đưa thêm vải sợi, thì tôi sẽ dệt như lời dặn.

Thế rồi, thợ dệt cứ theo lời dặn, dệt thật đẹp, khi sợi hết thì đến đòi, làm như vậy đến ba lần. Tỳ-xá-khư lộc mẫu suy nghĩ: “Người này chỉ đến đòi vải sợi, không đòi tiền dệt, vì sao Ta không đưa cho đủ vải sợi? ”

Khi dệt xong tấm vải rộng, dài, dày, đẹp, ông bèn đem đến đưa Lộc mẫu. Lộc mẫu nhận rồi, thầm nhủ: Tấm vải này rất đẹp, không nên cúng cho Thầy ấy (Nan-đà), vì đây là vật cúng dường có giá trị. Thế nhưng, trước đã hứa cúng cho Thầy rồi. Nghĩ vậy, bà bèn đưa cho Nan-đà.

Khi tấm vải chưa thành, ngày nào Nan-đà cũng đến nhà thợ dệt, nhưng lúc được vải rồi thì Thầy rời xa nhà ấy, đi vào con hẻm khác, ví như con quạ già lánh xa chỗ có tên bắn. Thợ dệt do nhiều công việc, không thể đến đòi tiền dệt. Về sau, nhân có đại hội thợ dệt, ông bèn đến thành xá-vệ. Lúc ấy thợ dệt suy nghĩ: “Mọi người chưa tập hợp, giờ đây Ta hãy đến Tinh xá Kỳ-hoàn đòi tiền dệt.” Nghĩ thế, ông bèn đến đó, hỏi các Tỳ-kheo: “Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà ở tại chỗ nào?”

Các Tỳ-kheo nói: “Trong phòng này đây.”

Ông liền vào phòng, thấy Nan-đà rồi, bèn đánh lễ vấn an, giả vờ không biết, như chưa từng gặp nhau, bèn hỏi: “Tôn-giả nhận được vải chưa? ”

Nan-đà hỏi ngược lại: “Vải nào?”

Tôi dệt cho Lộc mẫu đấy.

Được rồi.

Tấm vải có vừa ý Tôn-giả không?

Cũng tạm được.

Thưa Thầy, Thầy hãy trả tiền dệt cho tôi.

Trả tiền dệt gì?

(cho đến) Ưu-bà-di đưa đủ vải sợi, và Thầy hứa trả tiền dệt cho tôi.

Nan-đà bèn nổi giận nói: “Người có biết Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà không? Ta muốn móc lấy tròng mắt của người. Bồng dưng hư không mà bốc khói. Người hy vọng nhận được tiền dệt của Ta chẳng khác gì muốn lột lấy 2 miếng vải che của ngoại đạo lửa thể, hoặc mong lóc lấy 500 cân thịt từ chân của con quạ già đã chết, hoặc đem bỏ một nắm cám dưới đáy sông Hằng rồi mong nhặt lại được tất cả.” Đoạn, bảo đệ tử: “Người lấy Tăng-già-lê đưa Ta, Ta sẽ mặc đi tới nhà vua gọi lính đến bắt trói tên này nạp cho quan.”

(321b) Thợ dệt suy nghĩ: “Kẻ sa-môn này có thể lực lớn, lại hay ra vào cung vua, y có thể gây ra sự bất lợi lớn cho Ta. Ta lấy số tiền dệt kia để làm gì! Miễn giữ được mạng sống là tốt.” Nghĩ thế rồi, ông ta bỏ đi, ra khỏi cửa bèn chạy một mạch đến giữa hội chúng các thợ dệt. Mọi người liền trách y: “Bọn chúng tôi ai cũng bỏ cả việc nhà, đến đây để cùng lo liệu việc quan. Nay người vì sao lại bỏ mọi người, đi đâu?”

Anh ta liền đáp: “Các vị hãy nghe tôi đã: Lộc mẫu đưa sợi cho tôi dệt, khi vải dệt chưa xong, ngày nào Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà cũng ghé đến. Nhưng khi nhận được vải rồi thì cũng giống như con quạ già lánh xa chỗ bị tên bắn... chung cục, tôi suy nghĩ: “Miễn giữ được mạng sống”, (nói rộng việc trên) cho nên tôi mới đến trễ như vậy.”

Mọi người liền nổi giận, nói: “Tên Tỳ-kheo này khinh thường chúng ta quá lắm, đã không trả tiền may mà trái lại còn muốn dựa thế lực của Vua định bắt trói người. Ngày nay, chúng ta hãy lập ra giao ước. Sau này không ai dệt vải cho sa-môn nữa.” Có người nói: “Chúng ta nên giao ước với nhau ở chỗ kín, đừng cho ai biết. Tôi biết kích thước y của sa-môn, dài 5 khuỷu tay, rộng 3 khuỷu tay, hoặc dài 5 khuỷu tay, rộng 2 khuỷu tay. Nếu gặp kích thước y

chùng ấy thì chúng ta không nên dệt. Vì sa-môn này có thể lực, y có thể nhờ nhà vua dùng quyền lực sai khiến người ta, thậm chí có thể gây nên sự bất lợi cho người, vậy chớ cho ai biết.”

Đến ngày Tự-tứ, đàn việt gánh bắp chỉ đến nhà thợ dệt thuê thợ dệt dệt vải, thợ dệt hỏi: “Ông định dệt áo kích thước cỡ nào?”

Chủ nhân đáp: “Chiều dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay, hoặc dài năm khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay.”

Thợ dệt suy nghĩ: “Đó là kích thước y của sa-môn”, liền đáp: “Tôi đã dệt cho người ta, không thể dệt thêm được.” Thế rồi, người ấy đi hỏi khắp nơi, đều không ai chịu dệt.

Bấy giờ, các nhà hào phú bèn đem vải đã dệt rồi cúng dường cho chúng Tăng. Còn các nhà nghèo vì không có vải dệt sẵn nên không lấy gì cúng dường cho Tăng. Khi ấy, chư Tăng nhận vải cúng dường ít, Phật biết mà vẫn hỏi A-nan: “Vì sao chúng Tăng nhận ít vải cúng dường như vậy?”

A-nan liền đem sự việc trên, cho đến thợ dệt sinh tâm không hoan hỉ, cùng giao ước với nhau, bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi: “Các ông có việc đó thật chăng?”

Họ đáp: “Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.”

Phật khiển trách: “Đó là việc xấu. Các ông không từng nghe Ta khen ngợi thiếu dục, chê trách đa dục hay sao?”

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

(321c) Nếu cư sĩ hay vợ cư sĩ bảo thợ dệt dệt vải cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo này không được yêu cầu trước mà tự động đến thợ dệt khuyên: Ông có biết không, vải ấy là dệt cho tôi đấy. Ông phải dệt cho đẹp, dài và rộng, rồi tôi sẽ trả tiền cho ông, thì dù

số tiền chỉ đáng giá một bữa ăn, Tỳ-kheo này đã giao ước trả tiền như vậy, khi nhận được vải, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Cư sĩ: Người chủ nhà.

Người vợ: Người vợ của chủ nhà.

Tỳ-kheo: Hoặc Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người.

Thợ dệt: Như trên đã nói.

Y: Có mười loại, như trên đã nói.

Không được yêu cầu trước: Vốn không yêu cầu mà tưởng có yêu cầu, hoặc yêu cầu người khác mà tưởng yêu cầu mình, hoặc yêu cầu về việc khác mà tưởng yêu cầu về việc dệt vải.

Tự động đến: Tức đi tới ruộng hoặc tới nhà họ.

Khuyến: Bảo họ dệt dày, mịn, hoặc dài, rộng.

Tiền: Các loại tiền tệ.

Giá tiền: Những vật khác (được trị giá thành tiền)

Thức ăn: Như gạo lứt, gạo nếp, cá, thịt.

Trị giá: Như tiền, vật v.v., nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nói với thợ dệt: “Ông dệt cho tôi thật đẹp, thật chắc, thật dày...” Khi nói như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi thợ dệt bắt tay vào dệt chừng vài nhíp thì phạm Ba-dạ-đề. Khi họ dệt xong, nhận được vải, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo thuyết pháp cho thợ dệt nghe, rồi thợ dệt dùng tay đứng lắng nghe, Tỳ-kheo nói: “Chỉ nên nghe bằng tai, không nên

nghe bằng tay, tay vẫn cứ làm.” Khi nói như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo nghe ai đó định dệt vải cho mình, rồi đến đó khuyên thợ dệt mà không hứa trả giá, thì khi được vải phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nghe rồi đến khuyên và hứa trả giá, thì khi nhận được vải, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu không nghe mà đến khuyên rồi tự động đưa (tiền), thì khi được vải, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không nghe, không đến khuyên, cũng không đưa tiền dệt, thì khi được vải không có tội.

Nếu có quả phụ cúng dường vải cho chúng Tăng, rồi Tỳ-kheo theo thứ tự nhận được vải ấy giữa chúng Tăng, khi ấy người đàn bà đó nói với Tỳ-kheo: “Nhà tôi không có người. Tôn-giả có thể đến chỗ thợ may nhờ họ may giúp vải này. Nếu Tôn-giả tự đến thợ may lo liệu thì có thể vừa nhanh mà vừa đẹp.”

Khi đó, Tỳ-kheo được quyền đi tới chỗ thợ may, nói như sau: “Lão trượng, ông biết may nhanh, biết may dày....” Nói như thế, thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 27 của Ni-tát-kỳ)

*

28. CÁT Y CÚNG GẤP QUÁ HẠN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo an cư tại một làng nọ. Lúc mới bắt đầu an cư, vào một buổi mai, họ khoác y, cầm giấy bút vào một xóm làng, nói với các Ưu-bà-tắc: “Các ông hãy họp nhau làm việc nghĩa, cúng vải (322a) an cư cho chúng tôi.”

Các Ưu-bà-tắc nói: “Lúc này không phải là lúc xin vải an cư, đợi đến mùa thu lúa chín, khi ấy phần lớn người ta đều hoan hỉ, họ sẽ cúng dường vải.”

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói: “Các ông không biết rằng ở đời có nhiều tai nạn, như nạn vua, nạn nước, lửa, trộm cướp, hoặc cha mẹ các ông ngăn cản không bố thí được, thế là các ông không thành tựu công đức, còn chúng tôi thì thất lợi hay sao?”

Ưu-bà-tắc nói: “Tôn-giả chỉ chỉ cho tôi các tai nạn mà tự mình không thấy các tai nạn, Tôn-giả tính nhận được tiền an cư rồi thì bãi đạo (hoàn tục) hoặc muốn đi nơi khác sao? Sao lại đa dục tham lam, như thế thì nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: “Có thật lúc bắt đầu an cư, các ông đến nhà Ưu-bà-tắc xin vải an cư, khiến cho các Ưu-bà-tắc trách móc chăng?”

Họ đáp: “Có thật như vậy.”

Phật liền khiển trách: “Đó là việc xấu. An cư chưa xong mà đã xin vải trước. Từ nay trở đi, các Tỳ-kheo không được xin vải trước khi an cư xong.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ vị đại thần của vua Ba-tư-nặc là Di-ni-sát-lợi làm phản, Vua sai vị đại thần tên Tiên nhân Đạt-đa tới đó đánh dẹp. Vị đại thần này lúc sắp lên đường, bèn đi đến chỗ tôn-giả A-nan bạch rằng: “Thưa Tôn-giả, vị đại thần của Vua Ba-tư-nặc làm phản, nay nhà vua sai tôi đến đó đánh dẹp, tôi sắp đối đầu với cường địch, thân mạng khó bảo toàn. Hằng năm cứ khi an cư xong, tôi thường cúng dường trai Tăng và dâng y. Nay tôi vì lệnh Vua sai khiến không thể chờ đợi được, nên tôi định dâng y trước, đến khi an ổn trở về, sẽ cúng dường trai phạn sau.”

Tôn-giả A-nan bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật biết mà vẫn hỏi A-nan: “Ông an cư còn mấy ngày nữa?”

Thầy đáp: “Còn mười ngày.”

Phật dạy: “Từ nay Ta cho phép trước Tỳ tứ mươi ngày, các Tỳ-kheo được nhận y dâng cấp thời.”

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi, cũng phải nghe lại:

Nếu còn mười ngày nữa mới mãn 3 tháng hạ mà gặp dịp dâng y cấp thời, Tỳ-kheo nào cần, được phép tự tay nhận lấy, rồi được cất giữ đến lúc thời y (thời gian được phép tìm y), nếu cất quá thời hạn, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.”

*

❖ Giải thích

Mười ngày: Từ mồng 6 tháng 7 đến 15 tháng 7, đó là mười ngày.

Được y dâng cấp thời: Hoặc nam, hoặc nữ, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc tại gia, xuất gia, hoặc quân lính lúc sắp ra trận dâng, (322b) hoặc lúc trở về dâng, hoặc lúc chết dâng, hoặc khi thiếu nữ về nhà chồng dâng, hoặc người đi buôn lúc lên đường dâng, khi ấy thí chủ nói với Tỳ-kheo: “Nếu hôm nay không lấy thì ngày mai sẽ không có.” Đó gọi là y dâng cấp thời.

Y: Gồm có bảy loại như trên đã nói.

Muốn lấy: Nếu cần vật ấy thì lấy cất đến thời của y.

Thời gian của y: Nếu không thọ y Ca-hi-na thì được cất đến 15 tháng 8, nếu có thọ y Ca-hi-na thì được cất đến 15 tháng chạp. Nếu cất quá thời gian ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo nào thành tựu năm đức tính sau đây thì Tăng nên cử làm người chia y: Không thiên vị, không giận dữ, không sợ hãi, không mê muội và biết ai nhận rồi, ai chưa nhận. Đó gọi là năm đức tính.

Người làm yết-ma nên nói như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗi giáp thành tựu năm pháp, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cử Tỳ-kheo mỗi giáp làm người khuyến hóa chia y.” Đây là lời tác bạch.

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗi giáp thành tựu năm pháp, nay Tăng cử Tỳ-kheo mỗi giáp làm người khuyến hóa chia y. Các Đại đức nào bằng lòng Tỳ-kheo mỗi giáp làm người khuyến hóa chia y cho chúng Tăng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo mỗi giáp làm người khuyến hóa chia y xong, vì Tăng đã im lặng. Việc này cứ như thế mà thi hành.”

Người được Tăng cử nên bạch Tăng như sau:

“Các Đại đức, vãi có loại 4 ngón tay, có loại 8 ngón không bằng nhau, nếu cùng thông cảm tôi sẽ chia.”

Nếu không bạch mà chia thì phạm tội Việt-tỳ-ni, phải bạch như trên rồi mới chia. Vị Tỳ-kheo này từ 16 tháng 3 nên bảo các đàn việt cầm giấy bút đi ghi chép các phòng xá, giảng đường, phòng sưởi ấm, nhà thiền, cửa ngõ, nhà bếp, nhà chứa nước, nhà tiêu, nhà chứa củi, phòng tắm, chỗ ngồi dưới gốc cây, chỗ kinh hành, phải ghi tên tất cả, rồi xướng giữa Tăng:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tại trú xứ kia có chường ấy mền gối, có chường ấy y an cư, chường ấy thực phẩm, chường ấy ngày ăn chay, chường ấy vật được chú nguyện. Tại trú xứ nọ có chường ấy chỗ A-luyện-nhã.”

Nếu các Tinh xá ở bên trái, bên phải xa nhau thì nên chia phòng xá vào ngày 12, 13. Nếu tại trú xứ ấy không dung nạp hết thì phải đi đến nơi khác. Nếu trong phạm vi thôn xóm gần đó có Tinh xá thì nên chia vào ngày 14, 15. Khi chia, phải ghi rõ phòng ốc, mền gối này đưa cho Thượng tọa, và phải bạch Tăng: “Trụ xứ kia có chường ấy phòng xá, mền gối, xin Thượng tọa tùy ý nhận.” Khi nhận xong, phải tuần tự giao cho đệ nhị, (322c) đệ tam Thượng

toạ, cho đến Tỳ-kheo không có tuổi hạ. Thượng toạ nên nói rằng: “Phòng xá thì chia theo thứ lớp, còn vật cúng dường thì nên chia bình đẳng.” Bấy giờ, nên tùy Thượng toạ xử trí. Khi Thượng toạ nhận rồi nên tuần tự trao cho đệ nhị, đệ Tam Thượng toạ, cũng như thế, cho đến Tỳ-kheo không có tuổi hạ. Nếu phòng nhiều, nên chia một người hai phòng. Khi giao cho hai phòng mà không chịu nhận thì nên nói: “Đây là vì để trông coi mà chia, chứ không phải chia để ở.” Không được chia cho sa-di hai phòng. Nếu phòng xá ít, thì nên chia hai người một phòng. Nếu chia như vậy mà vẫn không đủ, thì ba người một phòng, hoặc bốn người, năm người, cho đến mười người cùng ở chung một phòng.

Nếu có nhà lớn, hoặc phòng sưởi, hoặc phòng ngồi thiền, hoặc giảng đường thì tất cả cùng ở trong đó. Nếu không đầy đủ, thì đưa cho Thượng toạ giường nằm, cho người trẻ giường ngồi. Nếu cũng không đủ, thì đưa Thượng toạ giường ngồi, người trẻ giường đặt dưới đất. Nếu cũng không đủ, thì đưa Thượng toạ nệm cỏ, người trẻ ngồi không nệm. Nếu cũng không đủ, thì các Thượng toạ nên ngồi, những người trẻ nên đứng. Nếu cũng không đủ, thì Thượng toạ nên đứng, người trẻ nên ra khỏi phòng, tới dưới gốc cây hoặc những nơi khác.

Thầy Tỳ-kheo được Tăng sai, từ ngày 16 tháng 6 trở đi, nên nói với các đàn việt: “Lão trượng, phải lo chuẩn bị y.” Khi ấy, nếu đàn việt đưa y, thì nên bảo: “Hãy để ở nhà ông, đợi đúng lúc rồi đưa.” Nếu quân lính sắp đi chinh chiến cúng dường, hoặc chinh chiến trở về cúng dường, hoặc người trước khi chết cúng dường, hoặc khách buồn lúc ra đi cúng dường, hoặc lúc thiếu nữ lấy chồng cúng dường, nếu như lúc ấy không lấy thì ngày mai không có thì khi ấy nên nhận lấy.

Từ mồng 5 tháng 7 trở đi, nếu có ai đưa y đến thì lấy cất một chỗ, rồi dùng lá cây hoặc vỏ cây ghi chép vào: Chùng ấy thời y, chùng ấy phi thời y, chùng ấy y dăng cấp thời. Loại y đúng thời, thì để

đúng thời chia; loại y phi thời thì chia lúc phi thời; loại y dăng cấp thời thì chia đúng thời.

Nếu người chia y hoặc bãi đạo, hoặc chết không thể chia y được, hoặc thời hạn đã hết thì nên đổi y cho nhau: Y Tỳ-kheo-ni nên đổi cho Tỳ-kheo, y Tỳ-kheo nên đổi cho Tỳ-kheo-ni. Nếu làm như vậy mà không được thì y sa-di nên đổi cho Tỳ-kheo, y Tỳ-kheo nên đổi cho sa-di. Nếu cũng không được thì nên bạch giữa chúng Tăng như vậy: “Bạch chư Đại đức, thời gian của y đã qua, chúng Tăng hòa hợp, dùng các y đó làm ngọa cụ cho Tăng bốn phương.” Nếu bằng lòng thì nên làm ngọa cụ cho Tăng bốn phương. Nếu có người nói: “Tôi an cư mùa hạ tại đây, được phần y này, vì sao lại dùng làm ngọa cụ cho Tăng bốn phương?”, thì nên nói với người ấy rằng: “Đợi sang năm vào thời gian của y, sẽ đưa cho thấy.” Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 28 của Ni-tát-kỳ)



29. RỜI Y QUÁ THỜI HẠN

(323a) Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ vào mùa hạ an cư, các Tỳ-kheo sống tại A-lan-nhã, đến giờ khát thực, bèn khoác y đi vào thôn xóm khát thực. Sau đó, các mục đồng chăn bò, chăn dê, hoặc những người đi lấy củi bèn cầm chìa khóa tới mở cửa phòng các Tỳ-kheo lấy trộm y vật. Khi ấy các Tỳ-kheo vì sợ lấy trộm, nên cầm hết y vật vào xóm làng. Phật biết mà vẫn hỏi: “Đó là những Tỳ-kheo nào mà chuyển vận đồ đạc đến đây vậy?”

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Đó là các Tỳ-kheo an cư tại A-lan-nhã, sau khi đi khát thực, có người cầm chìa khóa đến mở cửa phòng lấy trộm hết các y vật, cho nên mới mang lớn ngổn tới đây.”

Phật nói: “Từ nay về sau, vào những lúc đáng lo ngại, Ta cho phép được đem một trong 3 y gói trong xóm làng.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ-hoàn nơi thành xá-vệ, lúc ấy tại nước Sa Kỳ, ngay trong mùa hạ an cư, có sự tranh cãi xảy ra trong Tăng chúng, Phật bèn sai Ưu-ba-ly đến nước Sa Kỳ như pháp dập tắt sự tranh chấp đang xảy ra giữa chúng Tăng. Nhưng trưởng lão Ưu-ba-ly không đi. Phật hỏi Ưu-ba-ly: “Vì sao ông không đi?”

Bạch Thế Tôn! Y Tăng-già-lê của con nặng nề, nếu gặp mưa nữa thì không thể mang nổi, mà nay đã nửa mùa an cư, nếu để y lại, thì phạm Ni-tát-kỳ.

Ông đi về mất hết mấy ngày?

Bạch Thế Tôn! Đi 2 ngày, ở lại 2 ngày, trở về 2 ngày, tổng cộng mất hết 6 hôm kể cả đi về.

Từ nay về sau các Tỳ-kheo được để y lại trong vòng 6 hôm.

Ưu-ba-ly đến đó rồi, thấy sự đấu tranh khó mà giải quyết nhanh được, bèn trở về, đánh lễ chân Phật, đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi: “Ưu-ba-ly, vì sao ông đi về nhanh vậy? Sự đấu tranh đã dập tắt xong chưa?”

Dạ chưa dập tắt, bạch Thế Tôn.

Vì sao vậy?

Sự tranh chấp khó dập tắt, không thể giải quyết nhanh được, lại sợ quá ngày, mất y (y phạm quy định), phạm Ni-tát-kỳ, cho nên con phải trở về.

Từ nay Ta cho phép được sống cách ly với y trong một tháng, nhưng Tăng phải làm Yết-ma cho phép được sống cách ly với y một tháng mà không vi phạm. Người làm yết-ma nên nói như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Ưu-ba-ly nay đến nước Sa-kỳ vì Tăng dập tắt sự tranh chấp. Nếu thời gian thích hợp đối với

Tăng, nay Tăng cho Ưu-ba-ly đến trước Tăng xin phép yết-ma một tháng không mất y. Các Đại đức nào bằng lòng cho Ưu-ba-ly đến trước Tăng xin phép yết-ma một tháng không mất y thì im lặng. Ai không bằng lòng hãy nói. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà (323b) thi hành.”

Thế rồi, đương sự phải đến trước Tăng xin, nói như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo Ưu-ba-ly muốn đến nước Sa-kỳ vì Tăng dập tắt sự tranh chấp, mong Đại đức Tăng cho tôi pháp yết-ma một tháng không mất y.”

Xin như vậy đến lần thứ hai, thứ ba, rồi người làm yết-ma nên nói:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Ưu-ba-ly muốn đến nước Sa-kỳ vì Tăng dập tắt sự tranh chấp, đã đến trước Tăng xin pháp yết-ma một tháng không mất y. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay cho Ưu-ba-ly pháp yết-ma một tháng không mất y. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Trưởng lão Ưu-ba-ly muốn đến nước Sa-kỳ vì Tăng dập tắt sự tranh chấp, đã đến trước Tăng xin pháp yết-ma một tháng không mất y. Các Đại đức nào bằng lòng cho Ưu-ba-ly pháp yết-ma một tháng không mất y thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần yết-ma thứ nhất, (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng cho Ưu-ba-ly một tháng không mất y xong. Vì Tăng đã im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành.”

Sau đó Phật hỏi các Tỳ-kheo: “Đã cho Ưu-ba-ly pháp yết-ma một tháng không mất y chưa?”

Đáp: “Đã cho.”

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Khi ba tháng hạ chưa xong, các Tỳ-kheo an cư tại A-luyện-nhã, nếu có sự kiện đáng lo sợ, nghi ngờ, thì có thể gọi một trong ba y tại nhà dân. Tỳ-kheo có duyên sự được cách ly với y trong sáu hôm, nếu quá sáu hôm, trừ Tăng yết-ma cho phép, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Ba tháng an cư: Từ 16 tháng Tư đến 15 tháng 7.

Chưa xong: Chưa hết tháng cuối mùa hạ, nghĩa là Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã chưa đến tháng cuối.

Chỗ A-luyện-nhã: Trong phạm vi đường kính 500 cung không có nhà của mục đồng, đó gọi là chỗ A-luyện-nhã.

Điều đáng lo sợ: Hoặc bị giết, bị cướp đoạt.

Điều nghi ngờ: Tuy không bị giết, bị cướp đoạt, nhưng trong lòng sinh nghi: “Không biết trong chốc lát nữa có kẻ nào đến giết người, lấy y không.” Nếu Tỳ-kheo thấy có điều đáng nghi ngờ lo ngại như vậy, đó gọi là nghi ngờ.

Hoặc một trong ba y: Hoặc y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, nhưng không được gọi y Tăng-già-lê và An-đà-hội, mà nên gọi y Uất-đa-la-tăng tại nhà dân trong thôn. Tuy vậy, không được gọi nhà thế tục (không đáng tin) mà nên gọi nhà nào đáng tin, có thể lấy lại được. Nếu gọi gia đình khả nghi mà họ suy nghĩ: “Các Tỳ-kheo (323c) không chắc gì đã trở lại”, thì nên đề phòng. Các Tỳ-kheo nếu vì việc tháp, việc Tăng thì được lìa y trong sáu đêm.

Sáu đêm: Thời hạn trong 6 hôm.

Trừ Tăng yết-ma (cho phép): Thế Tôn dạy (nếu Tăng yết-ma thì) không có tội. Nhưng nếu Tăng yết-ma không thành tựu, thì không

thể gọi là yết-ma. Yết-ma không thành tựu nghĩa là: Chúng không thành tựu, tác bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu. Nếu bạch thành tựu, yết-ma thành tựu, chúng Tăng thành tựu thì gọi là Tăng làm yết-ma.

Nếu đã thọ yết-ma giữa Tăng xong thì không nên ở lại đợi cúng dường, mà nên đi liền. Nếu trước bữa ăn làm yết-ma thì sau bữa ăn nên đi. Nếu sau bữa ăn làm yết-ma thì sáng sớm hôm sau nên đi. Lúc đi, không nên đi đường quanh ghé nhà đàn việt, mà nên đi đường thẳng. Nếu đường thẳng có tai nạn như tai nạn sư tử, tai nạn hổ lang, tai nạn trùng độc, tai nạn mất mạng, thì khi ấy đi bằng đường quanh không có tội.

Khi đến đó rồi không được diên trì đợi khách Tỳ-kheo cúng dường ẩm thực. Nếu đến trước bữa ăn, thì sau khi ăn xong, tập hợp chư Tăng diệt trừ sự tranh chấp. Nếu đến sau bữa ăn, thì sáng sớm hôm sau liền tập hợp chư Tăng diệt trừ sự tranh chấp. Nếu sau bữa ăn giải quyết xong việc, thì sáng sớm hôm sau trở về. Nếu giải quyết xong công việc trước bữa ăn, thì sau bữa ăn trở về, không được ở lại đợi khách Tỳ-kheo cúng dường. Khi trở về không nên đi đường quanh mà phải trở về bằng đường thẳng. Nếu đường thẳng có tai nạn, thì như trên đã nói.

Lúc mới đến đó không được tụng kinh, đôn bát, nhuộm y. Nếu giải quyết công việc xong mà còn thì giờ thì được tụng kinh, làm các việc khác. Nếu sự việc khó giải quyết, thì trong thời gian lưu lại được tụng kinh, đôn bát và nhận sự cúng dường ẩm thực của Tỳ-kheo khách, như vậy không có tội.

Khi dập tắt sự tranh chấp không được dùng ý riêng mình áp đặt người ta mà phải ra giữa chúng sai người có khả năng, có uy đức thế tục (giúp giải quyết).

Nếu ở A-luận-nhã thì được gọi y trong nhà dân sáu hôm. Nếu quá sáu hôm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Vị Tỳ-kheo này muốn

xả y thì nên thỉnh vị trì luật, như giới thứ nhất ở trên đã nói. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 29 của Ni-tát-kỳ)

*

30. BIỂN THỦ TÀI SẢN CỦA TĂNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, có một Tỳ-kheo đến giờ khát thực bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khát thực, đến một nhà kia, có một phụ nữ nói với Thầy:

Thưa Tôn-giả, ngày ấy..., con sẽ cúng dường chư Tăng và dâng y.

Tỳ-kheo nói: “Lành thay, này chị em! Dùng ba pháp không kiên cố là thân, mệnh và tài sản để đổi lấy ba pháp kiên cố, vậy hãy thực hiện nhanh. Vì tài vật vô thường, có nhiều tai nạn.”

Nói thế rồi, Thầy liền trở về Tinh xá, nói với các Tỳ-kheo: “Tôi muốn báo cho các vị một tin vui.”

Các Tỳ-kheo hỏi: “(324a) Có tin vui gì thế?”

Thầy đáp: “Tôi nghe Ưu-bà-di mỗ giáp định cúng dường trai phạn và dâng y cho chư Tăng.”

Nhóm sáu Tỳ-kheo nghe thế rồi, liền hỏi: “Thầy vừa nói gì đó?”

Tôi nghe Ưu-bà-di mỗ giáp định cúng dường trai phạn và dâng y cho chư Tăng.

Thầy có biết nhà ấy ở nơi nào không? Nằm vào đường nào? Cửa hướng về phương nào?

Hỏi cận kề rồi, sáng sớm hôm sau, họ bèn khoác y, đi đến nhà ấy, hỏi: “Bà chủ có được yên ổn không?”

Bà đáp: “Yên ổn.”

Tôi nghe bà định cúng dường trai phạn và dâng y cho chư Tăng có thật thế không?

Thưa Tôn-giả, tôi có ý định ấy, nhưng e trong lúc chuẩn bị gặp nhiều sự khó khăn, không biết có thành tựu không.

Như tôi đây là người xuất gia trước, làm Tỳ-kheo đã lâu năm, nếu bà dâng y, tôi sẽ mặc đi tới các nhà hoàng tộc, hoặc đánh lễ Thế Tôn. Nếu các nhà hào quý, hoặc ai đó hỏi tôi: “Ông được y đó ở đâu vậy?” Tôi sẽ đáp: “Do Ưu-bà-di mỗ giáp có tín tâm cúng dường”, như vậy bà sẽ được tiếng tốt, mọi người đều biết đến bà.

Gia đình con lại không có vật nào nữa, vì con đã định cúng dường chư Tăng, nếu cúng riêng cho Thầy thì con sẽ phạm lỗi thất hứa cúng cho Tăng. Nếu con có (y khác), con sẽ cúng riêng cho Thầy, vì cúng cho Thầy cũng như cúng cho chư Tăng.

Cúng hay không cúng tùy ý bà!

Nói thế rồi, Thầy liền ra đi. Khi Thầy đi rồi, Ưu-bà-di suy nghĩ: “Nếu Ta cúng dường cho Tỳ-kheo ấy mà không cúng dường cho chư Tăng, vốn là ruộng phước tốt (thì không ổn), nhưng nếu Ta không cúng dường cho Tỳ-kheo ấy mà Tỳ-kheo ấy vốn có nhiều thế lực với vương gia thì ông ấy có thể gây cho Ta sự bất lợi.” Nghĩ như vậy nên bà không cúng dường cho Tăng, và vì giận Tỳ-kheo ấy nên cũng không cúng dường cho Thầy.

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi rõ các việc trên: “Các ông có việc đó thật chăng?”

Họ đáp: “Có thật như vậy.”

Phật khiển trách: “Đó là việc xấu, có 2 điều không ổn: Một là khiến cho người bố thí mất phước; Hai là người nhận mất y.”

Rồi Phật nói với Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà: “Các ông không từng nghe Ta dùng vô số phương tiện khen ngợi thiếu dục, chê trách đa dục hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.”

Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết vật đó thí chủ định cúng dường cho Tăng mà tự xoay về cho mình, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nghe từ người khác.

(324b) Vật: Gồm có tám loại: (1) Thức ăn dùng đúng giờ; (2) Thức uống dùng buổi tối; (3) Thuốc dùng trong bảy ngày; (4) Thuốc dùng suốt đời; (5) Vật vật vĩnh; (6) Vật có giá trị; (7) Vật không hợp pháp; (8) Vật vừa hợp pháp vừa không hợp pháp.

Vật định cúng Tăng: Ý thí chủ định chọn những vật đó để cúng cho Tăng.

Tăng: Gồm tám thành phần: (1) Tỳ-kheo-Tăng; (2) Tỳ-kheo-ni Tăng; (3) Khách Tăng; (4) Tăng ra đi; (5) Tăng cưu trú; (6) Tăng an cư; (7) Tăng hòa hợp; (8) Tăng không hòa hợp.

Tự xoay về cho mình: Tự thu vào, tự cất chứa, tự sử dụng. Nếu như vậy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Vật này phải đem thí xả giữa chúng Tăng, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không thí xả mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có người định cúng dường, đến hỏi Tỳ-kheo:

Thưa Tôn-giả, tôi định cúng dường mà không biết nên cúng dường nơi nào?

Tỳ-kheo nên đáp:

Tùy ý bà kính trọng nơi nào thì cúng dường nơi đó.

Nơi nào được quả báo nhiều?

Cúng dường Tăng được quả báo nhiều.

Chư Tăng nào giữ giới thanh tịnh, có nhiều công đức?

Tăng không phạm giới không mất thanh tịnh.

Nếu có người đem phẩm vật đến cúng dường, Tỳ-kheo nên bảo: “Cúng cho Tăng được quả báo lớn.” Nếu họ nói: “Con đã từng cúng cho Tăng rồi, nay con muốn cúng cho Tôn-giả”, thì Tỳ-kheo nhận, không có tội.

Nếu thí chủ hỏi Tỳ-kheo: “Con nên cúng dường vật này cho người nào để vật cúng này của con được sử dụng luôn?”

Khi ấy, Tỳ-kheo nên nói: “Tỳ-kheo mỗi giáp là người tụng kinh, giữ giới, tọa thiền, nếu cúng cho Thầy ấy thì sẽ được sử dụng thường xuyên.”

Nếu biết vật đó thí chủ định cúng cho Tăng mà xoay về cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu xoay về cho người khác thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu biết vật đó họ định cúng chúng Tăng này mà khiến họ cúng chúng Tăng khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu biết họ cúng cho nhóm người này mà khiến họ cúng nhóm người khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu biết vật đó cúng cho súc sinh này mà xoay xở hướng về súc sinh khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Cái vật mà Tỳ-kheo đã xoay về cho mình (đã nói ở trên), Tăng không được cho ai mà phải sử dụng. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 30 của Ni-tát-kỳ)

✱

Hết quyển thứ mười một

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 12

BA-DẠ-ĐỀ

(Ba-dạ-đề hay Đơn-đề, còn gọi giới Phát lộ,
gồm có chín mươi hai giới)

1. CỐ Ý VỌNG NGŨ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ chúng Tăng đang tập hợp tại một chỗ định làm yết-ma, nhưng trưởng lão Thi-lợi-da-bà không đến, họ bèn sai sứ giả đi gọi: “Trưởng lão, chúng Tăng đang tập hợp, định làm các pháp sự.”

Thi-lợi-da-bà suy nghĩ: “Chính là họ đang vì ta mà làm yết-ma đó”, liền sinh tâm sợ hãi, nhưng không trốn được đành phải đến.

Khi thấy tới rồi, các Tỳ-kheo hỏi: “Trưởng lão, thầy phạm Tăng-già-bà-thi-sa phải không?”

Đáp: “Phạm.”

Các Tỳ-kheo liền sinh tâm hoan hỉ. Nhưng thầy suy nghĩ: “Các vị phạm hạnh ở trước ta nêu sự việc có thể sám hối, chứ không phải việc không thể sám hối”, liền bạch với chúng Tăng: “Cho phép tôi ra ngoài một lát.”

Các Tỳ-kheo sau đó bàn nhau: “Vị Tỳ-kheo này đa trá, bất định, đi ra ngoài rồi, lát nữa đây sẽ nói dối, vậy nên hỏi lại ba lần để xác định cho chắc.”

Thi-lợi-da-bà ra ngoài rồi, suy nghĩ: “Vì sao ta vô sự mà lại nhận tội? Các Tỳ-kheo này thường thường hay trị tội ta. Nay ta không nên nhận tội ấy, mà nên nói dối, bất quá chúng Tăng sẽ trị tội nói dối, dù có trị tội vẫn nhẹ.”

Các Tỳ-kheo bèn gọi Thi-lợi-da-bà vào. Khi thấy vào rồi, Tăng hỏi: “Có phải thầy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa không?”

Không phạm.

Vừa rồi, vì sao thầy nhận là có phạm?

Vì vừa rồi chúng Tăng muốn nói tôi phạm, nên tôi đáp là có phạm. Giờ đây tôi không nhớ là mình có tội.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế tôn. Phật liền bảo gọi Thi-lợi-da-bà đến. Khi thấy đến rồi, Phật bèn hỏi lại các việc trên: “Ông có thật như vậy không?”

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện chê trách sự nói dối, khen ngợi nói thật hay sao? Nay vì sao ông biết mà nói dối? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo (325a) biết mà vọng ngữ thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Biết: Đã nghĩ biết trước.

Vọng: Sự việc không phải như vậy.

Ngữ: Dùng miệng nói ra.

Ba-dạ-đề: Tên tội được phân biệt chế định.

Lại có các trường hợp: Tám cách nói của hiền Thánh, nói thẳng, vọng ngữ, không vọng ngữ, nghi, không nghi, quyết định, không quyết định, nói một chiều.

Tám cách nói của hiền thánh: Thấy nói là thấy, nghe nói là nghe, dối nói là dối, biết nói là biết, không thấy nói là không thấy, không nghe nói là không nghe, không dối nói là không dối, không biết nói là không biết. Đó gọi là 8 cách nói của hiền thánh. Nói như thế thì không có tội.

Tám cách nói không phải hiền thánh: Thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, dối nói không dối, biết nói không biết, không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không dối nói dối, không biết nói biết. Đó gọi là 8 cách nói không phải hiền thánh. Nói như vậy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nói thẳng: Thấy nghe hay biết (mà nói) không thấy, không nghe, không hay, không biết. Đó gọi là nói thẳng, phạm tội Ba-dạ-đề.

Vọng: Thấy vọng mà nói là không vọng, nghe vọng mà nói là không vọng, hay vọng mà nói là không vọng, biết vọng mà nói là không vọng; không thấy, không nghe, không hay, không biết vọng (sai lầm) mà nói là không vọng. Nói như vậy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Không vọng: Thấy nghe hay biết không vọng mà nói là vọng; không thấy, không nghe, không hay, không biết không vọng mà nói là vọng. Nói như vậy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nghi: Thấy nghe hay biết nghi nói không nghi; không thấy, không nghe, không hay, không biết nghi nói không nghi, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Không nghi: Thấy nghe hay biết không nghi ngờ mà nói là nghi ngờ. Không thấy không nghe, không hay không biết không nghi ngờ mà nói là nghi ngờ, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Quyết định: Thấy nghe hay biết quyết định (một cách chắc chắn) mà nói là không quyết định; không thấy không nghe không hay

không biết quyết định mà nói là không quyết định thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Không quyết định: Thấy nghe hay biết không quyết định (không chắc chắn) mà nói là quyết định; không thấy không nghe không hay không biết không quyết định mà nói là quyết định, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nói một chiều: Thấy nghe hay biết mà nói là không thấy không nghe không hay biết thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Biết là có mà nói không, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Biết là không mà nói là có, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Thật có mà cho là không, rồi nói rằng có, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Thật không mà cho là có, rồi nói rằng không, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Thật có rồi tưởng là có, mà lại nói không, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Thật không rồi tưởng rằng không, mà lại nói có, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

(325b) Thật có rồi tưởng là không mà lại nói có, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Thật không rồi tưởng là có, mà lại nói không, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Có năm pháp thành tựu biết mà nói dối phạm tội Ba-dạ-đề. Năm pháp đó là gì? Đó là thật có, tưởng là có, rồi đổi ý, tưởng trái lại, nói khác đi, đó là năm việc biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Có 4 pháp thành tựu, biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Bốn pháp đó là gì? Đó là tưởng rằng có, mà đổi ý, tưởng trái lại, rồi nói khác đi. Đó gọi là bốn pháp, biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Có ba pháp thành tựu, biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Ba pháp đó là gì? Đó là dối ý, tưởng trái lại, nói khác đi, như vậy, là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Có hai pháp thành tựu, biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Hai pháp đó là gì? Đó là tưởng trái lại, nói khác đi, như vậy, là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Có một pháp thành tựu, biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Một pháp đó là gì? Đó là nói khác đi, như vậy là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 1 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



2. GIỀM PHA THÀNH PHẦN NGHỀ NGHIỆP NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo dùng lời lẽ nhã nhặn dụ dỗ hỏi các Tỳ-kheo trẻ tuổi: “Ông tên là gì? Tộc họ ông là gì? Cha mẹ ông tên gì? Nhà ông trước đây làm nghề gì?”

Các Tỳ-kheo trẻ tuổi, tính tình chất trực, cử thực mà đáp: “Nhà tôi như vậy. Tên họ như vậy, nghề nghiệp như vậy.”

Nhóm sáu Tỳ-kheo sau đó có việc hiềm khích, liền nói như sau: “Người thuộc dòng giống rất hạ tiện. Người là loại Chiên-đà-la, là kẻ hớt tóc, là thợ dệt, là thợ làm đồ gốm, là thợ làm da.”

Các Tỳ-kheo trẻ tuổi nghe những lời nói ấy, rất lấy làm hổ thẹn. Các Tỳ-kheo nghe sự việc ấy, bèn đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật bèn hỏi: “Có thật các ông dùng những lời nhã nhặn, dụ dỗ hỏi các Tỳ-kheo trẻ tuổi, rồi sau đó hiềm khích, liền nói v.v..., (cho đến) là thợ gốm, thợ da phải không?”

Họ đáp: “Có thật như vậy.”

Phật liền khiển trách: “Đó là việc xấu. Nay nhóm sáu Tỳ-kheo, vì sao đối với những người phạm hạnh mà lại phân biệt nói về hình tướng chủng loại?” (như trong kinh Nan-đề-bản-sinh đã nói rõ). Cho đến Phật nói với các Tỳ-kheo: “Loài súc sinh còn ghét sự hủy báng, huống chi là người.”

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nói về hình tướng chủng loại, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Hủy báng về chủng loại: Gồm có bảy thứ: (325c) Chủng tánh, nghiệp, tướng mạo, bệnh, tội, mắng, kiết sử.

Chủng tánh: Gồm có ba: Bạc hạ, trung, thượng.

Bạc hạ: Như nói: “Người là hạng người Chiên-đà-la, là thợ hớt tóc, thợ dệt, thợ đồ gốm, thợ làm da.” Nếu nói như vậy làm cho họ xấu hổ, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nói: “Cha mẹ người là Chiên-đà-la, (cho đến) là thợ làm da”, khiến cho người ấy hổ thẹn, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói: “Hòa thượng, A-xà-lê của người là Chiên-đà-la, (cho đến) là thợ làm da”, khiến cho người ấy hổ thẹn thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: “Bạn bè quen biết của người là Chiên-đà-la, (cho đến) là thợ làm da”, khiến cho người ấy hổ thẹn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bạc hạ.

Bạc trung: Như nói: “Các người thuộc chủng tánh trung lưu.” Nói như vậy là muốn cho người ấy hổ thẹn, thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu nói: “Cha mẹ của người thuộc dòng dõi trung lưu”, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: “Hòa thượng, A-xà-lê của người thuộc

dòng dõi trung lưu”, khiến cho người ấy xấu hổ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: “Bạn bè quen biết của người thuộc dòng dõi trung lưu”, khiến cho người ấy xấu hổ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là bậc trung.

Bậc thượng: Như nói với người kia rằng: “Người là dòng dõi sát-lợi, Bà-la-môn”, khiến cho họ xấu hổ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: “Cha mẹ của người là dòng dõi sát-lợi, Bà-la-môn”, nói như vậy là muốn cho người ấy hổ thẹn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: “Hòa thượng, A-xà-lê của người thuộc dòng dõi Sát-lợi, Bà-la-môn”, nói như vậy là muốn cho người ấy hổ thẹn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: “Bạn bè quen biết của người thuộc dòng dõi sát-lợi, bà-la-môn”, khiến cho người ấy hổ thẹn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là bậc thượng của chúng tánh.

Nghiệp: Gồm có ba loại: Hạ, trung và thượng.

Hạ nghiệp: Chẳng hạn nói: “Người là tên đồ tể, là kẻ bán heo, là kẻ chài lưới, săn bắn, là kẻ rập chim, là kẻ giăng lưới, là quân giữ thành, là kẻ bán nem”, nói như thế là muốn cho người ấy xấu hổ, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nói về cha mẹ cũng thế. Hoặc nói: “Hòa thượng, A-xà-lê của người là quân đồ tể, (cho đến) là kẻ bán nem”, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: “Bạn bè quen biết của người là tên đồ tể, (cho đến) là kẻ bán nem”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là hạ nghiệp.

Trung nghiệp: Chẳng hạn nói: “Người là kẻ bán hương, là kẻ ngồi quán xá, là kẻ làm ruộng, là kẻ trồng rau, là người sứ giả”, nói như vậy vì muốn làm cho người ta xấu hổ, thì phạm tội Thâu-lan-giá; về cha mẹ cũng như vậy. Nếu nói: “Hòa thượng, A-xà-lê của người...”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: “Bạn bè quen biết của người...” (326a) khiến cho người ấy xấu hổ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là trung nghiệp.

Thượng nghiệp: Nếu nói: “Người là người ở nhà vàng, bạc, ma ni, nhà đồng”, nói như thế là muốn cho người ấy xấu hổ, thì phạm

tội Việt-tỳ-ni. Nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, cũng như vậy. Nếu nói về bạn hữu tri thức, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là thượng nghiệp.

Tướng mạo: Gồm có hạ, trung, thượng.

Bạc hạ: Nếu nói: “Người là kẻ mắt mù, lưng gù, chân tay cán giá giống như cánh chim, đầu ngoẹo, răng khểnh”, nói như thế khiến cho người ấy hổ thẹn, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, cũng như vậy. Nếu nói về Hòa thượng, A-xà-lê, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói về bạn bè quen biết thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bạc hạ của tướng mạo.

Bạc trung: Chẳng hạn nói: “Người rất đen, rất trắng, rất vàng, rất đỏ”, nói như vậy khiến cho người kia hổ thẹn thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nói về cha mẹ cũng vậy. Nói về Hòa thượng A-xà-lê thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nói về bạn bè quen biết thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là tướng mạo bạc trung.

Bạc thượng: Nếu nói: “Người có 32 tướng viên mãn, sáng sủa, màu vàng”, nói như vậy khiến cho người kia hổ thẹn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê cũng như vậy. Nếu nói về bạn bè, quen biết thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là tướng mạo bạc thượng.

Bệnh: Không có hạ, trung, thượng mà tất cả đều gọi là bạc hạ. Chẳng hạn nói: “Các người bị bệnh ghê lở, bệnh hoàng đãng, bệnh hủi, bệnh ung thư, bệnh trĩ, bệnh da vàng, bệnh sốt rét, bệnh còi, bệnh điên cuồng”; nói các bệnh như thế khiến cho người kia hổ thẹn, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nói về cha mẹ cũng vậy. Nói về Hòa thượng, A-xà-lê thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nói về bạn hữu quen biết, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bệnh.

Tội: Không có thượng, trung, hạ, mà tất cả tội đều được gọi là hạ. Nếu như nói: “Người phạm tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni”, nói như vậy khiến cho người kia hổ thẹn, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ cũng vậy. Nếu

nói về Hòa thượng, A-xà-lê, thì phạm tội Thâu-lan. Nói về bạn bè thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là tội.

Mắng: Không có hạ, trung, thượng, mà tất cả sự mắng đều thuộc về hạ. Mắng nhiếc những lời ác độc theo kiểu thế tục như: “Dâm dật, ô uế,...”, khiến cho người kia xấu hổ, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Mắng cha mẹ cũng vậy. Mắng Hòa thượng, A-xà-lê phạm tội Thâu-lan-giá. Mắng bạn bè quen biết phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là mắng.

Kiết sử: Không có hạ, trung, thượng, mà tất cả kiết sử đều thuộc về loại hạ. Nếu nói: “Người là kẻ ngu si, ám độn, vô tri, giống như cục đất, như con dê, (326b) như ngỗng trắng, như chim cú”, nói những lời như vậy khiến cho người kia xấu hổ, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nói về cha mẹ cũng như vậy. Nói về Hòa thượng, A-xà-lê thì phạm tội Thâu-lan. Nói về bạn hữu tri thức, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo dùng những lời gièm pha hủy báng về bảy phương diện trên thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu hủy báng Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Thâu-lan; hủy báng Thúc-xoa-ma-ni, sa-di, sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hủy báng người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 2 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

3. NÓI ĐỂ LY GIÁN KỂ KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo tìm cách dụ dỗ hỏi các Tỳ-kheo tuổi trẻ: “Người có biết nghề nghiệp, dòng dõi của cha mẹ Tỳ-kheo mỗi giáp kia không?”

Các Tỳ-kheo trẻ tuổi ấy tính tình chất trực, tùy việc mà đáp. Về sau, khi nổi giận, nhóm sáu Tỳ-kheo liền nói: “Người là Chiên-đà-la, là thợ hớt tóc, là thợ dệt, thợ đồ gốm, thợ làm da.”

Nói thế rồi, lại bảo: “Ta vốn không biết mà do Tỳ-kheo mỡ giáp kia nói về người như vậy.”

Tỳ-kheo nghe lời nói ấy, rất lấy làm xấu hổ. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: “Có thật các ông dụ dỗ hỏi các Tỳ-kheo trẻ tuổi (cho đến) Tỳ-kheo kia xấu hổ không?”

Họ đáp: “Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.”

Vì sao các ông lại làm như vậy?

Chúng con làm việc đó vì thấy thích thú.

Này những kẻ ngu si! Đó là việc xấu, đối với bậc phạm hạnh mà nói hai lưỡi. Đây là việc khổ mà bảo là vui.

Phật dùng vô số phương tiện khiển trách rồi, bèn nói về nhân duyên, như trong kinh Bản-sinh ba con thú đã nói rõ. Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nói hai lưỡi, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Nói hai lưỡi: Gồm có 7 loại, đó là chủng tánh, nghề nghiệp, tướng mạo, bệnh, tội, mắng, kết sử.

Chủng tánh: Gồm có hạ, trung, thượng.

Bậc hạ: Như nói: “Người là Chiên-đà-la, (cho đến) là thợ làm da” lại nói: “Ai có biết người đâu, chính là mỡ giáp kia nói đó”, với suy nghĩ là mong kẻ ấy lia bỏ người kia và thân thiện với mình. Dù họ rời nhau, hoặc không rời nhau đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói: “Cha

mẹ của người là Chiên-đà-la, (cho đến) là thợ làm da.” Lại nói: “Ai có biết người đâu, chính là do Tỳ-kheo mổ giáp kia nói đó”, với suy nghĩ là mong kẻ ấy rời bỏ người kia để thân thiện với mình. Nếu họ rời nhau hay không rời nhau đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói: “Hòa thượng A-xà-lê của người là Chiên-đà-la (326c) (cho đến) là thợ làm da”, cũng phạm Ba-dạ-đề. Nói về bạn hữu tri thức, cũng như vậy. Đó gọi là bậc hạ.

Bậc trung: Chẳng hạn nói: “Trưởng lão, Ngài thuộc dòng dõi trung lưu, thuộc dòng dõi binh sĩ, dòng dõi ca kỹ”, rồi bảo: “Tôi đâu có biết ông, chính là do mổ giáp kia nói đó”, với suy nghĩ là muốn cho người này lìa bỏ người kia, để trở về với mình. Dù họ chia lìa nhau hay không chia lìa đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc trung.

Bậc thượng: Nếu nói: “Trưởng lão, Ngài là dòng dõi sát-lợi, Bà-la-môn.” Lại nói: “Tôi đâu có biết thầy, đó là do mổ giáp kia nói”, với suy nghĩ là muốn cho người ấy bỏ người kia để về với mình. Dù họ lìa nhau hay không lìa nhau, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc thượng thuộc về chủng tánh.

Nghề nghiệp: Gồm có hạ, trung, thượng.

Bậc hạ: Chẳng hạn nói: “Người làm nghề đồ tể, (cho đến), làm nghề bán nem”, rồi bảo: “Tôi đâu có biết ông mà do mổ giáp kia nói.” Nói như vậy với mong muốn người này lìa bỏ người kia, trở về với mình. Dù họ lìa nhau hay không lìa nhau, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc hạ.

Bậc trung: Chẳng hạn nói: “Người là kẻ bán hương, là người buôn bán, (cho đến) là người đưa tin”, rồi bảo: “Tôi đâu có biết ông, mà do mổ giáp kia nói.” Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia, trở về với mình. Dù họ có lìa nhau hay không lìa nhau,

đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc trung.

Bậc thượng: Chẳng hạn nói: “Người ở cửa hàng vàng, bạc, (cho đến) ở cửa hàng đồ đồng”, lại bảo: “Tôi đâu có biết ông mà do mõ giáp kia nói.” Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia, trở về với mình. Dù họ lìa nhau hay không lìa nhau, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc thượng thuộc về nghề nghiệp.

Tướng mạo: Gồm có hạ, trung, thượng.

Bậc hạ: Nếu nói: “Ông là kẻ mù lòa (cho đến) là kẻ răng khểnh”, rồi bảo: “Tôi đâu có biết ông mà do mõ giáp kia nói.” Nói như vậy, với hy vọng người này lìa bỏ người kia, trở về với mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc hạ.

Bậc trung: Nếu nói: “Ông rất đen, rất trắng, rất vàng, rất đỏ”, rồi bảo: “Tôi đâu có biết ông, mà do mõ giáp kia nói.” Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia hướng về với mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu quen biết, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó là bậc trung.

Bậc thượng: Chẳng hạn nói: “Ông có 32 tướng (327a) viên mãn, sáng rõ sắc vàng”, rồi bảo: “Tôi đâu có biết ông, mà do mõ giáp kia nói.” Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia hướng về với mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc thượng thuộc về tướng mạo.

Bệnh: Không có hạ, trung, thượng mà tất cả bệnh đều là hạ. Chẳng hạn nói: “Ông bị ghẻ lở, (cho đến) bị điên cuồng”, rồi bảo: “Tôi đâu có biết ông, mà do mõ giáp kia nói.” Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia, hướng về với mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa

thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bệnh.

Tội: Không có hạ, trung, thượng mà tất cả tội đều thuộc về hạ. Chẳng hạn nói: “Ông phạm Ba-la-di, (cho đến) phạm tội Việt-tỳ-ni”, rồi bảo: “Tôi đâu có biết ông mà do mỗ giáp kia nói.” Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia, trở về với mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề.

Mắng: Không có hạ, trung, thượng mà tất cả sự mắng đều gọi là hạ. Nếu mắng nhiếc những lời ác độc theo kiểu thế gian, như: “Dâm dục, ô uế, xấu xa”, thì dù họ có lìa nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu mắng cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức của người ấy, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là mắng.

Kiệt sử: Không có hạ, trung, thượng, mà tất cả kiết sử đều gọi là hạ. Chẳng hạn nói: “Người là kẻ ngu si, ám độn, vô tri, giống như cục đất, như con dê, như ngỗng trắng, như chim cú”, nói những lời như vậy, rồi bảo: “Tôi đâu có biết người mà do mỗ giáp kia nói đó.” Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia, hướng về với mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là kiết sử.

Nếu nói hai lưỡi đối với Tỳ-kheo, thì phạm Ba-dạ-đề; nói hai lưỡi đối với Tỳ-kheo-ni, phạm tội Thâu-lan-giá; đối với Thúc-xoa-ma-ni, sa-di, sa-di-ni, phạm tội Việt-tỳ-ni; đối với người thế tục, phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 3 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

4. KHÔI LẠI SỰ TRANH CÃI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo biết chúng Tăng như pháp, như luật diệt trừ sự tranh chấp rồi, liền nói:

Việc ấy chưa xong, phải xử đoán lại.

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói những lời ấy xong, sự tranh chấp liền khởi lên trở lại, chư Tăng sống không hòa hợp. Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi:

Có thật các ông biết chúng Tăng như pháp (327b), như luật dập tắt sự tranh chấp rồi, bèn làm cho phát sinh trở lại phải không?

Có thật như vậy.

Vì sao như thế?

Chúng con tạo ra sự việc ấy là vì thấy thích thú.

Này những kẻ ngu si, làm nhiễu loạn các bậc phạm hạnh, đó là việc ác, vì sao lại cho là vui? Các ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện khen ngợi những người phạm hạnh thường có tâm từ bi, thân khẩu từ bi hay sao? Do đó, cần phải tôn kính họ. Nay vì sao các ông lại làm việc ác như thế? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết Tăng đã như pháp, như luật dập tắt sự tranh cãi rồi mà làm phát sinh trở lại, nói rằng: Việc yết-ma ấy chưa xong, phải làm lại, chỉ vì lý do như vậy, chứ không có gì khác, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Sự tranh cãi: Gồm có bốn việc: (1) Sự tranh cãi về lời nói; (2) Sự tranh cãi do hủy báng; (3) Sự tranh cãi về tội phạm; (4) Sự tranh cãi về những việc thường làm.

Dập tắt sự tranh cãi đúng pháp đúng luật: Trong 7 cách dập tắt sự tranh cãi nhất nhất đều đã dập tắt đúng pháp, đúng luật, rồi làm phát sinh trở lại mà không có lý do nào chính đáng, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Bốn sự tranh cãi: (1) sự tranh cãi về lời nói; (2) sự tranh cãi do hủy báng; (3) sự tranh cãi về tội phạm; (4) sự tranh cãi về những việc thường làm.

Sự tranh cãi về lời nói, dùng ba pháp Tỳ-ni (nguyên tắc) mỗi mỗi diệt trừ. Ba pháp đó là gì? Đó là: Dùng Hiện-tiền Tỳ-ni để diệt trừ; dùng Đa-mịch Tỳ-ni để diệt trừ; dùng Bồ-thảo (rải cỏ) Tỳ-ni để diệt trừ.

1. Hiện-tiền Tỳ-ni: Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di đấu tranh nhau, những người cùng sống một chỗ không hòa hợp. Pháp họ bảo là phi pháp; luật họ bảo là phi luật; tội họ bảo gọi là không phải tội; tội nặng, tội nhẹ; có thể trị, không thể trị; đúng pháp yết-ma, phi pháp yết-ma; yết-ma có hòa hợp, yết-ma không hòa hợp; nên làm, không nên làm. Bấy giờ có một Tỳ-kheo ngồi trong ấy nói như sau: “Này các Đại đức, đó là việc phi pháp, phi luật, không phù hợp với kinh, không phù hợp với luật, không phù hợp với Ưu-ba-đề-xá (luận). Trái với kinh, luật, luận, sinh khởi các sự nhiễm ô, lậu-hoặc; như tôi nói mới đúng là pháp, là luật, là lời Phật dạy, tương ứng với kinh, luật, luận không sinh ra nhiễm ô, Lậu-hoặc. Này các Đại đức, tôi không thể dập tắt sự tranh cãi này. Tôi phải đến thành xá-vệ, chỗ Thế Tôn, để hỏi về giải pháp dập tắt sự tranh cãi này.”

Thế rồi, Tỳ-kheo này đi đến chỗ Thế Tôn cúi đầu đánh lễ (327c) chân Phật rồi đứng một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo ở Câu-diêm-di đấu tranh nhau, cùng sống một chỗ mà không hòa hợp. Những việc như pháp mà họ bảo là phi pháp, (cho đến) con không thể dập tắt sự tranh đấu ấy, nên đến chỗ Thế Tôn hỏi về phương pháp dập tắt sự tranh đấu ấy. Cúi xin Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà dập tắt sự tranh đấu ấy.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Ưu-ba-ly: Ông hãy đến nước Câu-diêm-di dập tắt sự tranh đấu ấy như pháp, như luật, theo nguyên tắc Hiện-tiền Tỳ-ni. Nay Ưu-ba-ly, sự tranh đấu có ba chỗ khởi lên: Hoặc một người, hoặc nhiều người, hoặc chúng Tăng. Do đó, cũng phải ba chỗ xả, ba chỗ thủ, ba chỗ diệt. Nay Ưu-ba-ly, ông hãy đến chỗ các Tỳ-kheo tại Câu-diêm-di, dập tắt sự tranh đấu ấy như pháp, như luật, theo nguyên tắc Hiện-tiền Tỳ-ni.

Tôn-giả Ưu-ba-ly bèn bạch với Phật: Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ-kheo thành tựu bao nhiêu pháp thì có thể dập tắt được sự tranh đấu?

Phật nói với Ưu-ba-ly: Vị Tỳ-kheo thành tựu năm pháp thì có thể dập tắt sự tranh đấu. Năm pháp đó là: Biết việc đó là có thật chứ không phải không có thật; làm vì lợi ích chứ chẳng phải không lợi ích; được mọi người tán thành, chứ chẳng phải không được tán thành; làm một cách công bằng chứ không phải không công bằng, hợp thời chứ chẳng phải không hợp thời.

Nay Ưu-ba-ly, nếu giải quyết sự việc không hợp thời, thì Tăng hoặc bị phá (bị chia rẽ), hoặc Tăng tranh cãi, hoặc Tăng ly tán. Trái lại, nếu dập tắt sự tranh đấu đúng lúc thì Tăng không bị phá, không tranh cãi, không phân tán. Đó gọi là vị Tỳ-kheo thành tựu năm pháp có thể dập tắt sự tranh đấu, làm cho các vị phạm hạnh thương nhớ, ca ngợi. Nay ông hãy đi đến chỗ các Tỳ-kheo ở Câu-diêm-di, giải quyết việc ấy như pháp, như luật, theo nguyên tắc Hiện-tiền Tỳ-ni.

Bấy giờ Tôn-giả Ưu-ba-ly bèn đánh lễ chân Thế Tôn, đi tới chỗ Tỳ-kheo (sứ giả) của Câu-diệm-di, nói:

Này trưởng lão, hãy trở về lại chỗ có sự tranh chấp, sinh khởi mà dập tắt ngay tại đó, chứ không giải quyết sự việc ở đây. Vì sao vậy? Vì ở đây chúng Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, cùng sống chung, không nên nhiều loạn họ.

Khi ấy, Tỳ-kheo (sứ giả) của Câu-diệm-di liền bạch với Tôn-giả Ưu-ba-ly:

Thưa Đại đức, nếu tôi có thể dập tắt sự tranh chấp tại đó được thì đã không tới đây. Nguyên xin Tôn-giả vì tôi mà đến đó dập tắt sự tranh chấp ấy.

Ưu-ba-ly nói: Nếu tôi đến đó thì việc gì đáng làm Yết-ma, tôi sẽ làm yết-ma, việc gì đáng trị phạt thì sẽ trị phạt, hoặc đáng làm yết-ma chiết phục, yết-ma không nói, yết-ma Ma-na-đỏa, yết-ma A-phù-ha-na, có những lỗi lầm như vậy, như vậy, tôi sẽ làm yết-ma như vậy, để trị phạt. Khi ấy, các vị chớ nên sinh tâm không vui.

Vị Tỳ-kheo sứ giả ấy liền bạch với (328a) Tôn-giả Ưu-ba-ly: Nếu chúng tôi có những lỗi lầm như vậy, thì sẽ chịu những sự trị phạt như vậy, trong lòng chẳng có gì là không vui.

Khi ấy Tôn-giả Ưu-ba-ly bèn trở lại chỗ Phật, bạch với Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Muốn dập tắt sự tranh chấp của các Tỳ-kheo ấy phải dụng tâm như thế nào?

Phật nói với Ưu-ba-ly: Muốn dập tắt sự tranh chấp thì trước hết phải trừ tính năng lực của bản thân mình, năng lực phước đức, năng lực biện tài và năng lực vô úy và biết rõ sự duyên sinh khởi. Tỳ-kheo trước hết phải tự suy nghĩ xem mình có những khả năng như vậy không. Nếu thấy sự tranh chấp ấy khởi lên chưa lâu; tâm người đó nhu nhuyễn, sự tranh chấp có thể dễ dập tắt, thì Tỳ-kheo này, lúc ấy mới dập tắt sự tranh chấp. Trái lại, nếu tự tư duy thấy mình không có các khả năng trên, sự tranh chấp khởi lên

đã lâu, người ấy cang cường, không thể dập tắt nhanh được, thì nên tìm một Tỳ-kheo có đức vọng cùng với mình dập tắt việc ấy. Nếu không có Tỳ-kheo có đức vọng, thì nên tìm một Tỳ-kheo đa văn. Nếu không có Tỳ-kheo đa văn thì nên tìm một Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã. Nếu không có Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã, thì nên tìm một Ưu-bà-tắc có thế lực lớn. Vị Tỳ-kheo tranh chấp kia thấy Ưu-bà-tắc rồi, tâm sẽ sinh xấu hổ, thì sự tranh chấp dễ dập tắt. Nếu không có Ưu-bà-tắc như vậy, thì nên nhờ nhà vua, hoặc vị đại thần có thế lực. Khi ấy, Tỳ-kheo tranh chấp kia thấy người hào quý có thế lực như vậy, thì tâm sinh kính sợ, do đó, sự tranh chấp dễ dập tắt. Nếu sự tranh chấp được dập tắt vào mùa đông, thì nên đem đến chỗ không có giá lạnh, khí hậu ấm áp, một nơi vắng vẻ. Khi Tỳ-kheo khách đến, nên cung cấp lò sưởi. Nếu vào mùa xuân, nên đem đến một nơi mát mẻ, sắp giường ghế dưới gốc cây, trang bị nước lạnh, nước giải khát, nên dùng quạt để quạt. Nếu vào mùa hạ nên đem đến một nơi cao ráo mát mẻ, và cung cấp các thứ cần thiết theo thời. Bấy giờ, nên cử một Tỳ-kheo có khả năng và có trí tuệ, biết rõ nhân duyên sự việc, không khiếp sợ, không tìm lỗi người, không sợ số đông. Nếu có Ưu-bà-tắc đến, nên tán thán công đức làm cho chúng Tăng hòa hợp, lại nói với Ưu-bà-tắc: “Như đức Thế Tôn nói, một pháp xuất hiện ở đời khiến cho trời người khổ não, trời người bất lợi. Một pháp đó là: Phá hoại, làm rối loạn chúng Tăng, đến khi thân hoại mệnh chung sẽ rơi thẳng vào địa ngục.”

Lại nữa, này Ưu-bà-tắc, như đức Thế Tôn nói: “Một pháp xuất hiện ở đời khiến cho trời người an lạc, trời người được lợi. Một pháp đó là: Làm cho chúng Tăng hòa hợp, thì sau khi thân hoại mệnh chung sẽ sinh vào cõi Thiện, trên cõi trời, hoặc trong cõi người. Như vậy đó Ưu-bà-tắc, muốn được công đức lớn, nên làm cho chúng Tăng hòa hợp.”

Khi hai nhóm trình bày, thầy Tỳ-kheo này (người xử đoán) phải xem xét sự việc cặn kẽ, ghi nhớ từng lời nói, từng câu, từng chữ,

từng ý nghĩa. Bấy giờ trong hội chúng có một Tỳ-kheo không phải Thát-lại-tra mà giả bộ Thát-lại-tra, nói như sau:

Tôi nghe các Đại đức trước kia nói (328b) những lời như vậy mà giờ đây lại nói những lời như vậy là không ăn khớp nhau.

Nếu thấy người này tính tình nhu nhuyến có thể chiết phục được thì nên nói giữa chúng Tăng như thế này để ông ta hổ thẹn: “Ông là kẻ bất thiện, gây nên việc bất hòa, làm cho chúng Tăng không hòa hợp. Hôm nay vì việc đó mà phải tập trung tại đây.” Trái lại, nếu đó là người ác tính, tính cang cường cố chấp, có thể làm tăng thêm sự tranh đấu, thì nên nói nhỏ nhẹ bằng những lời sau: “Trưởng lão, hôm nay chúng Tăng tập họp là để dập tắt sự tranh đấu, vậy trưởng lão nên hợp tác với tôi để dập tắt sự tranh đấu này.” Nếu thấy tâm ý của Tỳ-kheo ấy đã nhu nhuyến rồi thì bấy giờ vị Tăng đoán sự (người xử đoán) nói với thầy Tỳ-kheo hữu sự thế này: “Giờ ông hãy trình bày sự việc đó.”

Rồi Tỳ-kheo ấy nói như sau: “Nay tôi trình bày sự việc này, mong chúng Tăng giải quyết cho tôi đúng pháp, đúng luật.”

Bấy giờ, Tỳ-kheo đoán sự nên khiển trách người này bằng những lời sau, để cho ông hổ thẹn: “Ông là kẻ bất thiện, có chúng Tăng nào lại dùng điều phi pháp, phi luật để giải quyết công việc!” Nếu Tỳ-kheo ấy nói: “Tôi không định nói như thế với chúng Tăng, mong chúng Tăng hãy dạy bảo tôi về những cách thức.”

Bấy giờ người đoán sự nên dạy ông ta nói thế này: “Nay tôi trình bày nguyên nhân của sự tranh chấp này, tùy theo chúng Tăng chỉ dạy, tôi sẽ phụng hành.”

Nếu Tỳ-kheo ấy không theo lời nói mà Tăng chỉ dạy, thì nên nói với ông: “Nếu ông không vâng lời Tăng chỉ dạy, thì tôi sẽ lấy biểu quyết giữa Tăng, đuổi ông ra khỏi chúng.”

Nếu Tỳ-kheo ấy vẫn không chịu vâng lời, thì bấy giờ nên bảo một Ưu-bà-tắc hỏi ông ta: “Ông có chịu nghe lời Tăng dạy không? Nếu

ông không chịu nghe lời, tôi sẽ áp dụng luật pháp của bạch y đối với ông, đuổi ông ra khỏi thành ấp xóm làng.”

Nếu biết sự tranh chấp của Tỳ-kheo ấy là sự tranh chấp nhỏ nhặt, thì Tăng có thể dập tắt sự tranh chấp trước mặt Ưu-bà-tắc. Nếu sự việc ấy bỉ ổi, xấu xa thì nên khuyên nhủ Ưu-bà-tắc ra khỏi hội chúng, rồi Tăng mới tùy theo sự thật, áp dụng Hiện-tiền Tỳ-ni mà diệt trừ sự việc ấy đúng pháp, đúng luật, đúng theo kinh giáo.

Bấy giờ, Tôn-giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là dùng Hiện-tiền Tỳ-ni để dập tắt tranh chấp?”

Phật nói với A-nan: “Này A-nan, những sự tranh cãi của Tỳ-kheo gồm có: Như pháp, phi pháp; như luật, phi luật; tội, chẳng phải tội; tội nhẹ, tội nặng; tội có thể trừng trị, tội không thể trừng trị; như pháp yết-ma, phi pháp yết-ma; hòa hợp yết-ma, không hòa hợp yết-ma; yết-ma nên làm, yết-ma không nên làm. Này A-nan, nếu có những việc như thế phát sinh, thì nên nhanh chóng tập hợp Tăng, tập hợp Tăng rồi, kiểm điểm sự việc, như pháp, như luật, như kinh giáo, tùy theo sự thật mà áp dụng Hiện-tiền Tỳ-ni để diệt trừ. Nếu hội đủ năm điều phi pháp (sau đây) thì không thành Hiện-tiền Tỳ-ni. Thế nào là năm? Đó là: Bất hiện tiền dũ (giải quyết sự việc không có mặt đương sự); (328c) không hỏi; không nhận lỗi; không đúng pháp; giải quyết việc không hòa hợp. Đó gọi là năm điều phi pháp, áp dụng hiện tiền Tỳ-ni nên không thành. Nếu thành tựu năm pháp thì mới thành áp dụng Hiện-tiền Tỳ-ni. Năm pháp đó là: Có sự hiện diện của đương sự; hỏi; nhận lỗi; đúng pháp; giải quyết sự việc trong sự hòa hợp.

Đó gọi là năm pháp thành tựu áp dụng Hiện-tiền Tỳ-ni, như vậy đó A-nan, như pháp, như luật, như Phật dạy.

Khi áp dụng Hiện-tiền Tỳ-ni để dập tắt sự tranh chấp rồi, nếu có khách Tỳ-kheo, hoặc Tỳ-kheo ra đi, hoặc Tỳ-kheo gởi dục, hoặc Tỳ-kheo không gởi dục, hoặc Tỳ-kheo mới thọ giới, hoặc Tỳ-kheo

đang ngồi ngủ gục, những Tỳ-kheo này nói như sau: “Yết-ma như vậy là không tốt, trái với Phật, pháp, Tăng giống như trâu dê, yết-ma bất thiện, yết-ma không thành tựu.” Này A-nan, do nói như thế mà sự tranh chấp khởi lên trở lại, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tương ngôn tránh (sự tranh cãi do những lời bắt bẻ).

Dùng Hiện-tiền Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi do hủy báng: Nếu Tỳ-kheo không thấy, không nghe, không nghi Tỳ-kheo khác phạm năm thiên tội: Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni mà dùng năm thiên tội ấy hủy báng, đó gọi là sự tranh cãi do hủy báng. Trong trường hợp này nên dùng hai pháp Tỳ-ni là “Ưc niệm Tỳ-ni” và “Bất-si Tỳ-ni” để dập tắt.

2. Ưc niệm Tỳ-ni: Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, Tỳ-kheo-ni Từ Địa làm điều phi phạm hạnh, bị mang thai, bèn đến chỗ nhóm sáu Tỳ-kheo nói như sau: “Tôi làm việc phi phạm hạnh, nay bị mang thai, Tôn-giả có hiềm thù với ai, tôi sẽ vu cáo họ giúp cho.”

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói: “Lành thay này chị em, nay muốn làm việc lợi ích cho chúng tôi. Này chị em, Đà-phiêu-ma-la-tử là kẻ thù suốt đời của chúng tôi, đã cho chúng tôi phòng ở dột nát, cung cấp mền gối không tốt, và thức ăn uống thô xấu. Nếu người này còn sống lâu trong nếp sống phạm hạnh, thì chúng tôi còn chịu khổ dài dài. Cô hãy chờ ngày chay, khi đại chúng thuyết pháp, rồi cô đến giữa đại chúng tố cáo Tỳ-kheo ấy đã làm điều phi phạm hạnh (đã giao hợp) với cô.”

Cô ấy đáp: “Tôi sẽ làm như lời Tôn-giả dạy.”

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni ấy, vào các ngày mồng 8, 14, 15 lúc đại chúng thuyết pháp, bèn đến trước chúng, nói như sau: “Này Tôn-giả (Đà-phiêu), hãy sắm các thức ẩm thực như sữa, dầu, nếp v.v..., và sửa chữa phòng ốc, tìm người hộ sinh giúp cho tôi, vì tôi sắp đến lúc sinh nở.”

Trưởng lão (Đà-phiêu) đáp: “Này cô, cô hãy tự biết, tôi không có việc ấy.”

Tỳ-kheo-ni Từ Địa lại nói: “Kỳ quái! Kỳ quái! Ông là kẻ trượng phu (nhân tình của tôi) sớm đi, tối đến, cùng với tôi chẵn gối, mà giờ đây lại nói: “Tôi không có việc ấy.” Chớ có nhiều lời, hãy sắm cho tôi các thứ sữa, dầu v.v..., vì giờ sinh nở của tôi đã đến.”

(329a) Trưởng lão lại nói: “Cô tự biết lấy. Tôi không có việc đó”, nói như thế ba lần, rồi bỏ đi.

Khi ấy trong dân chúng, những người không tin Tam bảo thì liền suy nghĩ: “Hai người này đều còn trẻ tuổi, ắt có việc đó.” Còn những người có ít lòng tin thì đều sinh nghi ngờ: Chẳng biết có hay không. Trái lại, những người có lòng tin kiên cố, thì nói: “Tôn-giả này đã diệt xong ba độc, ác pháp đã đoạn tận vĩnh viễn, không thể có việc ấy.”

Bấy giờ, những tiếng xấu về Tôn-giả Đà-phiêu-ma-la-tử làm điều phi phạm hạnh được truyền đi khắp nơi, ở chỗ kín đáo cũng nghe, ở chỗ nhiều người cũng nghe, ở giữa chúng Tăng cũng nghe. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo:

Này các Tỳ-kheo, những tiếng xấu đồn về Đà-phiêu-ma-la-tử làm điều phi phạm hạnh được truyền đi khắp nơi, vậy các ông phải đến chỗ kín đáo hỏi ba lần, ở chỗ đông người hỏi ba lần, ở giữa chúng Tăng hỏi ba lần. Tại chỗ kín đáo nên hỏi như sau: “Trưởng lão Đà-phiêu-ma-la-tử, Tỳ-kheo-ni Từ Địa đã nói như thế đó, thầy có biết chăng?” Nếu lúc ấy, trưởng lão nói: “Tôi không biết mình có làm hay không cũng không nhớ nữa”, thì phải hỏi như vậy đến lần thứ hai, thứ ba, rồi hỏi ở chỗ nhiều người ba lần cũng như vậy, rồi lại hỏi ở giữa chúng Tăng: “Trưởng lão Đà-phiêu-ma-la-tử, Tỳ-kheo-ni Từ Địa đã nói như thế, thầy có biết việc đó không?” Nếu đáp: “Tôi không biết mình có làm hay không cũng không nhớ nữa”, thì lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi như vậy.”

(Sau khi đã làm theo lời Phật dạy) Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn! Trưởng lão Đà-phiêu-ma-la-tử đã được hỏi ở chỗ kín đáo ba lần, ở chỗ nhiều người ba

lần, ở giữa chúng Tăng ba lần, ông đều nói: “Tôi không biết có làm hay không cũng không nhớ nữa.”

Khi ấy, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Ông Đà-phiêu-ma-la-tử này thanh tịnh, không có tội. Còn Tỳ-kheo-ni Từ Địa tự nói mình phạm tội thì phải khu xuất.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni ở tại thành Vương-xá hiềm trách Thế Tôn như sau: “Xem ra việc xử đoán ấy không công bằng. Cả hai người đều phạm tội, vì sao lại giữ Tỳ-kheo, đuổi Tỳ-kheo-ni! Nếu cùng có tội thì cùng đuổi, nếu không có tội thì đều giữ lại. Vì sao Thế Tôn lại đuổi một, giữ một?”

Các Tỳ-kheo liền đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bèn bảo A-nan: “Ông đi gọi các Tỳ-kheo-ni Tăng đang sống tại thành Vương-xá đến cả đây.”

Thế rồi, A-nan vâng lời Thế Tôn, đi đến chỗ các Tỳ-kheo-ni Tăng nói như sau: “Này các chị em, đức Thế Tôn cho gọi các vị!”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo-ni nói với tôn-giả A-nan: “Chúng tôi chẳng có duyên sự gì ở chỗ Thế Tôn, vì sao lại gọi đến? Nếu có sự duyên thì không gọi, chúng tôi cũng đến. Tôn-giả hãy trở về. Chúng tôi không có duyên sự nên không thể đến.”

Bấy giờ, A-nan bèn suy nghĩ: “Đây thật là điều lạ lùng! Nhờ ân đức của Thế Tôn mới được xuất gia (329b) hành đạo, thế mà vì sao đối với Phật không khởi tâm kính trọng, không vâng theo mệnh lệnh?” Thế rồi, A-nan trở về lại chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đem sự tình ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền bảo A-nan: “Ông hãy đến nói với các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá rằng: Các người có lỗi, Thế Tôn ra lệnh cho các người ra đi, không được ở đây.”

A-nan vâng lời dạy, liền đến chỗ Tỳ-kheo-ni nói như sau: “Này các chị em, các người có lỗi, đức Thế Tôn ra lệnh các người phải đi, không được ở đây nữa.”

Các Tỳ-kheo-ni trả lời tôn-giả A-nan: “Chúng tôi không có duyên sự gì ở ngoài thành nên không đi đâu hết; nếu có duyên sự thì không cần ra lệnh cũng tự ra đi.”

Bấy giờ A-nan suy nghĩ: “Thực là lạ kỳ, nhờ ân đức của Thế Tôn mà được xuất gia tu hành, vì sao đối với Phật lại không có tâm kính trọng, bảo đến không đến, khiến đi cũng không đi! ”

Thế rồi, A-nan bèn trở về chỗ Phật cúi đầu đánh lễ dưới chân, đem sự tình ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật nói với A-nan: “Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri, đối với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni Tăng ở các thành ấp thôn xóm nếu bảo đến không đến, khiến đi cũng không đi, thì Như Lai phải tự mình đi lánh (nạn). A-nan, ông hãy lấy y Tăng-già-lê đưa đây.”

Khi ấy, Tôn-giả A-nan bèn trao y Tăng-già-lê cho Thế Tôn. Thế rồi, vào giữa trưa, Thế Tôn không nói với các Tỳ-kheo-tăng, chỉ đem theo A-nan, đi qua thôn xóm có cư sĩ Ngũ-Thông, hướng về thành xá-vệ. Bấy giờ, vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hi, sau khi sát hại phụ vương, ôm lòng ưu sầu cực độ, hằng ngày thường đến Thế Tôn sám hối ba lần, vào bình minh, giữa trưa và buổi chiều. Ông sám hối sớm mai rồi giữa trưa lại đến mà không thấy Thế Tôn, bèn hỏi các Tỳ-kheo: “Thế Tôn đang ở đâu?”

Các Tỳ-kheo đáp: “Thế Tôn đã đi rồi.”

Nhà vua nói: “Đức Thế Tôn mỗi lần đi đâu một tháng, nửa tháng đều nói với tôi. Nay vì nhân duyên gì mà im lặng ra đi?”

Khi ấy các Tỳ-kheo đã nghe được Phật nói, bèn đáp: “Thưa đại Vương, các Tỳ-kheo-ni ở Thành Vương-xá không vâng theo mệnh lệnh của Thế Tôn, gọi đến không đến, khiến đi cũng không đi, như thế đó Đại Vương có biết không, Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri, đối với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni Tăng đang sống tại các thành ấp xóm làng nếu bảo đến mà không đến, khiến đi cũng không đi, thì Như Lai bèn tự mình đi ẩn lánh. Ngày nay các Tỳ-

kheo-ni Tăng tại thành Vương-xá không vâng theo lời Phật dạy, vì vậy Thế Tôn im lặng mà đi.”

Nhà vua nghe lời trình bày, cực kỳ giận dữ, bèn ra lệnh cho các quan: “Hiện giờ trong lãnh thổ của ta có bao nhiêu Tỳ-kheo-ni Tăng phải đuổi đi tất cả.”

Khi ấy, có vị quan trí tuệ liền can nhà vua: “Không phải tất cả Tỳ-kheo-ni trong lãnh thổ đều có lỗi, mà chỉ có Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá trái lời dạy của Thế Tôn mà thôi.”

Nhà vua bèn chấp nhận lời can của (329c) vị đại thần, ra lệnh quan Hữu ty đuổi các Tỳ-kheo-ni tại thành Vương-xá đi. Lúc ấy, quân lính bèn cầm cây gậy đất đá ngói gạch, đánh ném các Tỳ-kheo-ni, đuổi ra khỏi kinh thành, dùng những lời trách cứ thế này: “Các người là những kẻ tệ ác, nhờ ân đức của Thế Tôn mới được xuất gia tu hành, thế mà không biết cung kính, trái lời Phật dạy, hãy rời khỏi đây nhanh, hỡi những mục giả tệ ác. Vì các người mà chúng ta không gặp Thế Tôn, không nghe chánh pháp. Các người hãy đi nhanh, không được ở đây nữa.”

Bấy giờ tại các thôn làng, dân chúng thấy sự kiện như vậy, đều từ xa mắng rằng: “(cho đến) Khiến chúng ta không gặp Thế Tôn, không nghe chánh pháp. Các người hãy ra đi nhanh, không được ở đây nữa.”

Khi ấy, Ưu-đà-di cũng cầm gậy xua đuổi các Tỳ-kheo-ni, và cũng trách cứ những lời như trên. Nhà vua bèn ra lệnh cho các quan: “Các người thấy Tỳ-kheo-ni nào đi theo đức Thế Tôn thì phải tìm cách bảo vệ họ, để cho họ được yên ổn. Nếu họ đi về hướng khác thì tùy ý họ, không cần phải bảo vệ.”

Khi các Tỳ-kheo-ni ra khỏi thành rồi, người nào cũng đều nói: “Nếu chúng ta đi tới những phương khác thì ở đâu cũng đều bị xua đuổi, không có chỗ nào ở được. Vậy, giờ đây chúng ta nên đi theo sau đức Thế Tôn.”

Do vậy, nơi nào đức Thế Tôn buổi sớm ra đi, thì các Tỳ-kheo-ni buổi chiều tới đó. Như vậy ở trên đường đi thường cách nhau một ngày.

Bấy giờ, Thế Tôn vì muốn hóa độ nên đi qua xóm làng có cư sĩ Ngũ-thông hướng về thành xá-vệ. Cư sĩ Ngũ-thông theo lệ thường hãy nghe Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tới thì đi cách một do tuần đón rước và dâng các thức cúng dường. Bấy giờ, ông nghe các Tỳ-kheo-ni kia sắp đến, liền nhập định quan sát xem các Tỳ-kheo-ni vì nhân duyên gì mà đến. Quán sát rồi, ông thấy rằng các Tỳ-kheo-ni ấy tất cả đều có lỗi, đều bị trị phạt đuổi đi, chưa được giải tội, chẳng phải là khí cụ thanh tịnh, không có phần nào thánh pháp. Quán sát thấy thế nên ông không đến nghênh đón và dâng các thức cúng dường. Các Tỳ-kheo-ni lần lượt hỏi thăm, bèn tìm đến được nhà ông, nói: “Các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá nay đang ở ngoài cửa, xin báo cho cư sĩ biết.”

Cư sĩ bèn ra lệnh cho những người giúp việc giao cho (các Tỳ-kheo-ni) nhà dột, mền gối rách nát, không cung cấp nước nóng, nước rửa chân và dầu thoa chân, cũng không cho nước uống phi thời, cũng không hỏi thăm, an ủi, ban đêm không thắp đèn, sáng sớm không cung cấp tắm rửa răng và nước sạch, và đưa cho các thứ ẩm thực thô sơ. Họ ăn rồi, liền bảo đi nhanh.

Các Tỳ-kheo-ni rời khỏi nhà ông rồi liền bảo nhau: “Tôi nghe nói ông cư sĩ này thường có tín tâm, cung kính cúng dường chúng Tăng, nhưng nay xem ra thì không có lòng kính tín.”

Trong số họ, có một Tỳ-kheo-ni bảo với mọi người: “Thôi im đi các dì! (330a) Hãy tự quán sát chính mình. Chúng ta đã trái lời dạy của Thế Tôn, được cúng dường như thế là quá lắm rồi.”

Thế rồi, các Tỳ-kheo-ni dần dần đi tới, đến thành xá-vệ, tới chỗ A-nan, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng qua một bên, bạch với A-nan: “Chúng tôi muốn được yết kiến Thế tôn để đánh lễ thăm

hỏi, mong Tôn-giả hãy vì Tỳ-kheo-ni Tăng mà bạch giúp Thế Tôn, xin thương xót hứa cho.”

A-nan đáp: “Lành thay này các chị!” Liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân đứng qua một bên, bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá muốn đến hầu Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép, con sẽ gọi đến.”

Phật nói với A-nan: “Ông chớ bảo Tỳ-kheo-ni ở Vương-xá đến gặp Ta.”

A-nan nói: “Lành thay!”

Rồi lễ Phật, trở lại chỗ các Tỳ-kheo-ni, nói: “Này các chị, đức Thế Tôn dạy không cho các vị tới.”

Rồi thầy xin đến lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy.

Phật liền nói với A-nan: “Vì sao ông tỏ ra ân cần đối với Tỳ-kheo-ni Tăng ở thành Vương-xá đến như thế?”

A-nan liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không nghĩ họ là Tỳ-kheo-ni, mà Thế Tôn gọi đến không đến, khiến đi không đi, nhưng vì Thế Tôn đã nhắc đến Tỳ-kheo-ni Tăng ở thành Vương-xá với một lý do khác. Chính vì Tăng (đoàn) cho nên con mới ân cần.”

Phật nói: “Ta cho phép Tỳ-kheo-ni Tăng ở thành Vương-xá đến đây.”

A-nan liền trở về chỗ các Tỳ-kheo-ni, nói: “Các chị được lợi ích rất lớn! Vì Thế Tôn đã cho phép các vị tới hầu.”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế rồi, liền khen ngợi: “Lành thay, lành thay A-nan!”, rồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng qua một bên, bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con bất thiện, đại dột như trẻ con, không biết ruộng phước, không biết ân tình, chẳng vâng lời Thế Tôn dạy. Nay chúng con đã tự thấy biết tội lỗi. Kính xin Thế Tôn nhận sự hối lỗi của chúng con.”

Phật liền nói với các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá: “Các người bất thiện, đại dột như trẻ con, không biết ruộng phước, chẳng biết ân tình, Thế Tôn (Ta) gọi đến không đến, khiến đi cũng không đi. Nay các người đã tự thấy lỗi lầm, Ta cho phép các người sám hối. Trong giáo pháp của bậc thánh, ai có thể hối lỗi thì căn lành tăng trưởng. Từ nay trở đi chớ có phạm trở lại.”

Nếu Tỳ-kheo-tăng như pháp gọi Tỳ-kheo-ni Tăng, thì Tỳ-kheo-ni Tăng đúng pháp phải đến liền, nếu không đến, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Do đó, Tỳ-kheo-tăng được phép ngăn Tỳ-kheo-ni Tăng này Bố-tát, tự tứ, hoặc khi họ đến thì không cho vào cửa.

Nếu Tỳ-kheo-tăng như pháp gọi nhiều Tỳ-kheo-ni, hoặc gọi một Tỳ-kheo-ni thì cũng như vậy.

Nếu nhiều Tỳ-kheo như pháp gọi Tỳ-kheo-ni Tăng, thì đúng pháp Tỳ-kheo-ni Tăng phải đến, nếu không đến thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Do đó, phải ngăn những Tỳ-kheo-ni này (330b) Bố-tát, tự tứ, hoặc khi họ đến, thì không cho vào cửa.

Nếu nhiều Tỳ-kheo như pháp gọi nhiều Tỳ-kheo-ni, hoặc gọi một Tỳ-kheo-ni cũng như vậy.

Nếu một Tỳ-kheo như pháp gọi Tỳ-kheo-ni Tăng, hoặc gọi nhiều Tỳ-kheo-ni, hoặc gọi một Tỳ-kheo-ni thì Tỳ-kheo-ni đúng pháp phải đến, nếu không đến thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Do đó, cần phải ngăn Tỳ-kheo-ni này Bố-tát, tự tứ, hoặc lúc họ đến thì không cho vào cửa.

Nếu Ni Tăng, hoặc nhiều Tỳ-kheo-ni, hoặc một Tỳ-kheo-ni hướng về Tỳ-kheo-tăng, hướng về nhiều Tỳ-kheo, hướng về một Tỳ-kheo sám hối lỗi lầm thì cũng như trong pháp hướng về Phật sám hối lỗi lầm trước kia đã nói rõ.

Khi ấy, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá tùy thuận thuyết pháp, chỉ dạy khiến họ được lợi ích, vui vẻ. Do thế một Tỳ-kheo-ni đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Phật liền nói với các

Tỳ-kheo-ni: “Các người hãy trở về men theo con đường cũ, nếu cư sĩ Ngũ-thông có chỉ bảo điều chi thì hãy thọ trì.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá liền trở về ngang qua thôn Ngũ-thông. Lúc ấy, cư sĩ Ngũ-thông liền nhập định, quán sát thấy các Tỳ-kheo-ni này đã hướng về Phật sám hối, đều được thanh tịnh, thành tựu pháp khí. Thế nên, theo thường lệ, ông ngồi xe ngựa trắng đi một do tuần nghênh đón, từ xa trông thấy các Tỳ-kheo-ni Tăng, bèn xuống xe, đi bộ, trật vai áo bên phải, quỳ gối phải trên đất, chấp tay bạch rằng: “Lành thay quý Ni-sư, đi đường không vất vả đấy chứ?”

Thế rồi, ông mời các Tỳ-kheo-ni đi trước, ông đi theo sau mà trở về. Khi về đến nhà, ông cung cấp phòng ở và giường nệm ngoại cụ mới đẹp, lại cung cấp nước nóng, nước rửa chân, dầu thoa chân, nước giải khát, buổi tối thắp đèn, an ủi hỏi thăm rằng: “Quý Ni-sư hãy nghỉ ngơi yên ổn.”

Thế rồi, vào buổi sáng sớm, ông cung cấp tắm xía răng, nước rửa mặt và cháo sáng, đến giờ ăn lại dâng các thức ẩm thực thích hợp. Sau khi họ ăn xong, ông trật vai áo bên phải, quỳ gối phải trên đất, chấp tay bạch rằng: “Nay con xin mời quý Ni-sư an cư mùa hạ, con sẽ cung cấp các thứ cần thiết như y phục, ẩm thực, giường nằm, thuốc chữa bệnh, và sẽ chỉ bảo cho các cô đọc tụng kinh kệ, chỉ trừ việc Bố-tát, Tỳ-tứ.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo-ni liền suy nghĩ: “Nay đã đến ngày 12 tháng 4, việc Hạ an cư đã gấp rút, hơn nữa, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta phải lãnh giáo Ngũ-thông cư sĩ.” Suy nghĩ thế rồi, họ liền chấp nhận an cư mùa Hạ tại đấy. Và hàng ngày cư sĩ thuyết giảng về Tứ-niệm-xứ cho các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni nghe được pháp đó rồi, thì đầu đêm, cuối đêm tinh cần không biếng nhác, tụ tập thánh đạo, thành tựu quả chứng. Sau khi thọ Tỳ-tứ xong, các Tỳ-kheo-ni suy nghĩ: “Chúng ta (330c) hãy đi đến Thế Tôn, đánh lễ thăm hỏi và trình bày quả chứng.” Nghĩ thế rồi, các Tỳ-kheo-ni bèn hướng về thành xá-vệ đi đến chỗ A-nan, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng qua

một bên, bạch với Tôn-giả A-nan: “Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì các Thanh-văn giảng Tứ Niệm Xứ, chúng tôi đầu đêm, cuối đêm tinh tấn không lười biếng, tu tập thánh đạo, thành tựu quả chứng.” Nói như thế rồi họ bèn trở về trú xứ.

Sau khi các Tỳ-kheo-ni đi không bao lâu, tôn-giả A-nan bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, đem những gì mà các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá đã nói, trình bày đầy đủ với Thế Tôn, cho đến việc tu đạo, chứng quả. Sau khi trình bày xong, thấy liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Việc ấy như thế nào xin Thế Tôn-giải thích rõ.”

Phật liền nói với A-nan: “Đúng như các Tỳ-kheo-ni đã nói chân thật không khác. Tại vì sao? Là vì, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, ai có khả năng tu tập Tứ niệm xứ một cách tinh cần, thì tất cả đều thành tựu, chứng quả, như trong kinh Tứ Niệm Xứ đã nói rõ.”

Khi ấy các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá không biết tri ân đối với Thế Tôn? Rồi khi tới thành xá-vệ, lại đi thẳng đến chỗ A-nan mà không hầu thăm Thế Tôn, khiến cho Ưu-đà-di phải cầm gậy gộc xua đuổi, rồi tôn-giả A-nan ân cần giải cứu, xin Thế Tôn-giải thích rõ việc ấy.”

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Các Tỳ-kheo-ni không những ngày nay đối với Ta không biết tri ân, khiến Ưu-đà-di cầm gậy xua đuổi, rồi A-nan ân cần cầu xin Ta giải cứu mà trong đời quá khứ cũng đã từng có như thế, như trong kinh Bốn sinh tượng vương đã nói rõ.”

(Giới thứ 4 tiếp tục ở quyển thứ 13)

✱

Hết quyển mười hai

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 13

BA-DẠ-ĐỀ (tiếp theo)

4. KHÔI LẠI SỰ TRANH CẢI (tiếp theo)

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ trong thành có một dân nữ nhà rất giàu có, của cải thật nhiều, châu báu đủ loại, kho tàng đầy ắp, giữ gìn kiên cố, (331a) kẻ trộm rình mò, không làm gì được. Lúc ấy, tên chúa đảng cướp nghĩ được kế hay, bèn sai sứ giả đến nói với dân nữ: “Bọn chúng tôi muốn đến trên hồ kia, mời thêm nhiều cô gái làng chơi nữa, bày ra các thức ẩm thực, rồi tha hồ hưởng lạc. Vậy cô nên trang sức thật đẹp, rồi đến hồ ấy chờ để lượm thượm mà bọn họ chê cười.”

Tâm lý của phụ nữ là ưa ganh tỵ, háo thắng, nên cô ta khoác các loại danh y thượng hạng, trang sức trên thân đủ các thứ chuỗi ngọc anh lạc, ánh sáng của chúng chiếu ra chói mắt, rồi đi tới chỗ mà họ đã mời. Lúc ấy, tên tướng cướp bèn khéo léo dụ dỗ đưa cô ta đến một nơi vắng vẻ, kín đáo, rậm rạp. Dân nữ liền hỏi: “Trước đây nghe nói có mời các phụ nữ khác, giờ đây họ ở đâu?”

Tên tướng cướp đáp: “Lát nữa họ sẽ đến, ta hãy cùng nhau hoan lạc đã.”

Lúc ấy, dân nữ bèn suy nghĩ: “Giờ đây, xem người này chắc là tướng cướp chứ không gì khác. Vì sao mà biết? Vì nơi này không phải là chỗ hẹn trước. Và lại, các phụ nữ kia chắc chắn là không

đến, mà mặt trời đã về chiều.” Thế rồi, dâm nữ nói: “Tôi muốn trở về nhà.”

Tên tướng cướp nói: “Hãy cùng nhau vui chơi đã, có gì đâu mà gấp gáp thế!”

Khi ấy dâm nữ suy nghĩ: “Thế này là hẳn định ăn cướp rồi, chắc ta bị hẳn làm khốn đốn mất. Ta có 64 diệu thuật giờ chính là lúc phải áp dụng, nếu không áp dụng thì làm sao thoát nạn!” Thế rồi, cô ta giả vờ hiện ra vẻ ủy mị yêu thương, cùng chén tạc chén thù với tên tướng cướp, mình uống cầm chừng, mời hẳn cạn chén, bên ngoài ra vẻ ân cần thân thiết triu mến, nhưng trong lòng giữ một khoảng cách, khiến cho tâm hồn của tên cướp say đắm khoái lạc, không nghi ngờ gì nữa.

Lúc ấy, tên tướng cướp một mình điu dâm nữ tới một chỗ kín đáo thì hơi men phát tác, say túy lúy không còn hay biết gì nữa. Dâm nữ bèn từ từ thoát ra khỏi vòng tay của tướng cướp, lấy y phục mặc vào, rồi đi tới thành xá-vệ, nhưng cửa thành đã đóng. Cô bèn đi về phía Tinh xá Kỳ-hoàn, thì cửa tu viện cũng đã đóng. Khi ấy, ở bên ngoài cửa có một trưởng lão Tỳ-kheo tên Ca-lô đang trải giường dây mà ngồi tại một chỗ khuất, cách cổng chùa không xa. Y của Thầy phủ xuống bốn phía giường. Vì trong cơn sợ hãi, cần tìm chỗ an ổn nên dâm nữ này bèn chui vào dưới giường trưởng lão. Nhưng Ca-lô lúc ấy đang nhập định không quan sát dưới giường. Sau lúc nửa đêm, tên tướng cướp tỉnh rượu, định lột đồ của dâm nữ, nhưng tìm cô ta không thấy. Hẳn bèn hỏi chúng bạn: “Các người có thấy cô gái ấy không?” Bọn chúng đều đáp: “Không thấy.” Thế rồi, cả bọn đều cầm đuốc đi tìm, nhưng tuyệt nhiên không biết cô ta ở đâu. Chúng bèn bảo nhau: “Nếu tìm không được thì hãy theo vết chân.” Thế là chúng men theo dấu chân tìm đến cửa thành xá-vệ, thì thấy cửa thành đóng, bèn theo dấu chân đến trước cửa Kỳ-hoàn, lại cũng mất dấu vết, không biết đi về phương nào. Bọn cướp tuy thấy Tỳ-kheo nhưng không có bụng nghi ngờ. Bấy giờ trời sắp hùng đông, trong thành xá-vệ đã

có tiếng trống đánh, lại nghe tiếng voi ngựa gà chó, cho nên tên tướng cướp (331b) bèn bàn với đồng bọn: “Giờ đây đã mất cô ấy, không biết ở đâu, trời lại sắp sáng, không nên ở lâu nơi đây mà phải trở lại chỗ ẩn núp trong rừng.” Bàn bạc thế rồi, chúng bèn trở lại trong rừng. Khi ấy trời sáng, dân chúng, voi ngựa, xe cộ từ trong thành đi ra, lại có các Ưu-bà-di cũng rời khỏi thành đi thăm viếng đánh lễ Thế Tôn. Thế rồi, họ sang đánh lễ Tỳ-kheo Ca-lô, bỗng thấy dâm nữ kia từ dưới giường chui ra. Mọi người thấy thế, liền chê trách, nói: “Đây là nơi A-luyện-nhã, vì sao kẻ nạp y khát thực lại ngủ chung với dâm nữ suốt đêm, đến sáng mới thả đi, mất hết phép tắc sa-môn, có đạo nào như thế!”

Lúc ấy tiếng xấu về trưởng lão Đà-phiêu-ma-la-tử Ca-lô Tỳ-kheo được loan truyền khắp nơi. Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn bạch lên Thế Tôn. Phật nói: “Này các Tỳ-kheo, tiếng xấu về Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô làm điều phi phạm hạnh được loan truyền khắp nơi, vậy các ông phải đến chỗ kín đáo hỏi ông ba lần, đến chỗ đông người hỏi ba lần, rồi hỏi giữa chúng Tăng ba lần. Khi ở chỗ kín đáo nên hỏi như sau: “Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô, các vị phạm hạnh nói như thế, việc đó Thầy có biết không?” Nếu ông ta đáp: “Không biết tôi có làm hay không cũng không nhớ nữa”, thì phải hỏi như vậy đến lần thứ hai, thứ ba. Rồi hỏi ở chỗ nhiều người ba lần, hỏi giữa chúng Tăng ba lần cũng như vậy.”

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô ấy đã được hỏi ở chỗ vắng ba lần, hỏi ở chỗ nhiều người ba lần và hỏi giữa chúng Tăng ba lần. Nhưng Thầy tự nói: “Không biết tôi có làm hay không cũng không nhớ nữa.”

Bấy giờ, Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô ấy thanh tịnh, không có tội. Tăng nên cho pháp Ưc niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng), cùng sống thanh tịnh. Khi làm pháp yết-ma cầu thánh, người làm yết-ma nên nói như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô này đã tự nói trước các bậc phạm hạnh như sau: “Không biết có làm hay

không tôi cũng không nhớ nữa.” Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô đến trước Tăng xin pháp Ưc niệm Tỳ-ni để dập tắt tai tiếng, mà sống thanh tịnh. Các Đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô đến trước Tăng xin pháp Ưc niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh thì im lặng; ai không bằng lòng thì hãy nói.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành.”

Thế rồi, người xin là Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô phải trật vai áo phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối phải trên đất, nói như sau:

“Tôi là Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô đã nói trước các bậc phạm hạnh như sau: “Tôi không biết có làm hay không cũng không nhớ nữa.” Tôi là Đà-phiêu Ca-lô nay đến trước Tăng xin pháp Ưc niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng), mà sống thanh tịnh, cúi xin Tăng cho tôi pháp Ưc niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng), mà sống thanh tịnh” (xin như vậy đến lần thứ hai, & 3).

Rồi người làm yết-ma nên nói thế này:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô (331c) được các bậc phạm hạnh hỏi như thế, rồi Thầy tự nói: “Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa.” Nay Thầy đến trước Tăng xin pháp Ưc niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô pháp Ưc niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô này được các bậc phạm hạnh hỏi như thế, rồi Thầy tự nói: “Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa.” Nay Thầy đến trước Tăng xin pháp Ưc niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng), mà sống thanh tịnh. Các Đại đức nào bằng lòng cho trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô pháp Ưc niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng), mà sống thanh tịnh, thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần đầu (lần thứ hai và 3 cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho trưởng lão Đà-phieu Ca-lô pháp ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh, vì Tăng đã im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành.”

Thế rồi, Phật hỏi các Tỳ-kheo đã cho Đà-phieu Ca-lô pháp Ưc niệm Tỳ-ni chưa. Các Tỳ-kheo đáp: “Đã cho.”

Phật nói: “Này các Tỳ-kheo, có năm trường hợp cho pháp Ưc niệm Tỳ-ni phi pháp. Năm pháp đó là gì? Đó là: (1) Không thanh tịnh, tưởng là thanh tịnh mà cho; (2) Thanh tịnh, tưởng là không thanh tịnh mà cho; (3) Không kiểm điểm trước; (4) Làm phi pháp; (5) Không hòa hợp. Đó gọi là năm điều phi pháp khi cho Ưc niệm Tỳ-ni.

Trái lại, có năm điều như pháp khi cho Ưc niệm Tỳ-ni. Năm pháp đó là gì? Đó là: (1) Thanh tịnh, tưởng là thanh tịnh mà cho; (2) Không thanh tịnh, tưởng là không thanh tịnh mà cho; (3) Có kiểm tra trước; (4) Làm như pháp; (5) Hòa hợp. Đó gọi là năm điều như pháp khi cho Ưc niệm Tỳ-ni.”

Khi ấy, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì sao nàng dâm nữ ấy bị bọn cướp truy đuổi? ”

Phật nói: “Không những ngày nay cô ta bị bọn cướp truy đuổi mà trong thời quá khứ cũng đã từng bị bọn chúng truy đuổi, như trong *kinh Oan gia bản sinh* đã nói rõ.”

Bấy giờ, tôn-giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật rồi đứng qua một bên, bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Ưc niệm Tỳ-ni?”

Phật nói với A-nan: “Nếu Tỳ-kheo này vu cáo Tỳ-kheo khác phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni, thì phải cấp tốc tập hợp Tăng. Khi tập hợp Tăng rồi bèn hỏi Hòa thượng A-xà-lê, bạn hữu tri thức của Tỳ-kheo ấy rằng: “Trưởng lão, Thầy có biết Tỳ-kheo mỗ giáp kia từ trước đến nay là người giới hạnh thế nào không? Ông quen biết với ai? Người

quen biết ấy thiện hay ác?” Nếu nói: “Ông ấy từ trước đến nay giữ giới hạnh thanh tịnh, nhưng ông ta cùng với bạn bè quen biết có phạm vài lỗi nhỏ nhặt, mà trong lòng thấy (332a) hổ thẹn, liền tức khắc sám hối để tiêu trừ.” Người như vậy thì Tăng nên trao cho pháp Ưc niệm Tỳ-ni. Nếu nói: “Tôi biết Tỳ-kheo ấy từ trước đến nay giới hạnh không thanh tịnh, lại cùng kết bạn với kẻ ác, phạm tội mà không chịu sám hối như pháp.” Đây A-nan, nếu Tỳ-kheo như vậy thì Tăng không nên trao cho pháp Ưc niệm Tỳ-ni để dập tắt (tiếng xấu). Như vậy đó A-nan, khi đã như pháp, như luật trao cho pháp Ưc niệm Tỳ-ni để dập tắt sự hủy báng gây ra tranh cãi xong rồi, mà có khách Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo ra đi, hoặc Tỳ-kheo gợi dục, hoặc Tỳ-kheo không gợi dục, hoặc Tỳ-kheo ngồi ngủ gục trong phòng họp, hoặc Tỳ-kheo mới thọ giới, trong các Tỳ-kheo ấy, nếu ai nói: “Làm yết-ma như vậy không thành tựu, không đúng pháp, ngu si, vô trí, trái với Phật, Pháp, Tăng, giống như trâu dê, pháp yết-ma ấy bất thiện, không thành.” Do nói như vậy khiến cho sự tranh cãi sinh khởi trở lại, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là sự tranh cãi do hủy báng dùng pháp Ưc niệm Tỳ-ni để dập tắt.

3. Sự tranh cãi do hủy báng dùng pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Tôn-giả Kiếp-tân-na có 2 đệ tử tùy tùng, một tên là Nan-đề, 2 tên là Bát-già-nan-đề. Hai Tỳ-kheo ấy trước kia bị bệnh cuồng si. Khi bệnh, làm nhiều điều phi pháp. Giờ đây bệnh đã lành mà các vị phạm hạnh còn nhắc lại những việc làm của hai người trong lúc cuồng si, khiến cho 2 Thầy khi nghe những lời ấy rất là xấu hổ. Vì thế, 2 Thầy bèn đem việc ấy trình bày với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn! Nan-đề và Bát-già-nan-đề trong khi mắc bệnh cuồng si, làm nhiều điều phi pháp, nay bệnh đã lành mà các vị phạm hạnh còn nhắc lại những việc làm trong lúc hai người đang mắc bệnh cuồng si.”

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Các ông hãy hỏi họ ở chỗ vắng ba lần, hỏi ở chỗ nhiều người ba lần và hỏi giữa chúng Tăng ba lần.

Khi hỏi ở chỗ vắng nên nói: “Trưởng lão, các vị phạm hạnh nói như thế, Thầy có biết không?” Nếu Họ đáp: “Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa”, thì phải hỏi đến lần thứ hai, thứ ba, rồi hỏi ở chỗ nhiều người ba lần, hỏi giữa chúng Tăng ba lần cũng như vậy.”

(Sau khi hỏi xong) Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn! Chúng con đã hỏi họ ở chỗ vắng ba lần, hỏi ở chỗ nhiều người ba lần và hỏi ở giữa chúng Tăng ba lần, nhưng họ tự nói: không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa.”

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Hai Tỳ-kheo ấy trước kia cuồng si, giờ hết cuồng si mà các vị phạm hạnh nhắc lại những việc làm trong lúc cuồng si, rồi họ tự nói: “Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa”, thì Tăng nên cho họ pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Người chấp pháp nên làm pháp yết-ma cầu thánh, xướng rằng:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Nan-đề, Bát-già-nan-đề trước kia cuồng si, giờ hết cuồng si, mà các vị phạm hạnh còn nhắc lại những việc làm trong lúc cuồng si, (332b), rồi họ tự nói: “Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa.” Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay cho phép 2 Tỳ-kheo Nan-đề, Bát-già-nan-đề đến giữa Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy)... Các Đại đức đã bằng lòng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề đến giữa Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành.”

Thế rồi, Nan-đề, Bát-già-nan-đề phải đến giữa Tăng, trích vai áo phải, quỳ gối chấp tay xin như sau:

“Tôi là mỗ giáp, trước kia cuồng si, giờ hết cuồng si, nhưng các vị phạm hạnh nhắc lại những việc cuồng si trước kia mà tôi không biết có làm hay không cũng không nhớ. Nay tôi đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Kính xin Tăng cho tôi

pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy)” (Xin như vậy đến lần thứ hai, thứ ba).

Bấy giờ, Tăng nên nói với Tỳ-kheo ấy rằng: “Tăng không nói về việc của Thầy. Ai nói về việc của Thầy thì hãy đến bảo họ chớ nói nữa.”

Thế rồi, Tỳ-kheo này (cuồng si) nên đến Tỳ-kheo kia (phạm hạnh), nói: “Thưa trưởng lão, những việc làm trước đây của tôi trong lúc cuồng si, nay tôi không biết là mình có làm hay không cũng không nhớ nữa, xin trưởng lão chớ nhắc lại những việc làm của tôi trong lúc cuồng si.”

Vị Tỳ-kheo ấy nếu chấm dứt thì tốt, nếu không chấm dứt thì nên nói với Hòa thượng, A-xà-lê và bạn bè quen biết của ông ta như sau: “Thưa trưởng lão, đệ tử của Ngài và bạn bè tri thức nói về những việc làm của tôi trong lúc cuồng si trước đây. Tôi không biết mình có làm hay không cũng không nhớ nữa. Xin trưởng lão hãy quở trách vị ấy, bảo chớ có nhắc lại nữa.”

Hòa thượng, A-xà-lê của vị ấy nên quở trách rằng: “Người bất thiện, không biết giới luật, người không nghe Thế Tôn nói rằng việc làm trong lúc cuồng si tâm loạn không có tội hay sao?”

Người lắm lời kia, nếu nhận (sự quở trách) thì tốt. Khi ấy, Tăng nên làm yết-ma. Người làm yết-ma phải xướng như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Nan-đề, Bát-già-nan-đề trước đây cuồng si, giờ hết cuồng si, mà các vị phạm hạnh nhắc lại những việc làm trong lúc cuồng si trước kia, rồi các Thầy tự nói: “Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa.” Nay họ đến trước Tăng xin Pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nan-đề và Bát-già-nan-đề trước đây cuồng si, giờ hết cuồng si, mà các vị phạm hạnh nhắc lại những việc

làm trong lúc cuồng si, rồi họ tự nói: “Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa.” Nay họ đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Nay Tăng cho các vị ấy pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Các Đại đức nào bằng lòng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy) thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần yết-ma thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã cho mỗi giáp, pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy) xong. Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành.”

Thế rồi, Phật hỏi các Tỳ-kheo: “Đã (332c) cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Bất-si Tỳ-ni chưa?”

Họ đáp: “Đã cho rồi, bạch Thế Tôn.”

Phật nói: “Nếu hội đủ năm phương diện thì thành ra cho pháp Bất-si Tỳ-ni phi pháp. Năm phương diện đó là gì? Đó là: (1) Không si, tưởng là si mà cho; (2) Không thỉnh cầu người khơi lên sự việc khiến cho tâm họ nhu nhuyễn; (3) Không đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni; (4) Làm phi pháp; (5) Tăng không hòa hợp.

Đó gọi là hội đủ năm điều phi pháp khi cho pháp Bất-si Tỳ-ni.

Ngoài ra, còn có năm điều như pháp thành tựu khi cho pháp Bất-si Tỳ-ni. năm điều đó là gì? Đó là: (1) Không si, tưởng là không si mà cho; (2) Cầu xin người khơi lên sự việc khiến cho tâm họ nhu nhuyễn; (3) Đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni; (4) Làm đúng pháp; (5) Tăng hòa hợp.

Đó gọi là năm điều như pháp thành tựu khi cho pháp Bất-si Tỳ-ni.

Bấy giờ, tôn-giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi bạch: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bất-si Tỳ-ni?”

Phật nói với A-nan: “Có Tỳ-kheo trước cuồng si, nay hết cuồng si mà các vị phạm hạnh nhắc lại việc làm cuồng si trước kia, thì lúc ấy phải gấp rút tập hợp Tăng. Khi tập hợp Tăng rồi, căn cứ theo

kinh, theo luật, tùy theo sự thực của Tỳ-kheo ấy mà cho pháp Bất-si Tỳ-ni. Như vậy đó A-nan, đó là như pháp, như luật, như lời Thế Tôn dạy, mà cho pháp Bất-si Tỳ-ni để chấm dứt sự hủy báng gây ra tranh cãi. Sau khi xong việc, nếu có Tỳ-kheo khách cho đến những kẻ ngu si vô trí giống như trâu dê làm phát khởi lại sự tranh cãi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là dùng Bất-si Tỳ-ni để dập tắt sự hủy báng gây ra tranh cãi.”

Sự tranh cãi về tội (tội tránh): Nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo tranh luận nhau về việc phạm tội như Ba-la-di, cho đến Việt-tỳ-ni, thì trong trường hợp này nên dùng 2 loại Tỳ-ni để diệt trừ. Đó là: Tự ngôn Tỳ-ni và Mịch-tội-tướng Tỳ-ni.

4. Tự ngôn Tỳ-ni

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bảy giờ Huệ mạng La-hầu-la đến giờ khát thực, liền khoác y, cầm bát vào thành xá-vệ, tuần tự khát thực, khát thực xong trở về Tinh xá. Rồi khi ăn xong, Thầy đem y, bát cất lại chỗ cũ, cầm tọa cụ định đến rừng Đắc Nhân ngồi thiền, thì giữa đường, Thầy thấy một Tỳ-kheo làm điều phi phạm hạnh với một phụ nữ. Sau khi bị trông thấy, ác Tỳ-kheo này bèn suy nghĩ: “Con của Phật là La-hầu-la trông thấy ta làm điều phi phạm hạnh, chắc chắn sẽ nói với Thế Tôn. Trong lúc y chưa nói, ta nên đến chỗ Thế Tôn, nói trước về tội lỗi của hần.” Thế rồi, ác Tỳ-kheo ấy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Con trông thấy Tôn-giả La-hầu-la khi đi đến rừng Đắc Nhân, đã làm điều phi pháp với một phụ nữ ở dọc đường.” Lúc ấy, Thế Tôn im lặng không trả lời. Thế còn Tôn-giả La-hầu-la, sau khi ngồi thiền dưới một gốc cây, bèn xuất thiền, đi đến chỗ Thế Tôn, nhưng không nhớ sự việc của ác Tỳ-kheo, theo thường lệ, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. (333a) Khi ấy, vì muốn cho La-hầu-la nhớ lại sự việc vừa rồi, Thế Tôn bèn hóa ra ác Tỳ-kheo đứng ngay trước mặt. La-hầu-la thấy rồi, liền gọi lại ký ức, bạch với Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn! Vừa rồi con đi vào rừng,

thì trông thấy Tỳ-kheo này đang làm điều phi phạm hạnh với một phụ nữ.”

Phật nói: “La-hầu-la, nếu Tỳ-kheo ấy cũng nói thế này: Con thấy La-hầu-la làm việc phi phạm hạnh ở giữa đường, thì phải tính sao?”

Tôn-giả La-hầu-la bèn bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không có việc đó.”

Nếu Tỳ-kheo kia cũng nói thế này: “Con không có việc đó, thì phải tính sao?”

Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy, thì chỉ có Thế Tôn mới hiểu con.

Nếu Tỳ-kheo kia cũng nói thế này: “Chỉ có Thế Tôn mới hiểu được việc này của con”, thì phải làm sao?

Kính xin Thế Tôn cho con pháp Tự-ngôn-trị.

Nếu Tỳ-kheo kia cũng nói: “Kính xin Thế Tôn cho con pháp Tự-ngôn-trị”, thì phải tính sao đây?

Nếu như vậy thì xin Thế Tôn cho 2 chúng con pháp Tự-ngôn-trị.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bèn đi đến chỗ có nhiều Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, rồi trình bày rõ với các Tỳ-kheo về sự việc trên. Nói xong, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Cho Tỳ-kheo này pháp Tự-ngôn Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Vì sao vậy? Vì giá như đời sau có ác Tỳ-kheo hủy báng Tỳ-kheo thanh tịnh rồi Tỳ-kheo thanh tịnh không được pháp Tự-ngôn-trị, liền bị đuổi đi.” Thế rồi, Phật bảo với các Tỳ-kheo: “Có 8 việc phi pháp khi cho pháp Tự-ngôn Tỳ-ni. Tám pháp đó là gì? Đó là: (1) Hỏi tội nặng (quan trọng) mà đáp tội nhẹ, song tội nhẹ ấy lại không thật, đó gọi là cho pháp Tự-ngôn-trị phi pháp; (2) Hỏi tội nhẹ mà đáp tội nặng; (3) Hỏi tội có dư tàn mà đáp không có dư tàn; (4) Hỏi tội không có dư tàn mà đáp có dư tàn; (5) Hỏi tội nhẹ mà đáp tội nhẹ; (6) Hỏi tội nặng mà đáp tội nặng; (7) Hỏi tội có dư tàn mà đáp có dư tàn; (8) Hỏi tội không có dư

tàn mà đáp tội không có dư tàn. Nhưng tất cả đều không nói thật tội, đó gọi là phi pháp trao cho Tự-ngôn-trị.

Trái lại có tám điều như pháp khi trao cho Tự-ngôn-trị. Tám điều đó là gì? Đó là: (1) Hỏi tội nặng mà đáp tội nhẹ, nhưng thật có tội nhẹ nên đáp tội nhẹ; đó gọi là như pháp trao cho Tự-ngôn-trị; (2) Hỏi tội nhẹ mà đáp tội nặng; (3) Hỏi tội có dư tàn mà đáp tội không có dư tàn; (4) Hỏi tội không có dư tàn mà đáp tội có dư tàn; (5) Hỏi tội nặng mà đáp tội nặng; (6) Hỏi tội nhẹ mà đáp tội nhẹ; (7) Hỏi tội có dư tàn mà đáp tội có dư tàn; (8) Hỏi tội không có dư tàn mà đáp tội không có dư tàn. Như vậy tất cả đều nói thật.

Đó gọi là tám điều như pháp trao cho Tự-ngôn-trị.

Bấy giờ, tôn-giả A-nan đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Trong luật gọi là Tự-ngôn Tỳ-ni để dập tắt tranh cãi, vậy thế nào là Tự-ngôn Tỳ-ni để dập tắt tranh cãi?”

Phật nói với A-nan: “Nếu Tỳ-kheo với Tỳ-kheo moi móc tội lỗi của nhau, hoặc (333b) Ba-la-di cho đến tội Việt-tỳ-ni, này A-nan, lúc ấy nên cấp tốc tập hợp Tăng, khi tập hợp Tăng rồi, phải căn cứ kinh, luật, lời Phật dạy, tùy theo sự thực của Tỳ-kheo này mà cho pháp Tự-ngôn Tỳ-ni để dập tắt tranh cãi. Như vậy đó A-nan, nếu sau khi như pháp, như luật, như lời Thế Tôn dạy, dùng Tự-ngôn Tỳ-ni để dập tắt tranh cãi rồi mà có Tỳ-kheo khách cho đến (những người khác) làm phát sinh (sự tranh cãi) trở lại, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là dùng Tự-ngôn Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi.

5. Mích tội tương Tỳ-ni

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, trưởng lão Thi-lợi-da-bà thường phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, nên Tăng chúng tập hợp định làm pháp yết-ma thì Thi-lợi-da-bà không đến. Tăng bèn sai sứ giả đi gọi. Sứ giả đến nói: “Trưởng lão, Tăng chúng đang tập hợp, định làm yết-ma.”

Thi-lợi-da-bà suy nghĩ: “Chính là vì ta mà làm yết-ma vậy”, nên tâm sinh sợ hãi, bất đắc dĩ phải đến.

Các Tỳ-kheo hỏi: “Trưởng lão phạm Tăng-già-bà-thi-sa phải không?”

Thầy đáp: “Phạm.”

Thế rồi, tâm Thầy sinh hoan hỷ, suy nghĩ: “Các vị phạm hạnh nêu tội có thể sám hối, chứ không phải không thể sửa chữa.” Nghĩ thế, Thầy liền bạch với chúng Tăng: “Cho phép tôi ra ngoài một lát.”

Sau đó, các Tỳ-kheo bàn nhau: “Tỳ-kheo này khinh suất, là người không quả quyết, ra ngoài rồi, lát nữa thế nào cũng nói dối. Chúng ta phải hỏi ông ba lần để xác định cho thật chắc rồi mới làm yết-ma.”

Thi-lợi-da-bà ra ngoài rồi, suy nghĩ: “Vì sao ta lại nhận tội này? Các Tỳ-kheo thường trị tội ta, nay ta không nên nhận tội.”

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền gọi Thi-lợi-da-bà vào. Khi vào rồi họ hỏi Thầy: “Có thật ông phạm Tăng-già-bà-thi-sa không?”

Thầy đáp: “Không phạm.”

Các Tỳ-kheo hỏi: “Vì sao vừa rồi ở giữa Tăng ông nhận tội, giờ lại nói không phạm?”

Thi-lợi-da-bà nói: “Tôi không nhớ việc ấy.”

Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy đến bạch với Phật. Phật bèn bảo gọi Thi-lợi-da-bà đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền đem việc đó hỏi kỹ Thi-lợi-da-bà: “Ông có việc đó thật chăng?”

Thầy đáp: “Có thật như vậy.”

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Thi-lợi-da-bà này ở giữa chúng Tăng, thấy tội lại nói không thấy, rồi bảo rằng: “Tôi không nhớ.” Vậy Tăng phải trao cho ông pháp Mịch-tội-tướng Tỳ-ni để đập tắt (việc ấy). Người làm yết-ma nên nói như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà ở giữa Tăng, thấy tội thì nói là không thấy, không thấy lại nói có thấy, rồi tự bảo: “Tôi không nhớ.” Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nên cho Thi-lợi-da-bà Tỳ-kheo pháp Mịch-tội-tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Đây là lời tác bạch.

(333c) Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà ở giữa Tăng, thấy tội thì bảo là không thấy, không thấy lại nói thấy, rồi tự nói: “Tôi không nhớ.” Nay Tăng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp Mịch-tội-tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Các Đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp Mịch-tội-tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy) thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần yết-ma thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp Mịch-tội-tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy), vì Tăng im lặng. Vậy việc ấy cứ như thế mà thi hành.”

Thế rồi Phật nói với các Tỳ-kheo: “Khi Tăng đã cho pháp yết-ma Mịch-tội-tướng Tỳ-ni cho Tỳ-kheo ấy xong rồi, thì Tỳ-kheo ấy phải chấp hành tám pháp suốt đời. Tám pháp đó là gì? Đó là: (1) Không được độ người (xuất gia); (2) Không được cho người thọ giới cụ túc; (3) Không được cho người y chỉ; (4) Không được nhận Tăng mời theo thứ tự; (5) Không được làm sứ giả cho Tăng; (6) Không được làm người thuyết pháp cho chúng Tăng; (7) Không được làm người tụng giới cho chúng Tăng; (8) không được làm người Bố-tát yết-ma cho chúng Tăng. Khi Tăng làm yết-ma rồi, Tỳ-kheo này suốt đời không được bỏ (pháp yết-ma ấy). Đó gọi là tám pháp.”

Bấy giờ, tôn-giả A-nan, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Trong luật nói về pháp Mịch-tội-tướng Tỳ-ni, vậy thế nào gọi là Mịch-tội-tướng Tỳ-ni?”

Phật nói với A-nan: “Nếu có Tỳ-kheo nào ở giữa Tăng, thấy tội mà nói không thấy, không thấy lại nói thấy, rồi tự nói: “Tôi không

nhớ”, tỏ thái độ khinh mạn, thì phải tức tốc tập họp Tăng. Khi tập họp Tăng rồi, căn cứ vào kinh, luật và tùy theo sự thật của Tỳ-kheo ấy mà cho pháp Mịch-tội-tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Sau khi xong việc, Tăng nên nói với Tỳ-kheo ấy: “Trưởng lão, ông chẳng được lợi ích gì! Vì sao ở giữa Tăng, thấy tội mà nói không thấy, không thấy lại nói có thấy, rồi tự bảo: “Tôi không nhớ?” Vì ông đã nói những lời ấy ở giữa Tăng, nên Tăng cho ông pháp yết-ma Mịch-tội-tướng.” Như vậy đó A-nan, đó là như pháp, như luật, như lời Thế Tôn dạy mà cho pháp Mịch-tội-tướng Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi. Sau đó, nếu Tỳ-kheo khách hay người nào làm phát sinh sự tranh cãi trở lại, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là dùng Mịch-tội-tướng Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi về tội phạm.”

Sự tranh cãi về lời nói phải dùng ba pháp Tỳ-ni để dập tắt, trước đã nói về Hiện-tiên Tỳ-ni rồi.

6. Đa-mịch Tỳ-ni diệt tướng ngôn tránh

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, thành xá-vệ, bấy giờ có hai hội chúng, mỗi hội chúng đều có một Thầy (thủ lãnh). Vị lãnh tụ hội chúng thứ nhất tên Thanh Luận, vị lãnh tụ hội chúng thứ hai tên Thiện Thích. Thanh Luận có một đệ tử tùy tùng tên Bạc Khẩu. Thiện Thích có một đệ tử tùy tùng tên Điểm Bạch. Vị Lãnh tụ thứ nhất (334a) có đệ tử y chỉ tên Đầu-đầu-già. Vị Lãnh tụ thứ hai có đệ tử y chỉ tên Trá Già. Vị thứ nhất có đệ tử Ưu-bà-tắc tên Đầu-ma. Vị thứ hai có đệ tử Ưu-bà-tắc tên Vô Yên. Vị thứ nhất có đàn việt là Ưu-đà-già. Vị thứ hai có đàn việt là cư sĩ Cù-sư-la. Vị thứ nhất có đệ tử Ưu-bà-di là phu nhân Xá-di. Vị thứ hai có đệ tử Ưu-bà-di là Ma-kiền-đề-nữ, tên A-nậu-ba-ma. Vị thứ nhất có đệ tử thanh y ở hậu cung tên Tẩn-đầu-ma-ra. Vị thứ hai có đệ tử thanh y ở hậu cung tên Ba-đà-ma-ra. Mỗi người đều có 500 Tỳ-kheo, 500 Tỳ-kheo-ni, 500 Ưu-bà-tắc, 500 Ưu-bà-di.

Vị lãnh tụ thứ nhất khi đi cầu xong, định dội nước, thì thấy trong nước có trùng, liền lấy cỏ để trên thập nước làm dấu. Người đệ tử

y chỉ của vị lãnh tụ thứ hai, sau đó vào cầu tiêu, trông thấy trên thạp nước có cỏ, liền nói: “Kẻ nào mà không biết hổ thẹn, đem cỏ bỏ trên thạp đựng nước!”

Người đệ tử tùy tùng của vị lãnh tụ thứ nhất nghe lời nói ấy, liền nói với người đó: “Vì sao người dám bêu rêu tên của Hòa thượng ta, bảo là kẻ không biết hổ thẹn?”

Do sự kiện này mà bốn chúng đệ tử của hai hội chúng sinh ra tranh cãi dữ dội. Bấy giờ, khắp thành phố Câu-diêm-di đều nghe có tiếng tranh cãi, cả trong ngoài thành đều vang dội kinh động, chẳng khác gì vua chim cánh vàng vào biển bắt rồng, khiến cho nước nổi sóng cuộn cuộn. Sự tranh cãi nổi lên ồn ào chỉ xung quanh việc cỏ hay không phải cỏ. Vì các Tỳ-kheo đấu tranh nhau, nên cùng sống chung một trú xứ mà không hòa hợp. Họ nói, nào là đúng pháp, phi pháp; đúng luật, phi luật; tội nặng, tội nhẹ; tội có thể sửa trị, tội không thể sửa trị; yết-ma đúng pháp, yết-ma phi pháp; yết-ma có hòa hợp, yết-ma không hòa hợp; việc nên làm, việc không nên làm v.v...

Lúc bấy giờ, tại trú xứ có một Tỳ-kheo nói như sau: “Này các Đại đức, đó là việc phi pháp, phi luật, không phù hợp với kinh, không phù hợp với luật, không phù hợp với luận, trái với kinh, luật, luận, chỉ khởi lên những sự ô nhiễm, phiền não. Những gì tôi biết mới là đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy, phù hợp với kinh, luật, luận, như thế sẽ không sinh ra nhiễm ô, phiền não.” Rồi Thầy tiếp: “Này các Đại đức, tôi không thể dập tắt được sự tranh cãi này, tôi sẽ đến thành xá-vệ, tới chỗ Thế Tôn, hỏi về cách dập tắt sự tranh cãi này.” Thế rồi, Thầy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, đứng qua một bên, bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo tại Câu-diêm-di đấu tranh nhau, cãi vã nhau, cùng sống một trú xứ mà không hòa hợp,... (cho đến) con không thể dập tắt được sự tranh cãi, nên con phải đến thưa với Thế Tôn về việc dập tắt sự tranh cãi này. Kính xin (334b) Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà dập tắt sự tranh cãi này.”

Khi ấy, Phật bảo Ưu-ba-ly: “Ông hãy đến chỗ các Tỳ-kheo tại Câu-diệm-di, căn cứ theo pháp, luật, theo lời Phật dạy mà cho họ pháp Mích-tội Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi ấy, như cách giải quyết sự việc mà các người họ Thích và các người Ly-xa đã áp dụng. Nếu sự việc không thể giải quyết nhanh được thì cũng phải cho pháp Đa-mích Tỳ-ni để dập tắt. Nay Ưu-ba-ly, sự tranh cãi khởi lên từ ba chỗ: “Hoặc một người, hoặc nhiều người, hoặc chúng Tăng.” Do đó, cũng phải xả tại ba chỗ, lấy tại ba chỗ và diệt tại ba chỗ. Nay Ưu-ba-ly, ông hãy đến chỗ các Tỳ-kheo tại Câu-diệm-di, như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà dập tắt sự tranh cãi ấy theo nguyên tắc Đa-mích Tỳ-ni như trường hợp Hiện-tiền Tỳ-ni đã nói rõ ở trên, (cho đến) nếu tâm Tỳ-kheo ấy nhu nhuyến thì Tăng nên biểu quyết theo đa số. Tỳ-kheo nào hội đủ năm pháp thì Tăng nên làm yết-ma cử người ấy làm người xử đoán. Thế nào là năm pháp? Đó là: (1) không thiên vị; (2) Không sân hận; (3) Không sợ hãi; (4) Không si ám; (5) Biết ai rút thẻ rồi, ai chưa rút thẻ.

Người làm yết-ma nói như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗi giáp thành tựu năm pháp có thể vì chúng Tăng làm người đưa thẻ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng hãy cử Tỳ-kheo mỗi giáp làm người đưa thẻ. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗi giáp thành tựu năm pháp, nay Tăng cử Tỳ-kheo mỗi giáp làm người đưa thẻ. Các Đại đức nào bằng lòng cử Tỳ-kheo mỗi giáp làm người đưa thẻ thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo mỗi giáp làm người đưa thẻ xong. Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành.”

Sau khi yết-ma xong, Tỳ-kheo này phải làm 2 loại thẻ: Một loại màu đen và một loại màu trắng, không được xướng rằng: “Phi pháp lấy thẻ đen, như pháp lấy thẻ trắng”, mà nên xướng thế này “Ai nói thế này thì lấy thẻ đen, ai nói thế này thì lấy thẻ trắng.”

Người đưa thẻ khi đưa thẻ phải tập trung tâm ý vào năm pháp kể trên rồi mới đưa thẻ; không nên làm bạn với những kẻ không như pháp, mà nên làm bạn với những kẻ như pháp. Khi đưa thẻ xong đem đếm, nếu thấy phe phi pháp nhiều hơn chừng một thẻ, thì không nên xướng: “Những người phi pháp nhiều, những người như pháp ít”, mà nên tạo phương tiện giải tán. Nếu thời điểm bữa ăn trước đã đến thì nên xướng lệnh: “Bữa ăn trước.” Nếu thời điểm bữa ăn sau đã đến, thì nên xướng lệnh: “Bữa ăn sau.” Nếu thời điểm tắm rửa đến, thì nên xướng lệnh: “Tắm rửa.” Nếu thời điểm thuyết pháp đến, thì nên xướng lệnh: “Thời điểm thuyết pháp đã đến.” Nếu giờ tụng luật đã đến thì nên xướng: “Giờ tụng luật đã đến.”

Nếu phe phi pháp biết được (sự tình) bèn nói rằng: “Chúng tôi thắng lợi mà vì sao lại giải tán? Giờ đây chúng tôi không đứng dậy, phải giải quyết việc ấy dứt khoát ngay tại chỗ ngồi này”, thì lúc ấy nếu bên cạnh Tinh xá có một ngôi nhà nhỏ không có côn trùng, nên sai tịnh nhân phóng hỏa đốt, rồi hô hoán: “Lửa cháy, lửa cháy”, liền đứng dậy chạy đi chữa lửa. Hoặc biết tại trú xứ gần đó có Tỳ-kheo như pháp, thì nên đi kêu gọi: “Vừa rồi có phát thẻ vừa xong, nhưng những người phi pháp thì nhiều mà những người như pháp thì ít, trưởng lão hãy vì Phật pháp mà đến đó làm sao cho những người lấy thẻ như pháp thì nhiều, để cho Phật pháp được tăng trưởng, về phần Trưởng lão cũng được lợi ích, công đức.”

Nếu người ấy nghe lời yêu cầu này mà không đến, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Trái lại, nếu Thầy ấy đến thì phải phát thẻ trở lại. Khi phát thẻ xong đem đếm, nếu thấy thẻ trắng nhiều hơn một cái, thì không nên xướng: “Nhiều hơn một cái”, mà nên xướng rằng: “Những người nói như thế này nhiều, những người nói như thế kia ít.” Xướng như thế rồi, nên theo phe đa số.

Nếu hội đủ năm pháp sau đây thì sự phát thẻ thành ra phi pháp. Năm pháp đó là gì? Đó là: (1) Những người nói như pháp thì ít

mà những người nói phi pháp thì nhiều; (2) Những người nói như pháp không nhất trí, những người nói phi pháp nhất trí; (3) Phi pháp nói là đúng pháp, đúng pháp nói là phi pháp; (4) Do việc phát thê này mà gây ra phá Tăng; (5) Tăng chia rẽ nhau.

Đó gọi là năm điều phi pháp. Trái lại năm điều trên thì gọi là sự phát thê đúng pháp.

Bấy giờ tôn-giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Trong luật dùng Đa-mịch Tỳ-ni để dập tắt (tranh cãi). Vậy thế nào gọi là dùng Đa-mịch Tỳ-ni để dập tắt (tranh cãi)?”

Phật nói với A-nan: “Nếu các Tỳ-kheo đối với kinh, luật, oai nghi mà nói rằng: “Điều này là tội, là chẳng phải tội; là tội nhẹ, là tội nặng; là tội có thể trị phạt, là tội không thể trị phạt; là tội có dư tàn, là tội không có dư tàn; do đó mà sinh ra cãi vã lẫn nhau, thì lúc ấy phải cấp tốc tập họp Tăng, căn cứ theo pháp, luật, lời Phật dạy và tùy theo sự thật mà dập tắt ngay việc ấy. Nếu không thể giải quyết được, mà nghe ở một trú xứ nào đó có vị trưởng lão Tỳ-kheo tụng kinh, tụng luật, tụng luận, hoặc một Tỳ-kheo thiếu niên, tụng kinh, tụng luật, tụng luận, thì phải nhanh chóng đến đó vấn kế, hoặc mời về, rồi tùy theo Tỳ-kheo ấy chỉ vẽ mà trao cho pháp Đa-mịch Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi. Nay A-nan, nếu sau khi dập tắt việc ấy rồi mà có Tỳ-kheo khách..., cho đến Tỳ-kheo mới thọ giới, làm phát khởi (sự tranh cãi) trở lại, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là Tướng-ngôn-tránh dùng Đa-mịch Tỳ-ni để dập tắt.

7. Như thảo bố địa Tỳ-ni diệt tướng ngôn tránh:

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di tranh cãi nhau, cùng sống một trú xứ mà không hòa hợp. Họ nói nào là pháp, phi pháp, luật, phi luật... cho đến Tôn-giả Ưu-ba-ly nói với Tỳ-kheo ấy (vị sư giả): “Này Trưởng lão, tôi đến đó rồi, sẽ làm các pháp yết-ma (335a) để trùng trị, trục xuất các ông. Khi ấy các ông chớ có buồn.”

Thế rồi Tỳ-kheo sứ giả nói: “Tôi muốn ra ngoài một lát.” Khi ra ngoài rồi, ông ta suy nghĩ: “Nếu ta theo tôn-giả Ưu-ba-ly trở về, thì ông ấy có thể trị tội chúng ta, chỉ bằng giờ đây ta trở về Câu-diệm-di một mình, cùng nhau dập tắt sự tranh cãi ấy.” Nghĩ thế rồi, Thầy trở về Câu-diệm-di, nhưng chung cục vẫn không dập tắt được sự tranh cãi, bèn thưa (với vị Thượng tọa trong trú xứ): “Trưởng lão, bản thân tôi không thể dập tắt được sự tranh cãi này, nay tôi phải trở lại thành xá-vệ để cầu viện dập tắt sự tranh cãi.” Nói thế rồi, Thầy liền đi đến thành xá-vệ, tới chỗ tôn-giả Ưu-ba-ly, thưa như sau: “Lành thay Tôn-giả, hãy vì các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di mà dập tắt sự tranh cãi.”

Ưu-ba-ly bèn nói với Tỳ-kheo ấy: “Như tôi đã nói với ông trước đây, tùy theo sự việc ở đó mà tôi sẽ làm các pháp yết-ma để trị phạt, lúc ấy ông đừng buồn. Tôi sẽ theo ông mà đi.”

Tỳ-kheo ấy đáp: “Tôi không dám trái lệnh nữa.”

Ưu-ba-ly nói: “Hãy trở lại nơi ấy để dập tắt, chớ làm rối loạn Tăng chúng ở đây.”

Thế rồi Tỳ-kheo sứ giả của Câu-diệm-di liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di cùng sống một trú xứ mà không hòa hợp, họ cãi vã nhau. Kính xin Thế Tôn hãy dập tắt sự tranh cãi ấy.”

Phật liền nói với Tỳ-kheo Câu-diệm-di ấy: “Các ông chớ có đấu tranh cãi vã với nhau, cùng sống một trú xứ mà không hòa hợp. Vì sao vậy? Vì trong thời quá khứ xa xưa có thành phố tên Ca-tì-la, nhà vua tên Bà-la-môn Đạt-đa v.v..., như trong kinh Bốn-sinh Trường Thọ Vương đã nói rõ... Họ bị nước mất nhà tan như vậy, thế mà Thái Tử Trường Sinh không trả thù cha, lại còn giải hòa với kẻ thù, không sinh ác tâm. Nay vì sao các ông đã có lòng tin, xuất gia sống trong chánh pháp mà còn phẫn nộ, tranh cãi, cùng sống một trú xứ mà bất hòa?” Thế rồi, Phật bảo Ưu-ba-ly: “Ông hãy đến chỗ các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di, căn cứ theo pháp, theo

luật, theo lời Phật dạy mà trao cho họ pháp Như thảo bố địa Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi ấy. Nay Ưu-ba-ly, sự tranh cãi do ba chỗ khởi lên, ba chỗ thủ, ba chỗ xả và ba chỗ diệt. Giá như sự tranh cãi ấy có tính cách lật vật thì cùng với Ưu-bà-tắc giải quyết. Trái lại, nếu sự tranh cãi có tính cách trầm trọng, thì nên khuyên nhủ Ưu-bà-tắc ra khỏi giới trường, rồi tùy theo sự thật của Tỳ-kheo ấy, căn cứ theo pháp, luật mà làm pháp Như thảo bố địa Tỳ-ni để dập tắt.”

Phật lại nói với Ưu-ba-ly: “Nếu vị Hạ tọa có lỗi lầm, thì nên đến chỗ Thượng tọa, cúi đầu đánh lễ dưới chân, nói như sau: “Thưa trưởng lão, tôi đã làm điều phi pháp, xâm phạm trưởng lão, có lỗi. Nay tôi sám hối, không dám tái phạm.” Khi ấy Thượng tọa nên dùng tay xoa đầu (vị đó), đưa tay đỡ dậy ôm vào lòng và nói: “Tuệ mạng (hiền giả) tôi cũng có lỗi, xin Thầy hãy tha thứ.”

(335b) Trái lại, nếu Thượng tọa có lỗi, thì nên đến chỗ Hạ tọa, cầm tay nói: “Tôi đã làm điều phi pháp, có lỗi, nay xin sám hối với Thầy, không làm như vậy nữa.” Lúc ấy, Hạ tọa nên đứng dậy đánh lễ chân Thượng tọa, rồi cũng sám hối như trên.

Bấy giờ tôn-giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi bạch: “Bạch Thế Tôn! Trong luật gọi Bồ thảo Tỳ-ni, thế nào là Bồ thảo Tỳ-ni?”

Phật nói với A-nan: “Nếu có sự tranh cãi khởi lên trong các Tỳ-kheo, khiến cho cùng sống một trú xứ mà bất hòa, rồi hai bộ chúng không chịu nhìn nhau, sinh ra ác tâm, cãi nhau, bên nào cũng nói những lời không phù hợp với Phật pháp. Nay A-nan, lúc ấy phải cấp tốc tập họp Tăng, căn cứ vào pháp luật, rồi một vị có đủ đức hạnh thuộc một bộ chúng, biết việc, hiểu rõ nhân duyên, có biện tài, thông hiểu pháp, không khiếm nhược, tán thán công đức hòa hợp chúng Tăng. Rồi vị này rời khỏi chỗ ngồi, trật vai áo phải, quỳ gối, chấp tay, hướng về bộ chúng thứ hai, nói như sau: “Nay các Đại đức, vì sao chúng ta đã có lòng tin, xuất gia, cùng sống trong một chánh pháp mà tranh cãi nhau, khiến cho cùng sống chung

mà bất hòa, hai bộ chúng không nhường nhịn nhau, người nào cũng sinh ra ác tâm, lời qua tiếng lại, không tùy thuận pháp, việc không hay đã khởi lên. Tất cả đều do không khéo tư duy mà đến như thế, khiến cho hiện đời này sống khổ, đời sau đọa vào ác đạo. Nay các Đại đức, chúng ta ai nấy nên bỏ sự tranh cãi này, như rải cỏ trên đất. Nay tôi hướng đến các Trưởng lão sám hối, mỗi người nên nguôi giận, hòa hợp cùng sống chung.”

Này A-nan, nếu bộ chúng thứ hai tất cả đều im lặng, tỏ sự đồng ý, thì một vị có đức hạnh, thông minh, biện tài thuộc bộ chúng này, liền đứng dậy sám hối. Cách sám hối cũng như trên đã nói. Này A-nan, nếu có sự tranh cãi khởi lên trong Tăng như vậy, thì phải cấp tốc tập họp Tăng, căn cứ vào pháp, luật mà dập tắt sự tranh cãi ấy, như dùng cỏ rải trên đất. Này A-nan, tất cả mọi sự tranh cãi như đánh nhau, tát nhau, lời ra khỏi phòng, đại loại như vậy, hoặc nói hai lưỡi, vu khống vô căn cứ v.v... Các tội như vậy, đều nên dùng nguyên tắc như rải cỏ trên đất dập tắt. Khi đã dùng phương pháp như rải cỏ trên đất để dập tắt rồi, mà có Tỳ-kheo khách, thậm chí Tỳ-kheo mới thọ giới làm phát sinh trở lại, thì phạm Ba-dạ-đề.

Tóm lại, những việc làm của chúng Tăng đều như pháp thực hiện, như pháp tập họp, như pháp giải trừ, như pháp xả bỏ, như pháp ban cho, nói chung, những việc làm của các Tỳ-kheo đệ tử Thế Tôn có vô lượng phương tiện như vậy, đều nên áp dụng bảy diệt tránh để dập tắt mọi sự tranh cãi. Đó gọi là những việc thường làm. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 4 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

✱

5. THUYẾT PHÁP CHO PHỤ NỮ QUÁ GIỚI HẠN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Tôn-giả Ưu-đà-di đến giờ khát thực, liền khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khát thực, tới một nhà kia (335c) Thấy bèn thuyết pháp cho nhiều phụ nữ. Lúc ấy, tôn-giả A-nan cũng tuần tự khát thực, đến gia đình ấy, thấy thế, liền hỏi: “Trưởng lão đang làm gì đấy?”

Ưu-đà-di đáp: “Tôi thuyết pháp cho các phụ nữ này.”

Tôn-giả A-nan liền nói với Ưu-đà-di: “Vì sao đã nhân danh là Tỳ-kheo, trong lúc không có người nam hiểu biết, chỉ có một mình thuyết pháp cho phụ nữ?”

Sau khi A-nan khát thực về, ăn xong, bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-đà-di đến. Sau khi Thấy đến rồi, Phật liền hỏi: “Ông có làm việc đó thật không?”

Thầy đáp: “Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.”

Phật khiển trách: “Đó là việc xấu. Vì sao trong lúc không có đàn ông hiểu biết mà ông thuyết pháp cho phụ nữ?”

Từ nay về sau, ta không cho phép (Tỳ-kheo), trong lúc không có đàn ông hiểu biết, mà thuyết pháp cho phụ nữ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả Ưu-đà-di đến giờ khát thực bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khát thực, đến một nhà kia, liền thuyết pháp cho nhiều phụ nữ nghe. Lúc ấy, tôn-giả A-nan cũng tuần tự khát thực, đến ngay nhà đó, trông thấy thế, bèn hỏi:

Trưởng lão đang làm gì đấy?

Đang thuyết pháp cho các phụ nữ.

Trưởng lão không nghe Thế Tôn nói rằng không có đàn ông thì không được thuyết pháp cho phụ nữ sao?

– Nay A-nan, ông không thấy người đá này, người gỗ này, người cỏ này, người họa này sao? Một người cũng đủ, huống chi nhiều người?

Tôn-giả A-nan sau khi khát thực trở về, ăn xong, bèn đem sự kiện ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-đà-di đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi: “Ông có thật như vậy chăng?”

Thầy đáp: “Có thật như vậy”.

Phật nói: “Này Ưu-đà-di, vì sao ông lại tự xem mình như người đàn ông vô tâm, trong sạch mà thuyết pháp cho phụ nữ?”

Từ nay về sau, ta không cho phép Tỳ-kheo tự xem mình như người đàn ông vô tâm, trong sạch mà thuyết pháp cho phụ nữ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Lúc ấy Ưu-đà-di đến giờ khát thực, liền khoác y, cầm bát đi vào thành xá-vệ..., cho đến gặp tôn-giả A-nan: “Ông không thấy đứa trẻ được bồng trên tay kia, đứa trẻ đang bú, đứa trẻ đang nằm hay sao? Một người cũng đủ, huống chi nhiều người.”

Tôn-giả A-nan sau khi khát thực trở về, ăn xong, bèn đem sự kiện ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu – đà– di đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi: “Ông có điều đó thật chăng?”

Thầy đáp: “Có thật như vậy”.

Phật nói: “Này Ưu-đà-di, vì sao ông lại tự ví mình trong sạch như đứa trẻ con mà thuyết pháp cho phụ nữ? Từ nay về sau, các Tỳ-kheo không được tự xem mình như đứa bé đang bú mà thuyết pháp cho phụ nữ.”

(336a) Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tì-xá-khư Lộc-mẫu bị bệnh. Do đó, tôn-giả A-nan sáng sớm khoác y đi đến đó thăm bệnh, hỏi: “Ưu-bà-di, bệnh tình thế nào? Có khổ não lắm không?”

Bà đáp: “Bệnh tình không thuyên giảm, không thể chịu nổi, xin Tôn-giả hãy thuyết pháp cho con nghe.”

A-nan đáp: “Đức Thế Tôn không cho phép Tỳ-kheo không có tịnh nhân mà thuyết pháp cho phụ nữ.”

Nếu không được nói nhiều, thì có thể nói cho con chừng năm, sáu lời được không?”

Tôi không biết có được hay không, nên không dám tự tiện nói.

Xin cảm ơn Thầy.

Cầu mong bệnh tật chóng hết.

Tôn-giả A-nan nói xong, bèn từ giã, trở về chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: “A-nan, ông từ đâu trở về?”

A-nan bèn đem sự kiện trên bạch đầy đủ với Phật, Phật liền nói với A-nan: “Tì-xá-khu Lộc-mẫu là người trí tuệ. Nếu ông nói năm sáu lời thì bệnh bà ấy liền bớt, được sống an lạc. Từ nay về sau, ta cho phép (Tỳ-kheo) khi không có đàn ông, được thuyết pháp cho phụ nữ năm sáu lời.”

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo, không có tịnh nhân mà thuyết pháp cho phụ nữ quá năm sáu lời thì phạm Ba-dạ-đề, ngoại trừ trường hợp có đàn ông hiểu biết tham dự.

*

❖ Giải thích

Không có đàn ông hiểu biết: Nếu người đó mù, hoặc điếc thì cũng được xem là không có tịnh nhân. Nếu có hai người mà một

mù, một điếc, thì được xem là một tịnh nhân. Nhưng có tịnh nhân đang nằm ngủ thì cũng được xem là không có đàn ông.

Phụ nữ: Những người ấy hoặc là mẹ, chị em, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc tại gia, xuất gia.

Pháp: Những điều Phật nói, hoặc được Phật ấn chứng. Những điều Phật nói nghĩa là chính miệng Phật tự nói ra. Phật ấn chứng nghĩa là những điều do đệ tử Phật hoặc người khác nói, rồi Phật chuẩn nhận.

Nói: Dạy, đọc tụng, hoặc giải thích.

Năm, sáu lời: Gồm có hai loại câu dài và câu ngắn. Câu dài như “Tất cả việc ác chớ làm.” Câu ngắn như “Mắt là vô thường.”

Ngoại trừ có người đàn ông hiểu biết: Nếu trẻ em dưới bảy tuổi không hiểu được ý nghĩa của lời nói tốt, xấu thì không thể gọi là đàn ông hiểu biết. Nhưng nếu hơn bảy tuổi mà không hiểu được ý nghĩa của lời nói tốt xấu thì cũng gọi là người đàn ông vô tri. Trái lại, nếu bảy tuổi hoặc hơn bảy tuổi mà hiểu được ý nghĩa của lời nói tốt xấu, thì gọi là người đàn ông hiểu biết.

Lại nữa, nếu có phụ nữ sáng sớm đến lễ tháp, rồi sang đánh lễ Tỳ-kheo, (336b) bạch rằng: “Thưa Tôn-giả, tôi muốn nghe pháp, xin Tôn-giả thuyết pháp cho tôi nghe”, thì khi ấy, Tỳ-kheo được nói một câu rưới kệ. Thế rồi, Tỳ-kheo ấy đi vào thôn xóm, nếu lại nói năm sáu lời nữa cho người phụ nữ ấy thì phạm Ba-dạ-đề. Sở dĩ đức Thế Tôn chế ra giới nói năm sáu lời, là nói về số lượng lời nói trong một ngày.

Nếu Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã mà có phụ nữ đến lễ tháp, rồi sang đánh lễ Tỳ-kheo, bạch rằng: “Thưa Tôn-giả, xin Tôn-giả thuyết pháp cho tôi nghe”, thì Tỳ-kheo nên nói với phụ nữ ấy rằng: “Đức Thế Tôn chế giới, không có tịnh nhân, thì không được thuyết pháp cho phụ nữ.” Thế rồi, người phụ nữ ấy bạch với Tỳ-kheo: “Tôi biết Phật pháp, vậy xin hãy nói cho tôi nghe trong mức độ mà Thế Tôn

cho phép”, thì khi ấy Tỳ-kheo được nói với phụ nữ ấy một câu kệ ruồi. Nếu hai người thì được nói 3 câu kệ, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vào xóm làng để giáo hóa, rồi có nhiều phụ nữ đến muốn nghe pháp, thì mỗi mỗi được nói 6 câu. Trước hết, nên nói với phụ nữ thứ nhất: “Tôi nói cho cô 6 câu”, rồi nói với phụ nữ thứ hai: “Tôi nói cho cô 6 câu.” Như vậy thì nói cho nhiều người vẫn không có tội. Thế rồi, Tỳ-kheo từ già, các phụ nữ liền đánh lễ dưới chân Tỳ-kheo để tiễn biệt. Nếu khi ấy, Tỳ-kheo chú nguyện: “Mong cho cô nhanh chóng chấm dứt khổ đau”, thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu nói: “Mong cho cô không đau ốm, được sống an lạc”, thì không có tội.

Tỳ-kheo rời khỏi nhà ấy liền đến nhà khác thuyết pháp, rồi người phụ nữ trước đó bèn đi theo, đứng ở bên ngoài nghe, thấy thế, Tỳ-kheo hỏi: “Cô cũng đi theo nghe sao?” Cô ta đáp: “Vâng.” Nếu Tỳ-kheo nói: “Cô đã thâm tín, ưa thích pháp như vậy, thì có thể nghe”, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trái lại, tuy thấy người phụ nữ ấy mà không hỏi chỉ lo thuyết pháp cho các phụ nữ khác, thì dù phụ nữ ấy nghe pháp Tỳ-kheo cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo thuyết pháp cho phụ nữ trong khi không có tịnh nhân ngồi trong phòng nghe pháp, nhưng có người giúp việc đi qua lại, vào ra, hoặc có người ở bên ngoài, trên gác dưới gác nghe thấy được nhau, thì không có tội.

Nếu nhà của người thế tục hướng mặt ra đường, Tỳ-kheo ở trong đó thuyết pháp cho phụ nữ, dù không có tịnh nhân, nhưng người đi trên đường không dứt, họ đều có thể nghe thấy được, thì cũng không có tội. Trái lại, nếu người đi trên đường gián đoạn, không nghe thấy được, thì không nên thuyết.

Nếu có phụ nữ đến lễ tháp, rồi tới bạch với Tỳ-kheo: “Thưa Tôn-giả, đây là tháp gì vậy? Xin nói cho tôi biết tên chỗ này.” Khi ấy, Tỳ-kheo được phép nói: “Đó là tháp chỗ (Phật) đản sinh, tháp chỗ Phật đắc

đạo, tháp chỗ Phật Chuyển pháp luân, tháp chỗ Phật Niết-bàn”, tùy họ hỏi việc gì, đều được phép trả lời, mà không có tội.

Có bốn loại tịnh nhân: Hoặc thấy mà không nghe, hoặc nghe mà không thấy, hoặc vừa thấy vừa nghe, hoặc chẳng thấy chẳng nghe.

(336c) Thấy mà không nghe: Mắt trông thấy Tỳ-kheo với phụ nữ mà không nghe tiếng nói. (cũng tương tự như vậy đối với 3 trường hợp kia). Trong trường hợp này (Tỳ-kheo) phạm tội Việt-tỳ-ni. Nghe mà không thấy cũng như vậy. Không thấy, không nghe thì phạm Ba-dạ-đề. Vừa thấy vừa nghe thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 5 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



6. DẠY NGƯỜI CHƯA THỌ CỤ TỨC ĐỌC TỤNG

Khi Phật an trú tại thành Khoáng Dã, nói rộng như trên. Bấy giờ có Thầy Tỳ-kheo quản sự dạy nhiều đồng tử (nhi đồng) đọc từng câu, từng câu Ba-la-da-na (?). Khi nghe thế, một Bà-la-môn suy nghĩ: “Nơi nào mà có pháp thuần thiện thù thắng như thế! Ta nên đến đó xin xuất gia.” Suy nghĩ thế rồi, ông bèn đi đến Tinh xá Khoáng dã, định xin xuất gia, nhưng thấy Tỳ-kheo dạy các đồng tử đọc tụng, giống như âm thanh đọc tụng của các em học sinh trong các trường học, nên ông suy nghĩ: “Nay ta muốn cầu pháp thù thắng, theo họ xuất gia, thế mà nghe giọng đọc ê, a ở đây giống như giọng đọc của các em học sinh trong các trường học, lại không thể nhận ra ai là Thầy, ai là học trò.”

Thấy vậy, nên ông sinh tâm không kính tín, do đó cũng không yết kiến Phật, mà trở về nhà, không xuất gia nữa.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo quản sự đến. Khi Thầy đến rồi, Phật hỏi: “Ông có thật như vậy chăng?”

Thầy đáp: “Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.”

Phật liền khiển trách: “Đó là việc xấu. Vì sao ông dạy người chưa thọ giới cụ túc tụng cú pháp? Từ nay về sau ta không cho phép Tỳ-kheo dạy người chưa thọ giới cụ túc tụng cú pháp.” Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Khoáng đã phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo dạy người chưa thọ giới cụ túc đọc cú pháp thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Người chưa thọ giới cụ túc: Chưa trở thành Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni; tuy Tỳ-kheo-ni đã thọ giới cụ túc nhưng cũng không được dạy.

Cú: Cùng đọc tụng từng câu chữ, câu chữ.

Pháp: Những gì do Phật nói, do Phật ấn chứng. Những gì do Phật nói nghĩa là do Phật tự nói ra. Những gì do Phật ấn chứng nghĩa là những điều do đệ tử Thanh văn và những người khác nói được Phật chuẩn nhận, chẳng hạn các pháp thiện cho đến Niết-bàn. Đó gọi là pháp.

Dạy: Vì họ mà nói, chỉ dạy bằng lời.

Nếu Tỳ-kheo dạy người chưa thọ giới cụ túc đọc câu “Mắt là vô thường”, rồi một lần đọc lên, một lần lặp lại và một lần gián đoạn, mà Thầy trò cùng đọc vui vẻ, lưu loát, thì phạm Ba-dạ-đề. Đối với

tai, mũi, lưỡi, thân, ý, 18 giới, năm ấm, sáu giới, cho đến các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã cũng như vậy.

(337a) Nếu Tỳ-kheo dạy đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ các loại kinh như kinh Ba-la-da-na, kinh Luận nạn, kinh A-nậu-đạt-trì, kinh Duyên giác..., mà đệ tử cùng đọc lên, cùng lặp lại, cùng gián đoạn, thì Thầy nên bảo đệ tử như sau: “Người đợi ta đọc dứt câu rồi người mới đọc.” Nếu dạy như vậy mà đệ tử không vâng lời, thì không nên dạy nữa. Nếu đệ tử nói: “Xin Thầy dạy cho con kinh khác”, thì lúc ấy, Thầy nên bảo: “Nếu người không đọc theo ta, thì ta sẽ dạy người tiếp.” Đối với các đệ tử như vậy, cho đến các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, gặp trường hợp như thế, cũng không được dạy.

Nếu các Tỳ-kheo cùng tụng kinh, thì Thượng tọa nên tụng, còn Hạ tọa nên chú tâm im lặng theo dõi. Nếu Thượng tọa tụng không lưu loát, thì Hạ tọa nên tụng, còn Thượng tọa, nên chú tâm âm thầm tụng theo, cho đến Ưu-bà-di cũng như vậy.

Khi trong Tăng chúng cùng xướng đọc kệ, thì (mọi người) không được cùng đọc một bài kệ, mà lúc ấy mỗi người nên đọc một bài kệ khác nhau. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 6 của 92 pháp Ba-da-đề)



7. NÓI THẬT RẰNG MÌNH ĐẮC ĐẠO

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, cũng như trong giới vọng ngữ thứ tư đã nói rõ nhân duyên các sự việc, chỗ khác nhau là ở đây nói thật, cho đến chỗ Phật nói với các Tỳ-kheo: “Đó là việc xấu, ví như dâm nữ bán nhan sắc để tự nuôi sống. Các ông cũng vậy, dùng pháp chân thật vi diệu để nói với người, thì chẳng khác gì dâm nữ vì miệng, bụng mà bán nhan sắc để nuôi mạng

sống.” Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo tự xưng mình đã được pháp hơn người, rằng: “Tôi biết như vậy, thấy như vậy”, dù đó là nói thật, cũng phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tự xưng được pháp hơn người: Pháp hơn người như trước đã nói. Nếu tự nói: “Tôi được pháp trí chẳng?”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu nói: “Tôi được pháp trí”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: “Tôi đã chứng đắc pháp trí”, thì phạm Ba-dạ-đề, từng câu, từng câu như trên đã nói rõ, cho đến nói thật về mười pháp vô học, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ: “Các Tỳ-kheo an cư tại chỗ kia đều chẳng phải là phạm phu”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu họ hỏi: “Tôn-giả cũng ở trong đó chẳng?”, rồi đáp: “Cũng ở trong đó”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Ưu-bà-di hỏi: “Tôn-giả cũng được pháp ấy chẳng?”, rồi đáp: “Được”, thì dù là nói thật, cũng phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nói với Ưu-bà-di: “Tỳ-kheo tự tứ tại chỗ kia chẳng phải phạm phu, đều là A-la-hán”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu Ưu-bà-di hỏi: “(337b) Tôn-giả cũng tự tứ tại đó chẳng?”, rồi đáp: “Đúng vậy”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu lại hỏi: “Tôn-giả cũng đắc quả A-la-hán chẳng?”, mà đáp: “Đắc”, thì dù cho nói thật cũng phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nói: “Tỳ-kheo Thắng-lí ở nơi kia thường đến nhà của vua, nhà của Đại thần, nhà của trưởng giả, nhà cư sĩ, nhà của người và nhà bà con người dạy kinh, Thấy ấy đi, đứng, nằm, ngồi

như vậy, ăn thức ăn như vậy (đặc quả A-la-hán)”, thì cũng như vậy (tức là phạm Ba-dạ-đề).

Nếu dùng lời nói ở trung tâm đất nước mà nói với người ở biên thùy, hoặc dùng lời nói của biên thùy mà nói với người ở trung tâm đất nước, hoặc dùng lời nói ở trung tâm đất nước nói với người ở trung tâm đất nước, hoặc dùng lời nói ở biên thùy, nói với người ở biên thùy, nếu nói nghĩa mà không nói ẩn ý, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói ẩn ý mà không nói nghĩa, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu nói nghĩa và nói cả ẩn ý thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không nói nghĩa cũng không nói ẩn ý thì không có tội. Nếu viết ra chữ, dùng tay ra dấu, biểu thị nghĩa mà không biểu thị ẩn ý, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu biểu thị ẩn ý mà không biểu thị nghĩa, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu biểu thị nghĩa và biểu thị ẩn ý, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu không biểu thị nghĩa, không biểu thị ẩn ý, thì không có tội. Cuối cùng cho đến hiện tướng A-la-hán, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 7 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

✱

Hết quyển thứ mười ba

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 14

BA-DẠ-ĐỀ (tiếp theo)

8. NÓI TỘI NẶNG CỦA TỖ-KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có một cư sĩ mời các Tỳ-kheo quen biết đến nhà. Trong số đó có một Trưởng lão Tỳ-kheo đang thi hành pháp Ma-Na-Đỏa nên ngồi ở hàng dưới. Ưu-bà-di đàn việt thấy thế, liền hỏi: “Tôn-giả trước kia ngồi ở trên, nay vì sao lại ngồi ở chỗ này?”

Thầy đáp: “Gặp đâu thì ngồi đó mà, cần chi phải hỏi?”

Ưu-bà-di nói: “Con biết chỗ ngồi của tôn-giả đúng ra tại chỗ này, con cũng biết chỗ ngồi của các tôn-giả khác.”

Khi ấy Nan-đà nói với Ưu-bà-di: “Vì sao bà lại bảo thầy của bà lên ngồi ở chỗ trên? (337c) Vì thầy của bà vẫn chưa bỏ tính bông đùa của thời niên thiếu đó mà.”

Ưu-bà-di nghe thế, lòng không vui, liền suy nghĩ: “Vì thầy ta đang phạm các tội nhỏ nên phải ngồi ở chỗ dưới này”, liền ném giỏ cơm xuống đất rồi bỏ đi nói: “Tôn-giả hãy tự lấy thức ăn ở trong đó mà ăn.” Nói thế rồi, bà liền vào trong phòng đóng lại một cánh cửa, rồi đọc kệ:

“Xuất gia đã lâu ngày
Tu tập nếp phạm hạnh
Tính trẻ con không bỏ
Làm sao nhận bố thí?”

Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Nan-đà đến.

Khi thấy đến rồi, Phật hỏi: “Ông có thật như vậy không?”

Thầy đáp: “Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.”

Phật liền quở trách Nan-đà: “Đó là việc xấu. Người tu phạm hạnh có lúc phóng dật, sau đó sẽ sống như pháp, vì sao nói với người chưa thọ giới cụ túc về tội lỗi của người ấy?”

Từ nay trở đi ta không cho phép (các Tỳ-kheo) nói với người chưa thọ giới cụ túc về tội lỗi của người khác.”

Lại nữa khi Phật an trú tại Thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo khát thực, đến giờ thầy bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khát thực, đến một nhà kia, lúc ấy nghe người đàn ông nói với người nữ: “Người bố thí thức ăn cho người xuất gia.”

Người phụ nữ hỏi: “Xuất gia theo đạo nào?”

Đáp: “Xuất gia theo dòng họ Thích.”

Tôi không cho thức ăn.

Vì sao không cho?

Đó là người phá phạm hạnh, nên tôi không cho.

Tỳ-kheo liền nói với người phụ nữ ấy: “Này bà chị, tôi là người phạm hạnh.”

Người phụ nữ nói: “Tôn-giả Ca-lô là hàng đại danh đức mà còn không thể tu phạm hạnh, nay vì sao ông lại tự nói mình là người phạm hạnh?”

Tỳ-kheo nghe lời nói ác ấy, cảm thấy sầu não trong lòng, nên không khát thực mà trở về lại Tinh xá, tuyệt thực một ngày. Vì tuyệt thực nên thân thể rũ rượi, thầy bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi

đầu đánh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: “Nay ông vì sao mà thân thể rũ rượi như vậy?”

Thầy liền đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật nói: “Này Tỳ-kheo, vì sao ông không nói với họ rằng: giả sử Tỳ-kheo Ca-lô chẳng phải là người phạm hạnh, thì có phương hại gì đến việc tu phạm hạnh của tôi?”

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn, con có thể nói với bà ấy, nhưng vì Thế Tôn chế giới không cho phép nói với người chưa thọ giới cụ túc về thô tội của người khác, cho nên con không nói.”

Phật nói: “Lành thay! Lành thay! Này thiện nam tử! Ông không vì mạng sống mà vi phạm lời dạy dỗ của Phật.”

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Những người tại gia, xuất gia đều biết Tỳ-kheo Ca-lô ấy (338a) phi phạm hạnh, vậy Tăng nên trao cho ông ta phép yết-ma phi phạm hạnh. Người làm yết-ma nên nói như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Những người tại gia, xuất gia đều biết Tỳ-kheo Ca-lô ấy phi phạm hạnh, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng cho phép nói về phi phạm hạnh của Tỳ-kheo Ca-lô.”
Bạch như vậy, rồi bạch ba lần yết-ma.

Sau đó Phật hỏi các Tỳ-kheo: “Đã làm pháp yết-ma cho phép nói về việc phi phạm hạnh của Tỳ-kheo Ca-lô chưa?”

Các Tỳ-kheo đáp: “Đã làm rồi.”

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác phạm thô tội mà đem nói với người chưa thọ giới cụ túc – trừ Tăng yết-ma cho phép – thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Thô tội: Như bốn tội (Ba-la-di), mười ba tội (Tăng Tàn).

Chưa thọ giới cụ túc: Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni. Nhưng Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới cụ túc cũng không được nói với họ.

Nói: Nói cho người ở trước mặt mình biết; ngoại trừ trường hợp Tăng yết-ma cho phép

Yết-ma: Nếu tác bạch không hợp lệ, chúng Tăng không hợp lệ, thể thức yết-ma không hợp lệ, thì cũng không được gọi là yết-ma. Trái lại, tác bạch hợp lệ, chúng Tăng hợp lệ, thể thức yết-ma hợp lệ, thì được gọi là yết-ma. Đức Thế Tôn bảo yết-ma đó không có tội.

Nếu Tỳ-kheo biết người khác phạm thô tội, mà Tăng chưa làm yết-ma cho phép, thì không được nói thô tội của người ấy. Nếu có ai hỏi: “Tỳ-kheo mỗi giáp phạm giới dâm, giới uống rượu phải không?”, thì nên đáp: “Thầy ấy sẽ tự biết.”

Nếu Tăng đã làm yết-ma rồi, cũng không được đem rêu rao với xóm làng. Nếu có ai hỏi: “Tỳ-kheo ấy phạm giới dâm, giới uống rượu phải không?”, thì Tỳ-kheo (được hỏi) nên hỏi lại người ấy: “Người nghe ở đâu?”

Nếu họ đáp: “Tôi nghe tại nơi đó”, thì Tỳ-kheo nên trả lời: “Tôi cũng nghe tại nơi đó.”

Nếu Tỳ-kheo nói với người chưa thọ giới cụ túc về việc Tỳ-kheo khác phạm bốn Ba-la-di, mười ba Tăng Tàn, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về ba mươi pháp Ni-Tát-kì, chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói về bốn Ba-la-đề Đề-xá-ni, chúng học, oai nghi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu nói về tám Ba-la-di, mười chín Tăng Tàn của Tỳ-kheo-ni, thì phạm tội Thâu-lan (giá). Nếu nói về ba mươi pháp Ni-Tát-kì, một trăm bốn mươi mốt Ba-dạ-đề, Tám Ba-la-đề Đề-xá-ni, chúng học, oai nghi (của Tỳ-kheo-ni) thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu nói về mười giới của sa-di, sa-di-ni, thì phạm Việt-tỳ-ni. Sau cùng cho đến nói về năm giới của người thế tục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 8 của 92 pháp Ba-da-đề)



9. ĐỒNG Ý YẾT-MA, SAU PHỦ NHẬN

(338b) Khi Phật an trú tại Thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn-giả Đà-phiêu-ma-la-tử được Tăng làm yết-ma cử thầy trông coi chín việc, như trong mười ba việc (giới Tăng Tàn) đã nói rõ. Lúc ấy có y phần tảo xá na, không thể phân chia được nên thầy bạch với Tăng rằng: “Y phần tảo xá na này không thể chia được, nên cho Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp được không?”

Các Tỳ-kheo đều đồng tình bảo: “Được.” Thế nhưng, Đà-phiêu sợ về sau có lời tranh cãi, bèn xướng giữa tăng rằng: “Y phần tảo xá na này cho Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp”, như vậy ba lần.

Xướng vừa xong, nhóm sáu Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy nói: “Ai nói cho? Nhóm sáu Tỳ-kheo đã chịu cho chưa? Ông xướng như vậy là không có tâm bình đẳng. Ông vì thân tình riêng mà đem vật của chúng Tăng ra cho họ.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: “Các ông có thật như vậy chăng?”

Họ đáp: “Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.”

Phật liền khiển trách: “Đó là việc ác. Bậc phạm hạnh như vậy, nếu cần đến da thịt máu tủy của các ông, cũng nên đem cho, huống gì chiếc y phần tảo ấy không thể chia được, nay đã tuyên bố cho giữa Tăng mà ngăn cản. Khi các ông im lặng bằng lòng cho thì giống

như tướng mạo của bậc quý nhân. Giờ lại ngăn cản, thì giống như bộ dạng của kẻ bẩn tiện. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp.”

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo, khi Tăng đem chia phẩm vật, đã hòa hợp bằng lòng cho người khác nhưng sau đó ngăn cản, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Trước đã bằng lòng: Trước đó trong Tăng chia phẩm vật, mình cùng hòa hợp bằng lòng cho.

Sau đó ngăn cản: Nói như sau: “Trưởng lão tùy theo chỗ thân tình mà đem vật của Tăng cho riêng”, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu khi Tăng đem chia các vật cần phải chia, như: Y-tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, hoặc tọa cụ, áo che ghe, áo tắm mưa, dây thắt lưng, tô, chén nhỏ, thau đồng, quạt, dù che, bình đựng dầu, túi da, dao con, giày da, bình đựng nước v.v... Tất cả các vật đáng chia như vậy khi chia cho mình thì nên lấy. Nếu không muốn lấy, nên bảo họ đi qua. Nếu họ hỏi: “Vì sao thầy không lấy?”, thì nên đáp: “Cái này tôi không cần, tôi muốn lấy vật khác”, rồi sau đó, khi cần mình lấy, thì không có tội. Nếu người chia vật tuyên bố: “Các vị tùy ý mà lấy”, thì Tỳ-kheo lúc ấy tùy theo những gì mình cần tự ý lấy, (338c) không có tội.

Ngăn cản: Có ba trường hợp: hoặc cho rồi mà ngăn cản; hoặc lúc đang cho ngăn cản; hoặc khi chưa cho ngăn cản.

Khi cho rồi mà ngăn cản thì phạm Ba-dạ-đề. Lúc đang cho mà ngăn cản, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Lúc chưa cho mà ngăn cản thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 9 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



10. HỦY BẢNG GIỚI PHÁP

Khi Phật an trú tại Thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Tăng chúng cứ nửa tháng tụng Ba-La-Đề-Mộc-Xoa (giới), khi tụng đến bốn việc (Ba-la-di) thì nhóm sáu Tỳ-kheo im lặng, đến mười ba việc (Tăng Tàn), thì họ nổi giận; khi tụng đến ba mươi việc (Ni-Tát-Kì), thì họ làm ồn; khi tụng đến chín mươi hai việc (Ba-dạ-đề), thì họ bèn đứng dậy, nói như sau: “Này các Trưởng lão, ai giữ được những giới ấy mà tụng làm chi? Họ có chư Thiên mới giữ được những giới ấy chăng? Chỉ làm cho các Tỳ-kheo sinh nghi ngờ hối hận mà thôi.” Lúc ấy người tụng Ba-La-Đề-Mộc-Xoa đâm ra hổ thẹn.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: “Các người có thật như vậy không?”

Họ đáp: “Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.”

Phật liền khiển trách: “Đó là việc xấu. Như Lai vì muốn được lợi ích cho các đệ tử nên quy định cứ nửa tháng tụng Ba-La-Đề-Mộc-Xoa. Vì sao các ông coi thường, trách cứ, ngăn cản việc tụng giới? Đó là hành vi phi pháp, phi luật, trái lời Phật dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.” Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì

mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu vào dịp nửa tháng tụng Ba-La-Đề-Mộc-Xoa mà Tỳ-kheo nào tỏ ra khinh thường chê trách giới nói như sau: “Trưởng lão, cứ nửa tháng tụng các giới tạp nhạp nhỏ nhặt làm gì, khiến cho các Tỳ-kheo sinh nghi ngờ hối hận”, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Nửa tháng: Hoặc mười bốn ngày, hoặc mười lăm ngày.

Ba-la-đề-mộc-xoa: Mười giới tánh vậy.

Tụng: Tăng hòa hợp cử nửa tháng, nửa tháng tụng.

Giới nhỏ nhặt tạp nhạp: Chỉ cho các Thiên giới khác, ngoại trừ bốn việc (Ba-la-di), mười ba việc (Tăng tàn).

Khiến các Tỳ-kheo sinh nghi ngờ hối hận: (Ai nói như thế) thì phạm Ba-dạ-đề.

Khinh thường, chê trách: Có ba trường hợp: hoặc chê trách lúc chưa tụng; hoặc chê trách lúc đang tụng; hoặc chê trách lúc tụng xong.

Chê trách lúc chưa tụng: Trước khi tụng nói như sau: “Trưởng lão chớ có tụng các giới nhỏ nhặt ấy làm gì. Tôi muốn tụng xong cho thật nhanh.” Đó là chê trách khi chưa tụng.

Chê trách lúc đang tụng: Lúc thuyết giới nói như sau: “Trưởng lão thuyết các giới nhỏ nhặt ấy làm gì, khiến cho các Tỳ-kheo nghi ngờ, hối hận.” Đó gọi là lúc đang tụng mà chê trách.

Chê trách lúc tụng xong: Lúc tụng xong liền nói như sau: “Vừa rồi thầy tụng chi các giới nhỏ nhặt ấy. Thầy tụng đầy đủ các giới

làm chi khiến tôi ngồi lâu mỗi một muốn chết!” (339a) Đó gọi là chê trách khi tụng xong.

Chê trách lúc chưa tụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Chê trách lúc đang tụng thì phạm tội Ba-dạ-đề. Chê trách lúc tụng xong thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói:

“Vọng ngữ và chủng loại
Hai lỗi cùng khai lại
Không tịnh (nhân) và cú pháp
Hơn người (đắc quả) nói thô tội
Vị tịnh, khinh chê giới
Xong phần đầu Bạt-cù.”

(Hết giới thứ 10 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

11. CHẶT PHÁ CÂY SỐNG

Khi Phật trú tại Tinh xá Khoáng Dã, nói rộng như trên. Bấy giờ, thấy Tỳ-kheo quản sự tự tay chặt cây, bẻ cành lá hoặc hái hoa quả, nên bị người đời chê trách như sau: “Các người xem kìa! Sa-môn Cù-đàm dùng vô lượng phương tiện khiển trách sát sinh, khen ngợi không sát sinh, thế mà giờ đây tự tay chặt cây, hái hoa, giết hại mạng sống thực vật, mất hết phép tắc sa-môn, có đạo nào như thế?”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo quản sự đến. Khi thấy đến rồi Phật hỏi: “Này Tỳ-kheo, ông có làm việc đó thật chăng?”

Thầy đáp: “Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.”

Phật liền khiển trách: “Đó là việc xấu. Trong đó tuy không có mạng sống, nhưng không nên làm cho người ta sinh ác cảm. Các ông cũng có thể tạo ra được một sự nghiệp nhỏ, hãy bỏ bớt các việc lật vật. Từ nay ta không cho Tỳ-kheo tự tay chặt đốn cây cối, phá hoại thân của quý.” Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Khoáng dã phải tập hợp lại tất cả. Vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo phá hoại mầm sống của cây, phá thân của quý, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Mầm sống của cây: Gồm có năm loại: (1) củ, rễ; (2) thân cây; (3) đốt cây; (4) lõi cây; (5) chồi cây. Đó gọi là năm mầm sống của cây.

Thân của quý: Cây lớn, cây nhỏ, cỏ.

Phá hoại: Đốn chặt hủy hoại, nếu đốn chặt hủy hoại thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Củ, rễ cây: Củ gừng, củ sen, củ khoai nước, củ cải, củ hành. Các loại củ cây như vậy phải dùng lửa làm cho sạch (nấu chín), hoặc dùng dao gọt sạch. Đó gọi là củ cây.

Thân cây: Như các loại: Ni-câu-luật, Bí-sát-la, Ưu-đàm-bát-la, dương liễu. Các thân cây như vậy nên dùng lửa làm cho sạch, hoặc dùng dao gọt cho sạch. Đó gọi là các loại thân cây.

Đốt cây: Như trúc, cỏ lau, nứa. Các loại đốt cây như vậy nên dùng lửa làm cho sạch, hoặc dùng dao gọt cho sạch, hoặc vạc bỏ các mắt cây. Đó gọi là đốt cây.

Lỗi cây: Như củ cải, rau đắng, cây chàm. Các thứ do lỗi sinh ra nên dùng lửa làm cho sạch, hoặc dùng tay chà cho sạch. Đó gọi là lỗi cây.

Chối cây: Gồm có mười bảy loại hạt giống, như trong giới thứ hai đã nói. Các loại chối cây như vậy nên dùng lửa làm cho sạch, hoặc lột vỏ cho sạch. Đó gọi là chối cây.

Các giống thực vật gồm có: (1) Khỏa hạch chủng; (2) Phu khỏa chủng; (3) (339b) Sác khỏa chủng; (4) Cối khỏa chủng; (5) Giác khỏa chủng; (6) Anh vũ trác; (7) Hoàn xuất; (8) Hỏa thiêu; (9) Thời chủng; (10) Phi thời chủng; (11) Thủy chủng; (12) Lục chủng; (13) Tiên tác cánh sanh chủng ;

Khỏa hạch chủng: Như La-lợi-lặc, Tỳ-ê-lặc, A-ma-lặc, Khước-thù-la, Toan-tảo. Các loại trái như vậy nên dùng móng tay cạy hạt bỏ, rồi ăn. Nếu muốn ăn cả hạt thì nên nấu chín. Đó gọi là khỏa hạch chủng.

Phu khỏa chủng: Như Bí-bát-la, phá cầu, Ưu-đàm-bát-la, lợi nại. Các loại có vỏ bọc như thế nên dùng lửa làm cho sạch. Khi chín, nó tự rơi từ trên cây xuống đất, nếu bị va vào cây đá, nó sẽ tróc vỏ như dấu chân muối thì được xem là sạch. Không được ăn luôn cả hạt. Nếu muốn ăn cả hạt thì phải nấu chín. Đó gọi là phu khỏa chủng (loại hạt có vỏ bọc).

Sác khỏa chủng: Như trái dừa, trái hồ đào, trái lựu, các loại trái có vỏ cứng như thế nên dùng lửa làm cho sạch, hoặc làm vỡ ra. Đó gọi là sác khỏa chủng.

Cối khỏa chủng: Như rau thơm, rau tía tô, đậu, các loại rau như vậy nếu chưa ra trái thì dùng tay vò làm cho sạch, nếu đã có trái thì dùng lửa làm cho sạch. Đó gọi là cối khỏa chủng.

Giác khỏa chủng: Như các loại đậu lớn nhỏ, hay đậu ma sa, các loại đậu như thế, nếu chưa có hạt, thì dùng tay làm cho sạch, nếu đã có hạt, thì dùng lửa làm cho sạch. Đó gọi là giác khỏa chủng.

Anh vũ trác: Các trái cây bị chim anh vũ mổ vỡ rơi xuống đất, có vết như dấu chân muỗi, thì gọi là sạch (tịnh), bỏ hạt được phép ăn. Nếu muốn ăn cả hạt thì phải dùng lửa làm cho sạch. Đó gọi là anh vũ trác.

Hoàn xuất: Các loại hạt được bỏ ngựa, khi ăn vào rồi ỉa ra thành phân thì được xem là tịnh (loại hạt hợp lệ). Đó gọi là hoàn xuất.

Hỏa thiêu: Nếu trái cây bị lửa thiên nhiên đốt cháy, rơi xuống đất được xem là tịnh. Đó gọi là hỏa thiêu.

Thời chủng: Vào mùa lúa thường thì cấy lúa thường, mùa lúa mạch thì cấy lúa mạch. Những loại hạt lúa này nên dùng lửa làm cho sạch. Hoặc bóc vỏ làm cho sạch. Như tại nước Câu-lân-đề, khi nông dân thu hoạch lúa đổ thành đống, họ sợ loài phi nhân lấy trộm nên dùng tro rải lên trên để làm dấu, như thế gọi là tịnh. Như trường hợp thầy tri sự có lầm lúa chưa tác tịnh, sợ Tỳ-kheo trẻ tuổi không biết thể thức, nên sai tịnh nhân dùng lửa tác tịnh, lửa cháy, cháy lan đốt hết lấm thóc. Lúc ấy Tỳ-kheo được nói: “Thóc đã đem đi xay hết rồi”, thì không phạm tội. Đó gọi là thời chủng.

Phi thời chủng: Như vào mùa nếp mà gặt lúa mạch, vào mùa lúa mạch mà gặt nếp, thì nên dùng lửa tác tịnh. Đó gọi là phi thời chủng.

Thủy chủng: Như hoa Ưu-bát-la, hoa câu-vật-đầu, hoa hương đĩnh, củ của các loại hoa ấy nên dùng lửa tác tịnh, hoặc dùng dao gọt. Đó gọi là thủy chủng (thực vật sống dưới nước).

Lục chủng: Gồm có mười bảy loại lúa, cần phải bóc vỏ tác tịnh, (339c) hoặc dùng lửa tác tịnh. Đó gọi là lục chủng (thực vật sống ở đồng bằng).

Tiên tác hậu sinh: Có loại lúa tẻ hoặc là rễ củ cải, nên dùng lửa tác tịnh hoặc dùng dao gọt. Đó gọi là tiên tác.

Tóm lại, có các trường hợp: Hoặc tự mình cắt đứt; hoặc sai người cắt đứt, hoặc tự mình phá; hoặc sai người phá. Hoặc tự mình đập

nát; hoặc sai người đập nát; hoặc tự mình đốt hoặc sai người đốt, hoặc tự mình lột vỏ, hoặc sai người lột vỏ.

Tự cắt: Hoặc tự mình dùng phương tiện cắt năm loại thực vật cả ngày không ngừng, thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu giữa chừng ngừng rồi cắt tiếp, thì cứ một lần ngừng phạm một tội Ba-dạ-đề.

Sai người cắt: Một lần dùng phương tiện sai người cắt một ngày, thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu giữa chừng nói: “Cắt nhanh lên”, thì cứ một lần nói phạm một tội Ba-dạ-đề. Tất cả bốn trường hợp kia như phá, đập nát, đốt, lột vỏ, hoặc tự mình làm, hoặc sai người làm cũng phạm tội như vậy.

Nếu vì Tăng làm tri sự, nhất thiết không được bảo tịnh nhân như: “Cắt cây này, phá cây này, đập nát cây này, lột vỏ cây này.” Nếu nói như thế thì phạm tội. Do đó chỉ nên nói: “Hãy biết cây ấy, hãy làm sạch cây ấy”, nói như thế không có tội.

Nếu đem năm loại thực vật ném vào trong hồ nước, hoặc dưới giếng, hoặc trong cầu tiêu, trong đồng rác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vì thế mà thực vật ấy hư chết, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nào muốn cho cỏ không sinh trưởng nên đi qua lại trên đó, thì lúc đi phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm tổn thương cỏ cây chừng độ vết chân muỗi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu đứng, ngồi, nằm như trên, cũng đều phạm tội như vậy.

Nếu dùng bút vẽ lên cây làm tổn thương bằng vết chân con muỗi, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu trên tảng đá sinh rêu, rồi Tỳ-kheo muốn giặt y trên đó, thì không được nhổ bỏ, mà chỉ cho tịnh nhân biết (hàm ý nhờ họ dọn sạch), rồi sau đó mới giặt y. Nếu rêu đó bị ánh nắng làm cho khô, thì được tự tay gỡ bỏ không có tội.

Nếu sau cơn mưa, cây cối ngã trên đất, thì Tỳ-kheo không được dùng tay đỡ lên; nếu đỡ lên thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm tổn thương cây, dù chỉ bằng vết chân muỗi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu tịnh nhân đến đỡ trước rồi Tỳ-kheo đỡ giúp họ, thì không có tội.

Nếu các y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, hay tọa cụ, mền gối, giày dép của Tỳ-kheo sinh nấm mốc thì nên chỉ cho tịnh nhân biết, để họ đem phơi nắng cho khô, thì Tỳ-kheo được dùng tay phủi đi.

Nếu trên bánh sinh mốc, thì nên chỉ cho tịnh nhân biết (hàm ý nhờ họ làm sạch mốc), rồi sau đó mới được ăn.

Nếu khi dọn cơm có các thứ như đậu, mè, dưa, mía v.v... thì Thượng tọa nên hỏi: “Đã tác tịnh chưa?” Nếu họ đáp: “Chưa tác tịnh”, thì bảo họ tác tịnh. Nếu họ nói: “Đã tác tịnh rồi” thì được phép ăn.

Nếu trong một đĩa có nhiều trái cây, mà tác tịnh một trái, thì tất cả các trái khác cũng được xem như đã tác tịnh. Nếu trái cây đựng từng đĩa khác nhau, thì phải tác tịnh từng đĩa một.

Nếu mía đang còn lá thì phải tác tịnh riêng từng cây. Nếu mía không có lá, được cột thành bó, thì được tác tịnh như trái cây.

Nếu Tỳ-kheo an cư mùa hạ tại A-lan-nhã, nơi ấy có cỏ sinh trưởng phủ kín đường đi, vì sợ mất đường đi (340a) nên tóm hai bụi cỏ cột lại với nhau, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu dùng vật khác cột lại làm dấu mà đi, đến khi trở về mở ra, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo ở trong núi, khi mưa, đường sá bùn đất trơn trượt, lúc đi trượt chân suýt bị té, bèn nắm cỏ nhưng cỏ đứt, lại nắm cái khác thì không có tội.

Nếu bị nước cuốn trôi, nên Tỳ-kheo chụp lấy cỏ làm cho cỏ đứt, thì cũng không có tội.

Nếu khi trét phen đất mà khát nước, muốn uống nước, nhưng vì tay có bùn, thì được dùng lá cây múc nước uống. Nếu không có tịnh nhân lấy lá cây, thì được leo lên cây dùng lá cây tươi đựng nước uống; nhưng không được bứt đứt lá cây. Nếu cây cao sử dụng không được, thì được quăng cây xuống, lấy lá khô múc nước uống. Nếu Tỳ-kheo bứt đứt lá cây xanh non thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu làm đứt lá cây có nhiều chân cứng, chắc thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu bứt đứt lá cây đã úa vàng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu gió thổi làm rụng ba loại lá cây (tươi, úa và khô) rồi lấy dùng, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo hái trái cây tươi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu hái trái cây sắp chín thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu hái trái chín thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đi đường, ban đêm nằm ngủ trên cỏ tươi mà tưởng là cỏ khô, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc cỏ khô mà tưởng cỏ tươi, cũng phạm Việt-tỳ-ni. Cỏ tươi mà tưởng cỏ tươi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Cỏ khô mà tưởng cỏ khô thì không có tội.

Nếu trong thành phố hoặc xóm làng có nhà từ đường, nơi ấy có cây cối cành lá, dù là khô cũng không được bẻ lấy. Nếu bẻ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về bốn trường hợp đối với cây cối cũng như trong vấn đề cỏ tươi đã nói ở trên.

Nếu Tỳ-kheo khi đi đại tiểu cần dùng nước phải đi đến hồ lấy nước, nhưng trên mặt hồ đầy cả lục bình, thì không được dùng tay quạt cho lục bình trôi đi để lấy nước, mà phải tìm lối đi của bò, ngựa hoặc rắn, hoặc ếch. Nếu không có lối đi, thì cầm cục đất ném trên không rồi nói như sau: “Đi lên đến cội phạm thiên”, chờ khi cục đất rơi xuống rồi quạt bèo, lấy nước dùng thì không có tội. Nhưng nếu làm cho bèo cỏ trong nước bị lật úp xuống, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vớt bèo cỏ ném lên bờ thì phạm Ba-dạ-đề.

Khi vào hồ nước tắm, nếu có cỏ tươi vướng vào mình, nên dùng nước xối cho trôi xuống nước. Nếu nhổ nắm buổi mai, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi nhặt phân bò khô mà dính luôn cả cỏ tươi thì phạm Ba-dạ-đề. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ II của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

12. NÓI ĐỂ NHIỀU LOẠN NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, nói rộng như trên. Khi ấy, Tăng tập hợp định làm yết-ma, thì Tôn-giả Xiển-đà không đến. Tăng liền sai sứ đi gọi Xiển-đà nói: “Tăng tập hợp định làm yết-ma, Trưởng lão hãy đến.” Xiển-đà liền suy nghĩ: “Nay Tăng cho gọi ta, chính là muốn trị tội ta, chứ không có việc gì khác. Nay ta (340b) phải nhiễu loạn ai đây để cho tất cả Tăng chúng đều rối loạn không thể làm yết-ma được? Có lẽ nên nhiễu loạn tôn-giả Mục Kiền Liên thì mới thoát được việc này. Nhưng Mục Kiền Liên có đại thần lực ắt sẽ biết việc ta làm, hoặc ông có thể nắm ta ném đến thế giới khác, nên việc này cũng không thể được.” Rồi lại suy nghĩ: “Nếu nhiễu loạn Đại-Ca-Diếp thì có thể thoát được việc này. Nhưng Đại-Ca-Diếp có uy đức lớn, ông có thể chiết phục, làm nhục ta ở giữa chúng Tăng, nên việc này cũng không thể được.” Rồi lại suy nghĩ: “Tôn-giả Xá-lợi-phất tâm nhu nhuyễn chất trực, dễ nói chuyện, nếu nhiễu loạn ông ta thì có thể khiến cho Tăng đều rối loạn không thể làm yết-ma đối với ta.”

Nghĩ thế rồi, Xiển-đà bèn đi đến giữa Tăng, nói như sau: “Thưa tôn-giả Xá-lợi-phất, tôi muốn hỏi nghĩa kinh.”

Xá-lợi-phất nói: “Nay vì việc khác mà tập hợp Tăng, lúc này không phải là lúc hỏi nghĩa kinh.”

Xiển-đà lại nói với tôn-giả Xá-lợi-phất: “Đối với chánh pháp của Phật không có lúc nào là lúc phi thời. Nếu được thiện quả ngay trong hiện tại, trừ diệt phiền não, các hiền thánh vui vẻ, thì đều không có gì phải chọn lựa thời gian.”

Tôn-giả Xá-lợi-phất nói: “Tôi xin nghe thầy hỏi.”

Xiển-đà liền hỏi: “Đức Thế Tôn thuyết tứ niệm xứ, vậy thế nào là tứ niệm xứ?”

Khi ấy Tôn-giả Xá-lợi-phất bèn giảng về tứ niệm xứ cho Xiển-đà. Xiển-đà lại nói: “Tôi không hỏi tứ niệm xứ, tôi hỏi Tứ chánh cần. Trưởng lão chỉ nên nói về Tứ chánh cần cho tôi.”

Xá-lợi-phất nói: “Thầy muốn nghe Tứ chánh cần thì hãy lắng nghe”, rồi nói về Tứ chánh cần.

Xiển-đà lại nói: “Tôi hỏi về Tứ Như Ý Túc.” Như vậy lần lượt hỏi đến ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, Bát chánh đạo phần cũng như tứ niệm xứ, hỏi đi hỏi lại ba lần.

Lúc ấy các Tỳ-kheo ngồi lâu mỗi mệt, liền lần lượt bỏ ra, khiến Tăng không hòa hợp, chung cục yết-ma không thành. Do vậy, các Tỳ-kheo đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Xiển-đà đến. Khi thấy đến rồi, Phật liền hỏi: “Xiển-đà, ông có thật như vậy không?”

Thầy đáp: “Có thật như vậy.”

Phật nói: “Xiển-đà, đó là việc xấu. Ta đã không vì ông mà dùng vô lượng phương tiện chê trách những lời nói nhiều loạn, khen ngợi những lời nói tùy thuận hay sao? Nay vì sao ông gây ra sự nhiều loạn? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Phật dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp.” Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Câu-diệm-di phải tập hợp lại tất cả, vì mười việc lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nói những lời khác làm náo loạn người khác, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Nói những lời khác làm náo loạn người khác: Có tám trường hợp. Đó là: (1) Lúc làm yết-ma; (2) Lúc bàn luận như pháp; (3)

Lúc bàn luận về A-tỳ-đàm; (340c) (4) Lúc bàn luận về Tỳ-ni; (5) Không bàn về việc khác; (6) Không bàn với người khác; (7) Ngưng luận bàn; 8. Nói những lời khác làm náo loạn người khác.

Làm yết-ma: Tỳ-kheo tập trung hòa hợp làm yết-ma Chiết phục, cho đến yết-ma biệt trụ. Đó gọi là làm yết-ma.

Bàn luận như pháp: nói về phi thường (vô thường), phi đoạn (không đoạn diệt). Đó gọi là bàn luận như pháp.

A-tỳ-đàm: Chỉ cho chín bộ kinh. Đó gọi là A-tỳ-đàm.

Tỳ-ni: Nói đủ, hoặc nói tóm lược Ba-la-đề-mộc-xoa (giới). Đó gọi là Tỳ-ni.

Không bàn về việc khác: Không được rời bỏ vấn đề đang bàn luận mà bàn về vấn đề khác. Đó gọi là không bàn về việc khác.

Không luận bàn với người khác: Không được rời bỏ người vừa hỏi để hỏi người khác. Đó gọi là không bàn luận với người khác.

Ngưng bàn luận: Lúc đương thuyết pháp liền bảo: “Dừng lại, sau sẽ bàn tiếp.” Đó gọi là ngưng bàn luận

Nói những lời khác làm náo loạn người khác: Như tôn-giả Xiển-đà đã nói những lời khác (ngoài mục đích yết-ma) để làm náo loạn người khác.

Đó gọi là tám trường hợp.

Trong đây, dùng những lời khác làm náo loạn người khác, phạm Ba-dạ-đề. Nếu ngoài tám việc trên đây thì không phạm Ba-dạ-đề.

Nếu có người hỏi: “Tỳ-kheo, Thầy từ đâu đến?”

Từ quá khứ đến.

Thầy sẽ đi về đâu?

Hướng về vị lai mà đi.

Thầy ngủ ở đâu?

Ngủ trên tám loại cây.

Hôm nay thấy ăn tại đâu?

Ăn bằng năm ngón tay.

Nếu hỏi một đằng mà đáp một ngả như vậy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có bọn cướp xâm nhập vào chùa, hỏi Tỳ-kheo: “Chỉ cho tôi những đồ vật của chư Tăng.”

Khi ấy, Tỳ-kheo không được chỉ cho họ các thứ châu báu, cũng không được nói dối, mà nên chỉ cho họ phòng ốc, giường ghế các thứ. Nếu bọn cướp nói: “Chỉ cho tôi những vật dụng của tháp”, thì cũng không được chỉ cho họ những bảo vật của tháp, cũng không được nói dối, mà nên chỉ những khí cụ cúng dường ở cạnh tháp.

Nếu bọn cướp nói: “Chỉ cho tôi nhà bếp”, thì Tỳ-kheo cũng không được chỉ cho họ chỗ cất tiền, mà nên chỉ cho họ chỗ để các thứ nồi niêu xoong chảo.

Nếu súc vật của nhà đồ tể chạy thoát, họ đến hỏi Tỳ-kheo có thấy không, thì Tỳ-kheo không được nói dối, cũng không được chỉ chỗ, mà nên nói: “Xem móng tay đây, xem móng tay đây (tiếng phạn có nghĩa là không thấy).”

Nếu Tỳ-kheo ở tại A-luyện-nhã, có tù nhân đào thoát, rồi quân lính đến hỏi thì Tỳ-kheo cũng đáp như trường hợp súc sinh trên.

Nếu Tỳ-kheo ở giữa Tăng mà hỏi một đằng đáp một ngả, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu ở giữa nhiều người, trước Hòa thượng, A-xà-lê, trước các Trưởng lão Tỳ-kheo mà hỏi một đằng đáp một ngả, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 12 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

13. CHÊ TRÁCH CHỨC SỰ CỦA TĂNG

Khi Phật an trú tại Thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ người đời có lòng tín kính rất sâu xa, nên họ mang nhiều thức ẩm thực đến cúng dường Thế Tôn, rồi cúng chúng Tăng, tôn-giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên. Phần cúng dường Phật thì có thị giả thu dọn còn phần cúng dường chúng Tăng và Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên (341a) thì hoặc dùng hết, hoặc dùng không hết mà không có ai thu dọn để đến hôm thối. Bấy giờ tôn-giả Đà-phiêu còn ở địa vị đang học, suy nghĩ: “Nếu ta đạt được vô học, thì ta sẽ coi sóc công việc của Tăng để chư Tăng được an lạc.” Suy nghĩ thế rồi, đầu đêm, cuối đêm, thấy tinh tấn tu tập nên đặc quả A-la-hán, đặc tam minh, lục thông. Đoạn thấy suy nghĩ: “Vì sao ta phải làm những việc hữu vi? Ta nên tu tập vui sống với thiếu dục, vô sự.”

Phật nói với Đà-phiêu: “Khi còn ở địa vị phải học, ông đã nói như sau: “Nếu ta đạt được địa vị vô học, ta sẽ coi sóc công việc chư Tăng.” Ông có nói như thế không?”

Thầy đáp: “Có nói như vậy, bạch Thế Tôn.”

Này Đà-phiêu như nguyện vọng của ông trước kia, giờ đây nên làm như vậy.

Con sẽ làm như Thế Tôn dạy.

Thế rồi chúng Tăng cử thầy làm chín việc như trước đây đã nói. Lúc ấy, thầy tùy nghi sai phái chúng Tăng đi thọ trai. Nếu là trưởng lão Thượng tọa thì cho thức ăn thượng hạng. Nếu trung tọa thì cho thức ăn trung bình. Nếu hạ tọa thì cho thức ăn thô sơ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo vì đã có mối hiềm khích oán hận, nên đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn nói với Đà-phiêu: “Phàm là người xuất gia, nguyên tắc phải trao thức ăn bình đẳng, ông nên biết: được ít thì không đủ, được nhiều cũng không nên chán, được tốt, được xấu, đều không chu đáo.”

Do thế, trưởng lão Đà-phiêu bèn phân ra ba loại thực phẩm tinh thô, cứ tuần tự giáp vòng rồi trở lại từ đầu. Khi ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà sáng sớm thức dậy, liền khoác y cầm bát, đến nhà cúng dường ẩm thực, nói với Ưu-bà-di: “Trao thức ăn cho tôi.”

Ưu-bà-di nói: “Thưa tôn-giả, chưa đến giờ ăn. Tôi chưa kịp rửa mặt và rửa chén bát, chưa làm được thức ăn cho người xuất gia.”

Lúc ấy các thanh thiếu nữ trẻ ở nhà đàn việt mới thức dậy, đi tắm rửa để lộ thân thể. Tỳ-kheo Nan-đà do không thu nhiếp các căn, nhìn chăm chăm vào các cô gái, nên Ưu-bà-di suy nghĩ: “Tỳ-kheo này không phải là người trì luật, nếu để lâu ở đây có thể sinh ra nhiều tội lỗi. Ta hãy đưa thức ăn của người giúp việc để ông ta đi ngay cho rồi.”

Suy nghĩ như thế rồi bà liền mang thức ăn của người giúp việc đưa cho thầy.

Tỳ-kheo ấy nhận được thức ăn rồi, liền trở về Tinh xá. Bấy giờ, có trưởng lão Tỳ-kheo đến giờ khát thực, liền khoác y cầm bát đi đến nhà cúng dường thức ăn. Đàn việt liền cúng dường thức ăn ngon lành đầy bát, rồi thầy trở về. Khi ấy Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà trông thấy thế, liền nói như sau: “Này trưởng lão Đà-phiêu, đức Thế Tôn dạy phải chia thực phẩm bình đẳng. Thầy hãy xem hai loại thức ăn này có giống nhau hay không?”

Đà-phiêu nói: “Vì thầy đến quá sớm, chưa tới giờ ăn (nên mới thế).”

Hôm sau, Nan-đà bèn khoác y, cầm bát vào thành, nhưng ở dọc đường thầy xem đấu voi, đấu ngựa và nghe người thế tục bình phẩm. Lúc ấy Ưu-bà-di suy nghĩ: “(341b) Hôm qua thầy ấy đến không được ăn, hôm nay phải chuẩn bị sớm.” Thế rồi bà làm thức ăn xong đã lâu mà chờ mãi vẫn không thấy tới, nên suy nghĩ: “Tôn-giả hôm qua đến sớm, bữa nay vì sao không tới? Hay là ở Tinh xá Kỳ-hoàn có cúng dường chư Tăng, cho nên không đến?” Do vậy, bà cùng với chồng con ăn sạch.

Lúc đến giờ, Nan-đà mới vội vã đến, nói với Ưu-bà-di: “Đưa thức ăn cho tôi.”

Ưu-bà-di nói: “Con làm thức ăn từ sớm đợi tôn-giả mà không thấy đến. Con tưởng hôm nay có người cúng dường chư Tăng tại Kỳ-hoàn. Thấy được họ mời rồi chứ? Vì thế phần cúng dường cho thấy con đã ăn hết.”

Nan-đà liền nói: “Người định bỏ đói ta sao?”

Bấy giờ, Ưu-bà-di liền đem thức ăn thừa của người giúp việc ra cho thấy. Được thức ăn rồi thấy bèn trở về Tinh xá, nói lại như trước.

Đà-phiêu nói: “(Hôm nay) thầy lại tới quá trễ.” Nói xong tôn-giả Đà-phiêu liền đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Nan-đà tới. Khi thấy tới rồi, Phật liền hỏi: “Ông có thật như vậy chăng?”

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện chê trách đa dục, khen ngợi thiếu dục hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật trái lời Phật dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo hiềm trách thầy tri sự thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Hiềm trách: Hoặc bái nhân, bái chúc nhân, bái chúc chúc nhân.

Bái nhân (người được giao việc): Như tôn-giả Đà-phiêu. Đó gọi là bái nhân.

Bái chúc nhân (người được giao việc bèn nhờ người khác làm giúp): Như trường hợp Đà-phiêu Na-la-tử nhờ người khác xử lý công việc của Tăng. Đó gọi là bái chúc nhân.

Bái chúc chúc nhân (người được giao việc nhờ người khác làm giúp, rồi người ấy lại nhờ người khác nữa): Người được giao việc lại đi nhờ người khác nữa xử lý việc của Tăng. Đó gọi là bái chúc chúc nhân.

Hiêm trách: Người hiêm trách phạm Ba-dạ-đề.

Khi Tăng phát các thứ bánh, theo thứ tự đến mình, thì mình nên nhận lấy. Nếu không muốn lấy thì nên bảo họ đi tiếp. Nếu tịnh nhân hỏi: “Vì sao thấy không lấy?”

Rồi mình đáp: “Tôi kiêng cũ không dùng thứ này, muốn lấy thứ khác”, thì không có tội.

Khi Tăng đi phân phát các loại cháo, như cháo sữa, cháo tô lạt, cháo mè, cháo cá v.v..., nếu họ múc đầy vá đưa cho Thượng tọa thì Thượng tọa không nên nhận liền mà nên nói: “Nên đưa cho bình đẳng.” Nếu người trị nhật đi đưa thịt, vì vị nể Thượng tọa nên đưa nhiều hơn, thì Thượng tọa nên hỏi: “Tất cả đều như thế này chăng?”

Người trị nhật liền đáp: “Chỉ đưa cho Thượng tọa nhiều thôi.”

Thượng tọa nên nói: “Nên chia bình đẳng.” Thế rồi, nếu không cần nhiều (341c) thì hãy lấy một ít. Lấy xong rồi bảo đưa bình đẳng cho mọi người.

Khi có những thức ăn ngon như vậy nên đưa cho bình đẳng.

Lúc sa-di đi trao đồ ăn, nếu trao cho thấy mình một cách thiên vị, thì thấy tri sự nên nói: “Hãy đưa bình đẳng.”

Nếu sa-di nói: “Sao ông không tự làm đi?” Lúc ấy thấy tri sự nên đuổi sa-di đi rồi sai người khác làm.

Nếu người đi đưa thức ăn, thấy có vị đại đức trong Tăng bèn đưa nhiều hơn, khiến những người khác bị thiếu, thì thấy tri sự nên nói với người ấy: “Trong Tăng không có cao thấp, người hãy đưa bình đẳng.”

Nói chung, có các trường hợp: hoặc có hiểm mà không trách móc; hoặc có trách móc mà không hiểm; hoặc vừa hiểm vừa trách móc; hoặc chẳng hiểm chẳng trách móc.

Có hiểm mà không trách móc: Bưng bát thức ăn của mình đem so sánh với bát người bên cạnh rồi nói thế này: “Như thế này có bình đẳng không?” Đó gọi là có hiểm mà không trách móc. Cả bốn trường hợp kia nói rộng cũng như vậy.

Có hiểm mà không trách móc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Có trách móc mà không hiểm cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Vừa hiểm vừa trách móc thì phạm tội Ba-dạ-đề. Chẳng hiểm cũng chẳng trách móc thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 13 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

14. TRÁI ĐỒ CỦA TĂNG Ở CHỖ TRỐNG

Khi Phật trú tại nước Bạt-kỳ, Ngài đi du hành trong nhân gian, đến bên một con sông kia, thấy các ngư ông đang bủa lưới bắt cá. Các Tỳ-kheo thấy thế liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Các ngư ông này làm một việc lẽ ra không nên làm.” Nhân các Tỳ-kheo nói nên Thế Tôn liền đọc kệ:

“Đã được thân khó được
 Vì sao làm việc ác
 Thân cưu mang ái nhiễm
 Chết rồi vào ác đạo.”

Khi ấy, các ngư phủ bủa một mảng lưới lớn, ở bên dưới buột đá, ở bên trên cột những cái bầu nổi, thuận theo dòng nước kéo lên, mỗi đầu hai trăm năm mươi người, kêu la kéo lên bờ ầm ĩ. Các Tỳ-kheo thấy thế, liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Những người này nếu ở trong Phật pháp mà tinh tấn như vậy, thì sẽ được lợi ích lớn.” Bấy giờ nhân sự việc ấy, Thế Tôn liền đọc kệ:

“Cái gọi là tinh tấn
Không phải là các dục
Mà là lìa việc ác
Nuôi mạng sống đúng pháp.”

Như kinh Bốn sinh Ca-tỳ-la đã nói rõ.

Lúc ấy, trong các con cá bị mắc lưới, có con cá lớn có hàng trăm cái đầu, mỗi đầu đều khác nhau. Thế Tôn thấy vậy liền gọi tên nó. Nó liền đáp Thế Tôn. Thế Tôn liền hỏi: “Mẹ ngươi ở đâu?”

Nó đáp: “Đang làm thân dòi trong một cầu tiêu nọ.”

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Con cá lớn này vào thời đức Phật Ca-diếp, làm (342a) một Tỳ-kheo thông tam tạng, vì ác khẩu mà chịu quả báo đủ kiểu đầu. Còn người mẹ vì thọ lợi dưỡng của y cho nên làm dòi trong cầu tiêu.”

Khi Phật kể nhân duyên ấy, năm trăm ngư phủ liền bỏ việc kéo lưới, xin xuất gia tu hành, và đều đặt quả A-la-hán, rồi cư trú bên dòng sông Bạt-kỳ.

Thế rồi Phật bảo A-nan: “Hãy sửa soạn chỗ ngồi cho các Tỳ-kheo khách ấy.” A-nan liền bạch Phật: “Xin Phật an ủi các khách Tỳ-kheo.”

Phật lại nói với A-nan: “Ông không biết đó thôi, Ta đã nhập vào Tú Thiền an ủi khách Tỳ-kheo rồi.”

Trong khi các giường gối bày ra tại chỗ đất trống (không ai dọn dẹp), thì tới giờ khát thực, các Tỳ-kheo khách liền dùng thần lực, người thì đến Uất đơn việt phương bắc, kẻ thì đến cõi trời ba

mười ba, người khác lại xuống cung long vương khát thực. Do thế các giường gối bày ra chỗ trống kia bị nắng tấp, gió thổi nên bụi bặm bám rất dơ bẩn. Phật biết mà vẫn hỏi. Rồi các Tỳ-kheo đem nhân duyên trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật nói: “Đội các Tỳ-kheo ấy trở lại đã.”

Khi họ về rồi Phật liền hỏi: “Các ông có thật như thế chẳng?”

Họ đáp: “Có thật như vậy”.

Phật nói: “Từ hôm nay nhân việc của các ông, ta chế giới cho các Tỳ-kheo.”

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống bên sông Bạt-kỳ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo, ở tại trú xứ của Tăng, mà tự mình hoặc sai người khác đem giường nằm, giường ngồi, nệm gối ra chỗ đất trống, rồi lúc đi không dọn cất, cũng không sai người dọn cất, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Trú xứ của Tăng: Hoặc trú xứ tại A-luyện-nhã, hoặc trú xứ tại thôn xóm.

Giường nằm, giường ngồi: Có mười thứ: (1) Giường nằm chân tròn; (2) Giường ngồi chân tròn; (3) Giường nằm bằng nệm; (4) Giường ngồi bằng nệm; (5) Giường nằm bằng dây; (6) Giường ngồi bằng dây; (7) Giường nằm bằng ô-na-đà; (8) Giường ngồi bằng ô-na-đà; (9) Giường nằm bằng đà-di; (10) Giường ngồi bằng đà-di.

Nệm: Nệm kiếp bối, nệm lông mịn, nệm len, nệm Ca-thi, nệm cỏ.

Gối: Gối kiếp bối, gối lòng mịn, gối len, gối Ca-thi.

Trái: Hoặc tự mình trái, hoặc bảo người khác trái.

Đi: Đi đến nơi khác.

Không đem cất: không tự mình đem cất, không sai người đem cất, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu muốn thuyết pháp tại chỗ đất trống, rồi người coi giữ giường nệm đem bày giường nệm ra, sau đó bỏ đi cách hai mươi lăm khuỷu tay mà không dặn lại người khác đem cất, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu cả hai người cùng biết (có giường ở ngoài trời) thì khi một người ra đi phải dặn người thứ hai. Nếu người thứ hai muốn đi, phải đợi người thứ nhất trở lại dặn dò xong mới được đi. Nếu đem giường gối ra bày rồi có người đến ngồi mà người đem ra biết được họ, thì bỏ đi không có tội.

Nếu vào những tháng mùa xuân, Tỳ-kheo đem giường nệm để ngoài trời, rồi Tỳ-kheo trẻ tuổi đến ngồi ngủ trên đó, thì người đem ra phải dặn Tỳ-kheo ấy đem cất.

(342b) Nếu Tỳ-kheo ban đêm đi đại tiểu tiện, đứng nhằm giường của Tăng mà trên ấy không có Tỳ-kheo rồi bỏ đi, thì tùy theo chạm mỗi cái phạm mỗi tội Ba-dạ-đề. Nếu trên giường ấy có Tỳ-kheo, bèn dặn họ đem cất thì không có tội.

Nếu thầy tri sự của Tăng muốn trao giường nệm cho ai, rồi lấy ra để ngoài trời, bỏ đi cách xa hai mươi lăm khuỷu tay, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu người nhận giường nệm của Tăng, rồi để phơi ngoài nắng bỏ đi cách xa hai mươi lăm khuỷu tay, cũng phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh, nằm ngủ ở chỗ trống, đệ tử đến đánh lễ, nếu thấy thầy đứng dậy đi, thì đệ tử phải đem giường ấy vào trong phòng cất. Nếu hai người cùng ngồi một giường, thì khi Thượng tọa muốn đi phải dặn lại Hạ tọa. Hạ tọa muốn đi thì phải bạch với Thượng tọa rằng: “Con muốn đi, cái giường này nên cất ở chỗ

nào?” Nếu Thượng tọa nói: “Ông cứ đi đi, giường này ta sẽ cất cho”, thì khi ấy Hạ tọa đi, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đem giường nệm ra để cho Hòa thượng A-xà-lê nằm, rồi bỏ đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Hòa thượng A-xà-lê biết đệ tử đem ra cho mình nằm, thì khi ra đi nên dặn họ cất, nếu không dặn mà đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo đặt hình tượng trên giường của chúng Tăng, rồi các Tỳ-kheo khác đến lễ bái, tay chạm vào hình tượng mà không đem cất thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo theo thứ tự đến lễ bái, tay chạm vào hình tượng, thì nên dặn người sau cùng đem cất.

Có các trường hợp: Hoặc được dặn dò mà không thuộc trách nhiệm, hoặc thuộc trách nhiệm mà không dặn dò; hoặc vừa phải dặn dò, vừa thuộc trách nhiệm; hoặc chẳng phải dặn dò, cũng chẳng thuộc trách nhiệm.

Được dặn dò mà không thuộc trách nhiệm: Đó là trường hợp sa-di.

Thuộc trách nhiệm mà không phải được dặn dò: Đó là trường hợp Tỳ-kheo Thượng tọa.

Vừa phải dặn dò, vừa thuộc trách nhiệm: Đó là trường hợp Tỳ-kheo hạ tọa.

Chẳng phải dặn dò, cũng chẳng thuộc trách nhiệm: Đó là trường hợp người thế tục.

Nếu Tỳ-kheo có đức lớn có nhiều đệ tử, rồi họ trải giường nệm, mà thầy biết họ trải cho mình, thì khi đi nên dặn họ đem cất, nếu không dặn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tại trú xứ của chúng Tăng có những giường nệm để ngoài trời, mà khi Tỳ-kheo ra đi, không đem cất thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu thấy giường nệm của chúng Tăng để ngoài trời tại chỗ ở của mình, mà khi ra đi không đem cất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thấy giường nệm của mình để ngoài trời tại chỗ ở của chúng Tăng mà khi ra đi không đem cất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thấy giường nệm của mình để ngoài trời tại chỗ ở của mình, mà khi ra đi không đem cất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thấy giường nệm của Tăng để ngoài trời tại nhà bạch y, mà khi ra đi không đem cất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thấy giường nệm của người thế tục để ở ngoài trời, thì khi ra đi nên nói cho họ biết. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 14 của 92 pháp Ba-da-đề)



15. TRÁI ĐỒ CỦA TĂNG Ở CHỖ KHUẤT

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Bà-la-môn (342c) mời chúng Tăng ở lại cúng dường ẩm thực và dâng y phục. Các Tỳ-kheo bày biện các tọa cụ trong Tăng phòng không dọn cất mà ra đi. Thế Tôn vì năm lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Ngài thấy trên các tọa cụ ấy có phân chuột gián và bụi đất bẩn thỉu, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi. Các Tỳ-kheo liền đem nhân duyên ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Các ông là người xuất gia không có ai lo liệu cho các ông những việc trước sau, vì sao lúc ra đi không đem cất đồ đạc? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Phật dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.” Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành xá-vệ tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo tự trải giường nệm hay sai người khác trải giường nệm ở trong chỗ che khuất mà khi ra đi không đem cất, cũng không sai người đem cất, thì phạm Ba-dạ-đề.”

*

❖ Giải thích

Ở trong: Tức là chỗ che khuất.

Giường ghé: Gồm mười bốn loại như trên đã nói.

Gối nệm: Cũng như trên đã nói.

Trải: Hoặc tự mình trải, hoặc sai người trải.

Đi: Đi đến nơi khác.

Không tự cất: Không tự mình đem cất.

Không sai người cất: Không sai người khác đem cất thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo muốn đi nơi khác, thì trước khi đi phải rảy nước quét phòng, dùng khăn lau sàn nhà cho sạch, lại phải đem mền gối phơi khô, rồi nói với người giữ mền gối như sau: “Này Trưởng lão đây là giường mền gối”, nhất thiết phải dặn dò lại như vậy. Nếu người giữ giường nệm là hàng Hạ tọa, thì nên đáp: “Tôi sẽ cất giường nệm ấy.” Nếu người giữ giường nệm là hàng Thượng tọa, thì khi người kia trả lại giường nệm, nên đáp: “Được rồi.” Nếu ra đi mà không bạch thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu không bạch mà ra đi, rồi có Tỳ-kheo khác vào ở, phòng ấy không còn trống, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu khi đi rồi mà để quên y bát, bèn trở lại lấy, nhân đó mới bạch, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đường trong lúc trời u ám sắp mưa, rồi Tỳ-kheo trẻ tuổi bèn đi trước về Tinh xá, lấy giường nệm của Hòa

thượng A-xà-lê đem cất, thì khi trời tạnh muốn ra đi, phải bạch với Hòa thượng, nếu không bạch mà đi thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu nhiều Tỳ-kheo dùng chân nghỉ tại một Tinh xá ở thôn xóm, cùng nhận lấy giường nệm của chúng Tăng, rồi mọi người đều suy nghĩ khi ra đi: “Mổ giáp sẽ dận họ cất.” Thế rồi đi đến nửa đường, người này hỏi người khác, chung cục không ai dận lại cả. Nếu vậy, thì lúc ấy, nên sai hai người trở lại dận họ đem cất.

Nếu các Tỳ-kheo đi đường đến nghỉ tại một Tinh xá, rồi khi ra đi không dận thấy tri sự cất giường nệm, đến khi đi một đoạn đường xa bèn hỏi nhau, thì mới biết không ai dận lại cả. Lúc ấy bỗng gặp (343a) một Tỳ-kheo khác đi ngược chiều, liền hỏi: “Trưởng lão định đi đâu đó?” Nếu người ấy đáp: “Tôi muốn đến nơi đó”, thì các Tỳ-kheo kia nên bạch: “Tối qua chúng tôi nghỉ tại đó, nhưng lúc ra đi quên không dận họ cất giường nệm. Vậy trưởng lão đến đó hãy dận giúp chúng tôi.” Tỳ-kheo ấy cũng nói: “Lúc ra đi tôi cũng quên không dận, vậy các trưởng lão đến Tinh xá ấy hãy vì tôi mà dận giúp.” Như vậy hai đảng cùng nhờ vả lẫn nhau, cho đến khi cả hai cùng vào đến ranh giới của mỗi Tinh xá, thì được gọi là có dận dò.

Nếu Tỳ-kheo nghỉ tại nhà người thế tục, rồi họ cung cấp cho giường nệm tọa cụ, thì lúc ra đi nên nhắc họ đem cất. Nếu đó là tọa cụ bằng cỏ, thì khi đi nên hỏi họ: “Nệm cỏ này nên cất ở đâu?” rồi tùy chủ nhân chỉ chỗ, ta sẽ đem cất tại đó. Nếu đàn việt nói: “Thầy cứ đi đi rồi tôi sẽ thu dọn”, thì Tỳ-kheo nên xếp lại một góc nhỏ, rồi đi.

Nếu Tỳ-kheo lúc đi đường đến một nơi kia vạch cỏ ra để trải tòa ngồi, thì lúc ra đi phải vuốt cho cỏ thẳng lại rồi mới đi. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 15 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

✱

16. LÔI TỖ-KHEO KHÁC RA KHỎI PHÒNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo khách đến phòng nhóm sáu Tỳ-kheo, nhóm sáu Tỳ-kheo nói: “Lành thay trưởng lão!” Nói như thế rồi bèn đưa nước rửa chân, dầu thoa chân, nước giải khát, để nghỉ ngơi. Sau khi nghỉ xong, họ bèn hỏi Tỳ-kheo khách: “Thưa trưởng lão thầy định nghỉ ở đâu?”

Nghỉ trong phòng này đây.

Ông biết phòng này của ai không?

Tôi biết đây là phòng của chúng Tăng.

Tuy phòng này là của chúng Tăng nhưng nhóm sáu Tỳ-kheo chúng tôi đã ở đây trước rồi.

Đây là phòng của chúng Tăng bốn phương giả sử có nhóm mười sáu Tỳ-kheo ở đây trước, ta cũng theo thứ tự mà ở đây, huống gì là sáu Tỳ-kheo?

Nếu trưởng lão muốn ở thì cứ ở.

Khi Tỳ-kheo khách ở đó rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo ập đến, kẻ nắm tay chân, người tóm lấy đầu, giở cao lên định vứt thầy ấy ra khỏi phòng. Khi ấy Thế Tôn dùng thần túc đang lơ lửng trên hư không đi đến. Nhóm sáu Tỳ-kheo trông thấy Thế Tôn, liền ném ông ta xuống đất và bỏ đi. Phật liền nói với Tỳ-kheo khách: “Ông cứ ở trong phòng này đi.”

Lại nữa, Tôn-giả Nan-đà là anh của Ưu-ba-nan-đà. Nan-đà có người đệ tử tùy tùng, người này sau bị đuổi ra khỏi phòng bèn la lớn lên. Các Tỳ-kheo nghe tiếng la đều thất kinh, ra xem nói như sau: “Tỳ-kheo này hôm nay mất hai thứ lợi: Không được ăn, lại mất phòng.” Thế rồi, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật bèn hỏi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà: “Các ông có thật như thế chăng?” Họ đáp: “(343b) Có thật như vậy.”

Phật liền khiển trách: “Vì sao các ông ở trong phòng của Tăng bốn phương, rồi lôi Tỳ-kheo khác ra ngoài? Đó là việc xấu. Các ông không từng nghe ta dùng vô lượng phương tiện tán thán những người phạm hạnh cần phải tu tập tâm từ bi, tu tập khẩu ý từ bi và thường cúng dường, cung cấp (cho khách Tăng) hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.” Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo tự mình hoặc sai người khác kéo Tỳ-kheo khác ra khỏi Tăng phòng, thậm chí nói: “Tỳ-kheo ông ra đi”, thì phạm Ba-dạ-đề.



❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo lôi Tỳ-kheo khác ra khỏi phòng, rồi Tỳ-kheo ấy hoặc ôm cột nhà, hoặc nắm cánh cửa, hoặc tựa vào vách, mà Tỳ-kheo kéo rời khỏi mỗi chỗ, thì phạm mỗi tội Ba-dạ-đề. Hoặc dùng lời nói trách mắng, xua đuổi Tỳ-kheo kia, rồi Tỳ-kheo kia tùy theo lời trách mắng mà rời đi từng chỗ, thì phạm từng tội Ba-dạ-đề. Nếu dùng phương tiện đuổi thẳng ra khỏi cửa, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo tức giận chuột rần mà đuổi chúng đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu nói: “đây là vật vô ích”, rồi đuổi chúng đi, thì không có tội.

Nếu lạc đà, bò, ngựa đứng trong chùa tháp, rồi Tỳ-kheo vì sợ ô uế chùa tháp mà đuổi chúng đi thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo này đuổi Tỳ-kheo khác đi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu đuổi Tỳ-kheo-ni đi, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu đuổi Thúc-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Sau cùng, cho đến đuổi người thế tục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 16 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

Hết quyển thứ mười bốn

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 15

BA-DẠ-ĐỀ (tiếp theo)

17. CƯỜNG CHIẾM CHỖ NÀM CỦA NGƯỜI KHÁC

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn du hành trong nhân gian đến Câu-diệm-di, thế rồi vào một hôm đầu đêm, Thế Tôn thuyết pháp cho các Thanh văn; sau khi nghe thuyết pháp xong, các Tỳ-kheo trở về phòng an trú. Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo còn nấn ná, chuyện vãn với các người khác đến khuya mới trở về, gõ cửa phòng. Người trong phòng hỏi: “Ai đó?”, thì họ đáp: “Chúng tôi là nhóm sáu Tỳ-kheo đây, muốn nghỉ lại trong phòng này.” Các Tỳ-kheo trong phòng đáp: “Phòng này đã hết chỗ rồi.”

Nhóm sáu Tỳ-kheo bèn hạ giọng nhỏ nhẹ van nài: “Cho chúng tôi một chỗ để ngồi một lát thôi.”

Họ van nài như thế mà không được, rồi họ đi đến phòng khác van nài lại cũng không được. Họ bèn đi tới chỗ trú của các Tỳ-kheo hạ tọa, như căn phòng sưởi, phòng tọa thiền, giảng đường gõ cửa. Các Tỳ-kheo trong phòng hỏi: “Ai đó?”, thì họ đáp: “Chúng tôi là nhóm sáu Tỳ-kheo, muốn xin nghỉ ở đây.”

Các Tỳ-kheo trong phòng đáp: “Phòng này đã đầy cả rồi.”

Nhóm sáu Tỳ-kheo lại kỳ kèo, van nài không ngừng. Các Tỳ-kheo trong phòng liền mở cửa. Họ bèn bước vào trong phòng, rồi nằm ngang dọc trên giường, hoặc dùng tay chân gác lên người bên

cạnh, hoặc dùng cùi chỏ, đầu gối húc vào hông những người đó, hoặc nói: “Nếu các trưởng lão thấy khó chịu thì đi chỗ khác.” Nói thế xong họ liền thổi tắt đèn, rồi gọi các Tỳ-kheo bạn hữu ở ngoài, nói: “Các vị phạm hạnh có thể vào đây.”

Khi vào phòng xong, họ nằm quay đầu ngược nhau, người này gác cùi chỏ lên đầu gối người kia, mặc sức đùa giỡn. Các Tỳ-kheo suy nghĩ: “Ai mà có thể nằm chung với những kẻ phi oai nghi này”, rồi cầm tọa cụ đi ra khỏi phòng. Thế rồi, các Tỳ-kheo đem sự kiện ấy bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: “Đợi ta đi Kiều-tát-la xong, trở về lại thành xá-vệ, các thầy hãy trình bày lại việc này với ta, Ta sẽ chế giới cho các Tỳ-kheo.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Các Tỳ-kheo khách nhận được phòng của nhóm sáu Tỳ-kheo, ban đêm họ đóng cửa nằm ngủ. Nhóm sáu Tỳ-kheo vì trước đó có mối hiềm khích với Tỳ-kheo khách nên họ hốt bùn lấy đổ ngay lối đi trước cửa phòng, rồi bỏ đá gạch lẫn lộn vào. Tỳ-kheo khách ban đêm đi ra khỏi phòng, đạp nhằm bùn lầy, té trên gạch đá, bèn la lên: “Các trưởng lão! Nhóm sáu Tỳ-kheo hại tôi (344b) làm gãy cổ tôi. Họ làm cái việc như thế (đổ bùn đá trên lối đi) là muốn nhiều loạn tôi. Ai mà có thể sống với họ được.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: “Các ông có làm chuyện ấy thật chẳng?”

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc ác.

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Nhóm sáu Tỳ-kheo không những làm một việc ác này mà lúc Thế Tôn đi du hành đến nước Kiều-tát-la, họ cũng đã từng nhiều loạn các Tỳ-kheo, đến nỗi các Tỳ-kheo ấy phải mang tọa cụ rời khỏi trú xứ.”

Phật liền hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

Các ông có làm việc ấy thực chẳng?

Có thực, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông đã biết những người ấy đến trước, trải tọa cụ rồi, mà các ông đến sau làm nhiều loạn muốn đuổi họ đi? Đó là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang cư trú tại Thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác đến trước trải giường nệm rồi, mình đến sau cũng trải đồ đạc ra rồi suy nghĩ: “Nếu người kia không thích thì bỏ đi.” Làm việc đó với dụng tâm như thế chứ chẳng có gì khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.”

*

❖ Giải thích

Biết: Tự biết hoặc nghe từ người khác mà biết.

Trải đồ đạc ra trước: Trải ra từ lúc đầu.

Giường nệm: Như trước đã giải thích.

Đến sau rồi bày đồ đạc ra: Vì muốn nhiều loạn người trước muốn cho họ bỏ đi. Nếu vì nguyên nhân ấy chứ không có lý do nào khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu chỗ ở thiếu thì mỗi Tỳ-kheo nên chiếm cứ trong phạm vi một cây cột, trải giường nệm, tọa cụ, rồi đi đến các Hòa thượng, A-xà-lê lễ bái, hoặc thăm hỏi, hoặc đọc kinh. Thế rồi Tỳ-kheo đến sau bèn cuốn tọa cụ người trước, trải tọa cụ mình ra, ngồi tán kệ rằm

ri. Vị Tỳ-kheo ở trước trở về phòng, thấy thế, suy nghĩ: “Ai mà có thể nhiếp phục được người này!”, bèn cầm tọa cụ bỏ đi, thì vị Tỳ-kheo đến sau ấy phạm tội Ba-dạ-đề. Hoặc ngồi thiền, tụng kinh, dưỡng bệnh cũng như vậy. Hoặc mình là Thượng tọa đến sau rồi nằm ngủ trên giường người khác, thì người kia nên nói: “Trường lão không biết Thế Tôn ngăn cấm việc đó sao?” Nếu Tỳ-kheo nằm ngủ này là Hạ tọa, thì người kia nên khiển trách: “Ông không biết rõ giới luật. Ông không biết Thế Tôn đã chế giới sao? Vì sao đến sau mà ngủ trên giường người khác?”

Nếu Tỳ-kheo đi kinh hành tại chỗ của một Tỳ-kheo khác mà trông thấy người ấy đến thì nên lánh đi. Nếu Tỳ-kheo ban đêm nằm ngủ rồi nói mớ mà không có ý nhiễu loạn tha nhân thì vô tội. Nhưng nếu có chủ tâm nhiễu loạn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nhiễu loạn Tỳ-kheo thì phạm tội Thâu-lan-giá (344c); nhiễu loạn Thúc-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nhiễu loạn người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 17 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



18. NGỒI GIƯỜNG CÓ CHÂN NHỌN

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng dã, lúc ấy có hai Tỳ-kheo cũng sống tại đó, Thượng tọa ở tầng trệt, hạ tọa ở trên gác. Thượng tọa ngồi thiền, hạ tọa tụng kinh. Đến giờ khát thực, Thượng tọa khoác y, cầm bát vào thôn Khoáng Dã khát thực, nhanh chóng đủ thức ăn bèn trở về, thì hạ tọa mới đi. Thượng tọa ăn xong, rửa bát đem cất lại chỗ cũ, rồi rửa chân ngồi kiết già. Hạ tọa đi khát thực nhận được thức ăn chậm chạp nên về muộn, bèn leo lên gác, để bát ở chỗ cũ, rồi kêu lên: “Mệt quá”, đoạn đặt đít xuống ngời thì bỗng

dùng chân giường sút ra rơi nhằm đầu Thượng tọa làm cho bị thương máu chảy ra. Thượng tọa liền kêu lên: “Chết tôi rồi! Chết tôi rồi!” Các Tỳ-kheo nghe tiếng kêu liền chạy đến hỏi vì sao như vậy, Thượng tọa liền trình bày đầy đủ sự kiện kể trên. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn bảo họ đi gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thấy đến rồi Phật liền hỏi: “Ông có điều đó thật không?”

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao ở trên gác mà ông đặt giường có chân nhọn, rồi ngồi mạnh lên đó? Từ nay trở đi ta không cho phép đặt giường có chân nhọn trên gác mà ngồi.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thôn Khoáng Dã phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo đặt giường có chân nhọn ở trên gác, trên lầu, rồi ngồi hoặc nằm trên đó, thì phạm Ba-dạ-đề.”

✽

❖ Giải thích

Gác: Tầng thứ hai.

Trên lầu: Như đức Thế Tôn đã cho phép.

Chân nhọn: Như cái cọc.

Giường: Gồm có mười bốn loại, như trước đã nói.

Nếu ngồi hoặc nằm (trên giường có chân nhọn) thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu dùng đất sét làm nền ở dưới vững chắc, hoặc dùng gỗ lát kín ở dưới, hoặc chân giường tròn, hoặc xung quanh gác và dưới gác không có người ngồi thì đều vô tội. Nếu đục đẽo làm chân giường nhọn dùng để ngồi hay nằm thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu ngồi trên tấm ván mỏng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ngồi trên trường kỷ (ghế dài) thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm cái giường một chân nhọn, ba chân tròn, hay hai chân nhọn, ba chân, bốn chân nhọn đều phạm Ba-dạ-đề. Nhưng làm cái giường bốn chân tròn thì vô tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 18 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



19. DÙNG NƯỚC CÓ SINH TRÙNG

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng Dã có Tỳ-kheo quản sự dùng nước có trùng tưới lên cỏ trên đất bùn khiến cho người đời chê trách rằng: “Sa-môn Cù-đàm dùng vô lượng phương tiện khiến trách việc sát sinh, ca ngợi từ bỏ sát sinh, thế mà nay sa-môn đệ tử dùng nước có trùng tưới lên cỏ, trên bùn. Đó là những kẻ bại hoại (345a) nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Tỳ-kheo quản sự đến. Khi thấy đến rồi Phật liền hỏi đầy đủ sự việc kể trên: “Ông có làm việc đó thật chẳng?”

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc ác đáng bị người đời chê trách. Đó là điều phi luật, phi pháp, trái với lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng nước có trùng tưới lên cỏ lên đất.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang cư trú tại thôn Khoáng Dã phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo đem nước có trùng tưới lên cỏ lên bùn hoặc sai người khác tưới, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Biết: Hoặc tự biết, hoặc do nghe người khác mà biết.

Trùng: Kể cả những loại bé nhỏ nhất mà có mạng sống đều gọi là trùng.

Nước: Gồm có mười loại như trên đã nói.

Cỏ: Chỉ các loại cỏ tranh, cỏ gai v.v...

Bùn (mùn): Chất mục nát của cỏ, của rác hoặc phân voi, phân ngựa, phân bò v.v....

Tưới: Hoặc tự mình tưới hoặc sai người khác tưới, đều phạm Ba-dạ-đề như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo biết trong nước có trùng mà đem tưới rồi dừng lại, thì phạm một tội Ba-dạ-đề, tùy theo dừng lại nhiều ít, cứ mỗi lần dừng thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu sai người khác tưới, thì một lần bảo phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu lại nhắc nhở: “Hãy tưới nhanh nhanh lên”, thì mỗi lần nhắc phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo làm phòng xá, nhà sưởi ấm cần đến nước, thì có thể lấy nước hồ, nước sông, nước giếng đem lọc đựng vào trong thùng xem kỹ mà không thấy có trùng thì mới dùng. Nếu vẫn còn trùng thì phải dùng dây lọc lại rồi xem kỹ, nhưng nếu vẫn còn trùng thì lọc đi lọc lại ba lần. Tuy thế, nếu chưa hết trùng thì phải đào giếng khác, rồi tuần tự lọc và xem như trước, nếu vẫn có trùng

thì bỏ nơi này mà đi đến chỗ khác. Phương pháp lọc nước phải trồng ba cây trụ cứng rồi dùng dây buộc vào các đầu trụ bên trên cột dây lọc, ở dưới đặt thùng hứng nước. Nước đọng trong dây lọc, ta đem đổ đi thì nó lại chảy trở lại xuống giếng; trùng sinh ra không nhất định, hoặc trước không có bây giờ mới có, hoặc bây giờ có mà sau này thì không. Thế nên Tỳ-kheo hằng ngày phải xem kỹ trong nước không có trùng mới được dùng. Nếu Tỳ-kheo biết trong nước có trùng mà tự mình đem tưới trên cỏ, trên đất mùn, hoặc sai người khác đem tưới, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu đem nước có trùng đưa cho Hòa thượng, A-xà-lê tắm rửa, cũng phạm Ba-dạ-đề. Nếu dùng nước rửa chén, rửa cơm thừa canh cặn, các thứ tương chao có trùng trong đó đem tưới trên cỏ trên đất bùn, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 19 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

20. LỢP NHÀ QUÁ BA LỚP

Khi Phật an trú tại Câu-diêm-di, nói rộng như trên, lúc ấy tôn-giả Xiển-đà đi khuyến hóa (345b) về làm phòng. Xiển-đà gom góp các vật dụng lột nhà như cỏ cây, tre v.v... xong xuôi, rồi đi đến thợ lột nhà nói: “Tôi đã chuẩn bị các vật dụng lột nhà xong rồi, nhờ ông hãy đến lột nhà giúp cho.” Người thợ lột nhà nói: “Thưa thầy, thầy hãy cho tôi ăn cơm và trả tiền công cho tôi.”

Khi ấy, Xiển-đà tùy theo giá trị đồng ý trả tiền công cho ông. Thế rồi ông ta đi tới chỗ lột nhà, Xiển-đà chỉ cho ông xem những vật dụng để lột nhà, ông nói: “Lột nhà có ba trường hợp dày mỏng không giống nhau, vậy thầy muốn lột theo cách nào?”

Xiển-đà nói: “Ông cứ tùy theo ba mức độ dày mỏng đó mà dùng hết loại cỏ này để lột.”

Thợ lợp nói: “Tất cả các việc ở đời đều có chừng mực nhất định, làm đúng chừng mực thì người đời mới khen ngợi.” Xiển-đà nói: “Ông cứ việc lợp hết lên, cần chi phải nói nhiều lời.”

Thợ lợp theo lời chỉ bảo dùng hết cỏ để lợp lên. Vì cỏ nhiều, dày nên buộc không chặt do thế vừa mưa xuống liền sụt sổ ra hết, giống như hoa nở mà bị cơn mưa suốt đêm tàn phá. Cho nên y bát bị ướt hết cả. Bởi thế, sáng sớm hôm sau, Xiển-đà tới nhà thợ lợp nói: “Vì sao ông lợp nhà cho tôi lại để xảy ra sự cố như thế?”

Thợ lợp hỏi: “Sự cố gì?”

Xiển-đà nói: “Bị mưa suốt đêm khiến y bát của tôi ướt cả.”

Thợ lợp nói: “Lúc đầu tôi đã không bảo với thầy rằng lợp nhà có ba trường hợp dày mỏng khác nhau là gì? Thế mà thầy lại bảo cứ lợp hết cả lên.”

Xiển-đà nói: “Ông phải lợp lại cho tôi.”

Thợ lợp nói: “Thầy phải cho tôi ăn và trả tiền công cho tôi.”

Tiền công ông đã nhận trước rồi.

Tiền nhận trước thì đã làm việc trước xong rồi. Nếu thầy muốn làm lại thì phải trả gấp ba lần giá trước kia.

Thế nhưng Xiển-đà ý thế lực của vua chúa, bắt buộc thợ lợp phải lợp lại mà không chịu trả tiền. Thấy đi xung quanh nhà thợ lợp day nguyền, trách móc.

Lúc ấy, có người đi qua đó, thợ lợp bèn phân bua với họ: “Các vị hãy xem ông sa-môn con dòng họ Thích này ý thế lực của vua chúa bắt buộc tôi phải làm việc mà không trả tiền công.”

Những người đi đường liền chê trách: “Vì sao con nhà họ Thích ý thế lực của vua chúa bắt người ta phải làm việc mà không trả tiền công, thật là điều không thể chấp nhận. Lại còn đi quanh nhà

người ta giống như con ngựa dẫm đạp tàn phá cỏ tươi. Đây là kẻ bại hoại chứ nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Phật bảo họ đi gọi Xiển-đà đến. Khi thấy tới rồi Phật bèn hỏi: “Ông có việc đó thật chăng?”

Có thật như vậy.

Đó là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Câu-diêm-di phải tập hợp lại tất cả (345c) vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nào làm phòng lớn có cửa lớn cửa sổ thì nên làm tại chỗ ít cỏ mọc và chỉ bảo người ta lợp ba lớp là vừa, nếu lợp quá ba lớp thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Làm: Hoặc tự làm, hoặc sai người khác làm.

Lớn: Quá mức quy định.

Phòng: Đức Thế Tôn đã cho phép.

Cửa lớn: Chỗ người ta ra vào thông thoáng.

Cửa sổ: Chỗ để ánh sáng chiếu vào.

Chỉ bảo: Sai bảo chỉ vẽ.

Lợp: Có mười cách: Hoặc bằng cỏ, hoặc bằng đất dẻo, hoặc bằng ván, hoặc bằng xi măng; hoặc lợp theo cách của nước A Bàn Đầu; theo cách của nước Ma Kiệt Đề; theo cách của nước Câu-diêm-di; theo cách của Sơn Quốc; theo cách của nước Cung Kính; theo cách của nước Tàng Ngũ. Đó là mười cách lợp.

Ba lớp: Tối đa là ba lớp chứ không phải năm sáu lớp.

Chỗ đất ít cỏ: Chỗ đất mà cỏ ít sinh trưởng.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Khi đi thuê người lợp nhà định giá cả thì phải căn cứ theo thời giá, không được cao hay thấp, và nên nói với người thợ lợp: “Nếu ông lợp được như thế, thì tôi sẽ trả cho ông giá như thế. Nếu ông không lợp được như thế thì tôi sẽ không trả cho ông giá như thế”, cần phải yêu cầu rõ ràng như vậy.

Khi đã đặt điều kiện xong, Tỳ-kheo liền suy nghĩ: “Ta hãy dùng phương tiện đem cỏ cây, tre tới chỗ anh ta, để anh ta trông thấy mà lợp nhanh và đẹp”, thì người thợ lợp khi thấy rồi, dù làm đẹp hay không đẹp, Tỳ-kheo đều phạm tội Ba-dạ-đề. Hoặc là dùng phương tiện muốn cho người lợp nhà trông thấy mình, thấy bèn đi đến Hòa thượng, A-xà-lê đánh lễ hoặc nghe kinh, hoặc đi kinh hành hoặc vào thôn xóm, với suy nghĩ: “Mong người thợ lợp trông thấy mình để anh ta sẽ lợp nhanh và đẹp”, thì khi thợ lợp trông thấy, dù có lợp đẹp hay không đẹp, Tỳ-kheo này đều phạm Ba-dạ-đề. Nghĩa là dùng bất cứ phương tiện nào với dụng tâm như vậy, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu không có ý đồ dùng phương tiện mà chỉ đến xem anh ta lợp có nhanh và đẹp hay không, thì vô tội. Thế nên nói:

“Chúng tử và nói khác
 Hiềm trách ngôi chỗ trống
 Trái đồ đuổi người ra
 Trái đồ trước trên gác
 Nước trùng, làm phòng lớn
 Phần hai Bạt cừ xong.”

(Hết giới thứ 20 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

21. TỰ ĐI DẠY NI

Khi Phật an trú tại Thành xá-vệ, nói rộng như trên; bấy giờ các trưởng lão Tỳ-kheo theo thứ tự đi giáo giới Tỳ-kheo-ni, nhưng Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà không được sắp xếp theo thứ tự giáo giới, nên tự bảo nhau: “Các trưởng lão Tỳ-kheo đều được sắp xếp theo thứ tự đi giáo giới Tỳ-kheo-ni, còn chúng ta thì không được theo thứ tự đi giáo giới, vậy nay chúng ta hãy tự đi giáo giới trước.” Họ bèn suy nghĩ: “Ta phải theo thứ tự trước ai đây? Đại Mục-kiền-liên chăng? Nhưng tôn-giả ấy có đại thần lực, lẽ có điều gì thất thổ thì ông ta sẽ xách chúng ta ném đến một thế giới xa xôi khác mất. Vậy chúng ta nên theo thứ tự trước tôn-giả Đại-Ca-Diếp (346a) mà đi. Nhưng tôn-giả ấy có đại uy đức, nếu ta có điều gì không hợp lý thì ông ta có thể làm nhục chúng ta giữa đại chúng. Chỉ có tôn-giả Xá-lợi-phất là nhu nhuyễn hòa nhã, vậy ta hãy theo thứ tự của ông ấy.” Suy nghĩ thế rồi, họ bèn theo thứ tự, sớm tinh sương, khoác y đi đến trước Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, nói như sau: “Các chị em hãy tập trung lại trong sự hòa hợp, chúng tôi đến để giáo giới đây.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni bèn tập hợp Ni chúng (để nghe giáo giới). Tỳ-kheo Nan-đà này vốn đa văn, có biện tài, khéo thuyết pháp, liền tùy nghi thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo-ni.

Khi ấy, tôn-giả Xá-lợi-phất đến giờ đi giáo giới bèn khoác y, đi đến trước cổng Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, đứng lại đó, thì nghe tiếng thuyết pháp. Lúc này các Tỳ-kheo-ni từ xa trông thấy tôn-giả Xá-lợi-phất, nhưng vì tôn kính pháp nên không ra cửa đón tiếp. Tôn-giả Xá-lợi-phất thấy sự kiện như thế liền suy nghĩ: “Nay ta không nên làm gián đoạn thời thuyết pháp”, bèn trở về, đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi Xá-lợi-phất: “Ông đã giáo giới Tỳ-kheo-ni xong rồi sao?”

Không giáo giới, bạch Thế Tôn.

Vì sao thế?

Xá-lợi-phất bèn đem nhân duyên trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật chẳng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao Tăng không sai mà các ông đi giáo giới Tỳ-kheo-ni? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo không được Tăng sai mà đi giáo giới Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dạ-đề.

(Hết giới thứ 21 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

22. GIÁO GIỚI NI CHO ĐẾN TRỜI TỐI

Khi Phật an trú tại Thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ các trưởng lão Tỳ-kheo theo thứ tự đi giáo giới Tỳ-kheo-ni, nhưng tôn-giả Nan-đà đến phiên mình đi giáo giới mà không chịu đi, khiến Tỳ-kheo-ni Đại-ái-đại Kiều-đàm-di, đi đến chỗ Phật cuối đầu đánh lễ chân Phật rồi bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Tôn-giả Nan-đà theo thứ tự đi giáo giới (346b) Tỳ-kheo-ni mà không chịu đi, vậy thì ai là người nên đi đây?” Nói thế xong, bà cuối đầu đánh lễ chân Phật rồi ra đi.

Phật liền bảo một Tỳ-kheo đi gọi Nan-đà đến. Khi thấy tới rồi, Phật bèn hỏi: “Đến phiên ông phải đi giáo giới Tỳ-kheo-ni, mà vì sao không đi?”

Bạch Thế Tôn! Vì con chưa được Tăng làm yết-ma cử đi, do thế mà không đi.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Người nào thành tựu mười hai việc thì Tăng nên cử đi giáo giới Tỳ-kheo-ni.”

Thế nào là mười hai việc? Đó là:

1. Trì giới thanh tịnh.
2. Học nhiều A-tỳ-đàm.
3. Am tường Tỳ-ni.
4. Học giới.
5. Học định.
6. Học tuệ.
7. Có thể đoạn trừ ác kiến, tà kiến cho kẻ khác.
8. Tự mình giữ giới tinh nghiêm lại có thể làm gương cho người khác.
9. Rành ngôn ngữ lý luận
10. Không làm hoen ố phạm hạnh.
11. Không hủy hoại trọng giới của Tỳ-kheo-ni.
12. Đủ hai mươi hạ lạp, hoặc hơn hai mươi hạ lạp.

Đó là mười hai pháp.

Người làm yết-ma nên tác bạch (đề cử) như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tôn-giả Nan-đà thành tựu mười hai pháp, nay Tăng sai Nan-đà giáo giới Tỳ-kheo-ni, các đại đức nào bằng lòng Nan-đà giáo giới Tỳ-kheo-ni thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng sai Nan-đà giáo giới Tỳ-kheo-ni, vì Tăng đã im lặng. Vậy việc ấy cứ như thế mà thi hành.

Thế rồi, tôn-giả Nan-đà tới đó thuyết pháp cho các Tỳ-kheo-ni kéo dài đến lúc mặt trời lặn, các Tỳ-kheo-ni mới vội vã trở về lại trong thành, khiến người đời trông thấy thế, chê trách rằng: “Sa-môn Thích tử dẫn Tỳ-kheo-ni này đi mua vui cho đến mặt trời lặn mới trở về. Khá thương thay cho thân phận nữ nhi không được tự tại! Đến như thế thì thật là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi Nan-đà đến. Khi thấy đến rồi, Phật bèn hỏi: “Ông có việc đó thật chăng?”

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo được Tăng sai đi giáo giới Tỳ-kheo-ni mà ở lại từ lúc mặt trời lặn cho đến bình minh chưa xuất hiện, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tăng sai: Người thành tựu mười hai pháp. Tăng chúng thành tựu, tác bạch thành tựu và yết-ma thành tựu.

Giáo giới (346c): Hoặc là dạy về A-tỳ-đàm (luận), hoặc là dạy về Tỳ-ni (luật).

Trời tối: Từ lúc mặt trời lặn cho đến khi ánh sáng mặt trời chưa xuất hiện.

Ba-dạ-đề: Như đã nói trên

Mặt trời đã lặn mà tưởng là mặt trời chưa lặn cứ việc giáo giới thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Mặt trời chưa lặn mà tưởng là mặt trời đã lặn cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Mặt trời đã lặn mà tưởng là mặt trời đã lặn (nhưng vẫn tiếp tục giáo giới) thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Mặt trời chưa lặn mà tưởng chưa lặn thì không có tội.

Minh tướng (ánh sáng bình minh) trong bốn trường hợp cũng như vậy.

Tỳ-kheo-ni mà tưởng là Thúc-xoa-ma-na rồi giáo giới họ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Thúc-xoa-ma-na mà tưởng là Tỳ-kheo-ni, rồi giáo giới thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thúc-xoa-ma-na mà tưởng là Thúc-xoa-ma-na rồi giáo giới, thì không có tội.

Tỳ-kheo-ni mà tưởng là Tỳ-kheo-ni rồi giáo giới (đến tối), thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Sa-di-ni, nữ ngoại đạo xuất gia, Ưu-bà-di, trong bốn trường hợp, cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo-ni ban đêm đánh lễ dưới chân Tỳ-kheo, rồi Tỳ-kheo nói: “Mong hết khổ được giải thoát”, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nói: “Lành thay, cô đến đây”, thì không có tội.

Nếu trong đêm bốn bộ chúng tập hợp để nghe pháp mà Tỳ-kheo có dụng ý muốn thuyết pháp riêng cho Tỳ-kheo-ni rồi nói về các kinh Đại-ái-đạo xuất gia, kinh Hắc Cù-đàm-di, Kinh pháp dụ Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu lâu nay chỉ đọc các kinh này, không biết các kinh khác rồi theo thứ tự mà đọc, thì không có tội.

Nếu ban đêm Tỳ-kheo ngồi trên tòa cao thuyết pháp mà nói như sau: “Tất cả hội chúng ngồi lắng nghe cho rõ”, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không nói như thế mà chỉ lo thuyết pháp thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 22 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



23. KHÔNG BẠCH TỖ-KHEO KHÁC TẠI CHÙA NI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Trưởng lão Tỳ-kheo theo thứ tự đi giáo giới Tỳ-kheo-ni, nhóm sáu Tỳ-kheo liền suy nghĩ: “Các Trưởng lão Tỳ-kheo theo thứ tự đi giáo giới Tỳ-kheo-ni, nhưng chúng ta thì không được đi. Vậy ta hãy đi trước đến giáo giới Tỳ-kheo-ni.” Lúc ấy có người nói: “Đức Thế Tôn chế giới: Tăng không sai thì không được giáo giới Tỳ-kheo-ni.”

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói: “Chúng tôi biết làm pháp yết-ma”, bèn đem nhau ra khỏi cương giới làm pháp yết-ma để cử nhau theo thứ tự, rồi đi đến Tinh xá Tỳ-kheo-ni, nói như sau: “Này các chị em hãy tập trung ni chúng lại trong sự hòa hợp để tôi dạy bảo.”

Lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo-ni liền nhanh chóng tập hợp lại, nhưng trong ni chúng có người biết pháp nói như sau: “Ai mà chịu nhận sự giáo giới của các kẻ làm trái giới luật.” Thế rồi nhóm sáu Tỳ-kheo-ni bèn tự ý tập hợp lại bàn chuyện thế tục, xong rồi liền giải tán.

Khi đến giờ đi giáo giới, tôn-giả Nan-đà bèn khoác y, đi đến Tinh xá Tỳ-kheo-ni, nói như sau: “Các Tỳ-kheo-ni hãy tập hợp hết lại, tôi sẽ giáo giới.” Lúc ấy các thiện Tỳ-kheo-ni liền tập trung lại trong sự hòa hợp, nhưng (347a) nhóm sáu Tỳ-kheo-ni thì không đến. Nan-đà bèn hỏi: “Chúng Tỳ-kheo-ni đã hòa hợp chưa?”

Chưa.

Ai không đến?

Nhóm sáu Tỳ-kheo-ni không đến.

Ni chúng cho sứ giả đi gọi, nhưng họ vẫn không đến, mà còn nói như sau: “Trước đây chúng tôi đã nhận sự dạy bảo của nhóm sáu Tỳ-kheo rồi.”

Nan-đà nói: “Ni chúng không hòa hợp thì không được giáo giới.” Nói xong liền trở về Tinh xá, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ chân Phật rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: “Ông đã giáo giới Tỳ-kheo-ni xong rồi sao?” Nan-đà bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi lại sự việc trên: “Các ông có việc đó thật chăng?”

Có thật bạch Thế Tôn.

Này nhóm sáu Tỳ-kheo! Vì sao Tăng không sai mà giáo giới Tỳ-kheo-ni?

Chúng con đã nhận sự sai bảo xong rồi.

Này những kẻ ngu si! Ai sai bảo các ông?

Chúng con ra ngoài đại giới (làm yết-ma) tự sai (để cử) lẫn nhau.

Từ nay trở đi ta không cho phép ra ngoài đại giới (làm yết-ma) sai bảo nhau đi đến Tinh xá Tỳ-kheo-ni.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Thành xá-vệ, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di lâm bệnh, tôn-giả A-nan đến viếng thăm, hỏi rằng: “Thân thể thế nào, bệnh có giảm không? Không tăng thêm đấy chứ?”

Thưa tôn-giả, bệnh hoạn khổ sở không thuyên giảm; lành thay mong tôn-giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe.

Đức Thế Tôn chế giới: không bạch với các Tỳ-kheo trong đại giới thì không được thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni.

Hòa nam (mô Phật).

Mong ni sư được an ổn.

Nói thế xong, tôn-giả liền trở về, đến thẳng chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi A-nan. A-nan bèn đem sự việc kể trên bạch đầy đủ với Thế Tôn.

Phật nói: “Nếu ông thuyết pháp cho bà ấy nghe thì bệnh của bà ấy sẽ bớt, thân thể sẽ được an lạc. Từ nay về sau Ta cho phép thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni đang lâm bệnh.” Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo đến trú xứ của Tỳ-kheo-ni, muốn giáo giới, thấy có Tỳ-kheo khác mà không bạch – ngoại trừ lúc khác – thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Lúc khác: Tức là lúc lâm bệnh.

Giáo: Dạy bảo.

Có Tỳ-kheo: Tỳ-kheo đang có mặt tại trú xứ đó không phải Tỳ-kheo quen biết.

Không bạch: Nếu nói: “Tôi vào thôn xóm phi thời”, hoặc nói: “Tôi rời bỏ người cùng ăn chung”, thì không gọi là bạch.

Bạch: Phải nói như thế này: “Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, tôi vào Tinh xá Tỳ-kheo-ni để giáo giới.” Người kia nên đáp: “Chớ phóng dật.”

Trừ lúc khác (347b): Lúc khác là lúc Tỳ-kheo-ni bị bệnh, thì Thế Tôn cho phép giáo giới mà không có tội

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu hai Tỳ-kheo đang sống tại nơi hoang vắng mà một người muốn vào Tinh xá Tỳ-kheo-ni thì phải bạch với người thứ hai như sau: “Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, tôi vào Tinh xá Tỳ-kheo-ni để giáo giới.” Người kia nên nói: “Chớ phóng dật.” Người nọ đáp: “Xin cúi đầu vâng lời.”

Nếu cả hai người muốn đi thì nên bạch với nhau rồi mới đi. Nếu một người đi rồi, người còn lại muốn đi thì suy nghĩ thế này: “Nếu đi giữa đường gặp Tỳ-kheo, tôi sẽ bạch, hoặc vào thôn xóm thấy Tỳ-kheo tôi sẽ bạch.” Khi tới cổng Tinh xá Tỳ-kheo-ni, không nên vào liền, mà nên hỏi xem có Tỳ-kheo trong đó hay không đã. Nếu có thì mời họ ra tác bạch, bạch xong rồi mới vào. Nếu không bạch mà bước một chân vào khỏi cổng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cả hai chân đã vào khỏi cổng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni mời Tỳ-kheo đến thọ trai, thì vị Thượng tọa trong chúng nên bạch như sau: “Vào trú xứ Tỳ-kheo-ni để giáo giới.” Nếu Thượng tọa đệ nhất không rành đối đáp, thì đệ nhị Thượng tọa nên bạch. Nếu chư Tăng đã vào ngồi (tại trú của ni), rồi Tỳ-kheo-ni đến hỏi việc này việc khác, mà trong chúng có Tỳ-kheo trẻ có biện tài đối đáp, thuyết pháp ngay khi ấy, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ở hai phòng gần nhau, rồi Tỳ-kheo tán tụng nho nhỏ mà Tỳ-kheo-ni cách tường nghe được bèn hỏi: “Tôn-giả nào tán tụng vậy?”

Tôi tán đấy.

Tôn-giả tán tụng hay thật.

Cô muốn nghe lại không?

Muốn nghe.

Thế rồi, Tỳ-kheo liền tán tụng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nhưng nếu Tỳ-kheo-ni bị bệnh mà Tỳ-kheo tán tụng (kinh chú) thì không có tội. Nếu Tỳ-kheo-ni ấy chết, rồi đệ tử của Tỳ-kheo-ni bảo Tỳ-kheo rằng thầy mình đã chết, thì Tỳ-kheo nên dừng lại.

Nếu tán tụng về lý vô thường cho cô ấy thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni đánh lễ dưới chân Tỳ-kheo rồi Tỳ-kheo chú nguyện rằng: “Mong cô dứt hết đau khổ, được giải thoát”, thì phạm tội Ba-dạ-đề; chỉ nên nói: “Lành thay cô đã đến!” Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 23 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



24. PHỈ BÁNG VỊ GIÁO THỌ NI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, nhóm sáu Tỳ-kheo khoác y, ra đứng trước cửa Tinh xá Kỳ-hoàn từ từ mờ sáng, bỗng thấy Tỳ-kheo đi giáo giới Tỳ-kheo-ni ra cửa. Nhóm sáu Tỳ-kheo trông thấy thấy ấy liền nói như sau: “Các ông nay vào trong thành tha hồ buông thả các căn, chỉ vì thích ăn uống mà đi chứ chẳng có lý do nào khác.” Khi ấy Tỳ-kheo đi giáo giới này lấy làm xấu hổ. Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn (347c). Phật bèn bảo họ đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi nhóm sáu Tỳ-kheo đến rồi, Phật liền hỏi: “Các ông có việc đó thật chăng?”

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy; không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: “Trưởng lão vì thức ăn mà giáo giới Tỳ-kheo-ni”, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Thức ăn: Như bún, bánh, cơm, thịt, cá lại có thức ăn khác gọi là: sắn, thanh, hương, vị, xúc.

Giáo giới: Như trên đã nói.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: “Nay thầy vì việc ăn uống mà đi giáo giới Tỳ-kheo-ni”, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu nói: “Thầy vì thuốc men mà đi giáo giới Tỳ-kheo-ni”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo nói với các Tỳ-kheo-ni như sau: “Thầy Tỳ-kheo kia vì việc ăn uống mà giáo giới các cô đó”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo nói với các Tỳ-kheo-ni như sau: “Thầy Tỳ-kheo kia vì thuốc men mà giáo giới các cô đó”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: “Thầy vì việc ăn uống mà đi giáo giới Thức-xoa-ma-na, sa-di-ni”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói: “Vì việc thuốc men mà đi giáo giới”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Cũng thế, cho đến đối với Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà nói rằng: “Thầy ấy vì sự ăn uống mà giáo giới các người đó”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói: “Thầy ấy vì thuốc men mà giáo giới các người đồ”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 24 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



25. NGÔI VỚI NI Ở CHỖ KHUẤT

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ nói rộng như trên, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh – vốn là vợ cũ của tôn-giả Ưu-đà-di – nói với tôn-giả Ưu-đà-di rằng: “Ngày mai đến phiên tôi sẽ nhận được phòng ở, thầy có thể đến để chúng ta cùng nói chuyện.” Thế rồi, sáng hôm sau, trong khi các Tỳ-kheo-ni vào xóm làng khát thực thì Ưu-đà-di đi đến phòng của Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh, ngồi xoài chân ra tại chỗ khuất, kề cận nhau nói chuyện, khiến dục tâm phát sinh, nam căn khởi lên, rồi họ nhìn chăm chú vào nó. Bất thần có một Tỳ-kheo-ni già bệnh, từ trong phòng đi ra, trông thấy cảnh tượng ấy lấy làm hổ thẹn, liền trở về phòng. Đoạn bà đem việc ấy thuật lại với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni bèn khiển trách Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh: “Cô là người xuất gia, vì sao lại làm việc phi pháp như vậy? Thật là đáng xấu hổ!”

Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh liền nổi sân lên, nói: “Kỳ quái thay! Kỳ quái thay! Đó là Tỳ-kheo thân tình với tôi (348a) thường thường đến thăm tôi, nếu tôi không tiếp chuyện vui vẻ thì ai làm việc đó? Đó là phép nhà của tôi, có gì mà lấy làm lạ!” Hễ các Tỳ-kheo-ni cật vấn đến đâu thì Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh – vì có tài biện luận – trả lời đến đó. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy bạch với Đại-ái-đạo, Đại-ái-đạo liền bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Ưu-đà-di đến. Khi thấy đến rồi, Phật liền hỏi: “Ông có việc đó thật căng?”

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Ông không từng nghe ta dùng vô lượng phương tiện ca ngợi phạm hạnh, chê trách dâm dục hay sao? Vì sao ông lại làm một việc xấu bất thiện như thế? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với một Tỳ-kheo-ni tại chỗ vắng vẻ, trống trải thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Một mình: Một Tỳ-kheo ngồi với một Tỳ-kheo-ni, dù cho có người khác mà người này cuồng si điên loạn, hoặc đang ngủ, hoặc là loài phi nhân, súc sinh, thì tuy có những đối tượng như thế cũng được xem như không có người thứ ba.

Chỗ vắng vẻ: Tức nơi hoang vắng.

Ngồi: (hai người) cùng ngồi.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni mời một Tỳ-kheo đến thọ trai, rồi một Tỳ-kheo-ni cùng ngồi với một Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo-ni khác đi lại tiếp thức ăn, thì cứ mỗi lần Tỳ-kheo-ni tiếp thức ăn đi khỏi, Tỳ-kheo phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi thì khi ấy Tỳ-kheo nên đứng dậy, nhưng không được im lặng đứng dậy khiến cho Tỳ-kheo-ni nghi ngờ mình định làm điều phi pháp mà nên nói: “Tôi muốn đứng dậy.” Nếu Tỳ-kheo-ni hỏi: “Vì sao đứng dậy?”, thì nên đáp: “Đức Thế Tôn chế giới Tỳ-kheo không được ngồi với Tỳ-kheo-ni.” Nếu Tỳ-kheo-ni nói: “Tôn-giả cứ ngồi tôi sẽ đứng dậy”, thì khi ấy Tỳ-kheo ngồi lại không có tội.

Thậm chí nếu Tỳ-kheo cùng ngồi với sa-di-ni tại các chỗ như trên gác, dọc đường trên tấm ván, trên giày, hễ cứ mỗi lần sa-di-ni di chuyển chỗ khác mà Tỳ-kheo di chuyển theo thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Hoặc giả sa-di-ni dưới bảy tuổi đi nữa, thì Tỳ-kheo cũng phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo ngồi một mình với Tỳ-kheo-ni ở chỗ khuất thì phạm Ba-dạ-đề (ý này ở trên đã nói rồi).

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với một Tỳ-kheo-ni tại Tinh xá mà cửa hướng ra đường, và ngoài đường người qua lại không gián đoạn; hoặc giả ngồi tại chỗ che khuất không trống trải, ngồi gần nhau chứ không xa, ngồi với một người chứ không phải với nhiều người, không kể ngày hay đêm, thì tất cả giống như giới: “Thuyết pháp cho phụ nữ” đã nói rõ ở trước. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 25 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



26. HẸN ĐI CHUNG ĐƯỜNG VỚI NI

(348b) Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên; bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo cùng đi chung với nhóm sáu Tỳ-kheo-ni trên dọc đường, thì trời vừa chạng vạng nên họ ngồi lại bên một hồ nước định tìm chỗ tạm trú. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni bạch với nhóm sáu Tỳ-kheo: “Các tôn-giả hãy ngồi đây để con vào trong xóm tìm chỗ tạm trú”, nói xong, liền vào xóm tìm chỗ để nghỉ, thì được chủ nhà bằng lòng cho nghỉ tạm. Do thế, Tỳ-kheo-ni bèn trở ra thưa với nhóm sáu Tỳ-kheo: “Thưa các tôn-giả, con đã xin được chỗ trú chân rồi, chúng ta cùng vào để nghỉ ngơi.” Khi các Tỳ-kheo vào an trú xong, cô lại bạch: “Thưa các tôn-giả con định vào trong thôn khuyến hóa thức ăn cho buổi sáng mai.” Thế rồi cô vào nhà có phụ nữ nói với họ: “Hai chúng phạm hạnh Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-

ni đều đã đến đây, các vị hãy sắm sửa thức ăn cho buổi sớm mai, thức uống phi thời và dầu xoa chân.” Các phụ nữ nghe thế rồi, người thì chuẩn bị một phần cúng dường, kẻ thì sắm sửa hai phần cúng dường, ai nấy đều sửa soạn các thức cúng dường. (Sáng hôm sau, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni) ăn uống no nê, thứ gì còn lại thì mang đi hết. Khi đi dọc đường, họ cùng nhau cười nói đùa giỡn, khiến cho dân chúng trông thấy thế đàm tiếu rằng: “Các vị hãy xem kìa! Sa-môn Thích tử đều còn trẻ tuổi mà cùng nhau cạo đầu (nói cười với nhau) giống như bọn dân nữ đùa cợt, thật là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đến bạch với Thế Tôn. Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi Phật liền hỏi: “Các ông có việc đó thật chăng?”

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy; không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay trở đi ta không cho phép Tỳ-kheo hẹn cùng đi chung đường với Tỳ-kheo-ni.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly nơi thành xá-vệ, các Tỳ-kheo an cư mùa hạ xong định đến thăm viếng Thế Tôn. Các Tỳ-kheo-ni nghe tin ấy bèn hỏi các Tỳ-kheo: “Các đại đức định đi thăm viếng Thế Tôn, vậy ngày nào khởi hành?” Các Tỳ-kheo liền cho biết ngày khởi hành. Bản tính phụ nữ vốn nhiều tình cảm cho nên tính ngày rồi đi tới trước dọc đường dừng lại đợi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thấy họ liền hỏi: “Các chị em định đi đâu đó?” Họ đáp: “Định đến Kỳ-hoàn thăm viếng đức Thế Tôn.” Các Tỳ-kheo nghe thế sợ (đi chung với họ) phạm giới, liền vội vã bỏ họ mà đi. Những Tỳ-kheo-ni còn trẻ liền quần y lại tức tốc chạy theo sau, còn những Tỳ-kheo-ni già yếu vì theo không kịp chúng bạn nên bị bọn giặc cướp đoạt. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem nhân duyên ấy đến bạch với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ chân Phật, đứng hầu một bên, rồi đem sự kiện trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Đoạn bà than phiền: “Nếu các Tỳ-kheo không giúp đỡ (348c) các Tỳ-kheo-

ni thì ai giúp đỡ?” Do thế, Phật dạy: “Từ nay về sau ta cho phép khi nào có sự nguy hiểm thì Tỳ-kheo được đi chung đường với Tỳ-kheo-ni.” Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo với Tỳ-kheo-ni hẹn nhau cùng đi chung đường thì phạm Ba-dạ-đề; ngoại trừ lúc khác.

*

❖ Giải thích

Cùng hẹn nhau: Hoặc hôm nay, hoặc ngày mai, hoặc nửa tháng, hoặc một tháng.

Đường đi: Hoặc ba do tuần, hoặc hai do tuần, hoặc một do tuần, hoặc một câu lô xá.

Ngoại trừ lúc khác: Tức là lúc có sự nguy hiểm thì đức Thế Tôn cho phép.

Nguy hiểm: Có thể bị mất mạng trong khoảnh khắc, hoặc bị mất của cải, hoặc bị hủy hoại phạm hạnh. Tuy thật sự không có những việc ấy, nhưng nếu có nghi ngờ bị mất mạng trong giây lát, bị mất của hoặc bị hủy hoại phạm hạnh (thì Phật cũng châm chúc).

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi với một Tỳ-kheo-ni trên con đường trong phạm vi một thôn xóm, thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu cùng đi nơi vùng hoang dã không có xóm làng, trong phạm vi một câu lô xá, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo cùng với mẹ, chị, em đã xuất gia làm Tỳ-kheo-ni cùng đi theo hành khách trên một chiếc xe, khi hành khách dừng nghỉ rồi đi lại mà Tỳ-kheo gọi Tỳ-kheo-ni như sau: “Hãy lại nhanh lên kéo không kịp với hành khách”, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu nói: “Đi đi chị em, chớ để lạc bạn bè” thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni dừng lại dọc đường để nghỉ, rồi Tỳ-kheo gọi: “Lại lại đây chị em”, đó gọi là kỳ hẹn. Nếu đã giở lên một chân thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đã giở lên cả hai chân thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nói: “Đi đi kéo không theo kịp hành khách”, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi đường với khách buôn, rồi khách buôn vào trong thôn xóm, Tỳ-kheo không biết họ đi đâu bèn chạy tìm, bỗng gặp Tỳ-kheo-ni, liền hỏi: “Này chị em, chỉ đường giúp cho tôi với”, đó gọi là cùng kỳ hẹn. Nếu Tỳ-kheo-ni giở một chân bước tới thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đã giở cả hai chân thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trái lại, nếu nói: “Đi đi chỉ đường giúp cho tôi với”, thì không phạm tội.

Nếu đàn việt trong thôn mời Tỳ-kheo đến thọ trai, mà Tỳ-kheo không biết nhà họ ở đâu, bèn đi tìm, bỗng gặp Tỳ-kheo-ni, liền hỏi: “Cô có biết nhà đàn việt ở đâu không, chỉ chỗ cho tôi đến với?” Đó gọi là kỳ hẹn. Nếu giở một chân thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đã giở cả hai chân thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trái lại, nếu nói: “Đi đi chị em, chỉ nhà đàn việt giúp tôi”, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni hẹn (với Tỳ-kheo) mà không đến, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không hẹn mà ngẫu nhiên đến, thì không có tội. Nếu cùng hẹn, cùng đến thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không hẹn, không đến thì không có tội. Nếu cùng ra đi mà đến nơi khác nhau, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu xuất hành khác nhau mà đến cùng một chỗ, cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cùng phát xuất (349a), cùng đến một nơi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu xuất hành khác chỗ, đến khác chỗ, thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 26 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

27. HẸN ĐI CHUNG THUYỀN VỚI NI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ nhằm ngày cát tường, sáng sớm nam nữ tập trung, tại sông A-kì-la để vui chơi, ăn uống ca hát. Hôm đó, nhóm sáu Tỳ-kheo thức dậy từ rạng đông, khoác y, đi đến chỗ nhóm sáu Tỳ-kheo-ni, hỏi: “Hôm nay là ngày cát tường, các cô có thức ăn uống gì không, chúng ta hãy cùng nhau đến sông đó tham quan?” Nhóm sáu Tỳ-kheo-ni nói: “Chúng tôi đang chuẩn bị đây, đại đức hãy đi tìm xe thuyền đi.” Nhóm sáu Tỳ-kheo liền đi tới vị quan giữ thuyền của vua mượn một chiếc thuyền đẹp và các thứ trang trí, rồi họ mang các thực phẩm để lên thuyền, cùng với các Tỳ-kheo-ni thuận theo dòng nước chèo đi, vui đùa bốn cột, khiến cho người đời chê trách rằng: “Các vị hãy xem kìa! Những sa-môn Thích tử này phóng túng vô đạo, giống như người thế tục giao hoan với nhau. Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì.”

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: “Các ông có việc đó thật chẳng?”

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Từ nay không được hẹn ước với Tỳ-kheo-ni cùng đi chung thuyền.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ đàn việt ở bên kia bờ sông A-kì-la mời hai bộ Tăng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thọ trai. Đến lúc qua sông, các Tỳ-kheo không cho các Tỳ-kheo-ni lên thuyền, hoặc một người đi một chiếc, hoặc hai người một chiếc, mà không chở Tỳ-kheo-ni, nên ba, bốn chiếc thuyền rất nhẹ. Khi các Tỳ-kheo qua sông rồi, mới chở Tỳ-kheo-ni, và lúc đưa Tỳ-kheo-ni đến chỗ thọ trai xong còn sắp xếp theo tuổi tác, nên mặt trời đã quá ngọ, do thế tất cả đều không được ăn. Đại-ái-đạo Cù-đàm-di cũng không ăn được. Bà liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: “Cù-đàm-di, vì sao tiêu tụy quá thế?” Đại-ái-đạo liền đem sự kiện trên bạch đầy

đủ với Thế Tôn. Phật bèn dạy: “Từ nay trở đi ta cho phép cùng qua đò.” Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo hẹn ước với Tỳ-kheo-ni cùng đi chung thuyền xuôi hoặc ngược dòng sông, ngoại trừ đi đò ngang, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Hẹn ước: Như trên đã nói.

Trừ đi đò ngang: Đức Thế Tôn bảo là (349b) không có tội.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo với Tỳ-kheo-ni hẹn ước nhau cùng đi chung một chuyến xe đò, trải qua phạm vi một thôn, thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu đi qua vùng hoang dã không có xóm làng thì qua phạm vi một Câu lô xá, phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo-ni đi chung một chuyến đò, khi đò dừng lại bên bờ sông, Tỳ-kheo-ni xuống thuyền đi đại tiểu, rồi khi thuyền khởi hành, Tỳ-kheo gọi Tỳ-kheo-ni: “Này chị em hãy đến”, thì gọi là ước hẹn. Nếu Tỳ-kheo-ni giở lên một chân thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu giở hai chân thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu hai bên cùng ước hẹn mà không đến, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu không ước hẹn mà đến thì không có tội.

Nếu cùng hẹn ước và cùng đến, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu không hẹn ước và không đến thì không có tội.

Bốn trường hợp sau cũng như trên. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 27 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

28. ĐEM Y CHO NI KHÔNG PHẢI BÀ CON

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ, có một Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ, mặc chiếc y mới nhuộm đẹp đẽ, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật rồi ra đi. Trải qua bảy năm sau, thấy mặc một chiếc y cũ rách đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: “Này Tỳ-kheo ngày trước ông chưa có tuổi hạ mà mặc một chiếc y mới nhuộm đẹp đẽ, nay vì sao lại mặc chiếc y cũ rách như thế?”

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn! Từ bảy năm nay hễ khi nào được y đẹp thì con đem cho Tỳ-kheo-ni.”

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Giả sử một Tỳ-kheo thân quyến mặc chiếc y cũ rách như thế, rồi đem một chiếc y đẹp cho Tỳ-kheo-ni thân quyến, thì Tỳ-kheo-ni có nên nhận không?” Các Tỳ-kheo đáp: “Không nên nhận.”

Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: “Giả sử một Tỳ-kheo thân quyến mặc chiếc y cũ rách như thế, thì có nên đem một chiếc y đẹp cho Tỳ-kheo-ni thân quyến không?” Các Tỳ-kheo đáp: “Không nên cho.”

Thế rồi, Phật dạy: “Từ hôm nay ta không cho phép Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ có một Tỳ-kheo từ phương Nam đến có nhiều y bát, thấy có người chị xuất gia, nên thấy nhờ tôn-giả A-nan dẫn đến thăm chị mình. Tôn-giả A-nan vốn tính tình dễ dãi liền đưa thầy đến trước cổng Tinh xá của Tỳ-kheo-ni để hỏi thăm Tỳ-kheo-ni mỗ giáp ấy có trong đó hay không. Các Tỳ-kheo-ni liền hỏi lại: “Người gọi là ai vậy?”, thì được đáp rằng: “Tôi là Tỳ-kheo A-nan và Tỳ-kheo mỗ giáp.” Tỳ-kheo-ni nói: “Tôn-giả hãy đợi một tí” Thế rồi, họ trải giường nệm, đoạn mở cửa ra gọi: “Mời tôn-giả vào.” Hai người cùng vào an tọa, rồi chuyện văn thăm hỏi các Tỳ-kheo-ni, trong chốc lát liền cáo từ ra đi.

Khi ấy vị Tỳ-kheo kia nói với tôn-giả A-nan: “Tôi từ xa đến đây là để thăm chị tôi mà không thấy chị ra gặp tôi, không hiểu vì lẽ gì?” Tôn-giả A-nan vốn giỏi tướng pháp, nên nói với Tỳ-kheo ấy: “Ông không hiểu vì ý gì mà chị ông không ra sao?”

Không hiểu.

Vì y phục của chị ông rách rưới, xấu xí nên hổ thẹn (349c) mà không ra. Ông có nhiều y vì sao không cho cô ấy?

Vì đức Thế Tôn chế giới không được cho y cho Tỳ-kheo-ni.

Ông hãy chờ đây để tôi đến xin Phật giúp cho ông.

Thế rồi, A-nan liền đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên, đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn, hỏi Phật có đồng ý cho phép Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo-ni bà con hay không. Phật bèn dạy: “Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo-ni bà con.” Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con, ngoại trừ trao đổi, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Y của Tỳ-kheo-ni bà con: Điều như trên đã nói.

Ngoại trừ trao đổi: Trường hợp này Thế Tôn bảo là vô tội.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Ngoài ra như người lấy y của Tỳ-kheo-ni trong ba mươi điều trên kia đã nói. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 28 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

29. MAY Y CHO NI KHÔNG PHẢI BÀ CON

Khi Phật an trú tại Thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh vốn là vợ cũ của tôn-giả Ưu-đà-di đem vải đã cắt xong đến nhờ Ưu-đà-di may y. Ưu-đà-di liền nhận lấy đem may, khi may xong bèn thêu hình trai gái giao hợp vào đó rồi xếp lại bỏ vào trong hộp trao lại cho Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni này nhận được y liền đem về Tinh xá, mở ra xem, thấy thế rất hoan hỷ, bèn đem khoe với các Tỳ-kheo-ni khác: “Các cô hãy xem này, tôn-giả Ưu-đà-di có tài thêu thùa thật là khéo léo.”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn chê trách rằng: “Đó là vật cần phải che giấu, vì sao lại chỉ cho người ta xem?”

Các Tỳ-kheo-ni thấy vậy liền đến bạch với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Ưu-đà-di đến. Khi thấy đến rồi, Phật liền hỏi: “Ông có làm việc đó thật chẳng?”

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo may y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con, phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni không phải bà con: Như trên đã nói.

May y: Hoặc tự may hoặc sai người khác may đều phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Hơn nữa, Tỳ-kheo không được thêu y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con, nếu bắt đầu xỏ kim thì phạm tội Việt-tỳ-ni, khi thêu xong rút kim ra thì phạm tội Ba-dạ-đề. Hoặc sai người khác thêu cũng phạm tội như thế. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 29 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



30. ĂN THỨC ĂN DO NI CA NGỢI

(350a) Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ có đàn việt ban đêm đến mời các tôn-giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ly-bà-đa, Kiếp-tân-na, A-nhã-kiểu-trần-như v.v... chỉ có tôn-giả Đại-Ca-Diếp vì không cho mời ban đêm, nên sáng sớm đến giờ khát thực bèn khoác y, cầm bát vào xóm làng tuần tự khát thực. Khi tôn-giả đi đến cửa gia đình ấy, bà chủ nhà trông thấy rất hoan hỷ, liền bước đến cúi đầu đánh lễ dưới chân tôn-giả, rồi đứng qua một bên, bạch rằng: “Các đại đức nhận lời mời của gia đình con nên hôm nay tập trung về đây, kính xin tôn-giả cũng nhận lời mời của con.”

Khi ấy tôn-giả Ca-diếp liền suy nghĩ: “Đây là gặp trực tiếp”, bèn nhận lời mời, rồi vào trong nhà ngồi, không đi đâu nữa. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đa khát thực ngang qua nhà ấy, trông thấy bà chủ nhà đang quét tước, soạn chén bát và các phẩm vật cúng dường, liền hỏi: “Ưu-bà-di, bà đang làm gì đấy?”

Lúc ấy bà chủ nhà vì bận rộn các công việc nên không trả lời, đến nỗi cô hỏi đến lần thứ hai, thứ ba bà vẫn không đáp. Thâu-la-nan-đa liền lên tiếng: “Nay bà thật là tự kiêu quá lắm, tôi hỏi mấy lần mà vẫn không đáp.”

Bà chủ liền trả lời: “Hôm nay tôi mời các đại đức Thanh văn Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v..., vì công việc túi bụi nên không thể trả lời.”

Thâu-la-nan-đa liền nói: “Những người bà chọn hôm nay, trong đàn voi không chọn những con voi lớn mà chọn những con voi nhỏ, trong đàn chim không chọn các con công mà chọn các con quạ già. Các con voi lớn đó là: Xiển-đa, Ca-lưu-đa-di, Tam-văn-đa-đạt-đa, Ma-sản-sa-đạt-đa, Mã-sư, Mãn-túc và thị giả A-nan. Nếu bà nhờ tôi mời thì tôi sẽ mời giúp bà những đại đức như thế đó.”

Lúc ấy tôn-giả Đại-ca-diếp đang ngồi trong nhà liền lên giọng đàng hăng. Thâu-la-nan-đa nghe tiếng liền hỏi bà chủ: “Đó là tiếng của ai vậy?”

Bà chủ nhà đáp: “Đó là trưởng lão Đại-Ca-Diếp đấy.”

Tỳ-kheo-ni liền tán thán: “Bà được lợi ích rất lớn, vì đã mời được bậc đại long tượng như vậy, nếu tôi mời thì cũng sẽ mời trưởng lão ấy.”

Tôn-giả Ca-diếp nghe lời nói ấy rồi lòng không vui, liền hỏi cô: “Này cô em, vừa rồi cô bảo đó là hạng voi nhỏ, quạ già, giờ sao nói long tượng đại đức? Nếu lời nói trước là chân thực, thì lời nói sau là hư dối. Nếu lời nói sau là chân thực thì lời nói trước là hư dối. Trong hai lời nói ấy lời nói nào trung thực?”

Vì Tôn-giả Đại-Ca-Diếp có uy đức đáng tôn kính, dùng hai câu hỏi cật vấn khiến trách Tỳ-kheo-ni, khiến cô hoảng sợ liền bỏ chạy, vấp ngã trên đất làm cho thân thể bị thương tích. Xiển-đa thấy vậy liền hỏi cô: “Cô xúc phạm ai mà đến nỗi thân thể bị thương tích như vậy?”

(350b) Con xúc phạm Đại-Ca-Diếp.

Cô đã xúc phạm người không đáng xúc phạm.

Các Tỳ-kheo nghe thế bèn đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Trong trường hợp này không tán thán cũng đã có lỗi huống gì lại tán thán. Từ nay về sau ta không cho phép Tỳ-kheo nhận thức ăn do Tỳ-kheo-ni tán thán mà được cúng dường.

Do thế, tôn-giả A-nan nổi tiếng phước đức tại thành xá-vệ. Lại được Thế Tôn khen ngợi thấy có ba sự đầy đủ: Tên họ bà con thành tựu, là bậc đa văn đệ nhất trong hàng hữu học và là thị giả chu đáo đệ nhất. Vì vậy mà tại thành xá-vệ có thôn Phước đức, hễ ai trong thôn này làm nhà mới đều mời A-nan, hoặc lúc xông đất, hoặc lúc cạo đầu, lúc xỏ lỗ tai, tất cả đều mời A-nan.

Khi ấy có một trưởng giả mời A-nan đến nhà dự lễ khánh thành. Thế nào là khánh thành? Chẳng hạn khánh thành nhà mới, giường mới, dụng cụ mới, mới khếp dầu, đàn bà mới sinh con, mặc áo mới, dùng quạt mới.

Khi A-nan thọ trai có một Tỳ-kheo khát thực đứng ở ngoài cửa. A-nan liền bảo đàn việt cúng dường thức ăn cho Tỳ-kheo khát thực. Đàn việt nghe A-nan dạy rất hoan hỷ, bèn lấy bát bỏ đầy thức ăn mỹ vị đem ra cúng dường Tỳ-kheo khát thực. Tỳ-kheo khát thực nhận thức ăn xong liền đứng đợi A-nan. A-nan ăn xong chú nguyện rồi bước ra. Tỳ-kheo khát thực thấy A-nan liền hỏi: “Tôn-giả ăn chưa?”

Ăn rồi.

Ăn có ngon không?

Vì sao thấy không ăn mà hỏi tôi ăn có ngon hay không ngon?

Sở dĩ tôn-giả được ăn như thế này là do Tỳ-kheo-ni tán thán.

Thật như vậy sao?

Đúng như vậy.

A-nan liền lấy lông chim ngoáy vào cổ cho mưa ra. Thế nên ngày đó thấy bị mất ăn khiến cho thân thể bị tiêu tụy, thầy bèn đi đến

chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: “A-nan, vì sao thân thể ông tiêu tụy như thế?”

A-nan liền đem sự kiện trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật bèn hỏi: “Ông có biết việc ấy không?”

Bạch Thế Tôn, con không biết.

Biết mới có tội, không biết thì không có tội.

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì sao Tỳ-kheo khát thực kia làm cho A-nan không vui?”

Không những ngày nay ông ta làm cho A-nan không vui mà ngày xưa cũng đã từng làm, như trong kinh Hiền diệu sinh đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, đến giờ khát thực, các trưởng lão Tỳ-kheo khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khát thực, đi đứng cử động có hàng ngũ có uy nghi. Khi ấy có một trưởng giả nói như sau: “Lành thay, nếu bố thí y phục, thực phẩm, thuốc chữa bệnh cho những người xuất gia như vậy thì sẽ được lợi ích rất lớn.”

(350c) Ông lại suy nghĩ: “Nếu ta có khả năng ta sẽ cúng dường những người như vậy.”

Bấy giờ có một Tỳ-kheo-ni nghe thế liền nói với trưởng giả: “Lão trượng, ông chỉ cần xuất tiền sắm thức ăn, tôi sẽ lo liệu giúp cho.” Người đàn việt này rất có tín tâm nên hoan hỷ đưa tiền cho cô.

Tỳ-kheo-ni bèn nói: “Lão trượng, ông phải đi mời các Tỳ-kheo.”

Ông thưa: “Tôi không biết, nhờ cô mời giúp cho.” Tỳ-kheo-ni liền sắm sửa các thức ẩm thực, xong rồi nói với đàn việt: “Lão trượng, các thức ăn đã sửa soạn xong, ông hãy đến chỗ Tỳ-kheo báo tin đã đến giờ.”

Người đàn việt nói: “Tôi không biết, nhờ cô đi đến các Tỳ-kheo báo giờ giúp cho.”

Tỳ-kheo-ni bèn đến Tinh xá bạch: “Đã đến giờ.”

Thế rồi các Tỳ-kheo đi đến nhà đàn việt, an tọa chỉnh tề. Tỳ-kheo-ni bèn nói với đàn việt: “Ông hãy bùng dọn thức ăn cúng dường lên.”

Ông ta nói: “Thưa cô, cô hãy dọn giúp tôi.”

Các Tỳ-kheo liền suy nghĩ: “Bữa cúng dường này do Tỳ-kheo-ni tán thán mà có chứ chẳng nghi ngờ gì nữa”, liền đứng dậy ra về.

Họ đi như vậy một người, hai người cuối cùng cả chúng đều ra về hết. Đàn việt liền hỏi Tỳ-kheo-ni: “Các tôn-giả vì sao đi hết mà không trở lại?”

Cô ni đáp: “Tôi không biết. Ông hãy đến chỗ Thế Tôn hỏi việc này. Phật sẽ nói cho ông hay.”

Ông ta bèn đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, đứng hầu một bên, rồi đem sự việc trên trình bày rõ đầu đuôi với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi rõ sự kiện kể trên: “Các ông có việc đó thật như vậy chăng?”

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ hôm nay trở đi ta cho phép (các Tỳ-kheo thọ trai) ở nhà đàn việt cũ.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết thức ăn do Tỳ-kheo-ni tán thán mới có, mà ăn – ngoại trừ đàn việt cũ – thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Biết: Như trên đã nói.

Tán thán: Khen ngợi đức hạnh của người nào đó là cao quý.

Thức ăn: Gồm có năm loại: Mì, bún, cơm, cá, thịt.

Ngoại trừ đàn việt cũ: (Tỳ-kheo thọ trai tại nhà đàn việt cũ) Đức thế Tôn bảo là không có tội.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tóm lại có các trường hợp tán thán: Xướng đẳng cúng thời thán, hạ thực thời thán, tác thực thời thán, tác thực dĩ biện thán; hữu thỉnh thời thán.

Xướng đẳng cúng thời thán: Dọn thức ăn xong, báo tin giờ ăn đã đến, bỗng có Tỳ-kheo khác tới, Tỳ-kheo-ni liền nói với Ưu-bà-di: “Lại có Tỳ-kheo đến.” Ưu-bà-di liền nói: “Lành thay, tôi hoan hỷ cho người đi mời còn không được hưởng gì tự nhiên đến”, thì trong trường hợp này không gọi là tán thán. Trái lại, nếu Tỳ-kheo-ni nói: “Vị này sống ở nơi rừng vắng, đi khát thực, mặc y phẩn tảo, ngồi giữa trời, dùng nệm cỏ...”, (351a) dùng những lời ca ngợi như vậy để được cúng dường mà Tỳ-kheo ăn, thì phạm Ba-dạ-đề.

Hạ thực thời thán: Vừa mới ngồi ăn, bỗng có Tỳ-kheo khác lại đến, thì cũng như trường hợp vừa nói trên.

Tác thực thời thán: Lúc đang ăn thì có Tỳ-kheo khác đến, trong trường hợp này cũng như trên đã nói.

Tác thực dĩ biện thán: Lúc ăn vừa xong thì có Tỳ-kheo khác đến, Tỳ-kheo-ni liền nói với Ưu-bà-di: “Lại có Tỳ-kheo đến.” Nếu Ưu-bà-di nói: “Lành thay, tôi cố sai người đi mời mà còn không thể được, hưởng gì bỗng nhiên lại tới”, thì không gọi là tán thán. Hoặc giả Ưu-bà-di nói: “Phải cúng dường nhiều bún, bánh, cơm, canh ngon lành một cách bình đẳng”, cũng không gọi là tán thán. Trái lại, nếu cô ni chê thức ăn ít, rồi bảo đàn việt: “Hãy đưa thêm thầy ấy một nắm bún nữa”, (mà Tỳ-kheo ấy nhận lấy thức ăn) thì phạm Ba-dạ-đề.

Hữu thỉnh thời thán: Nếu Tỳ-kheo nói với đàn việt: “Đồ chúng của thầy ấy đa văn tinh tấn, nên mời hết tất cả.” Đó gọi là tán

thán để cúng dường thức ăn. Nếu cô ta nói: “Vị thủ chúng kia đa văn tinh tấn, nên vì Tỳ-kheo này mà mời thêm hai mươi người nữa.” Trong trường hợp này một người được tán thán, còn những người khác không phạm (tức không phải được tán thán). Nếu gặp trường hợp tán thán để mời thọ trai như thế, thì các Tỳ-kheo nên hoán chuyển chỗ ngồi, chứ không nên bỏ bàn ăn ra về. Nếu chỗ ngồi bên cạnh dơ bẩn không sạch, không thích đổi chỗ, thì nên tâm niệm: “Thức ăn ta đang ăn trong bát này là của Tỳ-kheo mổ giáp kia”, nghĩ như vậy thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Ưu-bà-di: “Bà nên thường xuyên mời tôn-giả mổ giáp kia đến cúng dường.” Đó gọi là tán thán. Trái lại, nếu nói: “Tôn-giả kia có thể thường đi khát thực”, thì không gọi là tán thán. Thế nên nói:

“Tăng không sai, trời tối,
Không bạch, vì thức ăn.
Cùng ngồi, cùng đi chung
Qua đò và cho y.
May y, tán thán thực
Xong phần ba bát cù.”

(Hết giới thứ 30 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

✱

Hết quyển thứ mười lăm

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 16

BA-DA-ĐỀ (tiếp theo)

31. ĂN QUÁ GIỚI HẠN ĐƯỢC CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ có một Tỳ-kheo an cư tại một xóm làng vừa xong, lên đường đi đến thành xá-vệ để thăm viếng đức Thế Tôn. Lúc ấy có một cư sĩ trong thôn làm nhà phước thiện vừa xong, thiết một bữa cơm cúng dường cho Tăng bốn phương, gặp Tỳ-kheo này vừa đến, cư sĩ rất hoan hỷ nói: “Lành thay, đại đức vừa mới đến!” Thế rồi, ông trải giường nệm, đưa nước rửa chân, cung cấp dầu thoa chân và nước uống phi thời. Ban đêm, ông đốt đèn sáng, sửa soạn chỗ nằm để cho thầy nghỉ ngơi yên ổn. Sáng hôm sau, ông lại cung cấp tắm rửa răng, nước sạch và cúng dường thức ăn mỹ vị ngon miệng. Tỳ-kheo ăn xong thầm nghĩ: “Ta từ xa đến đói khát, nay lại được các thức ăn uống khoái khẩu thế này, ta nên ở lại ít hôm nghỉ ngơi cho thân thể khỏe khoắn, rồi hãy đến viếng Thế Tôn.” Suy nghĩ thế rồi, ban ngày thầy vào nghỉ trong rừng vắng, chiều tối về lại nhà. Đàn việt thấy thầy vẫn đói xử hoan hỷ như trước. Cho đến ngày thứ ba, đàn việt bèn hỏi: “Hôm nay đại đức dùng bữa ở đâu?”

Ở đây.

Thế còn hôm qua ở đâu?

Thì cũng tại đây.

Vậy ngày mai ở nơi nào?

Cũng nơi này.

Đàn việt liền trách: “Nhà tôi nghèo, vừa đủ sống, ở đây có thể cúng dường cho tứ phương Tăng một bữa cơm mà thôi, đại đức không nên ở lâu. Nếu nhà tôi giàu có dư dả thì tha hồ dâng cúng cho tất cả chư Tăng.”

Tỳ-kheo liền suy nghĩ: “Đàn việt thốt ra lời nói có vẻ oán trách, ta phải đi thôi.” Thế rồi, thầy đi lần hồi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: “Ông an cư ở đâu?”

Tại thôn mỗ.

Bắt đầu ra đi từ lúc nào?

Từ ngày ấy.

Vì lý do gì đường đi không xa mà trải qua nhiều ngày như thế?

Thầy Tỳ-kheo liền đem sự việc kể trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật nói: “Việc đó không nên. Lẽ nào chỉ vì thỏa thích thân miệng mà ông làm cho đàn việt than phiền! Từ nay trở đi, nơi nào chỉ cúng dường một bữa ăn, thì Tỳ-kheo không được dùng quá một bữa.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ có một Tỳ-kheo an cư mùa hạ tại một làng kia vừa xong, (351c) lên đường đi đến Xá-vệ để thăm viếng đức Thế Tôn. Bấy giờ, có một đàn việt trong thôn làm nhà phước thiện, cúng dường cho Tăng bốn phương một bữa cơm, thì gặp lúc Tỳ-kheo kia vừa đi tới đó, họ liền cung cấp những thứ nhu yếu, như trên đã nói. Vị Tỳ-kheo này ăn xong, ra đi thì bệnh phong phát sinh, liền suy nghĩ: “Ta không thể đi được mà Thế Tôn đã chế giới hễ nơi nào cúng một bữa ăn thì không thể ăn quá một bữa. Nay ta hãy ở lại đây, nhưng không dùng cơm của họ.” Nghĩ thế rồi, thầy liền trở lại nhà ấy, đàn việt lại cung cấp những nhu yếu như trước, nhưng Tỳ-kheo không nhận. Đến

sáng hôm sau, họ lại dọn thức ăn, thầy cũng không dùng. Thế rồi, thầy ra đi, trong bụng nghĩ: “Ta đến làng kia sẽ khát thực để ăn.” Nhưng khi thầy đến làng ấy thì mặt trời đã quá ngọ, do thế không được ăn khiến tứ chi rũ rượi. Rồi thầy đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ chân Phật, đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi, thầy liền đem sự việc trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật khen ngợi: “Lành thay, lành thay Tỳ-kheo! Ông tùy thuận chánh pháp có lòng tin xuất gia, thiếu dục tri túc, không vì mạng sống mà vi phạm những điều do Như Lai chế định. Từ nay ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được ăn hơn một bữa tại nhà phước thiện.”

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Tại những nơi bố thí một bữa ăn, Tỳ-kheo không bệnh chỉ nên ăn một bữa, nếu ăn quá một bữa thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Chỗ bố thí một bữa: Đức Thế Tôn cho phép được ăn.

Thức ăn: Gồm năm loại, như trên đã nói.

Không bệnh: Thân thể không tật bệnh. Nhưng nếu thân có bệnh tật không đi đường được thì ở lại ăn không có tội. Trái lại, nếu không có bệnh mà ăn quá một bữa thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu dãy nhà có mười sáu gian, mỗi gian cúng dường một bữa ăn, mà Tỳ-kheo vì công việc của Tăng, của tháp, của chính mình đến ở gian nhà nào thì được ăn tại đó một bữa để giải quyết các công việc. Nếu công việc chưa xong thì phải sang gian nhà thứ hai nghỉ lại ăn một bữa rồi đi. Nếu công việc vẫn chưa xong, thì

có thể tuần tự ở trong mười sáu gian nhà, ăn mười sáu bữa để lo cho xong công việc rồi đi. Nếu như công việc vẫn chưa xong, thì không được ăn lại tại các nhà ấy mà phải đi khát thực ở những nơi khác, chứ không được khát thực tại các nhà ấy. Nếu lúc đầu làm nhà có những người cùng thôn chung sức để làm thì cũng không được khát thực tại thôn ấy mà phải đến thôn khác để khát thực. Đồng thời nghỉ lại tại thôn ấy để giải quyết công việc. Nếu công việc vẫn chưa xong thì có thể trở lại mười sáu (352a) căn nhà kia để thọ trai như trước. Nếu trong thời gian ấy công việc vẫn chưa xong thì phải rời khỏi nơi ấy một đêm rồi trở lại thọ trai để lo công việc. Nhưng nếu gia đình ấy có con trai cưới vợ rồi họ thừa với Tỳ-kheo: “Tôi sai sứ giả đi mời thầy chưa chắc gì được, huống gì nay thầy đang có mặt ở đây lẽ nào lại bỏ ra đi”, thì khi ấy Tỳ-kheo nhận lời họ mời ở lại thọ trai không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 31 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



32. ĂN NHIỀU LẦN TRONG NGÀY

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ nông dân ở trong vườn của Tăng cứ hằng năm bắt đầu mùa lúa chín thì cúng dường trai phạn cho chúng Tăng.

Thế nào là hằng năm bắt đầu mùa lúa chín? Đó là lúc lúa tẻ chín, lúa mạch chín, lúc thu hoạch đậu xanh, lúc thu hoạch đậu phụng, mía v.v... Nông dân đều trích ra mỗi thứ một ít để dành cúng dường cho chư Tăng.

Khi đó, nông dân nói với Tỳ-kheo: “Hằng năm cứ bắt đầu mùa gặt hái thì tôi đều cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Nếu tại Tinh

xá Kỳ-hoàn ngày nào không có người cúng dường thì xin thầy nói cho tôi biết, tôi sẽ cúng dường để chúng tăng ăn uống no đủ.”

Bấy giờ tại đây các cư sĩ tín tâm cúng dường các thức ẩm thực theo lịch trình trước sau, nhưng trong đó có một ngày không có cúng dường. Do đó, sứ giả đến nói với người nông phu: “Lão trượng, ngày mai tại Kỳ-hoàn không có ai cúng dường, trước đây ông đã hứa cúng thì dịp này là đúng lúc.”

Nông phu nghe xong liền đi đến Kỳ-hoàn, cúi đầu đánh lễ chân chư Tăng, quỳ chân phải xuống đất, chấp tay bạch rằng: “Con là nông dân mỗ giáp, ngày mai thiết trai cúng dường, xin tất cả chúng Tăng nhận lời mời của con.”

Chúng Tăng bèn nhận lời mời. Thế rồi lúc ấy có một trưởng giả dùng năm trăm đồng tiền cũ mua được hai con bò, ông muốn thử xem sức nó thế nào, bèn mắc nó vào xe, đánh cho chạy lui chạy tới trong phạm vi một do-diên. Vì cái ách xe quá chặt nên một con bò bị chết, ông hết sức khổ não, đứng đập ngực than trách: “Vì sao ta mua bò với một giá đắt chưa dùng được mà đã chết thế này!”

Bỗng có một người quen biết với cư sĩ liền hỏi ông: “Vì sao ông buồn bã như vậy?”

Cư sĩ bèn trình bày tường tận sự việc kể trên. Ông bạn liền hỏi: “Vì sao ông không làm kiên pháp?”

Kiên pháp là thế nào?

Kiên pháp nghĩa là ông đến Kỳ-hoàn mời chư Tăng về nhà mổ thịt con bò kia làm cơm cúng dường chư Tăng.

Ông nghe xong liền đi đến Kỳ-hoàn, vào phòng cúi đầu đánh lễ chân chư Tăng, rồi quỳ gối chấp tay nói như sau: “Con là mỗ giáp, ngày mai xin mời chư Tăng về nhà để con cúng dường một bữa cơm đạm bạc. Mong chư Tăng nhận lời mời của con.”

Lúc đó có một Tỳ-kheo vốn là chỗ quen biết cũ với ông, liền đến bảo: “Ông chưa biết cách mời. Vì sao không nói trước với tôi để tôi chỉ cho ông cách mời chúng Tăng?”

Ông liền phân bua: “Thưa thầy, tôi đem năm trăm đồng tiền cũ mua được hai con bò, nhưng một con bị chết, nay tôi muốn dùng thịt nó để cúng dường chúng Tăng.”

Nhưng chúng Tăng đã nhận lời mời của người khác rồi.

Tôi đã sắm sửa thức ăn rồi bây giờ phải làm sao?

Giờ tôi bày ông trở lại (352b) bạch với chúng Tăng như sau: “Con mời chư Tăng ngày mai đến nhà con thọ trai.” Nếu tăng hỏi ông đã sắm những thức ăn gì thì ông phải đáp: “Đã sửa soạn bún, cơm, thịt.”

Khi được dặn bảo xong, ông liền trở lại chỗ chúng Tăng, cúi đầu đánh lễ dưới chân, quỳ gối, chắp tay, nói như sau: “Con là mỗ giáp, xin mời chư Tăng ngày mai đến nhà con thọ trai, mong chư tăng hãy nhận lời mời của con.”

Các Tỳ-kheo hỏi: “Ông đã sắm sẵn những thức ăn gì?”

Con đã làm bún, cơm, thịt.

Lão trượng, ngày mai ông hãy chuẩn bị cho sẵn sàng.

Thưa vâng, xin chư tôn-giả sáng mai hãy đến sớm.

Thế rồi ông trở về nhà, suốt đêm kho nấu thịt và các thức ẩm thực, lúc sáng sớm bèn trải giường nệm, lọc nước sạch, rồi đến bạch với chúng Tăng: “Đã đến giờ.”

Chư tăng bèn khoác y, cầm bát đi đến nhà ông, ngồi theo thứ lớp. Người đàn việt liền dọn lên thức ăn ngon lành, chư Tăng ăn uống no nê rồi trở về Tinh xá.

Đoạn nói về người nông phu kia suy nghĩ: “Các thầy là những người ngày ăn một bữa, nên cần phải ăn sớm.” Do đó, suốt đêm

ông sửa soạn các thức ẩm thực, rồi trải giường nệm, lọc nước sạch, xong xuôi bèn đi đến Kỳ-hoàn, cúi đầu đánh lễ chân chư tăng, quỳ gối, chấp tay, bạch rằng: “Đã đến giờ rồi.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vì mới ăn uống no nê, nên tuy thấy ông ấy đến mời mà tựa hồ như không nghe. Ông ta liền suy nghĩ: “Kỳ thay! Kỳ thay! Các thầy là những người ăn ngày một bữa, lẽ ra thường cảm thấy đói, vì sao nghe mời thọ trai mà tựa hồ như không nghe! Nếu ngoại đạo mà nghe mời thọ trai thì họ liền cầm gậy có ba nấc và bình nước đi ngay lập tức.” Ông tán thán như vậy đến lần thứ ha thứ ba thì các Tỳ-kheo mới đứng dậy, thông thả, đi đại tiểu tiện, mở lỏng dây lưng, sửa lại oai nghi, ung dung đi đến nhà ông, ngồi theo thứ tự.

Bấy giờ người nông dân liền tự tay dọn thức ăn, múc đầy vá đưa Thượng tọa thì Thượng tọa đưa tay ra dấu chỉ dùng một ít. Người nông dân liền nói: “Các thầy là những người ăn mỗi ngày một bữa mà sao đối với các thức ăn này đều không tỏ ra thích thú!”

Rồi ông thầm nhủ: “Nếu Thượng tọa ăn ít thì Hạ tọa phải ăn nhiều và đệ nhị, đệ tam Hạ tọa cho đến những Tỳ-kheo trẻ tuổi (phải ăn nhiều hơn nữa).” Thế rồi, ông nói: “Thầy là người ăn ngày một bữa mà sao đối với các thức ẩm thực này không thấy thầy thích thú chút nào!” Lúc ấy trong hàng Hạ tọa có một người mới tu, lắm cảm, liền nói như sau: “Hôm nay chúng tôi không phải vì ăn mà đến đây, do vì chiều ý ông mà đến. Bởi lẽ chúng tôi ăn uống ở chỗ khác no nê rồi. Nếu không tin ông hãy xem chân tôi còn có dấu mỡ dính đây này”

Người nông dân nghe thế trong lòng không vui, liền vút nổi thức ăn xuống đất hậm hực nói: “Các thầy đã nhận lời mời của tôi trước rồi, vì sao lại đi ăn ở chỗ khác?” Trong lòng mang niềm oán hận, ông bèn đi đến chỗ Phật, cúi đầu (352c) đánh lễ chân Phật, rồi đứng sang một bên, bạch với Phật: “Vì sao các Tỳ-kheo nhận lời của con trước rồi mà lại thọ trai ở chỗ khác?” Phật liền tùy nghi thuyết pháp cho nông dân này, khuyên bảo chỉ dạy, khiến

ông vui vẻ, ông bèn bạch Phật rằng: “Bạch Thế tôn! Những thực phẩm con cúng dường chúng tăng dư thừa nên bỏ chỗ nào?”

Phật dạy! “Ông đến bên hồ mổ giáp kia, quét sạch đất trên bờ hồ, rồi mang thức ăn còn dư đến bỏ tại đó. Vì lúc này vua Ba-tư-nặc đánh nhau với quân Nhi-ni-sát-lợi không thắng nổi nên kéo quân về đang đồn trú tại đó. Ông có thể đem thức ăn kia dâng cho nhà vua. Vì vua mới xuống hồ tắm rửa và thay y phục mới.” Vâng lời Phật dạy, ông bèn đem các thức ăn kể trên đến dâng cho nhà vua và các tướng sĩ. Vì trong lúc đang đói khát mà được các thức ăn ngon lành nên họ ăn rất hoan hỉ. Do đó, nhà vua bèn ra lệnh ban thưởng cho ông các thứ trân bảo. Ông được lợi ích trước mắt nên sung sướng vô cùng.

Thế rồi, Phật bèn bảo gọi các Tỳ-kheo thợ trai kia đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: “Vì sao các ông nhận lời mời của người ta trước rồi mà lại thợ trai ở chỗ khác? Nay các Tỳ-kheo, các ông không biết sao? Ví như người ta thờ thần nhà, thần cây, nếu các thần muốn đi đâu thì trước hết phải ăn thức ăn của chủ nhà cúng rồi mới đi tới chỗ khác. Các ông đã làm một việc không thuận với nhân tình, trước đã nhận lời mời của người ta rồi mà đi thợ trai ở chỗ khác. Từ nay về sau ta không cho phép các Tỳ-kheo muốn ăn đâu thì ăn.”

Lại nữa khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Đức Thế Tôn vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng ốc các Tỳ-kheo một lần.

Bỗng Ngài thấy có Tỳ-kheo đang bệnh, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi: “Này Tỳ-kheo, ông đau bệnh gì? Lúc này bớt hay nặng thêm?”

Con đang đau lắm không giảm bớt. Trước đây con được ăn thường xuyên nên thân thể yên ổn. Từ khi Thế Tôn chế giới không được ăn lật vật nên bệnh con không thuyên giảm.

Từ hôm nay Ta cho phép các Tỳ-kheo khi có bệnh được ăn mỗi ngày nhiều lần.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu cứ hằng năm mời chư Tăng thọ trai và dâng y. Khi ấy, tại Tinh xá Kỳ-hoàn có sáu mươi Tỳ-kheo đang bệnh, họ đi tới nhà bà. Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu thưa: “Thưa quý thầy, Tinh xá Kỳ-hoàn có năm trăm Tỳ-kheo, nay vì sao chỉ có sáu mươi người đến đây?”

Các Tỳ-kheo nói với bà: “Đức Thế Tôn chế giới các Tỳ-kheo không được phép muốn ăn đâu thì ăn, chỉ trừ những người bệnh, vì thế các Tỳ-kheo bệnh mới đến đây.”

Thưa quý thầy, người đòi mời ăn là việc chính; nếu quý thầy có ăn thức ăn của con thì con mới dâng y; nếu không dùng cơm thì con không dâng y. Thưa quý thầy, trong lần dâng y này các thầy có thể đến bạch với Phật để xin Ngài phương tiện cho phép được chăng?

Các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy đến (353a) bạch với Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu là người thông minh trí tuệ. Từ nay trở đi ta cho phép khi dâng y (các Tỳ-kheo được phép thọ trai nhiều lần trong một ngày).”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ một số người đi lạc quyền, định tổ chức một cuộc đại hội cúng dường trai phạn cho những người xuất gia của chín mươi sáu giáo phái, do thế, họ đến nhà người Ưu-bà-tắc lạc quyền các phẩm vật. Người Ưu-bà-tắc liền ra điều kiện: “Nếu ông sắp đặt cho các thầy của tôi được ngồi trên, thì tôi sẽ cho ông phẩm vật.” Người đi lạc quyền nói: “Ông thử nghĩ xem, nếu tín đồ của ngoại đạo cũng nói thế này: “Nếu ông làm cho các thầy của tôi được ngồi trên, thì tôi sẽ cho ông phẩm vật” thì tôi làm sao có thể hứa với mọi người là ai cũng được ngồi trên. Ông chỉ cần cho tôi phẩm vật, để vào ngày đó, tháng đó, tôi sẽ dựng cờ xí, bày biện các cây báu, trải các giường ghế đẹp để tại trên bờ sông A-kỳ, mà mở đại hội cúng dường bữa trai soạn với những món ngon vật lạ, rồi trong số những người xuất gia hễ ai đến trước thì ngồi trên.”

Các Ưu-bà-tắc nghĩ rằng Phật, Tăng là ruộng phước tốt nên đưa phẩm vật cho người đó, rồi đi đến chỗ tôn-giả A-nan, cúi đầu đánh lễ dưới chân, bạch đầy đủ sự việc kể trên và thêm rằng: “Tôn-giả phải làm cách nào để cho các Tỳ-kheo được ngồi trên, khiến cho bọn ngoại đạo bị sỉ nhục một phen.”

Tôn-giả A-nan liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên, đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Thế rồi khi ấy những người đi lạc quyền sắm sửa các thực phẩm xong xuôi, bèn mời những người xuất gia của chín mươi sáu giáo phái, đồng thời mời vua Ba-tư-nặc và quần thần, thái tử cùng đến dự. Các vị thôn trưởng, các trưởng giả kỳ túc và những người chủ xưởng, khi đến giờ đều qui tụ về trên bờ sông A-kì để tham dự đại hội.

Trước đại hội một ngày Phật nói với Mục-liên: “Ông phải biết đúng thời.” Tôn-giả Mục-liên liền dùng thần túc làm cho nước sông nổi sóng cuộn cuộn, đẩy những bọt bèo tràn ngập đến bờ. Các ngoại đạo đều nói như sau: “Ta phải qua sông trước để lấy được chỗ ngồi thứ nhất.” Thế rồi suốt đêm họ tranh nhau chèo thuyền bè để mong qua sông trước nhất, nhưng vì bị nước chảy dốc nên muốn qua bờ mà thuyền cứ trôi giạt trở lại, khiến họ vất vả chèo chống suốt đêm mà chiếc thì chìm xuống dòng nước lạnh, chiếc thì trôi tấp lên bờ phơi nắng chờ hơ, cho tới giờ ăn vẫn không thể nào qua sông được.

Lúc bấy giờ tại Tinh xá Kỳ-hoàn có người cúng dường chúng Tăng nên Phật còn dừng lại đợi họ. Những người trẻ tuổi trong các Tỳ-kheo đều nói: “Đức Thế Tôn hôm nay xuất hành sao mà muộn quá, sợ rằng các ngoại đạo sẽ chiếm được chỗ ngồi đầu mất!”

Thế nhưng, đến giờ, Thế Tôn khoác y, cầm bát uy nghi ung dung cùng với đại chúng đi đến (353b) bờ sông.

Các ngoại đạo thấy thế đều bảo nhau: “Chúng ta suốt đêm tạo các phương tiện khổ sở như vậy mà không thể qua sông được thì các sa-môn đầu trọc này làm sao qua được.”

Khi ấy, Phật bảo Mục-liên: “Ông tự biết phải làm cách nào cho các Tỳ-kheo qua sông được yên ổn.”

Thế rồi, Mục-liên bèn dùng thần lực tạo ra một chiếc cầu thất bảo, dùng các thứ châu báu làm lan can, kết thất bảo làm dây giăng ở trên, làm mưa các loại hoa quý, trỗi âm nhạc vi diệu, đốt các hương thơm khiến khói hương tỏa ra như mây phủ. Các ngoại đạo thấy chiếc cầu như thế đều rất hoan hỉ, mỗi phái đều tự bảo nhau: “Các sa-môn này từ từ mà đến, vậy chúng ta phải qua sông trước để chiếm chỗ số một.”

Họ liền tranh nhau chạy vội lên cầu, vì ai cũng muốn qua trước nên chen lấn nhau lên cầu khiến cho tất cả đều rơi tõm xuống nước. Các vật dụng của ngoại đạo như y phục, gậy có ba khúc, bình nước đều rơi xuống nước trôi nổi ngổn ngang. Nhưng do thần lực của Thế Tôn khiến cho không ai bị chết cả. Thế rồi, đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo uy nghi tuần tự nghiêm nhiên tiến lên, Phật đi đầu còn các Tỳ-kheo đi theo thứ tự. Khi Phật và các Tỳ-kheo qua xong đến người cuối cùng thì Mục-liên liền làm cho chiếc cầu báu biến mất.

Phật bèn bảo Mục-liên: “Ông hãy làm cho con sông trở lại bình thường như trước.”

Bấy giờ, các ngoại đạo mới chèo thuyền bè lục tục qua sông.

Khi ấy Phật đứng trên bờ ngoái lại nhìn họ đọc kệ:

“Những ai qua bờ trước.

Đều vượt biển sanh tử

Không bị đời chôn vùi

Chánh trí qua bờ kia.”

Phật đọc kệ xong ung dung đến tòa ngồi. Các Tỳ-kheo cũng ngồi theo thứ tự. Còn các ngoại đạo vì qua sông sau nên đến ngồi tiếp sau các Tỳ-kheo.

Bấy giờ các đàn việt tự tay bưng các thức ẩm thực lên cúng dường Thế Tôn và các đệ tử. Khi ấy các Tỳ-kheo trong tâm sinh nghi về việc đức Thế Tôn chế giới không được ăn nhiều lần mà sao chúng ta lại được ăn lại, liền đứng dậy bạch với Phật. Phật dạy: “Ta cho phép làm phép thí thực, nói như sau: “Tôi nay nhận được vật thực này xin cúng lại cho Tỳ-kheo mỗi giáp... cho đến sa-di-ni. Nếu vị ấy không nhận, tôi sẽ dùng.” Nói ba lần như vậy.”

Bấy giờ các đàn việt mỗi người đều suy nghĩ: “Ai nên chú nguyện đây?” Thế rồi có người thì bảo là Ni-kiền-tử, người thì nói Bất-lan-ca-diếp v.v..., đề nghị các ngoại đạo như thế chú nguyện. Thế nhưng nhiều người khác nói: “Sa-môn Cù-đàm ngồi trên hết, đáng được chú nguyện.” Lúc ấy đức Thế Tôn ở giữa chín mươi sáu giáo phái ngoại đạo, không tự cho mình cao quý, không coi thường người khác, (353c) tùy thuận chú nguyện, như trong sanh kinh đã nói rõ. Đoạn Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp rộng rãi cho mọi người, dạy bảo khiến họ được lợi ích, hoan hỉ rồi họ từ giã ra đi. Rồi Phật trở lại Kỳ-hoàn truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo ăn nhiều lần trong ngày – trừ khi khác – phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Khi khác: Khi bệnh, khi may y. Đó gọi là khi khác.

Ăn nhiều lần: Ăn rồi ăn nữa.

Trừ khi khác: Trừ khi có bệnh.

Bệnh: Bệnh nhiệt, bệnh phong, lạnh, nói chung gặp các bệnh như vậy mà ăn rồi ăn lại thân thể được an ổn thì không có tội.

Thời của y: Nếu không thọ y Ca-thi-na thì trong vòng một tháng. Nếu có thọ y Ca-thi-na thì trong vòng năm tháng. Trong khoảng thời gian đó được xả năm điều cấm kỵ không có tội. Năm việc đó là: Được ăn riêng chúng; được ăn rồi ăn lại; khi rời trú xứ không cần bạch với người khác; được cất y lâu ngày; ngủ nghỉ được rời y.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo phải biết số ngày nào cần làm pháp thí thực, biết số tuổi hạ, nhớ y đã thọ trì được bao lâu, khi nào được ăn riêng chúng, có bệnh hay không bệnh. Nếu có người hỏi: “Hôm nay là ngày mấy?”, thì không được hỏi lại họ: “Hôm qua là ngày mấy?”, mà phải biết hôm đó là ngày mồng một, hay mồng hai trong tháng, cho đến ngày mười bốn, mười lăm, lại phải biết rõ là tháng đủ hay tháng thiếu.

Tỳ-kheo mỗi sáng nên nhớ đến pháp thí thực: “Nếu hôm nay được thực phẩm ta sẽ cúng dường cho mỗi giáp. Nếu mỗi giáp không nhận ta sẽ dùng.” Nói ba lần như vậy. Hằng ngày Tỳ-kheo nên nhớ mình đã được bao nhiêu tuổi hạ, nên nhớ thọ trì ba y, và y nào không thọ trì thì phải tịnh thí, lại phải nhớ khi nào được ăn riêng chúng, hoặc có bệnh hoặc là không có bệnh.

Mức độ một bữa ăn của Tỳ-kheo là bao nhiêu? Nếu cơm tẻ thì ba bát, bún hai bát, hoặc một bát gạo nấu thành cơm, thêm một bát hay nửa bát cá thịt nữa. Đó là mức độ một trong những bữa ăn của Tỳ-kheo.

Nếu thức ăn nấu được tại chùa mà chưa chín, rồi Tỳ-kheo lấy bột khuấy thành nước uống, thì phạm giới ăn nhiều lần thuộc tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu làm phép thí thực, hoặc bệnh thì không phạm, hoặc thời của y cũng không phạm.

Nếu ở bên ngoài có người mời thọ trai, rồi Tỳ-kheo lúc ấy nhờ người đi lấy thức ăn, nhưng thức ăn chưa đem về mà vì đói bụng

nên Tỳ-kheo lấy bột khuấy thành nước định uống, thì thức ăn vừa đem về. Nếu Tỳ-kheo lấy thức ăn về mà biết giới luật thì nên dùng một lát đợi Tỳ-kheo kia làm phép thí thực xong mới trao cho thức ăn. Trái lại, nếu Tỳ-kheo đem thức ăn về không rành giới luật, liền trao ngay thức ăn cho Tỳ-kheo ấy, rồi Tỳ-kheo ấy chưa làm phép thí thực mà ăn liền (354a) thì trong khi đang ngậm cơm Tỳ-kheo ấy nên đọc phép thí thực, tức là dùng tội nhẹ đối tội nặng.

Nếu Tỳ-kheo đến nhà đàn việt, rồi đàn việt nói: “Thưa thầy, bữa nay mời thầy ở lại thọ trai.” Đó gọi là mời thọ trai.

Khi ấy Tỳ-kheo suy nghĩ: “Cơm ở đây chưa chín, bây giờ ta nên đi đến nhà khác”, thì khi ấy nên nói với chủ nhà rồi mới đi, nếu không nói mà đi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu tới nhà kia được năm thức ăn chánh hoặc năm thức ăn tạp mà ăn, thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Trái lại, gặp trường hợp được phép ăn nhiều lần trong ngày, được phép rời khỏi trú xứ mà không cần bạch, hoặc bị bệnh, hoặc đã làm phép thí thực rồi mới ăn thì không có tội, hoặc thời của y thì cả hai đều không có tội.

Nếu đàn việt nói như sau: “Thưa thầy, nếu lúc nào không có thức ăn, xin thầy đến nhà con thọ trai.”

Rồi một hôm Tỳ-kheo đến nhà ấy nói thế này: “Bà cụ, hôm nay tôi sẽ thọ trai tại đây.”

Đoạn Ưu-bà-di nói: “Lành thay, con sẽ chuẩn bị.”

Nếu thức ăn chưa chín mà Tỳ-kheo muốn đi tới nhà khác thì phải nói với chủ nhà rồi mới đi. Nếu không nói mà đi thì phạm tội như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đi khát thực tuần tự đến một nhà kia, rồi đàn việt nói: “Hôm nay nhà con mời các Tỳ-kheo thọ trai, xin mời thầy cùng ở lại đây chớ có đi nơi khác.” Nếu Tỳ-kheo nhận lời mời tức là được xem như ăn tại đó. Nhưng nếu Tỳ-kheo khát thực này nhận lời mời rồi, liền suy nghĩ: Ai lại nhận lời người ta mời mình ăn một cách bất

đắc dĩ”, thế rồi muốn bỏ đi, thì nên báo cho họ biết. Nếu không báo cho họ biết mà bỏ đi thì phạm tội như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo có công đức và danh vọng lớn được nhiều người mang thức ăn đến cúng, vì muốn được lòng đàn việt nên thọ nhận tất cả thì phạm giới ăn nhiều lần thuộc tội Ba-dạ-đề. Nếu như làm pháp thí thực, hoặc bị bệnh thì không có tội, hoặc thời của y, cả hai đều không có tội.

Có hai Tỳ-kheo, mỗi người đều được một gia đình mời ăn thường xuyên. Nếu Tỳ-kheo thứ nhất nói với Tỳ-kheo thứ hai: “Trưởng lão, hôm nay cùng đến nhà đàn việt tôi thọ trai” thì Tỳ-kheo thứ hai phải tin cho đàn việt rồi đi. Nếu không tin mà đi thì như trên đã nói. Trái lại, nếu Tỳ-kheo thứ hai mời Tỳ-kheo thứ nhất thì cũng như thế; bữa ăn của Tỳ-kheo là: Cơm tẻ ba bát, bún hai bát, hoặc một bát gạo nấu thành cơm, và thịt cá chừng một bát hay nửa bát; mỗi mỗi thức ăn trong đó là một bữa ăn của Tỳ-kheo. Nếu tại một nhà hoặc xin được ba thăng, hoặc hai thăng, hoặc một thăng, hoặc nửa thăng, tùy xin được nhiều bao nhiêu đều không có tội. Nếu tại một nhà được ba bát cơm tẻ, hai bát bún, hoặc một bát gạo nấu thành cơm thêm thịt cá chừng một bát hay nửa bát thì không được nhận thêm ở chỗ khác nữa. Trong trường hợp này, thế nào là phạm? Thế nào là không phạm? (354b) Nếu cháo vừa mới múc ra khỏi nồi mà viết thành chữ được (nghĩa là nó không liền lại với nhau) thì phạm. Nếu viết không thành chữ thì không phạm. Tất cả rau, tất cả bún, tất cả bánh, tất cả trái cây đều không thuộc loại cấm ăn nhiều lần trong ngày, không thuộc loại cấm ăn biệt chúng, không thể ăn no được, nên cất chứa nhiều trong nhà không phạm, thế nên nói. (như trên)

(Hết giới thứ 32 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

✱

33. ĂN RỒI, ĂN LẠI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ có người Bà-la-môn mời chư tăng về nhà cúng dường trai phạn. Ông sửa soạn các thức ăn uống xong, bèn lọc nước sạch trải giường nệm, rồi suy nghĩ: “Các thầy là những người ăn ngày một bữa, nên cần phải ăn sớm.” Nghĩ thế ông liền đi đến Kỳ-hoàn, cúi đầu đánh lễ chân chúng tăng, quỳ gối, chắp tay, bạch như sau: “Con là mỗ giáp xin mời chư tăng đến thọ trai, thức ăn đã sửa soạn xong, mong chư tăng biết cho thời giờ đã đến.”

Khi ấy các Tỳ-kheo bèn khoác y, cầm bát đi đến nhà ông, ngồi theo thứ lớp. Ông Bà-la-môn bèn tự tay bưng dọn các thức ăn, các Tỳ-kheo ăn uống no nê. Ông lại bưng thức ăn đi tuần tự mời mọc các Tỳ-kheo ăn thêm.

Các Tỳ-kheo đều nói: “Chúng tôi no rồi, không dùng nữa.” Lúc ăn xong, Tỳ-kheo nào không có duyên sự thì trở về Tinh xá còn ai có duyên sự thì đi tới nhà đàn việt. Đàn việt gặp được rất hoan hỷ, rồi lễ bái vấn an, thưa: “Thưa thầy, thấy cần dùng cơm không? Cần dùng dưa, trái cây không cần dùng cháo không? Thấy cần dùng thì con sẽ dọn lên.”

Tỳ-kheo nói: “Tôi đã ăn no tại nhà Bà-la-môn mỗ giáp rồi.” Đàn việt biết khi ấy chưa quá giờ ăn của Tỳ-kheo, liền nói: “Thưa thầy, mặt trời còn sớm, thầy hãy cầm các bánh này về Tinh xá để ăn.” Tỳ-kheo bèn đưa bát cho đàn việt bỏ bánh vào đầy bát, rồi đem về trước cổng Tinh xá Kỳ-hoàn ngồi ăn, rồi mời các Tỳ-kheo khác cùng ăn.

Bấy giờ ông Bà-la-môn ăn uống xong bèn bảo bà vợ đem những thức ăn còn lại biếu cho những người hàng xóm.

Rồi ông đi đến chỗ Thế Tôn định đánh lễ, thăm hỏi. Bỗng từ xa ông trông thấy các Tỳ-kheo đang ngồi trước cổng Kỳ-hoàn cùng ăn bánh. Thấy vậy ông liền đi tới chỗ một Tỳ-kheo đang đi kinh hành hỏi: “Đó là khách Tỳ-kheo phải không?”

Không phải!

Hay là Tỳ-kheo sắp ra đi?

Cũng không phải!

Có phải Tỳ-kheo vừa thọ trai nhà tôi không?

Đúng vậy.

Thầy ấy đang làm gì thế?

Này Bà-la-môn, chú ông không biết sao?

Không biết.

Vì Tỳ-kheo ấy ăn ít nên ăn thêm cho no đó mà.

Lúc ấy trong lòng ông Bà -la môn không vui, liền nói: “Sa-môn Thích tử là người nói thật, mà nay lại nói không thật, ăn chưa no mà nói đã no, dùng mà nói không dùng, chưa thỏa mãn mà nói đã thỏa mãn. Đó là kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!” Vì trong lòng hậm hực nên rốt cuộc ông không đến chỗ Phật mà trở về nhà.

Các Tỳ-kheo nghe vậy liền đến bạch Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. (354c) Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo, ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Này Tỳ-kheo! Vì sao ông ăn đã no, đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi mà còn ăn lại? Từ nay về sau ta không cho phép Tỳ-kheo ăn no, đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi mà còn ăn lại.

Lại nữa khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo ăn rau cho là no, ăn muối cho là no, rồi uống nước mà không ăn cơm khiến thân thể tiểu tụy.

Các Tỳ-kheo liền đem nhân duyên ấy bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: “Từ nay về sau, ta cho phép ăn năm thức ăn chính, năm thức ăn tạp thì mới gọi là no.”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo tại chỗ ngồi ăn một ít thức ăn tưởng là đã no nên không ăn thêm, do thế rũ rượi. Các Tỳ-kheo liền đem nhân duyên ấy đến bạch Thế Tôn.

Phật dạy: “Ngồi một chỗ ăn năm thức ăn chính, năm thức ăn tạp, ăn uống thỏa mãn thì mới gọi là no.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, tại Tinh xá Kỳ Hoàn có 60 Tỳ-kheo bệnh, nhận 60 phần ăn, nhưng họ ăn còn thừa, liền đem bỏ bên tường, khiến chim quạ đến tranh nhau ăn kêu la inh ỏi.

Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: “Vì sao các con chim ấy kêu to như vậy?”

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Vì có 60 Tỳ-kheo bệnh nhận lấy phần ăn mà ăn không hết, rồi đem bỏ bên tường, khiến các con chim tranh nhau thức ăn ấy nên kêu to như vậy.”

Phật liền bảo các Tỳ-kheo: “Nếu Tỳ-kheo bệnh ăn không hết thì ta cho phép Tỳ-kheo nuôi bệnh làm pháp tàn thực rồi ăn thức ăn ấy.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo nuôi bệnh làm phép tàn thực để ăn thức ăn còn lại nhưng vẫn không hết, rồi các con chim tranh nhau ăn như trên đã nói. Phật biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo: “Vì sao các con chim đánh nhau?”

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Vì Tỳ-kheo nuôi bệnh làm pháp tàn thực rồi ăn thức ăn còn thừa mà vẫn không hết, liền đem bỏ ngoài tường, do đó các con chim tranh nhau ăn nên mới kêu la.”

Phật dạy: “Từ hôm nay ta cho phép một người làm pháp tàn thực thì những người khác đều được ăn.”

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo ăn no, rời khỏi chỗ ngồi, không làm pháp tàn thực mà ăn nữa, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Thức ăn: Gồm năm loại như trên đã nói; lại có 5 thức ăn tạp. Đó gọi là thức ăn.

Ăn no có tám trường hợp: (1) Tụ tứ túc; (2) Thiếu dục túc; (3) (355a) Uế ô túc; (4) Tạp túc; (5) Bất tiện túc; (6) Siểm túc; (7) Đình trụ túc; (8) Tụ kỷ túc.

Tụ tứ túc: Đàn việt dọn cơm bún cá thịt và các thức ăn hỗn tạp khác rồi mời Tỳ-kheo ăn thoải mái; Tỳ-kheo nói: “Tôi đã no rồi”, liền đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn nữa, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là tụ tứ túc.

Thiếu dục túc: Đàn việt dọn lên năm thức ăn chính và năm thức ăn tạp, mời Tỳ-kheo ăn thỏa thích mà Tỳ-kheo đưa tay ra dấu chỉ lấy một ít, rồi rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn lại, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là thiếu dục túc.

Uế ô túc: Khi dọn thức ăn, tay của tịnh nhân có ghê và dơ bẩn, Tỳ-kheo thấy bẩn thỉu như thế liền nói: “Tôi không dùng, đi đi”, rồi đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn nữa, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là uế ô túc.

Tạp túc: Tịnh nhân dùng tô đựng sữa để múc cơm bưng đi qua, Tỳ-kheo thấy thế chê dơ nói: “Tôi không dùng, đem đi đi”, rồi đứng dậy khỏi chỗ, không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là tạp túc.

Bất tiện túc: Tịnh nhân dọn thức ăn, Tỳ-kheo hỏi: “Đó là thứ gì?” Tịnh nhân đáp: “Bún.” Tỳ-kheo nói: “Thứ này kích thích bệnh phong của tôi, tôi dùng không tiện, đem đi đi”, thế rồi đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Hoặc là khi thấy người dọn cơm, Tỳ-kheo hỏi: “Thức ăn cứng hay mềm vậy?” Họ đáp: “Cứng.” Tỳ-kheo nói: “Đây là loại lúa mì khó tiêu, tôi dùng không tiện, đem đi.” Hoặc họ đáp: “Mềm.” Rồi Tỳ-kheo nói: “Thứ này nát quá khó ăn, tôi dùng không thích

hợp, đem đi đi.” Hoặc tịnh nhân bưng thịt lên, Tỳ-kheo hỏi: “Thứ gì vậy?” Người ấy đáp: “Thịt bò.” Tỳ-kheo nói: “Thịt bò tính chất nóng, tôi dùng không tiện, đem đi đi.” Hoặc họ nói: “Thịt trâu.” Tỳ-kheo nói: “Tính chất nó mát khó tiêu, đem đi đi.” Hoặc họ nói: “Thịt nai.” Tỳ-kheo nói: “Loại thịt này có chất phong, đem đi đi.” Thế rồi, Tỳ-kheo đứng dậy rời khỏi chỗ, không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bất tiện túc.

Siểm túc: Tịnh nhân dọn năm thức ăn chính, năm thức ăn tạp, Tỳ-kheo sợ nhiều, không nói mà đưa tay ra dấu, hoặc lắc đầu, hoặc che bát lại, rồi đứng dậy rời khỏi chỗ, không làm phép tàn thực mà ăn lại, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là siểm túc.

Đình trụ túc: Tịnh nhân dọn năm món ăn chính, năm món ăn phụ, Tỳ-kheo nói: “Này bác, chớ nên dọn cơm lên trước mà phải dọn rau muối nước lạnh lên trước.” Thế rồi, đứng dậy rời khỏi chỗ, không làm phép tàn thực mà ăn nữa, thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu Tỳ-kheo làm trị nguyệt (phụ trách công việc trong một tháng), Duy na mà chỉ vẽ ra dấu, (355b) thì không gọi là đã no. Tóm lại, trên đây gọi là đình trụ túc.

Tự kỷ túc: Tỳ-kheo đi khát thực đến một nhà kia, để cái túi đựng bún ở một chỗ, rồi vào nhà đàn việt xin nước uống. Đàn việt suy nghĩ: “Chắc thầy Tỳ-kheo này đang cần bún” liền hỏi: “Thầy cần bún không?” Tỳ-kheo suy nghĩ: “Có lẽ người đàn việt này muốn lấy bún trong nhà họ cúng dường cho ta”, liền đáp: “Cần.” Khi ấy, đàn việt bèn xách cái dây đựng bún của Tỳ-kheo đưa cho thầy. Tỳ-kheo thấy mình bị chướng hững, liền nói: “Để đó, để đó”, nói xong, bèn đứng dậy rời khỏi chỗ, không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là tự kỷ túc.

Đứng dậy rời khỏi chỗ: Rời có tám vị thế: Đi, đứng, ngồi, nằm, giường dài, giường nhỏ, thuyền, xe.

Đứng: Tỳ-kheo đang đứng rồi có người đưa thức ăn đến thì phải đứng ăn cho no, nếu trong thời gian đó mà đi, ngồi hoặc nằm thì

đều gọi là rời khỏi chỗ cũ. Nếu không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đi, ngồi, nằm cũng như thế.

Giường dài: Nếu Tỳ-kheo đang ngồi trên giường dài rồi có người bưng cơm đến cho ăn, bỗng thấy Thượng tọa, Hòa thượng hoặc A-xà-lê đến thì không cần rời khỏi chỗ ngồi lánh đi mà chỉ cần nghiêng mình là được. Nếu khi đó chân giường gãy, thì xem như đã rời khỏi chỗ cũ, nếu như không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là ngồi trên giường dài.

Giường nhỏ: Nếu Tỳ-kheo đang ngồi một mình trên giường rồi có người đưa cơm tới ăn, bỗng nhớ sau lưng có tháp, có tăng, có Hòa thượng, A-xà-lê, thì không nên rời khỏi giường quay mình lại. Nếu bị trời mưa thì nên dùng dù lọng che lên trên. Nếu không có dù thì được khiêng cả giường dời vào chỗ che khuất, và khi đặt giường xuống đất thì được xem như đã dời khỏi chỗ cũ. Nếu không làm phép tàn thực mà ăn thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là ngồi trên giường nhỏ.

Thuyền: Nếu Tỳ-kheo đang ngồi ở trên thuyền có người đem cơm đến cho ăn, rồi thuyền đậu vào bờ, hoặc đụng nhằm cây đá, hoặc bị nước cuốn khiến thân Tỳ-kheo rời khỏi chỗ cũ, nếu Tỳ-kheo không làm phép tàn thực mà ăn thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là thuyền.

Xe: Nếu Tỳ-kheo đang ngồi trên xe có người đem cơm đến cho ăn, hoặc xe nghiêng bên trái, bên phải, hoặc lắc lư khiến Tỳ-kheo rời khỏi chỗ cũ, nếu Tỳ-kheo không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là xe.

Có năm trường hợp phi pháp không được xem là làm phép tàn thực. Năm trường hợp đó là: (1) Ly xứ; (2) Ly thực; (3) Ly cảnh giới; (4) Ly thân thủ; (5) Ly ngữ.

Ly xứ: Nếu Tỳ-kheo ăn trong khi đi mà khi đứng, khi ngồi, khi nằm làm phép tàn thực thì phép tàn thực này là phi pháp. Cũng thế đối với các trường hợp còn lại. Đó gọi là ly xứ.

Ly thực: Không có ai đưa thức ăn mà làm phép tàn thực, thì trường hợp này không gọi là phép tàn thực. Đó gọi là ly thực.

Ly cảnh giới: (355c) Thức ăn để dưới đất không ở trên tay mà làm phép tàn thực, thì phép tàn thực này phi pháp. Đó gọi là ly cảnh giới.

Ly thân thủ: Dang tay ra ngoài làm phép tàn thực mà không phải giở lòng bàn tay lên để làm thì không được gọi là làm phép tàn thực. Đó gọi là ly thân thủ.

Ly ngữ: Miệng không nói thế này: “Tất cả những thức ăn trong bát ở trên tay tôi nay tôi không cần, đây là thức ăn dư, tôi sẽ cho trưởng lão mổ giáp.” Đó gọi là ly ngữ.

Trên đây là năm trường hợp phi pháp làm phép tàn thực không thành phép tàn thực.

Lại có năm trường hợp được gọi là như pháp làm phép tàn thực. Năm trường hợp đó là: (1) Bất ly xứ (không rời khỏi chỗ); (2) Bất ly thực (không rời khỏi thức ăn); (3) Bất ly cảnh giới (không rời khỏi vị trí); (4) Bất ly thân thủ (không rời khỏi bàn tay mở vào trong); (5) Bất ly ngữ (không rời khỏi lời nói).

Bất ly xứ: Nếu muốn làm phép tàn thực cho ai thì Tỳ-kheo lúc đang đi mà có thức ăn liền làm phép tàn thực ngay khi đang đi. Đó là làm phép tàn thực đúng cách. Cũng vậy, khi đứng, khi ngồi, khi nằm cũng như thế. Đó gọi là bất ly xứ.

Bất ly thực: Khi nhận được thức ăn liền làm pháp tàn thực. Đó gọi là bất ly thực.

Bất ly cảnh giới: Cầm thức ăn trong tay làm phép tàn thực chứ không phải để dưới đất. Đó gọi là bất ly cảnh giới.

Bất ly thân thủ: Đưa tay vào trong làm phép tàn thực chứ không phải dang tay ra ngoài. Đó gọi là bất ly thân thủ.

Bất ly ngữ: Khi nhận được thức ăn liền nói: “Tất cả những thức ăn trong bát trên tay tôi, tôi không cần nữa, đó là thức ăn dư, giờ đây tôi cho Trưởng lão mổ giáp.” Đó gọi là bất ly ngữ.

Trên đây là năm cách làm phép tàn thực đúng pháp.

Nếu ai thành tựu năm điều phi pháp thì suốt đời không được làm phép tàn thực để ăn. Năm phép đó là: (1) Không am tường chỗ; (2) Không am tường ăn; (3) Không am tường vị trí; (4) Không am tường khi đưa tay ra; (5) Không am tường khi ngừng ăn.

Không am tường chỗ: Không biết khi đi ăn thì phải ăn cho no khi đi, khi đứng ăn thì phải ăn cho no khi đứng, khi ngồi ăn thì phải ăn cho no khi ngồi, khi nằm ăn thì phải ăn cho no khi nằm. Đó gọi là không am tường chỗ.

Không am tường ăn: Không biết rằng năm thức ăn chính và năm thức ăn tạp là những thức ăn no, ngoài ra các thức ăn khác không thể ăn no. Đó gọi là không am tường ăn.

Không am tường vị trí: Không biết rằng thức ăn để trên tay thì ăn no, để dưới đất thì không ăn no. Đó gọi là không am tường vị trí.

Không am tường khi đưa tay ra: Không biết rằng mở tay hướng vào trong là ăn no, dang tay ra ngoài là không ăn no. Đó gọi là không am tường khi đưa tay ra.

Không am tường khi ngừng ăn: Không biết rằng dừng lại là no, chưa dừng lại là chưa no. Đó gọi là không am tường khi ngừng ăn.

Nếu ai thành tựu năm điều phi pháp này thì suốt đời không cho phép làm phép tàn thực để ăn. Nếu ai thành tựu năm điều như pháp thì cho phép suốt đời được làm phép tàn thực để ăn.

Thế nào là năm điều như pháp? Đó là: (1) Am tường chỗ; (2) Am tường ăn; (3) Am tường vị trí; (4) Am tường mở tay ra; (5) Am tường dừng lại.

Am tường chỗ: Biết rằng lúc đi ăn thì phải ăn cho no trong khi đi; biết rằng lúc đứng ăn thì phải ăn cho no trong khi đứng, biết rằng lúc ngồi ăn thì phải ăn cho no trong khi ngồi, biết rằng lúc nằm ăn thì phải ăn cho no trong khi nằm. (356a) Đó gọi là am tường chỗ.

Am tường ăn: Biết rằng năm thức ăn chính và năm thức ăn tạp là loại thức ăn no, ngoài ra các thức ăn khác không thể ăn no. Đó gọi là am tường ăn.

Am tường vị trí: Biết rằng thức ăn để trên tay thì ăn no, thức ăn để dưới đất thì không ăn no. Đó gọi là am tường vị trí.

Am tường mở tay ra: Biết rằng mở tay vào trong là ăn no, mở tay ra ngoài là không ăn no. Đó gọi là am tường mở tay ra.

Am tường dừng lại: Biết rằng dừng lại là no, chưa dừng lại là chưa no. Đó gọi là am tường dừng lại.

Ai thành tựu năm pháp này thì cho phép suốt đời làm phép tàn thực để ăn.

Nếu Tỳ-kheo đem thức ăn đến định làm phép tàn thực thì nên làm phép tàn thực trong chén để trên bát. Chính thức ăn trong chén này mới là thức ăn được làm phép tàn thực, chứ không phải thức ăn trong bát. Nhưng nếu nước của thức ăn trong chén chảy vào bát thì cũng được gọi là đã làm phép tàn thực.

Nếu Tỳ-kheo A đem hai bát đến nhờ Tỳ-kheo B làm phép tàn thực, mà Tỳ-kheo B chỉ ăn thức ăn trong một bát thì thức ăn trong bát này được làm phép tàn thực. Nếu trên hai bát có các thứ bánh, rau để phủ lên trên cả hai, thì cả hai bát đều được xem là đã làm phép tàn thực. Ngoài ra, các vật đựng thức ăn khác cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo ăn no rồi đến nhà đàn việt, chủ nhà nói: “Thưa thầy, thầy ăn bánh không?”

Tỳ-kheo đáp: “Tôi đã ăn no rồi.” Người Ưu-bà-tắc này vốn hiểu luật, liền nói: “Nhà mổ giáp kia có Tỳ-kheo chưa ăn, nếu thấy cần, con sẽ đến đó làm phép tàn thực cho.”

Tỳ-kheo nếu thấy cần, nên đáp: “Có thể được.”

Đàn việt liền đem bát rửa sạch, đổ đầy các thức ăn ngon vào đấy, đưa lại Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cầm lấy, dùng miếng lụa phủ lên trên chớ để bụi bặm rơi vào, rồi trao lại tận tay tịnh nhân, nói: “Người mang đi làm phép tàn thực xong rồi mang về.”

Tịnh nhân liền mang thức ăn đến chỗ vị Tỳ-kheo kia, nói như sau: “Thưa tôn-giả, ở nhà con có một Tỳ-kheo ăn chưa no, xin tôn-giả làm phép tàn thực giúp cho con.”

Vị Tỳ-kheo ấy nên rửa tay sạch, nhận thức ăn này, nói với tịnh nhân: “Ông lại đứng gần ta, đưa tay ra.”

Rồi Tỳ-kheo ăn một miếng trong bát ấy, đoạn nói như sau: “Tất cả thức ăn trong bát ở trên tay tôi, tôi đều không cần, tôi làm phép tàn thực cho ông.”

Thế rồi, tịnh nhân nhận lấy bát đem về trao lại cho Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo được phép ăn. Nếu Tỳ-kheo này ăn no mà còn thừa thức ăn thì Tỳ-kheo nào cần đều có thể ăn được.

Hỏi: “Nếu tại những xứ có ít Tỳ-kheo, và khi Tỳ-kheo ăn xong, có đàn việt mang các thức ăn đến, gặp lúc Tỳ-kheo đã đứng dậy giải tán, thì phải làm sao?”

Đáp: “Nếu tại nơi đó có các vị tri sự như tri nguyệt, Duy na chưa ăn thì nên đến nhờ họ làm phép tàn thực. Nếu họ đã ăn no rồi mà Thượng tọa chưa ăn, thì nên đến nhờ Thượng tọa làm phép tàn thực. Nếu Thượng tọa then không chịu làm giữa nhiều người (356b) thì nên bưng cả cái ghế Thượng tọa ngồi đến một chỗ vắng để Thượng tọa làm phép tàn thực.

Nếu Thượng tọa cũng ăn no rồi mà có khách Tỳ-kheo tới thì nên hỏi: “Hôm nay tỳ tứ trưởng lão đã ăn no chưa?”

Nếu Tỳ-kheo khách nói: “Tôi không an cư mùa hạ thì làm sao tứ thú được”, thì biết người này không hiểu giới luật, liền hỏi tiếp: “Vậy thầy đã ăn chưa?”

Nếu nói: “Đã ăn rồi.”

Lại hỏi nữa: “Đàn việt đem cúng dường phải không?”

Nếu ông ta nói: “Trưởng lão, ai mà đem đến cúng dường? Ăn rau uống nước mà còn không đủ hưởng gì những thức ăn khác?”, thì phải biết vị này chưa ăn no nên nhờ thầy làm phép tàn thực.

Nếu thầy ấy nói: “Nhà đàn việt của tôi đã cúng thức ăn rồi”, thì biết rằng thầy đã no, Tăng nên tạo phương tiện (linh động), không nên phá thiện tâm của đàn việt. Nếu bấy giờ trong chúng có sa-di đã lớn thì đưa ông vào giới trường cho ông thọ giới cụ túc, dạy ông cách thức làm phép tàn thực, xong rồi mình mới được ăn.

Nếu Tỳ-kheo ăn năm loại tạp thực mà làm phép tàn thực ở năm loại thức ăn chính thì không đúng cách. Nhưng nếu ăn chưa no mà ăn lại thì không có tội. Nhưng nếu ăn đã no, rời khỏi chỗ ngồi mà ăn lại, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo ăn năm loại thức ăn chính mà làm phép tàn thực ở năm loại thức ăn tạp thì không đúng cách. Nhưng nếu chưa no mà ăn nữa thì không có tội. Trái lại, nếu ăn đã no, rời khỏi chỗ ngồi mà ăn lại, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo rời năm thức ăn chính, rời năm thức ăn tạp, làm phép tàn thực là không đúng cách. Nhưng nếu ăn chưa no mà ăn thêm thì không có tội. Trái lại, nếu ăn đã no, rời khỏi chỗ ngồi mà ăn lại thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo ăn năm thức ăn chính, năm thức ăn tạp mà làm phép tàn thực ngay nơi đó, thì đó là làm phép tàn thực đúng pháp. Nếu ăn chưa no mà ăn thêm thì không có tội. Trái lại, nếu ăn đã no, rời khỏi chỗ ngồi mà ăn lại thì phạm tội.

Trong các trường hợp trên đây trường hợp nào phạm, trường hợp nào không phạm?

Nếu các loại cháo vừa múc ra khỏi nồi viết chữ lên mà không thành chữ (tức cháo lỏng), tất cả trái, tất cả rau, không phải thức ăn cấm ăn biệt chúng, không phải thức ăn cấm ăn nhiều lần, không phải thức ăn có thể ăn no mà cất chứa nhiều trong nhà thì không phạm. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 33 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



34. KHUYÊN NGƯỜI ĂN RỒI ĂN NỮA

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn-giả A-nan có hai đệ tử tùy tùng, một người tên là Mãn Trà, một người tên là A-tì-kì cùng với hai người đệ tử tùy tùng của Mục-liên, một người tên là A-xà-đô, một người tên là Xá-xá-đô, họ thường tranh nhau xem ai đa văn hơn, ai biện tài hơn. Khi ấy, một người đệ tử tùy tùng của A-nan có biện tài và lợi căn hơn khiến người đệ tử Mục-liên tranh luận không lại. Do đó, ông thường theo sát người kia trong những lúc đi, đứng, nằm, ngồi để tìm chỗ sơ hở. Thế rồi, hai người cùng được một nhà kia mời thọ trai. (356c) Khi đó, người đệ tử Mục-liên được bánh, bèn ăn một nửa, cầm một nửa ra ngoài nói với đệ tử của A-nan như sau:

Trưởng lão, thầy có muốn ăn bánh không?

Ông được bánh ở đâu vậy?

Tôi được bánh ở chỗ vừa thọ trai kia nên cầm đến đây.

Thầy ấy liền cầm lấy bánh ăn. Khi ăn xong thầy kia liền nói như sau:

Trưởng lão, ông phạm tội rồi.

Phạm tội gì?

Đức Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo ăn no, rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn lại.

Vì sao ông biết tôi không làm phép tàn thực mà cố ý khuyên tôi ăn?

Trước đây trong khi tranh luận, vì sao ông dùng biện tài chiết phục làm nhục tôi?

Do thế, hai người tranh cãi nhau, rồi cùng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên, đem nhân duyên trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền nói với hai Tỳ-kheo: “Ý các ông nghĩ sao? Ta vì Thanh văn nói chín bộ kinh: Tu-đa-la, Kì-dạ, Thọ-kí, Già-đà, Ưu-đà-na, Như-thị-ngũ, Bản-sanh, Phương-quảng, và Vị-tăng-hữu cho các Thanh văn nghe, để rồi họ xúi đệ tử nghị luận tranh chấp thắng bại phải không?”

Thưa không phải vậy, bạch Thế Tôn.

Nếu không phải vậy, thì Ta thuyết chín bộ Kinh này cho các Thanh văn để họ nghe xong rồi theo đó tu hành phải không?

Dạ đúng như vậy, bạch Thế Tôn.

Thế rồi hai Tỳ-kheo hướng vào nhau sám hối trước sự chứng kiến của Thế Tôn. Phật liền dạy: “Không được ý mình thông Kinh điển mà khinh người khác. Ta cũng không cho phép kẻ nào biết người khác đã ăn no, không làm phép tàn thực mà xúi giục ăn nữa.”

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết người kia đã ăn no, rời khỏi chỗ, không làm phép tàn thực, mà vì muốn nã loạn, khuyên họ ăn nữa, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

(Một số từ ngữ đã được giải thích ở trên).

Não loạn: Xúc não nhiều loạn người đang ở trước mình muốn cho họ không vui.

Không làm phép tàn thực: Nếu thành tựu năm điều phi pháp thì không được gọi là làm phép tàn thực. Nếu thành tựu năm điều như pháp thì mới được gọi là làm phép tàn thực. Nếu người ta gắng gượng khuyên mình ăn mà mình ăn, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã giải thích.

Nếu Tỳ-kheo thành tựu năm điều phi pháp thì suốt đời không được làm phép tàn thực để ăn. Nếu thành tựu năm điều như pháp thì cho phép suốt đời làm phép tàn thực để ăn. Còn các việc khác đã nói rộng như trên.

Nếu như người kia đã ăn no mà tưởng họ chưa no khuyên họ ăn, thì phạm tội (357a) Việt-tỳ-ni.

Nếu họ ăn chưa no mà tưởng đã no, khuyên họ ăn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu họ ăn đã no, tưởng họ ăn đã no mà còn khuyên họ ăn nữa, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu họ ăn chưa no, ta tưởng họ ăn chưa no nên khuyên họ ăn, thì không có tội.

Ở đây, (nếu ăn) các thứ: Cháo mới múc từ trong nồi ra viết không thành chữ, trái cây, rau... thì không phạm. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 34 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

35. ĂN THỨC ĂN KHÔNG ĐƯỢC MỜI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ tôn-giả A-na-luật dùng tất cả các thứ đều bằng phần tảo: Bát phần tảo; y phần tảo; thức ăn phần tảo và giày dép phần tảo.

Bát phần tảo: Những cái bát của Tỳ-kheo bị vỡ được vá năm lần rồi đem vớt, A-na-luật nhặt về vá lại rồi dùng. Đó gọi là bát phần tảo.

Y phần tảo: Những cái áo cũ rách người ta vớt trong thôn xóm, A-na-luật lượm về giặt sạch rồi dùng. Đó gọi là y phần tảo.

Thức ăn phần tảo: Những thức ăn người ta đem cúng các tự miếu của quỷ thần, trưởng lão đem về ăn. Đó gọi là thức ăn phần tảo.

Giày dép phần tảo: Những giày dép của các Tỳ-kheo dùng hư rách đem vớt bỏ, Trưởng lão nhặt về, sửa chữa lại rồi mang. Đó gọi là giày dép phần tảo.

Khi đến giờ khát thực, trưởng lão khoác y, cầm bát vào thành khát thực, nhưng lúc vừa vào liền thấy một phụ nữ mang một giỏ cơm, cầm phân bò khô và các phẩm vật tế lễ đi ra. Tôn-giả thấy thế, liền suy nghĩ: “Nếu ta được những thức ăn trong đó ta sẽ rất vui, nhưng bây giờ ta phải đi khát thực trước đã.” Thế rồi, thầy đi từ xóm này sang xóm khác, khắp mọi chỗ mà chẳng có gì cả, bèn đến bên một hồ nước, thì thấy phụ nữ trước kia đang quét tước trước miếu, trải cỏ sạch, rồi đặt những phẩm vật xuống đó cúng tế. Khi cúng xong, bà bèn vốc cơm rải ra bốn phía, nói như sau: “Những con quạ ngoan hãy đến ăn. Những con quạ ngoan hãy đến ăn.”

Lúc ấy tôn-giả đang đứng dưới một gốc cây, do thần lực của tôn-giả nên những con quạ không dám bay đến ăn. Người phụ nữ trông thấy tôn-giả liền nói: “Ông giống như con quạ mù, luôn lèo đèo theo người ta.”

Bà ta mắng rồi liền đi về nhà, lúc ấy tôn-giả bèn nhặt các thực phẩm tế lễ, rồi cũng trở về Tinh xá. Các Tỳ-kheo trông thấy thầy,

liền bàn với nhau: “Tôn-giả này xin thức ăn cực khổ, rất khó được.”
Thế rồi họ hỏi thầy:

Tôn-giả có xin được thức ăn không?

Có, nhưng thức ăn ấy vương nhiều tội lỗi chẳng thú vị chút nào!

Có những tội lỗi gì vậy?

Như vậy, như vậy đó.

Các Tỳ-kheo nghe thế liền đến hỏi Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn! Người đàn bà mắng chửi kia phạm bao nhiêu tội?

Phạm nhiều tội.

Nhiều là bao nhiêu?

Người phụ nữ ấy trong năm trăm đời sẽ mang thân con quạ mù, và trong tất cả các kiếp tái sinh ấy đều chết vì đói.

Thế rồi, Phật bảo gọi A-na-luật đến. Khi thầy đến rồi, (357b) Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật chẳng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Tuy ông muốn ít việc (nhưng vẫn gặp rắc rối). Từ hôm nay ta không cho phép các Tỳ-kheo tự tay cầm lấy những vật mà người khác không đưa cho.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, ngài chế giới cho các Tỳ-kheo không được tự tay cầm lấy vật mà người ta không cho. Do thế, các Tỳ-kheo đều nhận nước và tắm rửa răng từ tay người khác đưa. Những ai có tịnh nhân (giúp đỡ) có được tắm và nước còn những người không có tịnh nhân thì không có. Lúc ấy, Thế Tôn thuyết pháp cho đại chúng, có Tỳ-kheo tự nghe miệng mình hỏi hám, sợ mùi uế khí ảnh hưởng đến các vị đồng phạm hạnh, nên ngồi sau tất cả mọi người. Phật biết mà vẫn hỏi: “Tỳ-kheo ấy tại sao ngồi tại chỗ đó giống như người đang giận dữ vậy?”

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới vật người ta không trao thì không được lấy, cho nên các Tỳ-kheo đều nhận nước và tắm rửa răng từ người khác. Những ai có tịnh nhân thì có được, còn những người không có tịnh nhân thì rất vất vả, không thể có được; do đó miệng bay mùi hôi, sợ ảnh hưởng đến các bạn đồng phạm hạnh, cho nên phải ngồi sau cùng.”

Phật nói: “Từ nay ta cho phép các Tỳ-kheo được lấy nước và tắm rửa răng để dùng, dù không ai cho.”

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho ác Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo lấy vật người ta không cho bỏ vào miệng, trừ nước và tắm rửa răng, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Không cho: Người khác không cho, không nhận từ người ở trước mình.

Thức ăn bỏ vào trong miệng: Ngoại trừ nước và tắm rửa răng.

Nước: Gồm có mười loại như trước đã nói. Nếu (người ta đưa) nước đục mình vẫn phải nhận. Nếu tính chất của nước là màu vàng thì uống không có tội (?).

Tắm rửa răng gồm có hai loại: Loại dẹp và loại tròn. Nếu trong miệng Tỳ-kheo bị khí nóng làm cho lở loét, rồi thấy thuốc bảo: “Nên nhấm cây xỉa răng”, thì có thể dùng; Và khi yết hầu tiết nước ra thì nên nuốt vào, vì Thế Tôn dạy dùng nước và tắm rửa răng không có tội.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Ngoài ra còn có các trường hợp: (1) Trên thức ăn; (2) Trên cây; (3) Trong giếng; (4) Trên nhà; (5) Nhà bếp; (6) Nhận trong cái đồ đựng mà không phải đồ đựng; (7) Nhận ở trên giường; (8) Thuyền; (9) Xe; (10) Tâm niệm nhận; (11) Đường đi.

Trên thức ăn: Nếu khi ăn đem đặt giường, ghế dài, nệm lên trên bó mía, củ cải, hoặc trên bao đựng đậu, thì Tỳ-kheo lúc ngồi lên đó không nên động thân, cũng không nên hỏi, nếu động thân hay hỏi: “Đây là vật gì?” Đó gọi là bất tịnh (Phạm lỗi). Nếu khi Tỳ-kheo đang ăn mà bị gió thổi làm bay bụi vào bát nhưng không làm bắn cơm và rau thì vẫn cứ ăn. Trái lại, nếu tất cả rau và cơm đều bắn thì nên nhận thức ăn khác. Nếu khi Tỳ-kheo đang ăn mà có bò, lạc đà đi ngang qua (357c) làm tung bụi lên mà không vấy bắn đồ ăn, thì vẫn cứ ăn. Hoặc giả chỉ làm bắn rau thì vẫn cứ ăn. Nếu bụi làm bắn cả rau và cơm thì tất cả đều phải đổi thứ khác. Nếu súc sinh rùng mình bụi bay đến (làm bắn thức ăn) mà mình tác ý nhận lấy thì được gọi là đã nhận. Nếu có các loài chim làm bay bụi đến cũng như thế. Nếu khi Tỳ-kheo đang ăn, rồi người nữ đi qua quẹt lai quần xuống đất làm bay bụi vào thức ăn, thì cũng như thế. Nếu có tịnh nhân mang cỏ, lá đi qua, Tỳ-kheo nên nói với họ: “Để xuống đó.” Hoặc họ mang muối, trái, rau đi qua nên bảo họ: “Để xuống đó.” Nếu tịnh nhân cầm trái cây đi làm rơi trên cỏ rồi họ đi luôn thì không gọi là (Tỳ-kheo) đã nhận; nhưng nếu họ dừng lại một tí, thì được gọi là đã nhận. Nếu trái cây còn cứng thì được phép lấy rửa sạch mà ăn. Nếu trái cây đã hư thối thì không nên lấy.

Nếu tịnh nhân đem lương khô ra đập giũ khiến bụi lương khô bay vào trong bát mà Tỳ-kheo tác ý thọ nhận, tức là đã nhận. Nếu không tác ý thì nên nhận cái khác. Nếu tịnh nhân lấy cái chén để đựng bún, rồi cái chén rơi vào trong bát mà ngay lập tức Tỳ-kheo dùng tay lấy ra, thì cái chén kia vẫn được xem là sạch. Nếu dừng lại trong chốc lát thì cái chén ấy được coi là không sạch. Nếu đó là chén bằng đồng thì nên đem rửa sạch mà dùng. Nếu đó là cái chén bằng gỗ bị cáu bắn dính vào thì nên vứt đi. Nếu cáu bắn không dính, thì nên đem gọt đi rồi dùng. Nếu khi tịnh nhân dọn

cơm làm văng cơm vào trong bát mình mà Tỳ-kheo tác ý nhận thì gọi là đã nhận.

Nếu không tác ý nhận thì nên nhận cái khác. Nếu họ bung tô, lạc, sữa rau tương... thì cũng như vậy.

Nếu vào các dịp: Năm năm mở đại hội một lần, ngày Phật đản sanh, ngày Phật thành đạo, ngày chuyển pháp luân, ngày A-nan mở đại hội, ngày La-hầu-la mở đại hội mà không có tịnh nhân giúp đỡ thì Tỳ-kheo nên đến chỗ rổ rau để lấy rau hoặc lấy muối, bún, cơm cũng như thế. Nếu tịnh nhân đưa thức ăn mà họ giở lên không khỏi đất thì cũng được xem là Tỳ-kheo đã nhận, nhưng như thế là trái oai nghi. Khi ấy Tỳ-kheo nên nói với tịnh nhân: “Người dỡ lên khỏi đất mà trao cho ta.” Nếu tịnh nhân còn nhỏ không giở nổi thì nên nói: “Người đưa dần dần cho ta.” Khi nhận canh, bánh, thức ăn uống cũng như thế. Nếu khi nhận bình sữa mà dây buộc vướng dưới đất thì nên nói: “Người mang luôn cả cái dây.” Nếu tịnh nhân còn bé bung lên không nổi, thì nên bảo họ múc sữa đưa cho mình từ từ. Tất cả các vật khác cũng thế. Nếu đường đang nấu nóng không cầm được, thì nên dùng hai miếng gỗ kẹp ngang đặt trên đất, rồi Tỳ-kheo dùng chân đạp lên trên và nói: “Nhận, nhận.” Đó gọi là trên thức ăn.

Trên cây: Khi thấy tịnh nhân đang ăn trái cây trên cây, Tỳ-kheo nói: “Đưa trái cây cho ta.” Tịnh nhân liền rung cây, trái rơi vào trong đồ đựng của Tỳ-kheo, thì được gọi là nhận; nhưng làm như vậy là trái oai nghi. Nếu tịnh nhân dùng chân, dùng tay, dùng miệng thả trái cây xuống, rồi trái cây chạm vào cành lá, Tỳ-kheo (358a) nên nói: “Lấy lấy” đó gọi là đã lấy. Hoặc họ dùng dây buộc thả xuống, hoặc dùng chân, tay thả xuống khiến nó chạm vào cành lá, thì Tỳ-kheo cũng nên nói: “Lấy lấy.” Đó gọi là lấy. Nếu tịnh nhân ăn bánh, đậu mà Tỳ-kheo muốn ăn, liền hỏi: “Cho tôi bánh, đậu.” Nhưng tịnh nhân không muốn đưa, Tỳ-kheo liền gỡ tay tịnh nhân ra, giựt bỏ vào trong túi áo của mình, nói: “Lấy lấy”, thì được gọi là lấy, nhưng trái oai nghi.

Khi khi đang ăn quả trên cây, Tỳ-kheo muốn ăn bèn nói với khi: “Cho ta trái cây.” Khi liến rung cây cho trái rớt xuống, rồi Tỳ-kheo dùng giỏ hứng lấy, trái cây liến rơi vào trong giỏ, thì được xem là đã lấy. Nhưng làm như vậy là trái oai nghi. Hoặc nó dùng tay, chân hay miệng thả trái xuống, khi trái chạm vào cành lá, Tỳ-kheo cũng nên nói: “Lấy lấy.” Đó gọi là lấy. Tóm lại, đó gọi là trên cây.

Trong giếng: Nếu Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã, khi giếng bị ngập nước mà không có tịnh nhân giúp đỡ, thì Tỳ-kheo phải tự mình múc nước ra. Rồi lúc ấy một Tỳ-kheo khác nói: “Đến giờ rồi, nên lên ăn đã.” Tỳ-kheo ở trong giếng nói: “Nếu tôi lên thì nước sẽ đầy lại. Tôi muốn ăn ngay trong đây, hãy đưa thức ăn xuống.” Khi ấy tịnh nhân nên dùng bát đựng đầy thức ăn, rồi lấy dây buộc để thả xuống, và Tỳ-kheo ở dưới giếng nên nói với tịnh nhân: “Năm dây thả xuống.” Nếu ở hông giếng có cỏ cây sống thì nên bảo phải tránh chúng. Khi đưa thức ăn xuống tới đáy giếng, thì Tỳ-kheo nên một tay cầm dây, một tay cầm lấy bát thức ăn, nói như sau: “Lấy lấy.” Đó gọi là lấy. Nếu nước dưới giếng trong thì có thể lấy uống, nếu nước đục thì bảo tịnh nhân lấy cái bình đựng nước sạch buộc dây thả xuống, như trên đã nói. Đó gọi là trong giếng.

Trên nhà: Nếu Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã, không có tịnh nhân nên Tỳ-kheo phải tự lợp nhà, rồi đến giờ ăn, một Tỳ-kheo khác gọi: “Đã đến giờ, xuống ăn cơm đã.”

Tỳ-kheo đang lợp nhà nói: “Lên xuống khó khăn lại bỏ giờ công việc, tôi muốn ăn trên này, hãy đưa đồ ăn lên.” Rồi bảo tịnh nhân: “Đem thức ăn bỏ vào trong bát rồi đưa lên.”

Đồng thời Tỳ-kheo hạ cây móc dài xuống bảo tịnh nhân máng vào móc đó rồi kéo lên, nói thế này: “Nhận nhận.” Đó gọi là nhận. Khi thả dây xuống cũng thế. Đó gọi là trên nhà.

Nhà bếp: Nếu làm chùa mới không nên làm nhà bếp tại chái nhà phía Đông và phía Bắc mà nên làm tại chái nhà phía Nam và phía Tây, và nên khai thông hướng gió, khai thông đường nước quét rửa

cho nước chảy đi, trong nhà bếp dùng nấu thức ăn. Khi tử đựng thức ăn bần mà tịnh nhân còn nhỏ, thì Tỳ-kheo tự rửa lấy cho sạch. Khi đổ nước vào trong nồi đồng xong nên bảo tịnh nhân: “Người đem vo gạo đi.” Nếu tịnh nhân còn bé không thể (358b) làm được, thì nên cầm tay nó dạy cách rửa đồ đạc, vo gạo và nấu cơm. Nếu đồ đựng thức ăn chưa đầy thì nên chỉ y đầy lại. Nếu không có tịnh nhân mà lúc đó có chiếu sạch, khăn sạch hay tấm ván sạch, thì Tỳ-kheo tự động lấy đặt lên trên. Khi phơi lúa nếu Tỳ-kheo giẫm chân lên lúa thì nên bảo tịnh nhân khóa dấu chân đi. Nếu bị sư tử hổ lang rượt, hoặc phụ nữ có lòng dục truy đuổi Tỳ-kheo, thì lúc bỏ chạy dù giẫm chân lên lúa vẫn không có tội. Nếu dồn lúa thành đống gặp lúc trời mưa thì nên bảo tịnh nhân che lại. Nếu không có tịnh nhân mà có chiếu sạch thì Tỳ-kheo nên lấy che lên trên rồi dùng gạch đá sạch đàng lên. Nếu làm chùa mới, mà trong nhà bếp có các thứ như: dầu ăn, dầu dùng trong bảy ngày, hoặc bình đựng bột, bình đường cát, hũ muối, hũ đựng bột cỏ, hũ đường phèn, hũ đựng tro, bó mía, bó tre, bó nem, bó vỏ cây dùng để nhuộm, rồi Tỳ-kheo bảo một Tỳ-kheo thị giả: “Người lấy bình dầu dùng bảy ngày đến đây”, nhưng Tỳ-kheo thị giả cầm nhầm bình dầu ăn đến, tuy lúc ấy Tỳ-kheo từ xa trông thấy biết đó là dầu ăn vẫn không được kêu lên, vì e người kia hoảng sợ làm vỡ bình dầu. Đợi người ấy đến rồi mới hỏi:

Trưởng lão, dầu gì đó vậy?

Dầu dùng bảy ngày.

Thầy liền bảo: “Hãy để xuống đó”, mà không được gọi tên dầu, rồi để đó mà dùng trong bảy ngày. Hoặc bảo: “Trưởng lão thầy lấy dầu ăn đến.” Tỳ-kheo ấy liền lấy nhầm dầu ăn bảy ngày đến, thì không được nói tên mà đợi họ mang đến nơi rồi mới hỏi: “Trưởng lão, dầu gì đó vậy?”

Nếu người ấy đáp: “Dầu ăn” thì nên bảo: “Hãy để xuống đó.” Do thế gọi là dầu trong bảy ngày.

Cũng thế, nếu bảo lấy hũ đường cát mà cầm nhầm bình bột, bảo lấy hũ bột cỏ mà cầm nhầm hũ muối, bảo lấy hũ đựng tro mà cầm nhầm hũ đường phèn, bảo lấy bó tre mà cầm nhầm bó mía, bảo lấy bó vỏ cây dùng để nhuộm mà cầm nhầm bó nem đến thì đều như trên đã nói rõ.

Nếu Tỳ-kheo này bảo Tỳ-kheo khác: “Trường lão, thầy hãy tới chỗ kia xem kỹ bình nào là bình tro thì đem lại đây.” Tỳ-kheo ấy đến đó thò tay vào sờ trong bình đựng nhằm bún liền cầm lên xem, thì cái bình này vẫn còn sạch. Nếu thấy cầm bún bỏ lại vào trong bình, thì gọi đó là không sạch. Đối với các bình bột cỏ, bình tro đều cũng như thế.

Nếu bảo: “Ông xem kỹ loại nào tre thì mang đến”, rồi Tỳ-kheo ấy đến đó rút cây mía lên xem, thì vật đó vẫn gọi là sạch. Nếu thấy đút cây mía trở vào trong bó thì cả bó mía đều không sạch. Cũng như vậy đối với bó nem.

Nếu nhà bếp bị đột rồi Tỳ-kheo bảo tịnh nhân đem tất cả đồ đạc trong nhà bếp ra ngoài, lấp hang chuột lại, quét đất, dùng đá lớn đặt lên trên, xây chân tường bằng gạch, loại lớn để ở dưới loại nhỏ đặt lên trên. Khi ấy Tỳ-kheo được đứng ở giữa nhà chỉ bảo tịnh nhân sắp đặt (358c) các thứ sữa, tô, lạc, dầu, mật, đường phèn, muối nhưng không được xem chúng.

Khi nhà bếp bị hư hỏng mà không sửa chữa thì theo pháp luật xử thầy tri sự. Đó gọi là nhà bếp.

Nhận trong cái đồ đựng mà không phải đồ đựng: Tất cả các loại lá, nếu cuốn lại thì gọi là đồ đựng, nếu nó trọt ra thì không phải là đồ đựng. Nếu cái mâm có vành, ở trong sâu, đựng thóc lúa được, thì gọi là đồ đựng. Nếu giường ngồi, giường nằm có loại dây đan dày thì được xem là đồ đựng, nếu đan thưa thì không gọi là đồ đựng. Thuyền ở trên bờ gọi là đồ đựng, mà ở dưới nước thì không phải là đồ đựng. Khi xe không có bò kéo thì gọi là đồ đựng, mà khi có bò kéo thì không phải là đồ đựng.

Nếu khi Tỳ-kheo đi khát thực, rồi người chủ nhà, chủ quán dùng cái đấu (chén) múc bún đưa cho Tỳ-kheo, mà cái đấu đó được buộc lại một chùm thành năm thăng, bốn thăng, ba thăng, hai thăng, hay một thăng, thì khi đó, Tỳ-kheo nên bảo thí chủ mở hết ra, lấy cái đấu có đồ ăn đưa cho mình. Nếu buộc chặt không mở được, thì Tỳ-kheo nên bảo họ dùng cái lá bỏ thức ăn lên đó đưa cho mình. Đó gọi là nhận trong cái đồ đựng mà không phải đồ đựng.

Nhận ở trên giường: Nếu Tỳ-kheo đang ngồi Thiền hoặc ngủ trên giường, rồi tịnh nhân đem thức ăn đến để gần tâm tay, mà Tỳ-kheo hay biết tức là nhận. Nếu không hay biết, thì khi tỉnh ra mà muốn ăn phải nhận lại từ tịnh nhân. Nếu không muốn ăn thì tự tay trao lại cho tịnh nhân. Trong trường hợp treo bên cạnh giường thì cũng giống trường hợp để trên giường. Nếu ở trên sàn, trên gác có thức ăn mà Tỳ-kheo để y bát, rồi khi lấy y bát làm lay động đến thức ăn, thì tất cả thức ăn đó trở thành bất tịnh (không hợp lệ). Nhưng nếu sàn gác chắc chắn không lay động, thì không có tội. Nếu trên giá y có để bình sữa, bình dầu mà khi Tỳ-kheo lấy y, làm lay động cũng như vậy. Đó gọi là nhận vật ở trên giường.

Thuyền: Nếu thuyền chở mười bảy loại mẽ cốc mà trên mẽ cốc có trải tấm sáo hoặc trải chiếu lên trên, thì Tỳ-kheo được ngồi trên đó, nhưng không nên gọi tên giống mẽ cốc; nếu gọi tên thì được coi là bất tịnh (bất hợp pháp). Nếu bỗng nhiên gió thổi khiến thuyền trôi xuôi dòng, hoặc bị sóng xô khiến thuyền giạt lên bờ, thì tất cả (các thứ mẽ cốc) đều bất tịnh. Nhưng nếu dây buộc thuyền, và mái chèo chưa rời khỏi nước thì cũng gọi là tịnh. Đó gọi là thuyền.

Xe: Nếu trên xe lớn chở mười bảy giống mẽ cốc, trên mẽ cốc trải tấm sáo tre và chiếu, rồi Tỳ-kheo ngồi lên trên thì không được gọi tên mẽ cốc, nếu gọi thì thành bất tịnh. Nếu trên xe nhỏ có các tịnh vật và y bát mà khi Tỳ-kheo lấy y bát làm lay động tịnh vật, thì tất cả tịnh vật đều trở thành bất tịnh. Lúc ấy Tỳ-kheo nên bảo tịnh nhân lấy y bát đưa cho mình. Không được dùng bò tác tịnh (?). Khi lên xe, Tỳ-kheo nên bảo tịnh nhân lên trước, mình lên

sau; lúc xuống xe, Tỳ-kheo phải xuống trước, tịnh nhân xuống sau. Nếu khi xuống dốc, xe lắc lư khiến rơi xuống đất hoặc rời khỏi bò, thì tất cả (mẽ cốc) đều thành bất tịnh (359a). Nếu khi xuống dốc, xe lật rời khỏi bò, mà dây buộc đuôi bò chưa rời khỏi xe, thì tất cả đều là tịnh. Đó gọi là xe.

Tâm niệm nhận: Có nước Đãng-Cù vốn là nơi biên địa, dân chúng có tà kiến, nên ghét Tỳ-kheo không cho thức ăn. Lúc ấy, các Tỳ-kheo nên làm đàn tràng vẽ thành một khu vực, nếu thấy lá vàng rơi vào bát (?), thì từ xa nói: “Nhận nhận.” Khi lá bắt đầu rơi thì hay biết, nhưng khi rớt vào trong bát thì không hay biết, như thế được gọi là đã nhận; nhưng trái oai nghi. Khi rơi vào trong bát thì biết nhưng khi bắt đầu rơi thì không biết, cũng gọi là nhận; nhưng trái oai nghi. Khi bắt đầu rơi và khi rớt vào trong bát đều hay biết, đó gọi là khéo nhận.

Nếu Tỳ-kheo đi khát thực, bỗng chim quạ làm rơi cục thịt vào trong bát của Tỳ-kheo, khi bắt đầu rơi đã biết chứ không phải khi rơi vào trong bát mới biết, đó gọi là nhận; nhưng trái oai nghi. Khi rớt vào trong bát mới biết chứ không phải lúc bắt đầu rơi đã biết, đó cũng gọi là nhận; nhưng trái oai nghi. Khi bắt đầu rơi liền biết, khi rớt vào trong bát cũng biết, đó gọi là khéo nhận. Tóm lại, trên đây gọi là tâm niệm nhận.

Đường đi: Nếu Tỳ-kheo muốn cùng đi chung với thương nhân, nên nói với họ: “Cho tôi mượn người giúp đỡ.” Rồi thương nhân đáp: “Được thôi.” Nhưng lúc lên đường, họ lại nói: “Tôi không có người giúp đỡ mà chỉ có bò, nếu tôn-giả cần thì hãy lấy dùng.” Khi ấy, nên sai tịnh nhân lấy cái túi xách lớn, đóng lương thực đủ số ngày đi, rồi đổ vào túi xách, xong xuôi lấy dây buộc vào trên con bò, và đến bữa ăn thì nên sai tịnh nhân đi lấy. Nếu không có tịnh nhân, thì một người gỡ dây, một người lấy túi xách, đồng thời miệng nói: “Lấy lấy.” Đó gọi là lấy.

Khi chưa tới nơi mà lương thực hết ở dọc đường, thì nên lấy cái túi xách ra giặt sạch, rồi xin lương thực khác bỏ vào túi, buộc kỹ lại như trước.

Lúc đi đường, phải tùy thời cho bò ăn, cột ở chỗ mát mẻ, chớ để nó cực nhọc. Khi tới nơi, phải trả bò lại cho chủ cũ.

Nếu Tỳ-kheo đi trên đường, ngang qua đám mía, thì nên đến người giữ mía hỏi xin như sau: “Lão trượng, cho tôi một ít mía.”

Tôn-giả cứ tự ý lấy.

Lão trượng, tôi không được phép tự lấy.

Nếu thấy muốn ăn thì tự ý lấy, nếu không muốn ăn thì hãy đi đi.

Lúc ấy, Tỳ-kheo liền lấy dây cột vào những cây mía tốt rồi buộc vào đầu bò, nói như sau: “Hãy biết đó là mía của chúng sinh.” Nếu bấy giờ bên cạnh đám mía đang có đồng lửa thì thấy nên lừa bò đi qua đồng lửa để cho mía được tác tịnh, nhưng không làm cho bò bị cháy. Thế rồi, một người vác mía đặt lên đầu bò, một người mở dây buộc, nói như sau: “Lấy lấy.” Đó gọi là lấy. Trong trường hợp củ cải cũng như thế.

Nếu bò ăn củ cải, Tỳ-kheo liền nắm đầu bò giựt lại, nói: “Lấy lấy”, thì được gọi là lấy; nhưng trái oai nghi.

Khi Tỳ-kheo đi đường, tịnh nhân đứng bên đường lấy dây bỏ bún vào (359b) nhưng dây của dây chưa rời khỏi đất, cũng gọi là đã nhận; nhưng như thế là trái oai nghi, cần phải bảo họ cuốn dây gọn lại rồi trao dây cho mình. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 35 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

Hết quyển thứ mười sáu

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 17

BA-DẠ-ĐỀ (tiếp theo)

36. ĂN PHI THỜI

37. ĐỂ DÀNH THỨC ĂN MÀ ĂN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Phật nói với các Tỳ-kheo: “Như Lai nhờ ăn mỗi ngày một bữa mà thân thể nhẹ nhàng, được sống an lạc. Các ông cũng nên ăn mỗi ngày một bữa. Vì ăn mỗi ngày một bữa thì thân thể nhẹ nhàng, được sống an lạc.” Khi ấy tôn-giả Bạt-đà-lợi bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không kham nổi ăn mỗi ngày một bữa. Vì có sao? Vì con ăn cả buổi sáng, buổi chiều mới được an lạc.” Phật liền nói với Bạt-đà-lợi: “Nếu ông không thể ăn mỗi ngày một bữa, thì buổi sáng sớm hãy cầm hai bát vào thôn khát thực, rồi một bát dùng buổi mai, một bát dùng buổi trưa. Thế là ăn hai bữa.” Thế Tôn dạy đến lần thứ hai, thứ ba như vậy mà Bạt-đà-lợi vẫn khẳng khái nói là mình không kham nổi. Lúc ấy các đệ tử đều vâng lời Thế Tôn dạy, ngoại trừ Bạt-đà-lợi. Vì thế thầy cảm thấy hổ thẹn, nên suốt ba tháng không đến chỗ Phật, như trong kinh Bạt-đà-lợi Tuyến đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, các Tỳ-kheo đi khát thực phi thời nên bị người đời chê trách: “Vì sao Sa-môn Thích tử lại khát thực phi thời, làm mất hết đạo hạnh, có đạo nào lại như thế?” Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem nhân duyên ấy đến bạch lên

Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Các ông là người xuất gia mà khát thực phi thời, nên bị người đời chê trách là phải. Từ nay về sau, Ta không cho phép khát thực phi thời.” Trong đây cũng giống như trong kinh Ưu-đà-di Tuyến đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo ăn vào chập tối, bị người đời chê trách: “Vì sao sa-môn Thích tử lại ăn vào buổi tối? Chúng ta là người tại gia còn không ăn vào buổi tối. Những bọn người này làm mất phép tắc sa-môn, có đạo nào như vậy!”

Các Tỳ-kheo nghe thế bèn đem sự việc ấy (359c) đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Các người ăn vào ban đêm nên mới bị người đời chê trách, từ nay về sau, Ta cho phép ăn trước nửa ngày (từ giờ ngọ trở về trước), và phải làm dấu bóng mặt trời để ấn định thời khắc.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo trước giờ ăn vào thôn xóm khát thực, sau giờ ăn, lại đến những nơi người đời tụ tập vui chơi như công viên, hồ nước để khát thực nữa, nên bị người đời chê trách nói với bạn: “Ông xem kìa, vị sa-môn Thích tử ấy vừa mới khát thực tại nhà tôi, giờ đây lại ra tới hồ nước theo tôi xin nữa! Thật là làm bằng hoại phép tắc của đạo giáo, có đạo nào mà như thế!”

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thấy tới rồi, Phật liền hỏi việc trên:

Ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Thế thì ông khát thực buổi sáng dùng để làm gì?

Để ăn vào lúc đúng giờ.

Thế thì sau bữa ăn ông còn xin để làm gì nữa?

Cắt để dành sáng mai ăn.

Vì sao ông lại cắt giữ thức ăn để ăn?

Từ nay trở đi, Ta không cho phép ăn phi thời, không cho phép cắt thức ăn để ăn.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả Bạt-đà-lợi cảm thấy lòng đầy hổ thẹn nên khi vào thôn xóm khát thực giống như đi vào giữa trận chiến, thấy mang theo hai bát để xin, rồi một bát để dùng hôm nay, còn một bát để dành ngày mai. Lúc ấy, các Tỳ-kheo định vào thôn xóm khát thực, liền gọi Bạt-đà-lợi:

Trưởng lão, chúng ta cùng vào thôn xóm khát thực.

Các thầy cứ đi đi. Tôi không đi nữa.

Trưởng lão được lợi ích rất lớn, thầy chỉ ăn một bữa mà yên ổn cả hai ngày.

Không phải tôi chỉ ăn một bữa mà được yên ổn cả hai ngày, mà vì khi tôi vào thôn xóm giống như đi vào trận chiến, cho nên tôi đem theo hai bát để xin ăn cả hai ngày.

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo đi gọi Bạt-đà-lợi đến. Khi thấy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật chẳng?

Có thật, bạch Thế Tôn.

Tuy ông muốn giảm bớt sự việc (nhưng như thế là không được). Từ nay về sau, Ta không cho phép ông ăn phi thời, không cho phép cắt thức ăn để ăn; như trong kinh Bạt-đà-lợi Tuyến đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, A-na-luật đem phơi cơm thiêu nát trên hòn đá đen vuông nơi núi Tiên nhân, Phật bèn dùng sức thần thông (360a) đi đến núi ấy. Tuy Ngài biết mà vẫn hỏi A-na-luật:

Ông đang làm gì đó?

Bạch Thế Tôn, các đệ tử Thanh văn có lòng tin, hoan hỷ, ngày mai muốn (làm lễ) nương tựa nơi con, do đó, con không thể vào thôn xóm để khát thực, (nên con định phơi cơm nguội này để ăn).

Tuy ông muốn giảm bớt việc phiền toái, nhưng từ nay về sau, Ta không cho phép ông ăn phi thời và để dành thức ăn để ăn.

Thế rồi, Phật dùng thần lực trở về lại thành xá-vệ, truyền bệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo ăn phi thời, phạm Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo để dành thức ăn mà ăn, phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Phi thời: nếu thời gian vượt qua (mức quy định) như trong chớp mắt hoặc đã vượt qua bằng ngọn cỏ, lá cây, thì đó gọi là phi thời.

Ăn: Nếu ăn gạo lứt, gạo tẻ, cá, thịt, hoặc các thứ linh tinh khác thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Để quá giờ ăn: Tức là quá thời gian Tu du.

Tu du: Hai mươi niệm gọi là một khoảng chớp mắt. Hai mươi chớp mắt gọi là một khảy móng tay. Hai mươi khảy móng tay gọi là một la tượng. Hai mươi la tượng gọi là một Tu du. Ngày dài nhất thì được mười tám tu du. Đêm ngắn nhất thì có mười hai tu du. Đêm dài nhất thì được mười tám tu du. Ngày ngắn nhất thì có mười hai tu du.

Thức ăn: Gồm có năm thức ăn chính, năm thức ăn tạp. Nếu để quá giờ mới ăn một thứ nào đó thì phạm Ba-dạ-đề.

(Ngoài ra còn có các trường hợp) Thời thọ, Phi thời thọ, cố thọ, bất cố thọ, thiếu thọ, đa thọ, tật tật thọ, từ từ thọ, tuyết băng thọ.

Thời thọ: Nếu nhận (thức ăn) đúng giờ và ăn đúng giờ thì không có tội. Nếu để quá thời khắc chừng một chớp mắt, hoặc quá chừng một ngọn cỏ, lá cây, mà ăn thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu để quá một tu du mà ăn thì phạm hai tội Ba-da-đề. Vì phạm một tội ăn phi thời và một tội ăn thức ăn để quá giờ.

Phi thời thọ: Nhận thức ăn phi thời rồi ăn vào lúc phi thời thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu để quá một tu du mà ăn thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Vì phạm tội ăn phi thời và tội ăn thức ăn để quá giờ.

Các trường hợp cố thọ (cố ý nhận), bất cố thọ (không cố ý nhận), thiếu thọ (nhận ít), đa thọ (nhận nhiều), tật tật thọ (nhận nhanh), từ từ thọ (nhận từ từ) cũng có các sự sai biệt như vậy.

Tuyết băng thọ (Thọ tuyết): Nếu Tỳ-kheo muốn ăn tuyết thì nên nhận từ tịnh nhân. Nếu không có tịnh nhân thì nên rửa tay sạch rồi tự lấy ăn. Trường hợp nước đá cũng như vậy. Đó gọi là Tuyết băng thọ.

Tỳ-kheo sáng sớm thức dậy nên rửa tay sạch, không nên rửa một cách thô tháo mà nên rửa năm đầu ngón tay trước, cũng không được rửa từ nách mà nên rửa từ cổ tay trở về trước cho sạch, không nên thô lỗ. Rửa không nên quặn quẹo khiến cho máu ra. Nên dùng hòn đá lớn, ngọn cỏ hoặc tro mà rửa cho sạch tay, lại (360b) vỗ khiến cho ra tiếng. Sau khi rửa tay sạch, nếu lại vò hai tay thì gọi là chẳng sạch, nên rửa lại. Nếu rửa bát rồi, lúc tay còn ướt mà lại xoa vuốt thì cũng xem là không sạch, nên đợi cho nó khô. Tỳ-kheo trước bữa ăn nên giữ gìn tay cho sạch. Nếu gãi đầu, hoặc cầm cái quần, giày da, hoặc cầm tô sữa, dầu, túi da đều phải rửa lại cho sạch như trước. Nếu cầm y Tăng-già-lê, y Uất-da-la tăng đều phải dùng nước rửa lại.

Tỳ-kheo khi muốn đi khát thực nên rửa tay sạch rồi mặc chiếc y dùng đi vào làng xóm. Mặc y xong, nên rửa tay lại rồi cầm bát mà đi vào xóm làng. Nếu vào lúc mùa đông lạnh cầm bát để vào trong túi rồi định đi tới bên ranh giới thôn xóm, hoặc bên ao nước, hoặc trên dòng nước chảy thì nên rửa tay sạch. Nếu không có nước thì nên vào trong thôn xóm, đến trú xứ của Tỳ-kheo, xin nước rửa tay. Nếu cũng không có thì nên tới Tinh xá của Tỳ-kheo-ni mà xin nước. Nếu cũng không có thì nên đến nhà Ưu-bà-tắc có lòng tin mà xin nước sạch. Nếu cũng không có thì nên mở túi, lấy bát ra chỉ cầm một chỗ đi khát thực. Khi được thức ăn rồi, nên ra khỏi xóm làng, đến bên hồ nước, hoặc suối nước chảy, đặt bát trên cỏ sạch, rồi mới rửa tay sạch, tiếp đến rửa sạch tảng đá hoặc lá cây. Rửa xong, nên lấy chỗ cơm mà ngón tay chạm vào vứt bỏ, rồi đổ cơm ra trên tảng đá hay trên lá cây. Khi đổ cơm ra không được đổ ra ngay cái chỗ mà tay không sạch đã cầm. Khi đổ xong phải rửa bát sạch, rồi đổ cơm vào lại trong bát mà ăn. Lúc ăn xong, nếu còn thừa cơm, thì nên đổ một chỗ trên tảng đá, rồi ra đi. Hôm sau, Tỳ-kheo lại vào thôn xóm khát thực; nếu chẳng được chi cả, phải rời khỏi thôn xóm với bát không, rồi tình cờ trở về lại con đường cũ, trông thấy chỗ cơm thừa đổ trên hòn đá hôm qua vẫn còn đó, nếu như có tịnh nhân thì nên bảo họ lấy đưa để mình ăn. Nếu không có tịnh nhân mà chỗ cơm ấy bị chim quạ ăn thì gạt bỏ chỗ chim ăn, rồi tự lấy ăn. Nếu tịnh nhân dùng tay không sạch cầm bún, cơm cúng dường cho Tăng, thì đối với Thượng tọa như thế được xem là không sạch, nhưng đối với những người khác thì được xem là sạch. Nếu tịnh nhân đem bún sạch đổ trên bún không sạch, thì được vớt lấy cái phần trên (để ăn). Nhưng nếu họ đem bún không sạch đổ trên bún sạch, thì tất cả thành ra không sạch. Nếu họ đem bún sạch đổ vào trong một cái tô không sạch, thì được múc lấy ở chính giữa (mà ăn). Nếu họ khuấy lên, thì tất cả đều trở thành không sạch. Khi Tỳ-kheo ăn bún, nếu dùng tay chùi miệng, thì được xem là không sạch, phải rửa tay lại. Nếu hai tay xoa vào nhau thì được xem là tay không sạch, phải rửa tay lại.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh cần cháo thì nên nhờ tịnh nhân nấu. Nếu tại nơi A-luyện-nhã không có tịnh nhân (360c) thì được rửa tay sạch không để dính cái bẩn, rồi múc nước đổ vào nồi, chụm lửa cho nước sôi, rồi bảo cho tịnh nhân biết để họ đổ gạo vào. Khi họ đổ gạo vào xong, Tỳ-kheo không được chụm lửa nữa mà phải bảo tịnh nhân chụm lửa cho đến khi sôi. Nếu tịnh nhân đi khỏi thì Tỳ-kheo được chụm lửa cho đến khi cháo chín, rồi múc đưa cho người bệnh. Nếu Tỳ-kheo uống thuốc ỉa nữa rồi, thầy thuốc bảo phải cho ăn cháo trong, nếu không có thì sẽ chết. Vậy phải làm sao? Bấy giờ Ta nên lấy gạo rửa sạch rồi nấu nhừ thành nước trút vào trong tô đổ cho Tỳ-kheo bệnh. Nếu người bệnh không kham (không dùng được) thì nên lấy một nắm lúa nguyên vẹn đem rửa bảy lần cho sạch, rồi đổ vào một cái túi, cột đầu lại, đồng thời đem rửa nồi cho sạch đổ vào nấu. Không được để cho đầu hạt lúa bị vỡ, nếu vỡ thì không được cho Tỳ-kheo bệnh dùng. Nếu ở tại nơi hoang vắng mà tịnh nhân bị bệnh, thì nên khiến tịnh nhân khác nấu cháo giúp cho họ. Nếu trường hợp không có tịnh nhân mà có được thóc hợp pháp, thì Tỳ-kheo được tự mình đem giã, nấu cháo đưa cho tịnh nhân dùng. Nếu cháo tịnh nhân dùng không hết thì Tỳ-kheo không được dùng, cũng không được đưa cho những Tỳ-kheo khác. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 36 & 37 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

38. NHẬN THỨC ĂN QUÁ MỨC ĐÃ CHO

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một cư sĩ sinh được một bé gái đoan chính vô song, cha mẹ rất hoan hỷ. Đến khi đầy tháng, cha mẹ em định tổ chức lễ khánh hỷ, nên suy nghĩ: “Con bé này đoan chính, hiếm có trên đời, nếu quốc vương biết được, ắt sẽ đoạt lấy, vậy ta nên đặt cho nó một cái tên

xấu xí”, bèn đặt tên là Hạt nhãn. Cô gái này dần dần khôn lớn, quan xem tướng cho vua trông thấy, liền hỏi (dân chúng): “Con bé này con nhà ai vậy?” Có người đáp: “Con gái của cư sĩ mỗ giáp đấy.” Viên quan xem tướng của vua suy nghĩ như sau: “Tướng của cô này phải làm đến đại phu nhân của vua”, bèn tâu với vua: “Nhà kia có một người con gái quý tướng, đáng làm đến Hoàng hậu, nên tuyển cô vào cung.” Vua bèn sai người đến nhà ấy hỏi xem cô ta tên gì, thì họ đáp: “Tên là Hạt nhãn.” Sứ giả bèn trở về báo lại nhà vua. Vua nói: “Cái tên này không tốt lành. Ta không cần.” Về sau, có người xin cưới cô, cha mẹ chồng bảo rước cô về nhà. Người chồng bèn sai sứ giả đến xin rước dâu, thì gia đình nhà gái đáp: “Sẽ đưa ngay”, bèn chuẩn bị các vật dụng để đưa tiễn con gái và làm các thứ bánh. Bỗng nhiên có một Tỳ-kheo tuần tự khát thực, đến nhà ấy. Mẹ cô trông thấy thấy, liền khởi tâm tin tưởng, hoan hỷ, hỏi: “Tôn-giả có cần bánh không?” Thầy đáp: “Cần.” Bà liền đem các thứ bánh cúng dường đầy bát của thầy. Khi đã nhận được bánh, thầy bèn đem về Tinh xá, gọi các Tỳ-kheo quen biết cùng ăn. Các Tỳ-kheo hỏi: “Trưởng lão, thứ bánh này rất ngon, thầy được ở đâu vậy?” Thầy đáp: “Được tại nhà của cô Hạt nhãn.” Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đến nhà ấy, và họ cũng nhận được bánh như người đầu. Như vậy, từng người, từng người (361a) cứ đến xin, khiến những phẩm vật dùng tiễn đưa con gái hết sạch. Trải qua ngày thứ hai, thứ ba cũng như thế. Người chồng lại sai người đến nhắc. Nhà gái lại nói: “Xin đợi ít hôm làm cho xong lễ vật đưa tiễn đã.” Nhưng rồi các Tỳ-kheo hằng ngày lại đến xin hết cả. Vì cô dâu không về nhà chồng đúng ngày giờ nên ông chồng nổi cáu nói: “Ta đã sai người đến nhắc (mấy lần) mà đều bảo rằng lễ vật làm chưa xong nên chưa đưa đến, chắc là có tâm này khác rồi”, liền sai người đi xin cưới cô gái khác. Mẹ cô Hạt nhãn nghe tin con gái mình bị khiển trách, bà rất đau buồn, than khóc. Cô cũng sầu não trách mẹ không đưa tiễn mình đúng ngày giờ nên mới bị khiển trách. Những người hàng xóm thấy thế bèn hỏi: “Các vị vì sao mà ưu sầu, than khóc?” Họ bèn trình bày đầy đủ sự kiện kể trên với những người hàng xóm. Thế rồi, người láng giềng cũng

trách: “Vì sao bà không đưa tiền con gái trước rồi mới sắm các thức ăn uống khác mà bố thí cho các Tỳ-kheo?” Các Tỳ-kheo nghe được liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi các Tỳ-kheo ấy đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi: “Các người có việc đó thật chăng?”

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép (các Tỳ-kheo) nhận những thức ăn dùng để đưa tiền cô dâu.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ trong thành có người khách buôn tên là Vô úy sắp đi xa cùng với các khách buôn khác. Lúc ấy, bà vợ ông đang ở nhà sắm sửa các thứ lương thực đi đường. Thế rồi, các Tỳ-kheo tuần tự khát thực đến nhà ấy, bà vợ trông thấy khởi tín tâm, hoan hỉ hỏi: “Tôn-giả có cần bún không?” Thầy đáp: “cần.” Bà liền cắt một phần lương thực đem đổ đầy bát, cúng dường cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo được thức ăn rồi, liền mang về Tinh xá Trúc viên Ca-lan-đà, gọi các Tỳ-kheo quen biết cùng ăn. Các Tỳ-kheo hỏi: “Thầy được thức ăn ngon thế này ở đâu vậy?” Thầy đáp: “Được tại nhà của ông khách buôn mỡ giáp đấy.” Các Tỳ-kheo nghe thế, liền cùng nhau người này người khác, đến nhà ấy xin lương đi đường đến nỗi hết sạch. Như vậy, họ phải sắm lương thực đến ngày thứ hai, thứ ba. Nhưng rồi các Tỳ-kheo cũng thay phiên nhau đến xin hết cả cho đến ngày thứ tư, sắm lương xong thì đi theo không kịp bạn, bị bọn cướp lấy tài vật hết sạch. Bà vợ ông khách buôn nghe thế, sầu não, khóc than. Người hàng xóm bèn hỏi: “Vì sao bà khóc than như vậy?” Bà liền trình bày đầy đủ sự kiện trên với người láng giềng. Người láng giềng nói: “Vì sao bà không sắm trước lương thực cho người ra đi xong rồi sau đó mới sắm các thứ khác bố thí cho các Tỳ-kheo?” Các Tỳ-kheo nghe được việc đó, liền đến bạch đầy đủ sự kiện lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi các Tỳ-kheo ấy đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật chăng?

Họ đáp: “Có thật như vậy.”

Phật khiển trách: “Đó là việc ác. Người bố thí không biết lượng định thì người thọ nhận cũng phải biết cân nhắc chứ! Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy (361b), không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, Ta không cho phép xin lương thực đi đường.” Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Vương-xá phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo đến nhà bạch y họ cúng dường bánh bún thoải mái, thì được nhận hai, ba bát, rồi đem về cùng ăn với Tỳ-kheo không bệnh. Nếu nhận quá số đó mà đem về không cùng ăn với Tỳ-kheo không bệnh, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều người.

Nhà bạch y: Các gia đình sát-lợi, bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà-la cúng dường bánh hoặc bún.

Bánh: Đó là các thứ bánh làm bằng lúa đại mạch, tiểu mạch, gạo tẻ, đậu...

Bún: Đó là các loại bún được làm bằng lúa đại mạch tiểu mạch, gạo tẻ, đậu...

Ba bát: Được nhận tối đa ba bát.

Mang đi ra ngoài: Mang đến nơi mà mình muốn.

Tỳ-kheo không bệnh: Tỳ-kheo có sức lực có thể đến nhà ấy.

Cùng ăn với Tỳ-kheo không bệnh: Thức ăn đem về nên cùng ăn chung, nếu không cùng ăn chung thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Lại có các trường hợp: Vật dùng để tiễn đưa, lương thực đi đường, lương không phải làm cho Tỳ-kheo mà làm để đưa tiễn, cho một cách hào phóng.

Vật dùng để tiễn đưa: Như bánh dùng để tiễn đưa cô Hạt nhãn.

Lương thực đi đường: Như trường hợp người chủ khách buôn Vô úy.

Bánh bún: Như trên đã nói.

Không phải vì Tỳ-kheo: Vốn là vì người khác mà làm lương thực để tiễn đưa.

Cho một cách hào phóng: Như cách cho của mẹ con cô Hạt nhãn, cách cho của vợ chồng ông khách buôn thì Tỳ-kheo được nhận ba bát, rồi đem ra ngoài cùng ăn với Tỳ-kheo không bệnh.

Nếu Tỳ-kheo nghĩ như sau: “Ai hơi sức đâu mà làm cho nhiều khê”, rồi nói với Ưu-bà-di: “Mức đầy một bát đổ vào trong một tô, rồi mức đầy bát khác đổ vào một tô khác.” Đoạn thầy tự dùng một bát, rồi dặn người nữ gia chủ: “Nếu có Tỳ-kheo đến thì bà cho một bát này. Nếu có người khác đến nữa thì bà cho bát thứ hai. Sau đó, nếu có người nào đến nữa, thì bà đừng cho. Nếu cho, thì bà sẽ được ít phước đức.” Bấy giờ, Tỳ-kheo mang thức ăn ra đi, nếu giữa đường gặp Tỳ-kheo khác thì nên nói như sau: “Nhà mỗ giáp kia có thức ăn, thầy nên đến đó lấy phần.” Nếu gặp Tỳ-kheo thứ hai, cũng nên nói như thế.

Lại có các trường hợp: Không phải bánh dùng để đưa tiễn, không phải lương thực để đi đường, vì Tỳ-kheo, không phải là lương thực dùng để đưa tiễn, không cho một cách hào phóng.

Không phải bánh dùng để đưa dâu: Không phải như trường hợp cô Hạt nhãn trên đây.

Không phải lương thực dùng để đi đường: không phải như trường hợp ông khách buôn Vô úy.

Vì Tỳ-kheo: (thức ăn) làm cho Tỳ-kheo, chứ không phải làm cho người khác.

Không phải lương thực dùng để đưa tiễn: Trừ hai trường hợp kể trên, nếu (thực phẩm) làm cho những người khác thì được nhận lấy, không phạm.

Không cho một cách hào phóng: Tùy theo thực phẩm nhận được (361c) rồi mang đi. Nếu cô Hạt nhận về nhà chồng rồi, sau đó mẹ cô mới cho, thì được phép lấy mà không có tội.

Nếu cô dâu về nhà chồng rồi, cô mới cho (thực phẩm) thì được phép lấy, không có tội.

Nếu người khách buôn ra đi rồi, người vợ sau đó mới bố thí, thì được phép lấy, không có tội.

Nếu khách buôn đi đến mục tiêu rồi ông mới bố thí, thì được phép lấy, không có tội.

Nếu một nhà kia vào dịp gả chồng hay cưới vợ cho con mà có khoản đãi, hoặc những ngày lễ hội, rồi Tỳ-kheo đi đến nhà ấy, chủ nhân nói như sau: “Thưa tôn-giả, dù tôi muốn sai người đi mời, e chưa chắc đã được, huống gì nay hân hạnh được tôn-giả đến đây.” Nếu như thế thì được lấy thoải mái, không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 38 của 92 pháp Ba-da-đề)

*

39. ĐÒI THỨC ĂN NGON

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đến nhà có sữa tô thì xin sữa tô, nhà có dầu thì xin dầu, nhà có sữa tươi thì xin sữa tươi, nhà có sữa lạt thì xin sữa lạt, nhà có mật thì xin mật, nhà có đường phèn thì xin đường phèn, nhà có cá thì xin cá, nhà có thịt thì xin thịt, nên bị người đời chê bai như sau: “Sa-môn Cù-đàm dùng vô lượng phương tiện tán

thán ít muốn, biết đủ, dễ nuôi dưỡng, dễ thỏa mãn, và chê trách đa dục, không biết chán, khó nuôi dưỡng, khó thỏa mãn; thế mà nay vị sa-môn này không chịu xin thức ăn thô, mà đến nhà có sữa thì xin sữa thô, cho đến nhà có thịt thì xin thịt. Đó là kẻ bại hoại, chứ có đạo nào như thế!”

Các Tỳ-kheo nghe được, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật chẳng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Các ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện tán thán ít muốn, chê trách đa dục hay sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn Thiện pháp được. Từ nay về sau, Ta không cho phép xin thức ăn ngon để ăn.

Lại nữa, khi Phật trú tại một Tinh xá ở vườn cây Ni-câu-luật, nước Ca-duy-la-vệ thuộc dòng họ Thích ca. Vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm Phật đi thị sát phòng của các Tỳ-kheo một lần; trông thấy một Tỳ-kheo bị bệnh, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Bệnh của ông như thế nào? Có đau đớn lắm không?

Không đau đớn lắm, bạch Thế Tôn.

Ông không thể xin được thức ăn hợp với bệnh, thuốc men hợp với bệnh được sao?

Có thể xin được, nhưng Thế Tôn chế giới không cho phép xin thức ăn ngon, nên con không dám xin. Vả lại, con không có đàn việt, cũng không có người cho.

Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được xin thức ăn ngon.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang trú tại Ca-duy-la-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu tại nhà các đàn việt có các loại mỹ thực như sữa tô, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi, sữa lạt, cá, thịt... mà Tỳ-kheo không bệnh, vì muốn sống thân mà xin, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Nhà: Như trên đã nói.

(362a) Sữa tô, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi, sữa lạt, thịt, cá: Như trong giới ăn trộm thứ hai trước kia đã nói. Đó gọi là mỹ thực. Nếu người bị bệnh thì Thế Tôn cho phép xin ăn, không có tội.

Bệnh: Có các loại như: Bệnh hoàng lạn, bệnh ung thư, bệnh trĩ, bệnh đi tiểu, đại không làm chủ được, bệnh vàng da, bệnh sốt rét, bệnh ho lao, bệnh gầy ốm, bệnh phong thũng, bệnh thũng nước, các bệnh như thế gọi là bệnh.

Vì thân mình: Vì chính thân mình mà xin, nếu tự mình xin hoặc nhờ người khác xin để ăn, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh nhiệt, rồi thấy thuốc bảo: “Bệnh này nên uống sữa chua”, thì được xin sữa chua. Nhưng không được đến nhà không có niềm tin mà xin. Vì sao thế? Vì khi xin, họ sẽ dèm pha rằng Tỳ-kheo do tham món ngon mà xin sữa chua. Chính vì họ chê bai sự hay giờ của Tỳ-kheo nên không được đến xin, mà nên đến nhà Ưu-bà-tắc có lòng tin mà xin. Khi xin được rồi nên cân nhắc (mà dùng).

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh phong, rồi thầy thuốc bảo: “Nên uống dầu”, thì khi ấy được phép xin dầu. Nhưng không được đến nhà ép dầu để xin, cũng không được đến nhà không có lòng tin, như trong trường hợp xin sữa chua đã nói.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh thũng nước, rồi thầy thuốc bảo: “Bệnh này nên uống mật”, thì khi ấy được xin mật. Nhưng không được đến nhà người đi lấy mật để xin, cũng không được đến nhà không có lòng tin để xin, như trong trường hợp xin sữa chua đã nói.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh khô gầy, rồi thầy thuốc bảo: “Bệnh này nên uống đường phèn”, (thì được xin đường phèn). Nhưng không được đến nhà làm mía mà xin, cũng không được đến nhà không có lòng tin để xin, như trong trường hợp xin sữa chua đã nói.

Nếu Tỳ-kheo bị nhiễm lạnh, rồi thầy thuốc bảo: “Nên dùng đường phèn, sữa chua hai thứ hòa chung vào nhau mà uống”; thì không được đến nhà không có lòng tin mà xin, như trường hợp xin sữa chua đã nói.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh ỉa chảy, rồi Thầy thuốc bảo: “Bệnh này nên uống sữa tươi.” Khi ấy được đến chỗ người chăn bò để xin sữa tươi. Khi xin được nên trừ tính để lấy.

Nếu Tỳ-kheo muốn ói ra và uống thuốc ói mửa, rồi thầy thuốc bảo: “Trước nên uống nước cá”, thì khi ấy được xin nước cá, nhưng không được đến nhà người bắt cá để xin, cũng không được đến nhà người không có lòng tin mà xin, như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo muốn lẻ đầu ra máu, hoặc uống thuốc xổ, rồi thầy thuốc bảo: “Bệnh này nên uống nước thịt”, thì khi ấy được phép xin nước thịt, nhưng không được đến nhà đồ tể, nhà không có lòng tin để xin, như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đi khát thực đến nhà người đong sữa chua, rồi người đong sữa hỏi: “Tôn-giả muốn tìm thứ gì?” Thầy đáp: “Muốn xin thức ăn.” Người ấy nói: “Không có thức ăn mà chỉ có sữa chua này,

nếu thấy cần tôi sẽ cho.” Khi ấy, nếu Tỳ-kheo cần thì được nhận đầy bát, không có tội. Hoặc là có bạn thì có thể khuyên người ta cho bạn, không có tội. Cũng như thế đối với người đong dầu, mật, đường phèn, sữa tươi, sữa lạt cũng vậy.

Nếu Tỳ-kheo khát thực được bún, cơm đầy một bát cỡ trung không còn chỗ nữa, thì có thể xin nước uống. Nếu đàn việt nói: “Không có nước uống mà chỉ có nước thịt, nếu thấy cần (362b) thì tôi sẽ cho.” Khi ấy Tỳ-kheo được phép lấy. Hoặc họ lại nói: “Cũng có thịt, nếu thấy cần tôi sẽ cho.” Lúc ấy, Tỳ-kheo được lấy đầy bát, không có tội. Đồng thời Tỳ-kheo cũng được đến nhà người ép mía, xin nước mía. Nếu chủ nhà nói: “Không có nước mía mà chỉ có đường phèn, nếu thấy cần, tôi sẽ cho.” Tỳ-kheo nếu thấy cần thì có thể lấy đầy bát, không có tội. Đồng thời cũng được khuyên họ cho bạn mình. Cũng như được đến nhà ép dầu mè để xin cặn dầu mè. Nếu chủ nhân nói: “Tôi không có cặn dầu mè, nhưng thấy có cần dầu thì tôi sẽ cho.” Tỳ-kheo nếu thấy cần, được lấy đầy bát, không có tội. Đồng thời cũng được khuyên họ cho bạn mình.

Tỳ-kheo được xin nước trong ở dưới sữa đóng váng. Nếu họ nói: “Tôi không có nước trong ở dưới sữa đóng váng mà chỉ có sữa đóng váng, thấy có cần thì tôi sẽ cho.” Tỳ-kheo nếu thấy cần, được lấy đầy bát, không có tội. Đồng thời cũng được khuyên họ cho bạn mình.

Tỳ-kheo được xin mía, cũng được vì Tỳ-kheo khách đi đường xa mà xin thức ăn ngon. Hoặc khi mình đang đi trên đường cũng được xin (thức ăn ngon).

Nếu Tỳ-kheo xin một chỗ được tám thứ mỹ thực, rồi ăn riêng từng thứ, thì phạm nhiều tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo xin được tám thứ mỹ thực tại nhiều chỗ khác nhau, rồi ăn một chỗ thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu xin tại nhiều chỗ, rồi ăn riêng từng thứ, thì phạm nhiều tội Ba-dạ-đề. Nếu xin tại

một chỗ được nhiều loại thức ăn, rồi họp lại ăn một lần, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu xin khi không bệnh đến khi bệnh đem ăn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu xin khi đang bệnh, đến lúc không bệnh đem ăn, thì không có tội.

Nếu xin khi đang bệnh, rồi ăn lúc đang bệnh, thì không có tội.

Nếu xin khi không có bệnh, rồi ăn lúc không bệnh, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu nấu không tùy theo bệnh mà ăn tùy theo bệnh, thì không có tội (?).

Nếu nấu tùy theo bệnh mà ăn không tùy theo bệnh, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nấu tùy theo bệnh, rồi ăn cũng tùy theo bệnh, thì không có tội.

Nếu nấu không tùy theo bệnh, ăn không tùy theo bệnh, thì không có tội. Vì sao vậy? Vì người xuất gia sống nhờ người khác vậy. Thế nên nói:

“Mỗi chỗ cho một bữa,
 Ăn no khuyên ăn thêm.
 Không nhận phần mà ăn,
 Ăn phi thời, đồ thừa.
 Hai ba bát món ngon,
 Ăn riêng chúng, ăn sau
 Hết Bạt cừ thứ tư.”

(Hết giới thứ 39 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

40. KHÔNG BỆNH MÀ NHÓM LỬA

Khi Phật an trú tại vườn ông Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, thành xá-vệ, lúc này người đời dốc tín cung kính tôn trọng cúng dường y phục, thực phẩm, sàng tọa và thuốc chữa bệnh (thuốc bổ). Trong khi ấy, những người xuất gia ngoại đạo cũng đang ở tại thành xá-vệ nhưng không được người đời cung kính tôn trọng cúng dường y phục, thực phẩm, sàng tọa và thuốc chữa bệnh. Do thế, nhiều người xuất gia ngoại đạo tập hợp tại nhà luận nghị, bàn luận như sau: “Sa-môn Cù-đàm này đang ở tại vườn ông Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, thành xá-vệ (362c) được người đời thâm tín cung kính tôn trọng cúng dường y phục, thực phẩm, sàng tọa và thuốc chữa bệnh nhưng chúng ta không được tôn trọng cung kính cúng dường y phục, thực phẩm, sàng tọa và thuốc chữa bệnh. Vậy ai có thể đến xuất gia sống trong giáo pháp của sa-môn Cù-đàm tu tập phạm hạnh, tụng đọc giáo pháp của ông ta, rồi trở về lần lượt dạy lại chúng ta, để chúng ta cũng được cúng dường giống như ông ta?”

Khi các ngoại đạo luận bàn như thế rồi, cùng bảo nhau: “Tu-thâm-ma là người ưu tú bậc nhất trong hội chúng của chúng ta nên có thể sai ông đến xuất gia trong giáo pháp của sa-môn Cù-đàm, thọ giới luật của Cù-đàm, rồi về lại...” Thế rồi, các ngoại đạo nói với Tu-thâm-ma: “Sa-môn Cù-đàm đang sống tại Tinh xá Kỳ-hoàn được nhiều người tôn trọng cúng dường, còn chúng ta thì không được lợi ích như thế. Nay ông nên đến xuất gia trong giáo pháp sa-môn Cù-đàm tu tập phạm hạnh, đọc tụng kinh điển của ông ấy, rồi trở về trong giáo pháp của Ta, lần lượt dạy lại nhau, để chúng ta cũng được cúng dường giống như ông ấy.”

Tu-thâm-ma nghe lời đề cử rồi, liền ra khỏi thành xá-vệ, đi đến Tinh xá Kỳ-hoàn. Khi tới cổng Tinh xá, thấy các Tỳ-kheo đang kinh hành, ngồi thiền, Tu-thâm-ma liền đến chỗ các Tỳ-kheo thăm hỏi, rồi ngồi sang một bên, nói: “Tôi vốn là ngoại đạo nay muốn xuất gia, thọ cụ túc trong giáo pháp của Như Lai thì ở đây

phải làm thế nào?” Các Tỳ-kheo đáp: “Nếu gốc gác là ngoại đạo mà muốn xuất gia trong giáo pháp của Như Lai, thì phải được thử thách qua bốn tháng. Qua bốn tháng thử thách mà các Tỳ-kheo thấy hợp ý thì sẽ cho xuất gia.”

Khi ấy Tu-thâm-ma liền vâng lời, thực hành bốn tháng thử thách. Qua bốn tháng, các Tỳ-kheo thấy vừa ý, liền cho thọ giới cụ túc. Sau khi thọ cụ túc, ông bèn đi đến chỗ Thế Tôn cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, thưa như sau: “Bạch Thế Tôn, con đã chứng đắc, đời sống của con đã kết thúc, phạm hạnh đã thành, không còn phải tái sinh nữa.” Họ nói như thế xong, liền cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi ra đi.

Khi các Tỳ-kheo ấy vừa ra đi, thì Tu-thâm-ma đến đánh lễ chân Phật, rồi đi tới các Tỳ-kheo ấy thăm hỏi. Hỏi thăm xong, bèn đứng qua một bên, hỏi các Tỳ-kheo: “Thưa trưởng lão, vừa rồi ở trước Phật, thấy tự nói là mình đã chứng đắc, đời sống đã kết thúc, phạm hạnh đã thành, không còn tái sinh nữa, có phải thế không?” Các Tỳ-kheo đáp: “Đúng như vậy.” Thế rồi Tu-thâm-ma lại hỏi: “Thưa trưởng lão, biết như vậy thấy như vậy, được thiên nhân thanh tịnh, thấy chúng sinh chết chỗ này, sinh chỗ kia, người đẹp, kẻ xấu, thiện thú, ác thú (363a), thấy chúng sanh thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, phỉ báng hiền thánh, tự làm việc tà kiến, dạy người làm theo tà kiến, thân hoại mạng chung đọa vào ba đường ác. Lại thấy chúng sanh thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, tự mình làm theo chánh kiến rồi dạy người làm theo chánh kiến, đến khi thân hoại, mạng chung, sinh vào cõi thiện, trên cõi trời, trong cõi người, thiên nhân thanh tịnh hơn người như thế, trưởng lão có được không?” Thấy đáp: “Không được.” Ông lại hỏi: “Tôn-già được Túc mạng trí biết như vậy, thấy như vậy, biết quá khứ một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, một trăm đời, một ngàn đời, cho đến kiếp thành, kiếp hoại, danh tánh, chủng tộc, chết nơi đây, sinh chỗ kia, chết chỗ kia, sinh chỗ này, vô số sự việc trong các kiếp như thế, trưởng lão có biết không?” Thấy đáp:

“Không biết.” Ông lại hỏi: “Ly sắc, quá sắc, vô sắc, tịch diệt, giải thoát, thân chứng cụ túc an trú, các loại giải thoát như vậy, trưởng lão có được không?” Thầy đáp: “Không được.”

Tu-thâm-ma nói: “Vừa rồi tôi hỏi về các pháp thì trưởng lão đều nói là không được. Thế thì vì sao trước mặt Thế Tôn trưởng lão tự nói là mình đã chứng đắc, đời sống của mình đã kết thúc, phạm hạnh đã thành, không còn tái sinh, vậy ai mà tin nổi?”

Các Tỳ-kheo đáp: “Này trưởng lão, chúng tôi là những người được giải thoát bằng trí tuệ.”

Tu-thâm-ma nói: “Trưởng lão nói giản lược quá, nghĩa chưa rõ, xin nói lại rõ hơn.”

Tỳ-kheo nói: “Tuy nghĩa chưa rõ, nhưng tôi tự biết mình là người đã giải thoát nhờ trí tuệ.”

Khi Tu-thâm-ma nghe các Tỳ-kheo nói như thế, liền suy nghĩ: “Ta nên đến chỗ Thế Tôn hỏi về việc này, Thế Tôn-giải đáp như thế nào thì ta hãy ghi nhận như vậy.” Suy nghĩ thế rồi, thầy từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, đem việc nêu trên bạch đầy đủ với Thế Tôn, hỏi rằng việc ấy như thế nào?

Phật liền nói với Tu-thâm-ma:

Tiên pháp trí, hậu tỉ trí.

Bạch Thế Tôn, điều Thế Tôn dạy quá bí ẩn, giản lược, con chưa hiểu.

Dù người chưa hiểu, nhưng vẫn tiên pháp trí, hậu tỉ trí.

Lành thay Thế Tôn, con vẫn chưa hiểu, kính mong Thế Tôn vì con nói rõ thêm.

Vậy Ta hỏi người, tùy người hiểu như thế nào hãy trả lời Ta. Này Tu-thâm-ma, ý người nghĩ thế nào, do Sinh nên có Già Chết phải không?

Đúng như vậy, bạch Thế Tôn.

Lành thay Tu-thâm-ma, ý người nghĩ sao, do Vô minh mà sinh ra các Hành phải không?

Đúng như vậy.

Lành thay Tu-thâm-ma, ý người nghĩ sao, do Sinh duyên diệt nên Già Chết diệt phải không? Cho đến do Vô minh diệt nên các Hành diệt phải không?

Đúng như vậy.

Lành thay (363b) Tu-thâm-ma, nếu Tỳ-kheo sống trong giáo pháp này chánh quán, chánh trí, điều gì phải đạt được thì sẽ đạt được hết phải không?

Đúng như vậy.

Người đã biết do Sinh nên có già chết phải không?

Đúng như vậy.

Do Vô minh nên có các Hành phải không?

Đúng như vậy.

Do Sinh duyên diệt nên già bệnh chết ưu bi khổ não, ngũ âm đều diệt phải không?

Đúng như vậy.

Do Vô minh diệt nên các Hành diệt phải không?

Đúng như vậy.

Người đã biết các pháp như vậy, người có đạt được thiên nhãn, Túc mạng trí và các sự giải thoát không?

Không đạt được, bạch Thế Tôn.

Người tự nói biết các pháp như vậy rồi lại bảo không đạt được các công đức kia, thì ai mà tin được?

Bạch Thế Tôn, vì bị Vô minh ác tà vây bủa nên con sinh ra tà kiến như vậy. Nay con nghe rõ chánh pháp nơi Thế Tôn nên diệt được ác tà kiến, đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Thế rồi, Tu-thâm-ma cúi đầu đánh lễ chân Phật, quỳ gối, chấp tay, bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, con xuất gia sống trong chánh pháp của Như Lai với tâm gian trá định trộm giáo pháp, Thế Tôn đại từ xin nhận sự hối lỗi của con.

Người ngu ngốc như trẻ con, vì muốn trộm chánh pháp của Phật mà xuất gia với tâm gian trá. Nay Ta nhận sự hối lỗi của người. Nay Tu-thâm-ma, ví như có người phạm tội với vua, rồi vua sai lính đem ra phân thân, cắt tai, xẻo mũi, dùng cửa để cửa, dùng dao cắt chặt từng đoạn, lại cho voi chà, ngựa đạp, giết chết bằng các hình thức cực kỳ đau khổ như vậy. Nay người xuất gia với tâm gian trá, vì muốn trộm pháp mà phạm phải tội lỗi, giờ đây Ta nhận sự hối lỗi của người, ở trong pháp của hiền thánh, người sẽ được tăng trưởng; từ nay về sau chớ có tái phạm.

Vì Thế Tôn độ Tu-thâm-ma và vì mục-liên vận dụng thần túc dùng bát chiến đàn hàng phục ngoại đạo tại Tỳ-xá-ly nên nhân dân càng thêm kính tín, và (tăng đoàn) được nhiều lợi dưỡng. Do thế, các ngoại đạo lồng lộn phỉ báng Thế Tôn, như trong kinh Tôn đà lợi đã nói rõ: Khi Phật chưa ra đời thì ngoại đạo được các thứ cúng dường, nhưng đến khi Phật ra đời thì tất cả ngoại đạo đều mất hết lợi dưỡng. Vì sao vậy? Vì mọi người đều biết rằng pháp Phật thâm diệu, như trong *kinh Không tước điều bản sinh* đã nói rõ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn chán sự cúng dường của người đời, nên trở về lại thành xá-vệ. Đến giờ khát thực, Phật khoác y thường mặc, cầm bát, vào thành xá-vệ tuần tự khát thực. Rồi sau khi ăn xong, Phật ung dung đi kinh hành, đoạn, thu xếp giường nệm, không nói với Tăng chúng và thị giả, Phật du hành một mình (363c) đến nước Kiều-tát-la.

Khi ấy, các Tỳ-kheo liền đến chỗ A-nan, nói với A-nan:

Thưa trưởng lão, đức Thế Tôn sau khi ăn, ung dung đi kinh hành, rồi tự thu xếp giường nệm, không nói với Tăng chúng và thị giả, đơn độc du hành đến nước Kiêu-tát-la.

A-nan đáp: “Thưa trưởng lão, nếu đức Như Lai Ứng cúng, Chánh biến tri sau khi ăn, ung dung đi kinh hành, rồi tự thu xếp giường nệm, không nói với các Tỳ-kheo và thị giả mà du hành một mình, là vì muốn tìm sự yên lặng, vậy các Tỳ-kheo không nên đi theo Ngài.”

Lúc ấy, Thế Tôn từ nước Kiêu-tát-la du hành đến Ba-lợi-đa, rừng Ta-la, an trú dưới cây Hiền Thọ. Đoạn, nói về bảy voi năm trăm con đang du hành. Voi chúa thường đi sau, gặp phải nước đục, cỏ xơ xác, vì thế nó chán ngán đàn voi, nên cũng đơn độc tìm đến cây này. Khi voi chúa trông thấy Phật, nó liền dùng vòi nhổ cỏ, đập đất cho bằng, lại dùng vòi lấy nước tưới lên đất cho khỏi bụi, đồng thời lấy cỏ mềm trải lên để làm chỗ ngồi. Đoạn nó quỳ gối, mời Phật ngồi lên. Khi thấy Phật ngồi rồi, nó bèn xin được cúng dường Phật ba tháng. Phật biết ý voi chúa, liền nhận sự thỉnh cầu của nó. Nhân việc này, Phật đọc bài tụng:

“Độc thiện không phải lo,
Như voi nơi hoang dã.
Vui trì giới học tập,
Cần bè bạn làm gì?”

Bấy giờ, voi chúa lấy những ngó sen tốt đẹp rửa sạch, rồi dâng lên Thế Tôn, và Thế Tôn đã nhận sự cúng dường của voi chúa suốt ba tháng. Khi ấy, năm trăm Tỳ-kheo vì cả ba tháng không thấy Phật, nên đến chỗ tôn-giả A-nan, thưa:

Trưởng lão, chúng tôi đã lâu không thấy Phật, cũng không được nghe pháp, nay chúng tôi muốn đến đánh lễ thăm hỏi Thế Tôn để nghe Thế Tôn dạy bảo.

Các trưởng lão nên đứng ở đây một lát và đợi tôi trở về.

Lành thay!

Thế rồi, A-nan liền đi đến chỗ tôn-giả đại Mục-liên, nói như sau: “Thưa trưởng lão, năm trăm Tỳ-kheo đến chỗ tôi nói rằng: “Đã lâu ngày không thấy Phật, không được nghe chánh pháp, muốn đến đánh lễ cúng dường Phật và nghe Phật dạy bảo. Trưởng lão hãy quan sát xem Phật đang ở tại đâu?”

Mục-liên liền nhập định, quan sát hết thủy thế gian, thấy Phật đang ở dưới gốc cây Hiền thọ, tại rừng Ta-la, Ba-lợi-da, nhận sự cúng dường của voi chúa. Thấy thế, thấy bèn hướng đến A-nan, nói bài kệ sau:

“Rời bỏ hồ hoa sen,
Thân tươi đẹp đầy đà.
Mình không bẩn sạch sẽ,
Sống vui nơi rừng vắng.
Được cam lồ diệu pháp,
Tướng hảo, thân sung mãn.
(364a) Tâm trong sạch không bẩn,
Rời chúng, vui rừng vắng.”

Khi Mục-liên đọc bài kệ đó rồi, liền nói với tôn-giả A-nan: “Đức Thế Tôn nay đang ở tại Ba-lợi-da, rừng Ta-la, dưới cây Hiền thọ, nhận sự cúng dường của voi chúa. Nếu ông muốn đến chỗ Thế Tôn thì bây giờ là đúng lúc.”

Tôn-giả A-nan bèn trở về chỗ các Tỳ-kheo, nói như sau:

Thế Tôn hiện giờ ở Ba-lợi-da, rừng Ta-la, dưới cây Hiền thọ, đang nhận sự cúng dường của voi chúa. Giờ đây, chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ vấn an Ngài.

Các Tỳ-kheo nghe A-nan nói thế, liền cùng nhau đi đến Ba-lợi-da, rừng Ta-la, dưới cây Hiền thọ. Khi còn cách Thế Tôn không xa, A-nan nói với các Tỳ-kheo:

Này các trưởng lão, đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri đang ở tại chỗ thanh vắng, chúng ta không nên đến đường đột. Các trưởng lão nên đứng lại đây một lát, để tôi đi đến trước.

Lành thay.

A-nan liền đến với Phật. Từ xa trông thấy A-nan đi đến, Phật liền nói: “Ông đến thật là đúng lúc A-nan, đã lâu ngày Ta không gặp ông.” Tôn-giả A-nan liền cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi bạch như sau: “Thế Tôn có được ít bệnh, ít khổ não và sống an lạc chăng?”

Như Lai ít bệnh, ít khổ não, sống an lạc, đang nhận sự cúng dường của voi chúa. Này A-nan, các Tỳ-kheo Tăng có được ít bệnh, ít khổ não, sống an lạc hay không? Khất thực không nhọc nhằn, hành đạo đúng pháp đấy chứ?

Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Tăng ít bệnh, ít khổ não, sống an lạc, khất thực không nhọc nhằn, hành đạo đúng pháp. Bạch Thế Tôn, năm trăm Tỳ-kheo hiện giờ đang đợi ngoài rừng, muốn vào thăm viếng, kính xin Thế Tôn chuẩn thuận.

Ta cho phép họ vào.

A-nan bèn trở lại chỗ các Tỳ-kheo nói:

Các trưởng lão được lợi ích rất lớn, vì Thế Tôn đã cho phép vào thăm.

Các Tỳ-kheo liền theo A-nan, cùng đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên. Lúc bấy giờ trong số ấy có một Tỳ-kheo suy nghĩ như sau: “Làm thế nào mà Tỳ-kheo biết như thật, thấy như thật và lần lượt đoạn tận các lậu hoặc?” Tuy thấy âm thầm suy nghĩ như thế, nhưng không dám hỏi Phật.

Đức Thế Tôn biết được những suy nghĩ trong tâm của vị Tỳ-kheo ấy, nên nói với A-nan: “Trong số người này có một Tỳ-kheo suy nghĩ như sau: “Làm thế nào để một Tỳ-kheo biết như thật, thấy như thật, lần lượt đoạn tận các lậu hoặc?” Tuy thấy âm thầm suy nghĩ như thế, nhưng không dám hỏi. Này A-nan, trước đây Ta đã

vì các Tỳ-kheo nói về cách quán tưởng ấm, giới, nhập và mười hai nhân duyên; nếu Tỳ-kheo biết như thật, thấy như thật, thì đoạn tận được các lậu hoặc.”

Vị Tỳ-kheo ấy nghe Thế Tôn nói thế, liền suy nghĩ: “Vật chất (sắc) là ta.”

Lúc đó, Thế Tôn biết được những suy nghĩ trong lòng của Tỳ-kheo ấy, liền nói với A-nan: “Thầy Tỳ-kheo ấy suy nghĩ như sau: “(364b) Vật chất là Ta.” A-nan nên biết, nếu có Tỳ-kheo quán tưởng thế này: “Vật chất là tất cả các hành, do Vô minh, Xúc, Thọ mà sinh ra Ái”, thì này A-nan, Ái bắt nguồn từ đâu? Nương tựa vào đâu? Phát sinh từ đâu? Chuyển biến từ đâu?

A-nan nên biết, Ái bắt nguồn từ Thọ, nương tựa vào Thọ, phát sinh từ Thọ và chuyển biến từ Thọ.

A-nan nên biết, Thọ bắt nguồn từ Xúc, nương tựa vào Xúc, phát sinh từ Xúc và chuyển biến từ Xúc.

A-nan nên biết, Xúc bắt nguồn từ Lục nhập, nương tựa vào Lục nhập, phát sinh từ Lục nhập và chuyển biến từ Lục nhập.

A-nan nên biết, Lục nhập là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh là pháp Vô thường hoại diệt; Xúc là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp Vô thường hoại diệt; Thọ là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp Vô thường hoại diệt; Ái là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp Vô thường hoại diệt; hành là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp Vô thường hoại diệt. Vô minh là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp Vô thường hoại diệt. Như vậy đó A-nan. Nếu Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ lần lượt đoạn tận hữu lậu.”

Vị Tỳ-kheo ấy, nghe nói thế, bèn suy nghĩ: “Vật chất chẳng phải là ta, vật chất là sở hữu của ta.”

Phật biết được, những suy nghĩ trong lòng của Tỳ-kheo ấy, liền nói với A-nan: “Thầy Tỳ-kheo ấy nghĩ thế này: “Vật chất chẳng phải là ta, vật chất là sở hữu của ta.”

A-nan nên biết, nếu Tỳ-kheo quán tưởng như sau: “Vật chất là tất cả các hành, do Vô minh, Xúc, Thọ mà sinh ra ái, vậy ái bắt nguồn từ đâu? Nương tựa vào đâu? Phát sinh từ đâu? Chuyển biến từ đâu?”

A-nan nên biết, ái bắt nguồn từ Thọ, nương tựa vào thọ, phát sinh từ Thọ và chuyển biến từ Thọ, cho đến Vô minh hữu vi hành (là sự vận hành của pháp hữu vi), do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp Vô thường hoại diệt.”

Vị Tỳ-kheo ấy nghe nói thế, liền suy nghĩ: “Vật chất không phải là Ta, cũng không phải sở hữu của Ta, mà trong ta có vật chất.”

Phật biết những suy nghĩ trong lòng của Tỳ-kheo ấy: (cho đến) Vô minh là sự vận hành của hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường biến hoại.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe nói thế, liền suy nghĩ: “Vật chất chẳng phải là ta, chẳng phải là sở hữu của ta, cũng chẳng phải trong ta có vật chất, hay trong vật chất có ta.”

Phật biết được những suy nghĩ trong lòng của Tỳ-kheo ấy: (cho đến) Vô minh là sự vận hành của hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường biến hoại.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe nói thế, liền suy nghĩ: “Nếu vật chất chẳng phải là ta, chẳng phải sở hữu của ta, chẳng phải trong ta có vật chất, cũng chẳng phải trong vật chất có ta; (Vậy chắc) Thọ là ta, Tưởng, Hành, Thức cũng như vậy. Nếu năm ấm chẳng phải là ta, chẳng phải sở hữu của ta, chẳng phải trong ta có năm ấm, chẳng phải trong năm ấm có ta; vậy thì vì sao mà có ta?”

Phật nói với A-nan: “Nếu quán tưởng như vậy về (364c) năm ấm, tất cả các Hành, do Vô minh, Xúc, Thọ sinh ra Ái, thì này A-nan, Ái bắt nguồn từ đâu? Nương tựa vào đâu? Phát sinh từ đâu?

Chuyển biến từ đâu? Nay A-nan, Ái bắt nguồn từ Thọ, nương tựa vào Thọ, phát sinh từ Thọ và chuyển biến từ Thọ.

A-nan nên biết, Thọ bắt nguồn từ Xúc, nương tựa vào Xúc, phát sinh từ Xúc và chuyển biến từ Xúc.

A-nan nên biết, Xúc bắt nguồn từ Lục nhập, nương tựa vào Lục nhập, phát sinh từ Lục nhập và chuyển biến từ Lục nhập.

A-nan nên biết, Lục nhập là sự vận hành của hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp Vô thường biến hoại, (cho đến) Vô minh là sự vận hành của hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường biến hoại, như vậy đó A-nan. Nếu Tỳ-kheo biết như vậy, quán tưởng như vậy, thì lần lượt sẽ đoạn tận hữu lậu.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe nói thế, liền được pháp nhãn thanh tịnh. Rồi thầy suy nghĩ: “Tất cả các pháp đều vắng lặng, không có ta, không có sở hữu của ta.”

Phật nói với A-nan: “Thầy Tỳ-kheo ấy trong khi suy nghĩ như thế, thì không thọ nhận bất cứ pháp nào, đoạn tận các lậu hoặc và tâm được giải thoát.”

Trong khi Phật vì Tỳ-kheo ấy thuyết về pháp đó thì năm trăm Tỳ-kheo tâm được giải thoát, đều thành La-hán.

Thế rồi, đức Thế Tôn cùng sống với các Tỳ-kheo, lúc ấy vào tháng mùa thu, gặp cơn mưa lạnh thành linh các Tỳ-kheo đem đốt một khúc cây lớn rỗng ruột. Nhưng trong cây ấy vốn có một con rắn lớn. Vì bị lửa nóng nên nó chui ra, ngẩng đầu lên, đuổi theo các Tỳ-kheo. Do đó, các Tỳ-kheo kêu gọi nhau om sòm: “rắn bò ra, rắn bò ra.” Lúc ấy, Phật biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo: “Vì sao mà kêu la om sòm như thế?”

Bạch Thế Tôn, vì bị cơn mưa lạnh thành linh các Tỳ-kheo-niên thiếu đem đốt một cây rỗng ruột. Trong cây ấy có con rắn, do bị

lửa nóng nên nó bò ra đuổi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thấy vậy nên mới kêu gọi nhau om sòm như thế.

Đi gọi các Tỳ-kheo ấy đến đây.

Khi họ đến rồi, Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Đốt lửa có bảy sự tai hại, đó là: (1) Làm hư mắt; (2) Làm hư nhan sắc; (3) Làm cho thân tiêu tụy; (4) Y phục bị dơ bẩn, hư hại; (5) Làm hư hỏng giường nệm; (6) Sinh ra cơ hội phạm giới; (7) Làm tăng thêm sự bàn tán về chuyện đời. Có bảy điều tai hại như thế, nên từ nay về sau, Ta không cho phép đốt lửa.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Đức Thế Tôn vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi quan sát phòng của các Tỳ-kheo một lần, Ngài thấy một Tỳ-kheo bị bệnh ghê ngứa, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo, có dễ chịu không? Không khổ đấy chứ?

Con bị bệnh ghê ngứa không được vui, nếu được hơi lửa thì thấy dễ chịu, nhưng Thế Tôn chế giới không cho đốt lửa, nên không được dễ chịu.

Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo bị bệnh được phép đốt lửa.

(365a) Lại nữa, khi Phật trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các tôn-giả nan-đề, kim-tì-lô, bạt-đề an cư tại núi tháp vừa xong, bèn đi đến thành xá-vệ để đánh lễ thăm viếng Thế Tôn. Thấy các vị mặc áo bị thấm mưa, màu nhuộm phai lạt, Phật biết mà vẫn hỏi:

Này các Tỳ-kheo, vì sao lại mặc áo bị thấm nước mưa (màu phai lạt)?

Bạch Thế Tôn, vì Thế Tôn chế giới không được đốt lửa, nên chúng con không dám nấu thuốc nhuộm để nhuộm lại.

Từ nay về sau, trừ có lý do chính đáng (thì được đốt lửa).

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo không có bệnh mà tự đốt cỏ, cây, phân bò, hoặc sai người khác đốt, thì phạm Ba-dạ-đề, ngoại trừ có lý do chính đáng.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Bệnh: Như ghẻ lở, ghẻ ngứa, lác, bệnh phong... có các loại bệnh cần đến lửa như vậy mới dễ chịu, thì cho phép đốt lửa.

Cỏ: Tất cả các thứ cỏ và lau, sậy, trúc...

Cây: Tất cả các loại cây hoặc đã bị đốn chặt, hoặc còn nguyên vẹn.

Phân bò: Hoặc tự mình đốt, hoặc sai người đốt, ngoại trừ có lý do chính đáng thì Thế Tôn bảo không có tội.

Lý do: Hoặc trực nguyệt (chịu trách nhiệm trong tháng), hoặc phải chăm sóc việc ăn uống, hoặc đến phiên mình phải đốt lửa, đốt đèn, hoặc đốt lò sưởi cho ấm trong phòng, hoặc đốt lửa cho Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc đun nước nóng, hoặc xông bát, hoặc nhuộm y... đốt lửa thì không có tội. Nếu không có lý do thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu cầm cây củi có lửa để trên đồng củi, trên cỏ, trên phân bò, trên ghế gỗ, trên đồng rác thì phạm Ba-dạ-đề. Như vậy, cho đến nếu cầm nắm rác có lửa để trên củi, trên cỏ, trên phân bò, trên ghế gỗ cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo giẫm trên đồng lửa bằng cỏ cây, có cái đã cháy, có cái chưa cháy, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu giẫm trên lửa làm cho lửa văng ra mà chưa cháy đất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni (?). (Khi ấy) được cầm cây sắt, gạch, ngói mà đập đồng lửa thì không có tội.

Nếu cầm lửa xoay thành vòng tròn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngắt cỏ ném về phía lửa hoặc ném trên lửa, thì tùy ngắt bao nhiêu cộng, phạm bấy nhiêu tội Ba-dạ-đề.

Nếu đốt cháy cây cỏ thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đốt cháy thân cây nảy mầm thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Vì phạm tội đốt lửa và làm hại mầm cây.

Nếu vì muốn phá (vật gì đó), hoặc hỏa tịnh (dùng lửa đốt đồ ăn để đồ ăn hợp lệ), hoặc vì lý do chính đáng mà đốt thì không có tội.

Nếu đốt buôi lúa đã có hạt hoặc bông lúa đã có hạt thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Một tội đốt lửa và một tội làm hại mầm sống. Nhưng nếu cần dùng lửa để tác tịnh (như nghĩa hỏa tịnh) hoặc có lý do mà đốt, thì không có tội.

Nếu đốt tóc, đốt lông ngựa, lông lạc đà..., thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đốt da thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đốt bánh thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đốt thuốc độc và than thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

(365b) Nếu ăn không tiêu được dùng miếng sắt nung nóng áp trên bụng, thì không có tội.

Nếu dùng giày da dẫm trên lửa thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 40 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

41. NGỦ QUÁ THỜI HẠN CHO PHÉP

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng Dã, nói rộng như trên. Bấy giờ Tỳ-kheo quản sự thuê thợ trộn hồ đúc gạch. Người thợ ấy khi thì ngủ trong phòng trai đường của Tăng, khi thì nghỉ trong phòng Thiền, khi thì nghỉ trong phòng sưởi, ông khắc nhổ đồ dơ bẩn, hoặc đại tiểu tiện nơi này nơi kia, làm cho ô uế, phương hại đến sự tọa thiền, hành đạo của các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo quản sự đến. Khi thấy đến rồi, Phật bèn hỏi: “Có thật ông thuê người làm công về làm cho ô uế nơi này nơi kia, khiến phương hại đến sự tọa Thiền, hành đạo của các Tỳ-kheo hay không?”

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao như vậy?

Con muốn sai người thợ ấy buổi mai làm, buổi chiều nghỉ, làm sao vừa đủ số tiền thuê thì thôi.

Tuy vậy, nhưng từ nay về sau (Tỳ-kheo) không được ngủ chung phòng với người chưa thọ giới cụ túc.

Lại nữa, khi Phật còn là Bồ-tát, ở nhà phụ vương rất yêu quý, vì sợ mất giống Chuyển luân vương nên ưu sầu khóc lóc không cho Bồ-tát xuất gia. Đến khi (Gia du) hoài thai La-hầu-la thì (Bồ-tát) mới bỏ nhà xuất gia được. Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Như Lai nhu nhuyến làm vui lòng người không thể nào hơn được phụ vương, vì Ngài đã xây ba cung điện phù hợp cho ba mùa Xuân, Hạ, Đông, như trong *kinh Nhu nhuyến tuyển* đã nói rõ, (cho đến) Như Lai được thành Đẳng chánh giác.”

Các Tỳ-kheo bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, vì sao Thế Tôn phải tu khổ hạnh đến sáu năm như vậy?

Không phải chỉ có ngày nay (tu khổ hạnh), như trong *kinh Điều bản sinh* đã nói rõ.

Bạch Thế Tôn, vì sao ma Ba tuần thường muốn làm nhiễu loạn phá hoại Thế Tôn?

Không phải chỉ có ngày nay (phá hoại), như trong *kinh Miết Bản Sinh* đã nói rõ về sự kiện cha con gặp nhau tại nước Ca-duy-la-vệ. Trong đó còn nói rõ về trường hợp Đại-ái-đạo, Da-thâu-đà-la, La-vân xuất gia. Lại còn nói rõ trường hợp Phật vì thân quyến nên trở về nước Ca-duy-la-vệ. Bấy giờ, những người có lòng tin bền làm cầu tiêu cho Phật. Tuy Phật không cần, nhưng vì thuận theo người đời nên đã nhận. Thế rồi, một hôm, tôn-giả La-hầu-la nằm ngủ ở ngoài trời, đêm ấy trời bỗng đổ mưa gió. Thầy liền đi đến trước phòng tôn-giả Xá-lợi-phất, gõ cửa. Xá-lợi-phất hỏi: “Ông là ai?”

Bạch Hòa thượng, con là La-hầu-la.

Ông hãy đứng ngoài đó.

La-hầu-la bèn đến trước phòng tôn-giả Đại Mục-liên, gõ cửa. Mục-liên hỏi:

Ông là ai?

Thưa A-xà-lê (thầy giáo thọ), con là La-hầu-la.

Ông hãy đứng ngoài đó.

Cứ như thế, La-hầu-la lại đến các phòng khác, nhưng ai cũng bảo phải đứng ở ngoài phòng. Lúc ấy, La-hầu-la bèn đi vào trong cầu tiêu của Thế Tôn, gối đầu trên thềm cầu mà nằm. (365c) Thế rồi, có một con rắn đen, vì sợ mưa gió nên cũng định vào trong cầu tiêu. Phật thường quan sát chúng sinh, thấy con rắn đen ấy muốn vào trong cầu tiêu, vì sợ nó làm hại La-hầu-la, nên người phóng ra ánh sáng, rồi đi đến nhà cầu, cất tiếng hỏi: “Ông là ai?”

Bạch Thế Tôn, con là La-hầu-la.

La-hầu-la, chẳng lẽ ông đang ở đây sao?

Bạch Thế Tôn, con được chỗ này đã may mắn lắm rồi!

Phật liền dùng bàn tay sắc vàng mềm mại đỡ La-hầu-la lên, rồi phủi bụi bám trên mình, đoạn, dẫn vào phòng mình chỉ cái giường ở trước, nói: “Ông hãy nghỉ trên giường này.”

Vì khi ấy, Như Lai đã chế giới cho các đệ tử, nên phải tuân hành theo giới ấy. Do đó, Thế Tôn ngồi kiết già trên đất. Lúc ngồi Thiền xong, Phật liền nói với các Tỳ-kheo: Như Lai vì lòng từ, nhân chuyện La-hầu-la, nên muốn cho các đệ tử được an lạc, từ nay về sau Ta cho phép người chưa thọ giới cụ túc được ngủ chung phòng (với Tỳ-kheo) trong ba đêm, đến đêm thứ tư, nên ngủ riêng.

Các Tỳ-kheo bèn bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn, vì nguyên nhân gì mà La-hầu-la ở trong thai sáu năm?”

Phật nói với các Tỳ-kheo: “Ngày xưa có một tiên nhân tên Lê-ba-đô, di đến nhà vua xin yết kiến. Vua bèn báo tin cho tiên nhân: “Ông hãy ở tạm trong vườn Vô ưu, chốc lát rồi Ta sẽ cho gặp.” Nhà vua ra lệnh thế rồi, nhưng đến sáu hôm mà chưa cho tiên nhân gặp.” Ông vua khi ấy nay là La-hầu-la, vì nguyên nhân đó mà phải ở trong thai đến sáu năm, như trong Sanh kinh đã nói rõ.” Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Ca-duy-la-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo ngủ chung một phòng với người chưa thọ giới cụ túc quá ba đêm thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Chưa thọ cụ túc: Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nhưng Tỳ-kheo-ni tuy thọ cụ túc cũng không cho phép ở chung ba đêm.

Ngủ ba đêm: Giới hạn được ngủ ba đêm.

Cùng một phòng: Nếu cùng ngủ chung trong một phòng có cùng một mái, cùng một bức tường thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu một phòng mà có cửa riêng, có ngăn cách thì không có tội.

Nếu khác phòng mà cùng một cửa thì phạm Ba-dạ-đề.

Hoặc một phòng một cửa cũng phạm Ba-dạ-đề.

Nếu khác phòng, khác cửa thì không có tội.

Nếu (phòng) có tường có mái thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu có tường mà lợp một nửa thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có tường mà không có mái thì không có tội.

Nếu có mái, có tường thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu có mái mà tường ngăn một nửa thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có mái mà không có tường thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo ngủ trong phòng mà người chưa thọ cụ túc cũng ngủ trong phòng thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngủ trong phòng mà người chưa thọ giới cụ túc nằm một nửa thân mình trong phòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nằm hoàn toàn ở ngoài thì không có tội.

(366a) Nếu người chưa thọ giới cụ túc ngủ trong phòng và Tỳ-kheo cũng ngủ trong phòng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu người chưa thọ giới cụ túc ngủ trong phòng, mà Tỳ-kheo nằm nửa thân mình trong phòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nằm hoàn toàn ở ngoài phòng thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo nằm trước trong phòng rồi người chưa thọ giới cụ túc đến nằm sau thì cứ mỗi lần nằm phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu

Tỳ-kheo hay người chưa thọ cụ túc nửa đêm dậy đi đại tiểu tiện rồi vào ngủ lại, thì cứ mỗi lần trở dậy phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu nhiều người chưa thọ cụ túc vào nằm trước, rồi Tỳ-kheo đến ngủ sau thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu nửa đêm dậy đi đại tiểu tiện rồi trở vào nằm lại, thì cứ mỗi lần đi lại phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngủ cùng phòng với người chưa thọ cụ túc ba đêm, thì đêm thứ tư phải đổi sang phòng khác. Nếu ra nằm ngoài trời rồi gặp lúc trời mưa gió lạnh lẽo thì nên vào lại trong phòng mà ngồi cho đến lúc thấy rõ mặt đất. Nếu Tỳ-kheo bệnh không thể ngồi được thì nên lấy mền đắp lên từ đầu trở xuống hoặc từ nách trở xuống cho tới đất và nên dùng một vật dày khít ngăn lại không để cho con mèo đi qua được.

Nếu Tỳ-kheo đang lúc đi đường có thể ngủ với người chưa thọ giới cụ túc trong một nhà qua ba đêm, đến đêm thứ tư nên ngủ riêng ra. Nếu ra nằm ngoài trời mà gặp lúc mưa gió tuyết rơi lạnh phải vào trong nhà thì nên dùng cái mền ngăn lại như trên đã nói. Nếu không che mền thì phải ngồi cho đến lúc thấy rõ mặt đất. Nếu vì già bệnh không ngồi được mà người chưa thọ giới cụ túc kia có thể tin được thì nên bảo y: “Người ngủ thì ta phải ngồi.” Đến lúc Tỳ-kheo muốn ngủ thì nên gọi y dậy, nói: “Khi ta ngủ thì người phải ngồi, nếu người cũng ngủ thì không được phước đức.”

Tội ngủ chung cùng phòng này nếu chưa sám hối mà lại ngủ chung nữa thì tội càng thêm nặng. Nếu sám hối xong, rồi ngủ phòng riêng, thì sau đó sẽ được ngủ chung lại. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 41 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

42. GỎI DỤC RỒI PHỦ NHẬN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ nói rộng như trên. Bấy giờ Tỳ-kheo Tăng tập họp định làm yết-ma, thì Ưu-ba-nan-đà không đến. Sứ giả liền đến, gọi: “Trưởng lão, Tăng tập họp định làm yết-ma, cho tôi tới gọi trưởng lão.” Ưu-ba-nan-đà vốn hiểu giới luật liền gọi dục yết-ma cho sứ giả. Sau khi gọi dục yết-ma rồi, thầy Tỳ-kheo nhận dục nói: “Ông đã gọi dục rồi, sau này chớ nói này khác.” Thế rồi, Tăng làm yết-ma cử tội người đệ tử thân cận của Ưu-ba-nan-đà. Sau khi bị Tăng làm yết-ma cử tội, người này liền đến chỗ Hòa thượng (Ưu-ba-nan-đà) nói như sau:

Vì sao Hòa thượng lại gọi dục trong trường hợp này?

Có việc gì vậy?

Chúng Tăng làm yết-ma cử tội con.

Ta đâu có biết.

Thầy nghe đệ tử nói rồi, bèn đến nói với người mình đã gọi dục: “Trưởng lão, tôi không gọi dục (trong trường hợp) không tốt như vậy, pháp yết-ma đó (366b) không thành tựu. Tôi không gọi dục về pháp yết-ma này.”

Khi đó, các Tỳ-kheo nghe thế hổ thẹn, không vui, liền đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật nói: “Đó là việc xấu. Vì sao ông gọi dục rồi lại nói không gọi, yết-ma không thành tựu. Tôi không gọi loại dục như thế. Vì sao ông không hỏi trước mà liền gọi dục? Từ nay về sau Ta không cho phép Tỳ-kheo không hỏi rõ sự việc mà gọi dục.” Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo gọi dục rồi, sau đó nổi giận không vui, nói như sau: “Tôi không gọi dục (về việc) không tốt, pháp yết-ma đó

***không thành tựu. Tôi không gọi dục trong trường hợp này”,
thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Gọi dục: Có hai trường hợp: Hỏi rồi mới gọi, không hỏi mà gọi.

Hỏi rồi mới gọi: Tức hỏi người nhận dục: “Làm việc gì vậy?” Rồi người ấy đáp: “Làm yết-ma chiết phục”, thì khi ấy gọi dục yết-ma chiết phục, cho đến “yết-ma cử tội”, thì gọi dục yết-ma cử tội; mỗi thứ, mỗi thứ yết-ma như vậy hỏi rồi mới gọi dục; đó gọi là hỏi rồi mới gọi dục.

Không hỏi mà gọi: Như nói: “Tôi gọi dục yết-ma.” Nói ba lần như vậy. Đó được xem là gọi dục chung cho tất cả pháp yết-ma, chỉ trừ Bồ-tát và Tỳ-tứ. Như vậy gọi là không hỏi mà gọi dục.

Thế rồi, sau khi làm yết-ma xong giận dữ không vui. Giận dữ không vui được gọi là chín sự khổ não và nổi giận không đúng chỗ. Sự giận dữ thứ mười thì kẻ phạm phu đang học còn mắc phải, thậm chí La-hán cũng có cái không vui, rồi nói như sau: “Tôi không gọi dục (những việc) không tốt, pháp Yết-ma đó không thành tựu. Tôi không gọi thứ dục ấy”, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu khi Tỳ-kheo Tăng tập họp định làm yết-ma thì tất cả mọi người phải đến đầy đủ. Nếu có duyên sự như xông bát, nhuộm y, hoặc bệnh, hoặc bận các việc đối với tháp, với Tăng, thì khi ấy phải gọi dục. Nhưng không được gọi rồi, sau lại nói: “Theo tôi nghe người kia nói lại thì việc đó không nên làm như vậy.” Nếu trước đã gọi dục yết-ma rồi thì sau đó phải tùy hỷ. Nếu ở giữa Tăng đã gọi dục rồi mà sau đó làm trái lại, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu ở giữa nhiều người, hoặc ở trước Tỳ-kheo trưởng lão, trước Hòa thượng A-xà-lê gởi dục rồi mà sau đó làm trái lại, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 42 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



43. LÀM CHO NGƯỜI KHÁC NHỊN ĐÓI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Ưu-ba-nan-đà em của A-nan-đà nói với người đệ tử đồng hành của A-nan-đà như sau: “Người cùng đi với ta vào thôn xóm (366c), đến một nhà kia, ta sẽ cho người thức ăn ngon. Nếu ta có làm việc gì trái oai nghi thì người chớ nói với người khác. Ta là chủ của người (như trong giới ba mươi đã nói rõ)”, cho đến nói với Nan-đà: “Vì sao đệ tử của thầy lại nói lỗi của tôi ở trước mặt những người phạm hạnh?” Nan-đà liền khiển trách đệ tử: “Người là vật tối tệ, vì sao lại nói lỗi của em ta ở trước những người phạm hạnh?” Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật hỏi:

Ông có làm như vậy thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Ưu-ba-nan-đà, đó là việc ác. Vì sao ông lại nói với Tỳ-kheo kia rằng: “Người cùng đi với ta vào thôn xóm, đến nhà kia, ta sẽ cho người thức ăn ngon.” Nhưng khi đến đó rồi, lại bảo họ trở về. Từ nay về sau Ta không cho phép bảo họ trở về.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác như sau: “Người cùng vào thôn xóm với ta, đến nhà kia, ta sẽ cho người thức ăn”, hoặc tự mình cho hoặc bảo người khác cho. Rồi sau đó muốn đuổi họ đi, nói: “Người đi đi. Ta ở với người, nói chuyện với người không vui. Ta sống một mình, nói chuyện một mình vui hơn.” Chỉ nêu lý do đó mà đuổi chứ không có lý do nào khác, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Thôn xóm: Như trong giới ăn trộm trên kia đã nói.

Sau đó không cho: Tự mình không cho cũng không bảo người khác cho, nói như sai: “Trưởng lão, ông hãy đi đi. Tôi cùng ở với ông, cùng nói chuyện với ông không vui. Tôi sống một mình, nói chuyện một mình vui hơn”, để mà đuổi, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu vì muốn làm điều trái oai nghi ở giữa đường mà lưu giữ người kia ở lại trong Tinh xá, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì muốn làm điều trái oai nghi ở giữa đường, rồi ngay giữa đường sai người kia trở về, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì muốn làm điều trái oai nghi ở trong thôn xóm, rồi ngay tại thôn xóm đuổi người kia đi, thì phạm Ba-dạ-đề.

Không nên dẫn đi rồi đuổi trở về. Nếu khả năng không thể xin đủ hai người ăn, thì có thể sai người kia trở về, không có tội.

Nếu có thể xin đủ hai người ăn thì nên cùng ăn. Nếu sai đi lấy thuốc, mời y sĩ, thì không có tội.

Nếu xin không thể được rồi khi ấy định sai đi mà có chỗ mời ăn, thì nên bảo đến chỗ mời ăn để người ấy ăn. Nếu không có chỗ mời ăn mà trong Tinh xá có thức ăn, thì nên bảo về lại Tinh xá để ăn. Nếu không có chỗ nào mời ăn, trong Tinh xá cũng không có thức ăn, thì nên nói với người kia “Trưởng lão, ông hãy tự đi tìm thức ăn lấy.” Nếu người ấy làm điều trái oai nghi, nhìn ngó bất chính, thì khiến họ đi không có tội.

Hoặc sai người ấy làm các việc như xông bát, nhuộm y, thì không có tội.

Tóm lại, nếu đuổi Tỳ-kheo thì phạm Ba-dạ-đề, đuổi (367a) Tỳ-kheo-ni thì phạm Thâu-lan-giá; đuổi Học giới ni, sa-di, sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni; cuối cùng, nếu đuổi người thế tục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 43 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



44. XUYÊN TẠC GIÁO PHÁP, KHÔNG NGHE LỜI KHUYÊN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả A-lợi-tra hủy báng khế kinh như sau: “Theo tôi hiểu các pháp do Như Lai thuyết giảng thì những pháp mà Ngài bảo là chương đạo, khi thực hành chúng, chẳng có gì chương đạo cả.” Khi ấy, các Tỳ-kheo bèn nói: “Trưởng lão A-lợi-tra, chớ hủy báng khế kinh. Đó là ác kiến, là kiến giải bất thiện, sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục.” Can gián một lần, hai lần, ba lần vẫn không chấm dứt, các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, A-lợi-tra hủy báng khế kinh, nói như sau: “Theo chỗ tôi biết, những pháp do đức Như Lai thuyết giảng, thì những pháp mà Ngài cho là chương đạo, khi thực hành chúng, chẳng có

gì chướng đạo cả.” Chúng con đã can gián một lần, hai lần, ba lần mà thầy vẫn không chấm dứt.”

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Ông A-lợi-tra ấy hủy báng khế kinh, nói rằng: “Theo chỗ tôi biết, các pháp do đức Như Lai thuyết giảng thì những pháp mà Ngài cho là chướng đạo, khi thực hành chúng, chẳng có gì chướng đạo cả.” Rồi được can gián một lần, hai lần, ba lần mà vẫn không chấm dứt, thì các ông nên đến chỗ vắng can gián ba lần, đến giữa nhiều người can gián ba lần, rồi đến giữa chúng Tăng can gián ba lần. Khi can gián ở chỗ vắng, nên hỏi như sau: “Trưởng lão A-lợi-tra, ông hủy báng khế kinh nói như sau: “Theo chỗ tôi biết, các pháp do đức Như Lai thuyết giảng thì những pháp mà Ngài bảo là chướng đạo, khi thực hành chúng chẳng có gì là chướng đạo cả”, rồi được can gián ba lần mà không từ bỏ phải không?” Nếu ông đáp: “Đúng như vậy”, thì bấy giờ nên can gián ở chỗ vắng như sau: “A-lợi-tra, ông hủy báng khế kinh, đó là ác kiến, là kiến giải bất thiện, sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Trưởng lão, tôi vì từ tâm can gián ông là muốn cho ông được lợi ích, vậy ông hãy bỏ việc ấy đi. Lần can gián thứ nhất đã xong, còn hai lần can gián nữa, vậy ông hãy bỏ việc ấy đi.”

A-lợi-tra nói: “Đó là kiến giải tốt, kiến giải thiện, từ khi tôi chấp hành đến nay, cha mẹ bạn bè quen biết của tôi cũng thường áp dụng kiến giải này. Nay tôi không thể không hỏi cha mẹ bạn bè quen biết mà lại vứt bỏ kiến giải này.”

Thế rồi, nếu can gián đến lần thứ hai thứ ba mà vẫn không chấm dứt, cho đến can gián ở chỗ nhiều người ba lần cũng không chấm dứt, thì phải đến giữa chúng Tăng làm pháp yết-ma cầu thỉnh (xin được nghe), nói như sau:

“Xin đại đức Tăng lắng nghe! A-lợi-tra hủy báng khế kinh nói thế này: “Theo tôi biết các pháp do Như Lai thuyết giảng, những pháp mà Ngài bảo rằng chướng đạo, khi thực hành chúng chẳng có gì chướng đạo cả.” Đã được can gián ở chỗ vắng ba lần, ở giữa nhiều người ba lần mà vẫn không bỏ việc ấy. Nếu thời gian thích hợp

đối với Tăng, nay Tăng cũng lại can gián ở giữa Tăng ba lần khiến cho bỏ việc ấy.”

Trong chúng Tăng nên hỏi: “Trưởng lão A-lợi-tra, có thật ông hủy báng khế kinh nói rằng: “Theo tôi biết các pháp do Như Lai thuyết giảng, (367b) những pháp mà Ngài bảo là chương đạo, khi thực hành chúng chẳng có gì là chương đạo cả”, rồi được can gián ở chỗ vắng ba lần, ở giữa nhiều người ba lần mà vẫn không bỏ việc ấy phải không?”

Nếu ông đáp: “Đúng như vậy”, thì ở giữa chúng Tăng nên can gián. Cách can gián phải nói như sau: “A-lợi-tra, ông chớ hủy báng khế kinh. Hủy báng khế kinh sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Nay trưởng lão, Tăng muốn lợi ích cho ông, ông phải vâng lời chúng Tăng. Một lần can gián đã xong, còn hai lần can gián nữa, ông phải bỏ việc ấy đi.”

A-lợi-tra lại nói: “Đó là kiến giải tốt, kiến giải thiện, từ cha mẹ tôi trở đi đều kế thừa áp dụng kiến giải này. Tôi không thể không hỏi cha mẹ mà bỏ kiến giải này.”

Tuy được can gián đến lần thứ hai, thứ ba mà ông vẫn không bỏ, do đó, các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Nếu Tỳ-kheo A-lợi-tra hủy báng khế kinh nói rằng: “Theo tôi hiểu pháp của Như Lai thuyết giảng, những pháp mà Ngài bảo là chương đạo, khi thực hành chúng, chẳng có gì chương đạo cả”, rồi được can gián ở chỗ vắng ba lần, ở giữa nhiều người ba lần, ở giữa chúng Tăng ba lần mà vẫn không bỏ việc ấy, thì các ông nên làm pháp yết-ma cử tội Tỳ-kheo A-lợi tra.”

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nói thế này: “Thưa trưởng lão, tôi biết pháp do Thế Tôn thuyết giảng, những pháp mà Thế Tôn bảo là chương đạo, khi thực hành chẳng có gì là chương đạo”, thì các Tỳ-

kheo nên khuyên can Tỳ-kheo ấy, nói thế này: “Trưởng lão, ông chớ nên hủy báng Thế Tôn, hủy báng Thế Tôn là bất thiện. Thế Tôn không nói như thế. Thế Tôn nói pháp chương đạo thì thật là chương đạo. Ông hãy bỏ việc ấy đi.” Nếu các Tỳ-kheo khuyên can Tỳ-kheo ấy mà ông vẫn kiên trì không bỏ, thì nên khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba. (Sau ba lần khuyên can) mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì Tăng nên làm yết-ma cử tội. Sau khi làm yết-ma xong, (Tỳ-kheo ấy) phạm tội Ba-dạ-đề.

✱

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Thế Tôn: Là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến.

Pháp: Những điều do Thế Tôn nói, những điều được Thế Tôn ẩn khả.

Thế Tôn nói: Thế Tôn tự nói.

Ẩn khả: Các đệ tử nói rồi Thế Tôn ẩn chúng (chẩn nhận).

Nói: Nói ra từng câu từng câu rõ ràng.

Biết: Tức là cái biết thuộc trí tuệ siêu đẳng.

Pháp chương đạo: Đối với ngũ dục mắt thấy sắc sinh ra ái luyến nhớ nghĩ, tâm sinh ham muốn đắm trước, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, cảm thọ cũng như vậy.

Thực hành (tập): Làm việc đó.

Chẳng có gì chương đạo: Không chương đạo Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền và các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

Các Tỳ-kheo: Hoặc một người, hoặc nhiều người, hoặc Tăng chúng.

Tỳ-kheo ấy: (367c) Như Tỳ-kheo A-lợi-tra.

Chớ hủy báng Thế Tôn: (chớ) giữ lấy những điều không thật, giữ lấy những điều không tốt.

Can gián ba lần: Hoặc (ở chỗ) một người, hoặc (ở chỗ) nhiều người, hoặc (ở giữa) chúng Tăng.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói; cho đến ba lần can gián, nếu bỏ thì tốt; cho đến không bỏ thì Tăng nên làm yết-ma cử tội bất sám hối Ba-dạ-đề. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 44 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

Hết quyển thứ mười bảy

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 18

BA-DẠ-ĐỀ (tiếp theo)

45. BAO CHE NGƯỜI CÓ LỖI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo A-lợi-tra không bỏ ác kiến, bị chúng Tăng làm yết-ma cử tội xong, thấy bèn đến chỗ tôn-giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà. Hai vị này thấy Thấy, liền tán thán: “Lành thay! (tôn-giả) đến đây”, rồi đứng dậy đón tiếp, đưa cho ghế ngồi và nước rửa chân, lại đưa dầu thoa chân, nước uống phi thời, chỉ cho căn phòng, giường nệm, dụng cụ để nằm, và cùng hưởng chung thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất.

Thế rồi, Tỳ-kheo A-lợi-tra đi đến trước cổng Tinh xá Kỳ-hoàn, nói với các Tỳ-kheo: “Này các trưởng lão, các ông tưởng làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo A-lợi-tra này rồi thì tôi không có chỗ ở sao? Tôi vẫn được các Tỳ-kheo phạm hạnh cho cùng ở chung, giao cho phòng xá, giường, nệm, ngọa cụ, lại được hưởng chung thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất. Các ông càng sớm cử tội thì tôi càng sớm được chỗ ở tốt như vậy đó.”

Các Tỳ-kheo nghe nói thế, cảm thấy hổ thẹn không vui, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Nan-đà v.v.. đến.

Khi đến rồi, Phật liền hỏi Nan-đà: “Các ông có việc đó thật như vậy không?”

Đáp: “Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.”

Đó là việc xấu. Vì sao ông đã biết chúng Tăng làm yết-ma cử tội rồi mà còn ăn chung thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất (với người ấy)? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy; không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác có ác kiến không bỏ, Tăng đã làm yết-ma cử tội, chưa làm như pháp, mà cùng (368a) ăn chung, cùng ở chung một nhà, thì phạm Ba-dạ-đề.

✱

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nghe từ người khác (mà biết).

Ác kiến: Như A-lợi-tra hủy báng kế kinh.

Chưa làm như pháp: Tăng chưa giải tỏa pháp yết-ma cử tội.

Cùng ăn: Cùng hưởng thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất.

Cùng ở: Cùng ở trong cùng một cương giới.

Cùng một nhà: Cùng ở trong một nhà có cùng một vách tường, cùng một mái.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu có một Tỳ-kheo bị Hòa thượng, A-xà-lê quở trách thì Tỳ-kheo khác không được quyến rũ, nói: “Ta cho người y bát, thuốc trị bệnh, giường nệm ngọa cụ, người nên ở gần bên ta học kinh đọc kinh....” Nếu quán sát thấy tình huống của Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ xả giới hoàn tục, thì nên dỗ dành và dạy bảo như sau:

“Ông phải biết, ân đức của Hòa thượng, A-xà-lê rất thâm trọng khó mà báo đáp. Ông nên trở về sống thân cận với (các ngài)”, nói như thế thì không có tội.

Nếu người bị cử tội mà tưởng là không bị cử tội, cùng ở cùng ăn với họ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Người không bị cử tội mà tưởng là bị cử tội cùng ở cùng ăn chung với họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Người bị cử tội tưởng là họ bị cử tội (mà cùng ở cùng ăn với họ) thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Người không bị cử tội tưởng là không bị cử tội (cùng ở cùng ăn với họ) thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 45 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

❖ 46. CHỮA CHẤP SA-DI BỊ ĐUỐI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, A-lợi-tra có một sa-di tự là Pháp Dữ, nói như sau: “Này trưởng lão! Theo tôi biết pháp do đức Như Lai thuyết giảng, Ngài nói dâm dục làm chướng đạo, nhưng khi thực hiện sự dâm dục thì không có gì là chướng đạo.”

Lúc ấy, các Tỳ-kheo liền nói: “Này sa-di, người chó hủy báng Thế Tôn; hủy báng Thế Tôn là không tốt. Người không khéo ghi nhớ lời dạy của Thế Tôn, vì thực hiện sự dâm dục quả thật là chướng đạo.” Can gián một lần, hai lần, ba lần mà sa-di ấy vẫn không chấm dứt, nên các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn.

Phật nói với các Tỳ-kheo: Nếu sa-di Pháp Dữ ấy nói rằng: “Theo tôi hiểu pháp do Như Lai thuyết giảng, Ngài nói sự dâm dục làm chướng đạo, nhưng khi thực hiện dâm dục không có gì là chướng

đạo”, thì các ông nên can gián ở chỗ vắng ba lần, can gián ở chỗ nhiều người ba lần và can gián ở giữa chúng Tăng ba lần, khiến cho bỏ việc ấy.

Ở chỗ vắng nên hỏi: “Này sa-di, có thật người nói như sau: – Theo tôi biết, pháp do Như Lai thuyết giảng, Ngài nói hành dâm dục là pháp chuống đạo, nhưng khi hành dâm dục không có gì là chuống đạo. Rồi người đã được can gián ba lần mà không chấm dứt phải không?”

Nếu ông ta đáp: “Đúng như vậy”, thì bấy giờ nên can gián ở chỗ vắng: “Này sa-di, người chớ hủy báng Thế Tôn; hủy báng Thế Tôn là điều bất thiện. Người không khéo ghi nhớ lời dạy của Thế Tôn, hành dâm dục quả thật là chuống đạo. Nay ta vì lòng từ can gián người là muốn cho người được lợi ích. Vậy người nên nghe lời ta. Một lần can gián đã xong còn hai lần can gián nữa, người có bỏ việc đó chăng?”

Nếu không bỏ, thì nên can gián đến lần thứ hai, thứ ba cũng như thế. (368b) Khi can gián ở chỗ nhiều người cũng như vậy. Nếu vẫn không bỏ thì nên làm yết-ma cầu thỉnh ở giữa Tăng như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Ông sa-di Pháp Dữ này nói như sau: “Theo tôi hiểu, pháp do Như Lai thuyết giảng, Ngài nói rằng dâm dục là pháp chuống đạo, nhưng khi thực hiện dâm dục không có gì là chuống đạo.” Thế rồi, đã được can gián ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng nên can gián ba lần khiến cho ông bỏ việc ấy.

Lúc bấy giờ, nên hỏi giữa Tăng: “Sa-di, có thật người nói như sau: Theo tôi hiểu, pháp do Như Lai thuyết giảng, Ngài nói rằng dâm dục là pháp chuống đạo, nhưng khi hành dâm không có gì là chuống đạo. Rồi đã được can gián ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ phải không?”

Nếu ông đáp: “Đúng như vậy”, thì ở giữa Tăng nên can gián như sau: “Này sa-di, người chớ hủy báng Thế Tôn; hủy báng Thế Tôn

là điều bất thiện. Người không khéo ghi nhớ, chứ hành dâm dục quả thực là chướng đạo. Chúng Tăng vì lòng từ can gián người, là muốn người được lợi ích, vậy người nên ghi nhận lời dạy của Tăng. Một lần can gián đã qua còn hai lần can gián nữa, người nên bỏ việc ấy đi.”

Nếu ông không bỏ thì lần thứ hai, thứ ba cũng can gián như vậy. Thế nhưng, ông vẫn không bỏ. Do vậy, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Nếu sa-di Pháp Dữ ấy nói như sau: “Đức Thế Tôn nói dâm dục là pháp chướng đạo, nhưng theo tôi biết hành dâm dục không có gì là chướng đạo.” Rồi được can gián ở chỗ vắng ba lần, can gián ở chỗ nhiều người ba lần và ở giữa chúng Tăng ba lần, mà vẫn không bỏ, thì nên đuổi y ra khỏi đại chúng.”

Thế nhưng, sau khi bị đuổi đi, Pháp Dữ liền đến chỗ nhóm sáu Tỳ-kheo. Nhóm sáu Tỳ-kheo thấy ông, bèn tán thán: “Lành thay ông đến đây”, rồi cho nước uống phi thời, chỉ phòng ở, đưa giường nệm ngọa cụ, đưa y bát, thuốc bổ. Sa-di được cung cấp các vật dụng ấy rồi, liền đi đến cổng Tinh xá Kỳ-hoàn, nói với các Tỳ-kheo: “Này các trưởng lão, các ngài đuổi tôi ra khỏi Tăng chúng, tưởng rằng tôi sẽ không có được chỗ ở, nhưng nay tôi lại được ở chung với bậc phạm hạnh, ngài còn cho tôi phòng xá, giường nệm, ngọa cụ, cùng chia sẻ với tôi thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất, cho tôi y bát và thuốc bổ. Này các trưởng lão, các ngài càng đuổi tôi chóng, thì tôi càng chóng được sống an lạc như vậy đó!”

Các Tỳ-kheo nghe ông nói như thế, lòng không vui bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến.

Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: “Các ông có việc đó thật như vậy chăng?”

Đáp: “Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.”

– Đó là việc xấu. Vì sao các ông đã biết sa-di có ác kiến không bỏ, chúng Tăng đã như pháp trục xuất mà còn cho sống chung, chia sẻ thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, (368c) vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu sa-di nói như thế này: “Theo tôi biết, đức Như Lai nói rằng dâm dục là pháp chướng đạo, nhưng khi hành dâm dục không có gì là chướng đạo”, thì các Tỳ-kheo nên can gián sa-di ấy như sau: “Này sa-di, người chớ hủy báng Thế Tôn; hủy báng Thế Tôn là hành vi bất thiện. Thế Tôn nói hành dâm dục quả thật là chướng đạo. Người hãy bỏ ác kiến ấy đi.” Khi các Tỳ-kheo can gián sa-di ấy mà ông vẫn cố tình không bỏ, thì nên can gián lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy. Nếu ông bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì các Tỳ-kheo nên nói như sau: “Từ nay trở đi, người không được nói Phật là thầy của tôi, cũng không được ngủ chung với Tỳ-kheo ba đêm. Người đi đi, không được ở đây.”

Nếu Tỳ-kheo biết sa-di không bỏ ác kiến, bị khu xuất, chưa giải tỏa pháp yết-ma, mà dụ dỗ, nuôi dưỡng, cùng ăn chung, ở chung một phòng thì phạm Ba-dạ-đề.

✱

❖ Giải thích

Sa-di: Như sa-di Pháp Dữ.

(Một số từ ngữ khác đã được giải thích trong các giới trước).

Khu xuất: Đuổi ra khỏi Tăng già lam.

Chưa làm như pháp: Như trên đã giải thích.

Nuôi: Cho y chỉ (cho phép nương tựa).

Dưỡng: Cho y bát, thuốc chữa bệnh.

(Một số từ ngữ khác đã được giải thích ở các giới trên).

Nếu sa-di bị Hòa thượng, A-xà-lê khiển trách thì Tỳ-kheo không được dụ dỗ gọi về cùng ở chung, nói rằng: “Ta sẽ cho người y bát, thuốc men, sẽ dạy kinh cho người.”

(369a) Nếu biết sa-di ấy nhân việc đó sẽ hoàn tục thì có thể nhỏ nhẹ dỗ dành, rồi nói với ông Ta: “Ân đức của Hòa thượng, A-xà-lê rất nặng, khó mà báo đáp. Người nên trở về sống thân cận với ngài.”

Nếu (sa-di) bị đuổi mà tưởng không bị đuổi (rồi đem về nuôi), thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu không bị đuổi mà tưởng bị đuổi (rồi đem về nuôi), thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu bị đuổi và tưởng là bị đuổi (mà đem về nuôi), thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu không bị đuổi và tưởng không bị đuổi (mà đem về nuôi), thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 46 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

47. MẶC Y KHÔNG HOẠI SẮC

Khi Phật trú tại thành Vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo mặc y không được cắt may thành nhiều mảnh, ngoại đạo cũng mặc y không cắt may thành nhiều mảnh. Thế rồi, Ưu-bà-tắc muốn đánh lễ Tỳ-kheo mà đánh lễ nhằm ngoại đạo, khi nghe chú nguyện rồi mới biết là ngoại đạo, nên trong lòng Ưu-bà-tắc cảm

thấy hổ thẹn. Đồng thời, đệ tử của ngoại đạo muốn đánh lễ ngoại đạo mà đánh lễ nhằm Tỳ-kheo, khi nghe chú nguyện mới biết là Tỳ-kheo, nên đệ tử của ngoại đạo cảm thấy hổ thẹn trong lòng.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: “Từ nay về sau nên may y khác nhau, cắt sạch các tua vải và nhuộm cho hoại sắc.”

Tỳ-kheo liền cắt may nhuộm làm thành màu sắc khác. Khi ấy, ngoại đạo dùng đá đỏ nhuộm y thành màu đỏ Lưu Châu La, cầm gậy có ba khắc để cho khác.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo ở nơi hoang dã lượm được y Kiểu-xá-da, nấu nước nhuộm định nhuộm, thì Thế Tôn đang dùng thần túc đi trên không đến chỗ Tỳ-kheo, Ngài biết nhưng vẫn hỏi Tỳ-kheo: “Ông định làm gì đấy?”

Nấu nước nhuộm định nhuộm y Kiểu-xá-da.

Y Kiểu-xá-da mỏng manh nếu nhuộm bằng nước nhuộm thô kệch như thế sẽ làm hại y. Từ nay về sau, y Kiểu-xá-da nên tác tịnh (làm dấu cho hợp lệ) bằng hai cách: cắt (một miếng) may lên tác tịnh và làm cho xanh tác tịnh.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo ở Tỳ-xá-li được một chiếc y Khâm-bà-la mềm mại, thấy bèn nấu nước nhuộm định nhuộm, thì gặp lúc Phật dùng thần túc đi tới chỗ Thấy. Phật biết nhưng vẫn hỏi: “Này Tỳ-kheo, ông làm gì đấy?”

Nấu nước nhuộm để nhuộm y Khâm-bà-la.

Y Khâm-bà-la mềm mại mỏng manh mà nhuộm thuốc nhuộm thô kệch thế này sẽ làm rách y mất. Từ nay về sau, Ta cho phép, y Khâm-bà-la tác tịnh bằng hai cách: cắt may tác tịnh và làm cho xanh tác tịnh.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả Tôn-đà-la-nan-đà là con trai bà dì của Phật, do đại ai đạo sinh, có ba mươi tướng, với tướng bạch hào, và tướng trái tai thông xuống. Sau khi thấy khát thực xong, từ trong thành xá-vệ đi ra (369b), thì lúc ấy có tôn-giả A-nan đi sau; đồng thời các Tỳ-kheo cũng vừa ăn xong, đang ngồi thiền hoặc đi kinh hành trước cổng Tinh xá Kỳ-hoàn. Từ xa trông thấy (Tôn-đà-la-nan-đà), họ tưởng là Thế Tôn, liền cùng nhau đứng dậy chấp tay, nói: “Thế Tôn đến, Thế Tôn đến.” Tôn-đà-la-nan-đà cũng xoa tay chấp tay nói: “Các trưởng lão, tôi là Tôn-đà-la-nan-đà, tôi là Tôn-đà-la-nan-đà.”

Các Tỳ-kheo nghe nói thế, ai nấy đều cảm thấy mắc cỡ, bèn đem sự kiện ấy đến bạch Thế Tôn. Phật dạy: “Từ nay về sau phải làm một dấu chấm trên y hoại sắc.” Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo được y mới phải dùng ba thứ làm hoại sắc, hoặc dùng một thứ làm hoại sắc (các y ấy), đó là: màu xanh, màu đen và màu mộc lan. Nếu không dùng ba thứ ấy làm hoại sắc các y mà đem mặc thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Được: Được từ người nam, người nữ, tại gia, xuất gia.

Y mới: Khi vừa mới may xong, như y Khâm-bà-la, y điệp, y sô-ma, y kiêu-xá-da, y xá-na, y gai, y khu-mâu-đề.

Ba thứ hoại sắc, hoặc mỗi một thứ hoại sắc: Đó là màu xanh, màu đen, màu mộc lan.

Màu xanh: Đó là màu xanh đồng, màu xanh trường dưỡng và màu xanh đá.

Màu xanh đồng: Dem đồ đựng bằng đồng để lên trên rượu đắng (làm cho đồng sanh ten) rồi lấy ten ấy, đó gọi là màu xanh đồng.

Màu xanh trường dưỡng: Tức màu xanh của bã chàm, hay màu xanh lam.

Màu xanh đá: Tức màu xanh da trời.

Nói chung, đem các màu kể trên điểm tịnh (làm dấu cho hợp lệ) trên y.

Màu đen: Gồm hai loại: Danh tự nê và bất danh tự nê.

Danh tự nê: (Dùng bột của các loại) a lê lặc, ti ê lặc, a ma lặc đổ chung vào một cái tô; đó gọi là danh tự nê.

Bất danh tự nê: Đó là bùn thật, bùn dưới hồ, bùn dưới giếng, nói chung các loại bùn như vậy.

Màu mộc lan: Hoặc dùng a lê lặc, ti ê lặc, a ma lặc mài trên sắt, đem điểm tịnh; đó gọi là màu mộc lan.

Tỳ-kheo được y mới không tác tịnh (hay điểm tịnh) mà đem mặc, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu được y Tăng-già-lê mới, tác tịnh thì tốt, không tác tịnh thì phạm Ba-dạ-đề. Cũng vậy, khi được Uất-đa-la-tăng, An đà hội, y tắm mưa, y che ghế, tọa cụ (tắm trải ngồi) đem tác tịnh thì tốt, nếu không tác tịnh thì phạm Ba-dạ-đề.

Y Khâm-bà-la tác tịnh bằng hai cách: cắt may “tịnh” và điểm tịnh màu xanh. Khi cắt may tịnh mà không điểm tịnh màu xanh thì phạm Ba-dạ-đề.

Khi điểm tịnh màu xanh mà không điểm tịnh bằng cắt may thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Không điểm tịnh màu xanh, cũng không điểm tịnh bằng cắt may, thì phạm một tội Ba-dạ-đề, một tội Việt-tỳ-ni.

(369c) Vừa tác tịnh bằng cắt may, vừa tác tịnh bằng màu xanh thì không có tội.

Y nhiều lớp phải tác tịnh bằng ba cách: tác tịnh bằng cắt may, tác tịnh bằng nhuộm và tác tịnh bằng màu xanh. Nếu tác tịnh bằng cắt may, tác tịnh bằng nhuộm mà không tác tịnh màu xanh, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu tác tịnh màu xanh mà không tác tịnh bằng cắt may, không tác tịnh bằng nhuộm, thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni.

Không tác tịnh bằng cắt may, không tác tịnh bằng nhuộm, không tác tịnh bằng màu xanh, thì phạm một tội Ba-dạ-đề, hai tội Việt-tỳ-ni. Nếu tác tịnh bằng ba cách trên thì không có tội.

Y sô ma tác tịnh ba cách giống như y nhiều lớp; y kiểu-xá-da tác tịnh hai cách như y khâm-bà-la; y xá-na, y ma, y khu-mâu-đề tác tịnh bằng ba cách giống như y nhiều lớp, đó là tác tịnh màu xanh, màu đen và màu mộc lan cũng lại như vậy.

Khi tác tịnh không được lớn, không được nhỏ, lớn tối đa bằng bốn ngón tay, nhỏ tối thiểu bằng hạt đậu. Hoặc dùng a-lê-lặc, tì-ê-lặc, a-ma-lặc để trên sắt ép lấy nước rồi tác tịnh; không được làm thành số chẵn, (mà làm thành số lẻ) hoặc một, hoặc ba, hoặc năm, hoặc bảy, hoặc chín; không được tác tịnh như hình đóa hoa. Nếu khi giặt, vá mà có bùn rơi lên trên, hoặc có dấu chân đất của chim, quạ giẫm lên trên, thì cũng được xem là đã tác tịnh.

Nếu được nhiều phẩm vật tạp nhạp rồi đem để đồng một chỗ, thì chỉ cần tác tịnh một chỗ. Nếu đổ thành nhiều đồng thì mỗi đồng đều tác tịnh.

Nếu may Tăng-già-lê mới thì phải tác tịnh tại một góc. Nếu chấp thêm nữa điều hoặc một điều cũng phải tác tịnh.

Y uất-đa-la-tăng, an-đà-hội và tất cả các y khác khi mới vá cũng phải tác tịnh. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 47 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

48. CẤT GIỮ BẢO VẬT

Khi Phật an trú tại thành vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ vào ngày mười lăm trăng tròn, vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi tắm rửa xong, thoa dầu vào thân, mặc áo mới, cùng quần thần hội họp tại cung điện, vua nói với một Đại thần:

Hôm nay là ngày trăng tròn, chúng ta nên đến chỗ sa-môn hay Bà-la-môn nào để trưởng dưỡng thiện căn?

Vị Đại thần nói:

Phất lan Ca-diếp đang ở trong thành Vương-xá là bậc đại sa-môn, lại có đồ chúng đông đảo, đại vương nên đến với ông ta, sẽ được trưởng dưỡng thiện căn.

Vua im lặng không nói. Lại có một đại thần nói: “Tát-già-ni-kiến-tử đang ở trong thành Vương-xá là bậc đại sa-môn, nên đến với ông ta sẽ được trưởng dưỡng thiện căn.” Như vậy, mỗi vị đại thần, vốn là đệ tử của ngoại đạo, ông nào cũng ca tụng Thầy mình, đều bảo nên đến vị ấy sẽ được trưởng dưỡng thiện căn. Bấy giờ, Kỳ cự Đổng tử đang cầm lọng đứng hầu vua A-xà-thế, vua nói với Đổng tử: “Mọi người đều nói, vì sao ông im lặng không nói? Hôm nay trăng tròn nên đến nơi nào (370a) để được trưởng dưỡng thiện căn?” Đổng tử tâu với vua: “Đức Thế Tôn hiện giờ đang ở trong vườn Am-bà-la của hạ thần cùng với 1.250 Tỷ-kheo, nếu đến đó thì có thể trưởng dưỡng thiện căn.” Vua liền chuẩn thuận lời đề

ngợi ấy, rồi nói với Kỳ cựu Đồng tử: “Người hãy tức tốc trang bị năm trăm voi cái, cứ trên mỗi thốt voi chở một phu nhân.”

Khi ấy, Kỳ đồng tử bèn theo lời vua mà trang bị, trang bị xong liền đến tâu vua: “Tâu đại vương, hạ thần trang bị xong rồi, Đại vương hãy làm những gì mình cần.”

Thế rồi, vua A-xà-thế cùng với năm trăm phu nhân, được quân lính cầm đèn đuốc sáng choang, nhiều hàng trước sau, ra khỏi thành Vương-xá vào lúc nửa đêm, đi đến trước cổng vườn Ambà-la. Lúc ấy các Tỳ-kheo đang ngồi thiền. Vua cảm thấy hoảng sợ, quay lại nói với Đồng tử: “Người bảo có 1.250 Tỳ-kheo đang ở trong vườn của người, đại chúng đông đảo như vậy mà sao im phăng phắc chẳng có tiếng động gì hết chẳng phải người định lừa dối ta sao?”

Đồng tử đáp: “Thật đấy, hạ thần không dối vua đâu, cứ đi thẳng tới.” Rồi Đồng tử chỉ dẫn, nói: “Trong ngôi nhà lớn chỗ có đèn đốt sáng, Thế Tôn đang ngồi chính giữa uy đức đáng tôn trọng đặc biệt, cao cả không gì hơn, giống như trâu chúa ở giữa đàn trâu, như vua sư tử ở giữa muông thú, như vua voi trắng sáu ngà tại Tuyết Sơn đang ở giữa bảy voi, cũng như sông Hằng sâu thẳm, trong trẻo, im lặng không có tiếng động; đại chúng im lặng cũng như vậy. Lại giống như biển lớn vô lượng nước đều đổ về đó. Đại chúng của đức Thế Tôn có công đức vô lượng cũng như thế.”

Bấy giờ, vua A-xà-thế xuống xe mặc thường phục đi bộ, dẫn đầu đoàn người tiến đến chỗ Phật, nhiễu quanh Phật và đại chúng ba vòng, rồi đứng lại, nói với Đồng tử: “Thế Tôn cùng đại chúng công đức thành tựu vắng lặng thanh tịnh, mong sao con của ta là Ưu-đà-di-bạt-đà cũng thành tựu công đức như vậy.” Phật nói: “Đại vương, tùy theo sự cầu nguyện của đại vương đều sẽ đạt được.” Thế rồi, nhà vua trái tòa, mời Phật an tọa. Phật dạy: “Đại vương tự ngồi, Như Lai đã có chỗ ngồi.” Bấy giờ, vua cúi đầu đánh lễ chân Phật, đứng qua một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, con có điều muốn hỏi, kính mong Phật cho phép.

Như Lai cho phép đại vương cứ hỏi, rồi Như Lai sẽ trả lời cho đại vương.

Bạch Thế Tôn, trong đây các loại thợ xuất gia theo giáo pháp của Phật có thể chứng quả sa-môn ngay trong đời này không? (Như trong *kinh sa-môn quả* đã trình bày).

Lúc ấy, vì thuyết pháp quá lâu, các vị phu nhân đeo chuỗi anh lạc nặng, nên ai nấy đều cỏi ra để trước chỗ ngồi. Vua A-xà-thế vì mang tội giết cha, nên trong lòng thường nơm nớp hoảng sợ, khi nghe trong thành có tiếng trống, tiếng tù và, tiếng voi, tiếng ngựa (370b), vua sợ hãi dữ dội, liền nói với các phu nhân: “Hãy trở về trong thành, hãy trở về trong thành.”

Các phu nhân vì đi về quá gấp nên quên lấy chuỗi anh lạc. Đến sáng sớm hôm sau, phu nhân của vua định đeo chuỗi anh lạc, nhưng tìm không có. Người mặc áo cho bà nói: “Ngày hôm qua vì hoảng hốt khi trở về e rằng để quên tại Tinh xá.” Cũng thế, các phu nhân đều nói mình để quên anh lạc, nhưng họ sợ rằng nếu tâu với vua thì sẽ bị vua quở trách. Bấy giờ có một thanh y (con hầu) tâu với vua: “Các phu nhân hôm qua trở về gấp, nhiều người bỏ quên chuỗi anh lạc.” Lúc ấy, có Bà-la-môn ngoại đạo là quân sư của vua, đang ngồi với vua, liền tâu rằng: “Nếu để quên tại đó thì các sa-môn đã đem giấu hết rồi, giả sử có sai người đến tìm cũng chẳng được gì!”

Khi ấy, vua sai một người đáng tin, thử đến đó tìm xem (thì khi ông này đến nơi) thấy đại chúng của Phật còn ngồi y nhiên tại đó, và thấy những chuỗi anh lạc của các phu nhân vẫn còn tại chỗ cũ, bị ánh sáng mặt trời chiếu sáng rực rỡ, bèn thu lấy mang về, rồi tâu đầy đủ lên vua. Vua rất đổi vui mừng, nói: “Các sa-môn của Phật đúng là phước điền tốt lành, không tham, không ham muốn, đặc biệt đáng tin cậy, không ai hơn được hội chúng này, mong rằng họ thường ở trong nước ta, để ta được cúng dường suốt đời.”

Rồi vua nói với các phu nhân: “Anh lạc của các khanh đây, mỗi người hãy lại lấy, không được làm hỗn loạn, giành lấy cái tốt.”

Các Tỳ-kheo nghe vị ngoại đạo quân sư của vua nói như thế, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Châu báu vẫn còn nguyên vẹn không ai lấy, mà còn bị người ta hủy báng, huống gì bị lấy mất. Từ nay về sau Ta không cho phép cầm lấy châu báu.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, đồng tử Lê-xa mang các thứ châu báu bên lưng, có giá trị hàng ngàn vạn, cuỡi xe bốn ngựa ra khỏi thành du ngoạn. Vì châu báu mang nặng nên bị tuột rơi xuống đất mà không hay. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo đi theo sau, vừa đến đó thì thấy châu báu rơi xuống đất, liền gọi: “Đồng tử, đồng tử, lấy lại châu báu của ông.” Nhưng vì tiếng xe nên Đồng tử không nghe. Thấy sợ người đi sau nhặt lấy, nên đứng bên đường coi chừng. Đồng tử đi một lát liền biết bị mất cái đai lưng, bèn quay xe trở lại, từ xa trông thấy Tỳ-kheo, liền hỏi: “Ông đi sau có thấy cái đai lưng không?”

Tỳ-kheo đáp: “Tôi thấy có chiếc đai lưng, vừa rồi từ xa gọi ông, nhưng ông không nghe.”

Đồng tử lại hỏi: “Ở tại chỗ nào?” Thấy đáp: “Tại chỗ kia kia.” Đồng tử liền đi đến lấy chiếc đai, buộc vào lưng xong, bèn nắm Tỳ-kheo đánh vào tay chân một trận nhừ tử, lại mắng chửi đủ thứ, nói: “Nếu ta không trở lại thì người đã lấy chiếc đai lưng rồi.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên (370c) Thế Tôn. Phật nói: “Không lấy mà còn sinh ra tai họa như thế, huống gì lấy?”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi tới sông Tô, cởi áo xuống tắm, lúc ấy có đồng tử Lê-xa cũng đến tắm sông bèn cởi vòng đeo tai để một chỗ, rồi lấy áo tú lên, xuống nước tắm. Khi tắm xong, anh ta lên bờ, mặc áo vào, rồi ra đi mà quên vòng đeo tai. Tỳ-kheo lên sau, thấy chiếc vòng đeo tai, liền từ xa gọi: “Đồng tử, đồng tử, vòng tai của ông

còn để trên bờ.” Nhưng đồng tử vì đi nhanh nên không nghe thấy gọi, cứ từ từ đi một hồi xa, bèn sực nhớ lỗi tai không có vòng, liền trở lại tìm, từ xa hỏi Tỳ-kheo: “Có thấy vòng tai của tôi không?”

Tỳ-kheo đáp: “Vòng tai của ông còn để trên bờ, vừa rồi tôi trông thấy bèn từ xa gọi ông, nhưng ông đi nhanh nên không nghe tiếng gọi.”

Đồng tử hỏi: “Hiện giờ ở chỗ nào?” Thấy đáp: “Tại chỗ kia kìa.” Đồng tử liền đến lấy vòng tai, đeo vào xong, bèn nắm Tỳ-kheo đánh đấm túi bụi, và mắng: “Như vậy, như vậy đó, nếu ta không trở lại thì người sẽ lấy vòng tai của ta đi mất.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Không lấy bảo vật mà còn sinh ra tai họa như thế, huống gì lấy.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại vườn cây Ni-câu-luật thuộc dòng họ Thích, nước Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có con nhà họ Thích cúng dường cơm cho các Tỳ-kheo, cùng thân quyến dọn cơm, nhưng vì đeo vòng vàng nặng nề, dọn cơm không tiện, nên cởi vòng xuyên để bên cạnh chân Tỳ-kheo, nói như sau: “Vòng vàng này con để bên cạnh chân thầy.” Tỳ-kheo ăn xong bèn đứng dậy bỏ đi, sau đó, có người trông thấy liền cầm lấy vòng xuyên rồi đi. Người con dòng họ Thích ấy khi đãi cơm xong, liền trở về, quên lấy vòng xuyên. Khi về đến nhà mới hay là không có chiếc vòng, ông bèn trở lại chỗ cũ tìm mà không thấy, liền đi tìm thầy Tỳ-kheo mà mình đã gọi, nói:

Thầy trả lại chiếc vòng mà trước kia tôi đã gọi.

Tôi nhớ chiếc vòng ông đã gọi còn ở chỗ cũ mà, tôi đâu có lấy.

Tôi gọi không đúng chỗ nên bị mất chiếc vòng.

Thế rồi, trong lòng ông ta không vui, liền đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, bạch với Phật: “Vừa rồi, con đem chiếc vòng gọi cho Tỳ-kheo mổ giáp, thầy không chịu coi chừng nên đã bị

mất.” Phật bèn tùy thuận thuyết pháp cho người con họ Thích ấy, chỉ bảo những điều lợi ích, khiến ông ta hoan hỉ, rồi cáo lui. Sau khi ông đi không lâu, Phật bèn bảo gọi Tỳ-kheo kia đến. Khi thấy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Nếu ông đã nhận người ta gởi thì phải coi chừng, còn nếu không nhận thì bảo là không nhận. Vì sao ông đã nhận đồ người ta gởi mà không trông coi? Từ nay về sau, (371a) nếu trong vườn có châu báu hoặc những bảo vật có giá trị thì Ta cho phép tự mình lấy cất, hoặc là sai người khác lấy cất.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Ca-duy-la-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo (trông thấy) châu báu hoặc bảo vật có giá trị ở trong vườn mà tự mình lấy hoặc sai người khác lấy, trừ trường hợp đặc biệt thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Trường hợp đặc biệt: Tỳ-kheo thấy châu báu hoặc bảo vật có giá trị, rồi tự mình lấy, hoặc sai người khác lấy, với suy nghĩ: “Có chủ tới tìm, ta sẽ đưa.” Đó gọi là trường hợp đặc biệt.

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Trong vườn: Trong vườn tháp, trong vườn của chúng Tăng.

Châu báu: Vật dụng đã thành, chẳng hạn: Thiên quan, bảo cái, anh lạc, cán phát trần, guốc báu..., những bảo vật đã làm thành dụng cụ như vậy.

Bảo vật có giá trị: Như tiền, vàng, bạc, chân châu, lưu ly, hà bối, san hô, hổ phách, pha lê, xích bảo, đồng, đồng đỏ, chì, thiết, bạch lap, sắt...

Lấy: Nếu vật hợp pháp (tịnh) được tự tay cầm lấy, nếu vật không hợp pháp thì sai tịnh nhân lấy.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Trường hợp đặc biệt: Nếu trong vườn tháp, trong vườn của chúng Tăng, Tỳ-kheo thấy có châu báu hay bảo vật có giá trị mà thanh tịnh thì nên tự lấy; nếu vật không thanh tịnh thì sai tịnh nhân lấy cất, với suy nghĩ: “Nếu có chủ tìm thì sẽ trả lại.” Chỉ nghĩ như vậy chứ không có gì khác (đó gọi là trường hợp đặc biệt). Hoặc vào các dịp Phật đản sinh, dịp Phật thành đạo, dịp Chuyển pháp luân, dịp A-nan, La-hầu-la mở đại hội; khi ấy những người đi xem hoặc quên y phục và các vật dùng để trang điểm thân thể; hoặc Tỳ-kheo quên y bát và các vật khác mà Tỳ-kheo thấy thì nên lấy, lấy rồi nên hỏi xem vật đó của ai. Nếu đúng là chủ của vật thì nên trao cho họ. Nếu không ai biết thì nên đem treo trên cây trụ ở chỗ dễ trông thấy cho người ta trông thấy. Nếu có người nói: “Đó là vật của tôi”, thì nên hỏi: “Người mất tại chỗ nào?” Nếu đáp tương ứng thì nên đưa. Nếu không ai biết thì nên đình lại đến ba tháng. Nếu vật đó nhặt được ở trong vườn tháp thì nên dùng để làm tháp. Nếu nhặt được trong vườn Tăng thì nên dùng làm vật cho Tăng bốn phương. Nếu là vật quý báu như ngọc, anh lạc, vàng, bạc thì khi ấy không được phơi bày ra mà nên xướng: “Tôi được của báu.” Rồi Tỳ-kheo nên xem xét kỹ lưỡng, coi thử hình dáng thế nào, rồi mới cầm lên. Nếu có người đến hỏi: “Tôi để quên vật báu thấy có thấy không?” Tỳ-kheo khi ấy nên hỏi lại: “Ông để quên tại chỗ nào? Vật báu của ông có hình dáng thế nào?” Nếu họ nói không phù hợp, thì nên bảo: “Chùa này rộng lớn ông hãy đi tìm xem.” Nếu họ nói phù hợp, thì nên đưa vật báu ra hỏi: “Lão trượng, vật này là của ông phải không?” Nếu đáp: “Đúng đấy”, thì Tỳ-kheo không được đưa ngay trước mặt một người ấy mà nên (371b) tập hợp

nhiều người, rồi bảo người ấy rằng: “Ông hãy quy y Phật, Pháp, và Tăng. Nếu đức Thế Tôn không chế giới thì dù mắt ông muốn xem lại cũng chưa chắc đã được (chứ đừng nói là nhận lại được). Nếu ông ta nói: “Ngoài vật báu này của tôi còn có vật khác”, thì nên bảo: “Lão trượng, tôi chỉ được có vật này, ngoài ra không thấy những vật khác. Đây Lão trượng, người là kẻ gian ác! Người được lại vật này đã là quá lắm rồi, vì sao còn muốn đòi vật khác đặng hủy báng người ta? Nếu Thế Tôn không chế giới thì người đâu có thể thấy lại vật này.” Nếu làm như vậy mà vẫn không xong, thì nên đem y đến chỗ Ưu-bà-tắc, rồi nói như sau: “Tôi vốn chỉ nhận được có vật này, đã đem trả lại hết, mà còn bị vu khống.” Bấy giờ Ưu-bà-tắc nên mắng kẻ ấy: “Như thế như thế đấy (quân khốn kiếp). Người được lại vật ấy đã là quá lắm rồi mà giờ đây lại còn hủy báng Tỳ-kheo! Người hãy theo ta, ta sẽ cùng với người đối chất để giải quyết việc này.”

Nếu không có ai đến (tìm) thì chờ đến ba năm – như trên đã nói – rồi tùy theo nhận được ở nơi nào mà đem dùng vào trong lãnh vực đó.

Nếu Tỳ-kheo đi vào xóm làng mà thấy có vật rơi dưới đất thì không nên lấy. Nếu có người lấy đưa cho Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo được nhận. Vì người cho tức là thí chủ, nên không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vào thôn xóm, thấy có y rơi, hoặc là y bị gió thổi bay đến, thì không được tưởng là y phần tảo rồi nhặt lấy.

Nếu ở nơi đường vắng không có người mà thấy có y rơi thì nên lấy. Nếu thấy trên y có châu báu thì nên dùng gót chân đập bỏ châu báu rồi cầm y mà đi. Lúc đi không nên che giấu mà nên cầm bày ra để cho người ta trông thấy. Nếu trên y bị dơ bẩn khiến người ta nhìn tởm thì được xếp lại mà cầm đi. Nếu khi nhặt không biết trong y có vật báu đến khi về tới trú xứ mới thấy thì nên giao cho tịnh nhân quản lý để họ đổi lấy tiền mua thuốc.

Khi đi ra khỏi xóm làng nếu giữa đường thấy y mà trên y có bụi dính lâu ngày thì nên lấy. Lấy rồi, không được che giấu mà phải bày ra cầm đi, nếu có chủ chạy theo, Tỳ-kheo nên hỏi: “Lão trượng, vì sao chạy?” Nếu họ đáp: “Tôi mất y”, thì nên hỏi: “Đây là y của ông phải không?” Nếu nói: “Đúng đấy”, thì nên trả lại và bảo họ: “Ông nên quy y Phật Pháp Tăng. Nếu Thế Tôn không chế giới thì giả sử ông có thấy lại y cũng không thể lấy được.”

Nếu phòng ốc của chúng Tăng cũ kỹ, hư nát muốn sửa chữa mà khi đào đất đổ nền gặp được kho tàng châu báu, nếu như tịnh nhân không đáng tin, thì nên tâu lên vua, giả sử vua nói: “Vật này đương nhiên thuộc về trăm, nay trăm bố thí cho Tỳ-kheo để làm công đức”, thì nhà vua được xem là thí chủ. Nếu đã dùng một nửa, còn một nửa, mà vua nói: “Vì sao ông sử dụng vật của trăm? Nếu đã dùng thì phải ngừng lại, còn bao nhiêu đưa cho trăm”, thì Tỳ-kheo nên đưa số còn lại cho vua. Nếu vua nói: “(371c) Vì sao ông dùng vật của trăm? Đưa hết lại cho trăm”, mà Tỳ-kheo đã lỡ sử dụng vật đó, thì phải lấy vậ của Tăng trả lại. Nếu Tăng không có vật thì phải xin vật khác trả lại. Nếu vua nói: “Đã lỡ sử dụng thì phải ngừng lại, công đức ấy thuộc về trăm”, thì cũng như vua dùng.

Khi sửa chữa tháp cũ được vàng bạc châu báu mà tịnh nhân không đáng tin, thì nên tâu lên vua. Nếu tịnh nhân đáng tin thì được giữ lấy, rồi cất đó trong ba năm. Sau ba năm nên đem dùng làm các việc cho tháp. Nếu nhà vua biết được, hỏi Tỳ-kheo: “Ông được kho báu ở trong vườn tháp phải không?”, thì nên đáp: “Có được.” Nếu đã sử dụng thì nên đáp: “Có được mà đã dùng làm tháp.” Rồi nhà vua nói: “Đã làm thì phải ngừng lại. Công đức này thuộc về trăm.” Nếu đã dùng một nửa, còn lại một nửa, rồi vua nói: “Đã dùng thì ngừng lại, chỗ còn đó đưa cho trăm”, thì phải đưa số còn lại cho vua. Nếu vua nói: “Ông không biết rằng bảo vật trong đất thuộc về trăm sao? Vì sao ông lấy dùng? Trả hết lại cho trăm”, thì bấy giờ Tỳ-kheo nên lấy vật của tháp trả lại. Nếu tháp không có vật thì phải nhân danh tháp xin vật để trả lại. Nếu vua hỏi: “Trong giới luật của Phật như thế nào?”, thì Tỳ-kheo nên đáp: “Trong Phật

pháp nếu được vật nơi đất của tháp thì dùng làm tháp. Nếu được vật nơi đất của Tăng thì sử dụng cho Tăng.” Nếu vua nói: “Theo Phật pháp mà sử dụng”, thì sử dụng không có tội. Nếu trên kho báu có miếng sắt dùng khắc tên họ, rồi vua hỏi: “Các đại đức thấy trên kho báu ấy có tên họ như thế phải không?”, thì Tỳ-kheo nên đáp: “Có thấy như vậy, nhưng đã dùng làm tháp xong rồi.” Nếu vua nói: “Đó là vật của tiền nhân trăm, vì sao ông sử dụng? Đã sử dụng thì phải trả lại cho trăm.” Hoặc vua nói: “Đã làm tháp hoàn thành rồi thì công đức đó thuộc về trăm”, thì không có tội. Hoặc vua nói: “Nếu đã dùng một nửa thì nửa còn lại trả cho trăm”, thì khi ấy Tỳ-kheo nên trả số còn lại cho vua. Nếu vua nói: “Vì sao ông dùng vật của tiền nhân trăm? Phải trả hết tất cả cho trăm”, thì khi ấy nên trả hết lại. Nếu tháp có vật thì nên lấy trả, nếu không có vật thì đi xin về trả. Nếu vua nói: “Đây là vật của tiền nhân mà tiền nhân đã chết, nên công đức này thuộc về họ” thì không có tội.

Khi làm chùa mới, làm tháp mới mà được bảo vật thì cũng như vậy. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 48 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



49. TẮM QUÁ GIỚI HẠN CHO PHÉP

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, nói rộng như trên. Thành Vương-xá có ba suối nước nóng: suối nước nóng của vua, suối nước nóng của Tỳ-kheo và suối nước nóng của voi. Suối nước nóng của vua thì vua, các phu nhân ở hậu cung và các Tỳ-kheo đệ tử của Phật tắm. Suối nước nóng của Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo Tăng của Phật tắm. Suối nước nóng của voi thì voi và mọi người tắm. Khi ấy, các Tỳ-kheo vào suối nước nóng của vua tắm. Lúc này vua

dùng dầu thoa thân định vào suối nước nóng tắm, bèn hỏi viên quản lý suối: “(372a) Suối nước nóng có trống không?”

Trong suối không trống, có các Tỳ-kheo đang tắm.

Hãy để các Tỳ-kheo tắm xong, tắm đi đến Thế Tôn rồi trở về sẽ tắm.

Vua liền đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi trở về, lại hỏi người quản lý:

Trong hồ đã trống chưa?

Chưa trống.

Như vậy tới ba lần mà các Tỳ-kheo vẫn chưa ngừng tắm. Vua lại nói: “Cứ để họ tắm, chớ gọi họ lên làm gì. Trẫm sẽ trở về tắm trong cung.” Mọi người nghe vậy, đều chê trách, nói: “Sa-môn Thích tử tự nói mình tốt đẹp có đức hạnh mà vẫn ở mãi trong hồ không để cho đại vương được tắm.”

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy đến bạch Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Không ở đâu có được ông vua nhẫn nại hết sức như vậy! Từ nay trở đi, Ta không cho (các Tỳ-kheo) tắm (hồ của vua).”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Thế Tôn chế giới không cho tắm, các Tỳ-kheo không được tắm nên thân thể dơ bẩn hôi hám. Khi ấy Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thường ngồi ở chỗ dưới gió, vì sợ mùi hôi hám làm ô uế các vị phạm hạnh. Phật biết mà vẫn hỏi: “Này các Tỳ-kheo, vì sao chỉ ngồi một chỗ ấy in tuồng như giận hờn ai vậy?” Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Vì Thế Tôn chế giới không cho tắm nên thân thể dơ bẩn, hôi hám, sợ làm ô uế các vị phạm hạnh, cho nên phải ngồi ở dưới gió.” Phật dạy: “Từ nay về sau, ta cho phép, nửa tháng tắm một lần.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo Tháng xuân nóng mà không được tắm nên thân

thể ngựa ngáy, bút rút. Do thế, họ đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay về sau vào mùa nóng ta cho phép được tắm trong hai tháng rưỡi: một tháng rưỡi cuối mùa Xuân và một tháng đầu mùa hạ. Đó gọi là hai tháng rưỡi.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, sau khi an cư xong, Ngài cùng các Tỳ-kheo du hành trong nhân gian đi đến nước Kiều-tát-la, giữa đường gặp chỗ cỏ cây rậm rạp, ở dưới thì khí nóng xông lên, bên trên thì mặt trời thiêu đốt, khiến cho rất khổ não. Các Tỳ-kheo bèn chạy nhanh đến chỗ có nước, như nai chạy tới hồ. Phật biết mà vẫn hỏi (nguyên nhân). Các Tỳ-kheo liền kể đầy đủ sự việc trên..., vì khổ não như vậy nên mới tranh nhau chạy đến chỗ có nước. Phật liền dạy: “Từ nay về sau, Ta cho phép khi đi được quyền tắm.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Vì năm sự lợi ích nên Thế Tôn cứ năm hôm đi tuần tra phòng ốc các Tỳ-kheo một lần. Ngài trông thấy một Tỳ-kheo bị bệnh ghê ngứa, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi: “Tỳ-kheo, ông có thấy dễ chịu không?” Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn, không được dễ chịu. Con bị bệnh (372b) ghê ngứa, nếu được tắm thường xuyên thì mới an lạc, nhưng Thế Tôn chế giới không cho tắm cho nên không được an lạc.” Phật dạy: “Từ nay trở đi, Ta cho phép Tỳ-kheo có bệnh được tắm.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng Dã, nói rộng như trên. Bấy giờ, thấy Tỳ-kheo doanh sự chở đất, chở gạch, làm các công việc mà không dám tắm, cứ để nguyên như thế nằm ngủ. Sáng sớm hôm sau, trên chân có dấu bùn đất, Phật biết nhưng vẫn hỏi: “Này Tỳ-kheo, trên chân ông vì sao có dấu đất?”

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn, con làm các công việc bị bùn vấy bẩn thân mình, mà vì sợ phạm giới nên không dám tắm, do đó chân con có vết bùn.” Phật nói: “Từ nay trở đi, Ta cho phép khi làm việc được tắm.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo gặp cơn gió thổi mạnh, khiến bụi tấp trên mình, rồi lại gặp trời mưa, nhưng không dám tắm, cứ để y như thế nằm ngủ. Sáng sớm hôm sau họ đến vấn an Thế Tôn, Phật biết nhưng vẫn hỏi: “Này Tỳ-kheo, trên thân ông vì sao có bụi bẩn như thế?”

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn, ngày hôm qua bị gió thổi bụi tấp trên mình, lại gặp trời mưa, nhưng con không dám tắm, cho nên trên thân có vết bụi bẩn.”

Phật nói: “Từ hôm nay, Ta cho phép khi có gió lớn được tắm.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ trời đang quang đãng, có ít sợi mây nổi lên, rồi bỗng chốc đổ cơn mưa lớn.

Phật nói với các Tỳ-kheo: “Đó là trận mưa tốt lành đầu tiên ở cõi Diêm-phù-đề này, các ông nên tắm mưa, nước mưa có thể trừ được các bệnh ghẻ chốc trong mình.”

Nhưng các Tỳ-kheo trong lòng hồ nghi: “Đức Thế Tôn chế giới không được tắm, vì sao nay chúng ta lại được tắm?”

Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta cho phép khi trời mưa thì được tắm.”

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo chưa đến nửa tháng mà tắm – trừ trường hợp đặc biệt – phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Trường hợp đặc biệt: Một tháng rưỡi cuối mùa xuân và một tháng đầu mùa hạ, trong hai tháng rưỡi đó, và các dịp như: khi

trời nóng, khi bệnh, khi làm việc, khi gió, khi mưa, khi đi đường; đó gọi là các trường hợp đặc biệt.

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Nửa tháng: Nếu tắm ngày mười lăm thì tính đủ mười lăm ngày nữa rồi tắm. Nếu tắm ngày mười bốn, mười ba, mười hai, mười một, mười, chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai, một thì nên từ ngày tắm đếm đủ mười lăm ngày rồi tắm nữa.

Trừ trường hợp đặc biệt: (Những ngày ấy) Thế Tôn nói không có tội.

Khi nóng: Một tháng rưỡi cuối mùa Xuân và một tháng đầu mùa hạ, trong khoảng hai tháng rưỡi ấy chính là khi nóng. Nhưng không được kể trước và sau mà chỉ nên kể trong hiện tại.

(372c) Khi bệnh: Nếu Tỳ-kheo bị các chứng bệnh như: ghẻ lở, ghẻ ngứa, lác, sài, ung thư... cần phải tắm mới được thỏa thích, thì cho phép tắm. Đó gọi là khi bệnh. Nhưng không kể trước và sau mà chỉ nên kể trong hiện tại.

Khi làm việc: Trong tất cả các lúc chúng Tăng làm việc: Tỳ-kheo làm đất, sửa chữa phòng ốc, hoặc khai thông vũng nước đọng, hoặc vét giếng, hoặc đổ nền phòng xá, hoặc quét tước, hoặc tắm rửa cho Hòa thượng, A-xà-lê, cho đến quét tháp viện, Tăng viện, thậm chí cầm cây chổi quét năm, sáu cái thì được gọi là khi làm việc. (Những lúc ấy) tắm thì không có tội. Nhưng không được kể trước và sau mà chỉ được kể trong hiện tại.

Khi gió: Nếu Tỳ-kheo bị gió thổi, bụi tấp trên mình thì được tắm rửa không có tội. Nhưng không được kể trước và sau mà chỉ được kể trong hiện tại.

Khi mưa: Nếu trời mưa mà tắm thì không có tội. Nhưng không được kể trước và sau mà chỉ được kể trong hiện tại.

Khi đi: Khi đi ba do diên, hai do diên, ít nhất là một câu lô xá, hoặc đi, hoặc lại, thì gọi là khi đi. Lúc đó tắm thì không có tội. Nhưng không được kể trước và sau mà chỉ được kể trong hiện tại.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo không gặp các dịp kể trên thì nên bắt chước phương pháp tắm của thợ đúc: trước hết rửa hai đầu gối, hai bàn chân, sau đó mới thấm nước trên đầu, mặt, sau lưng, cánh tay, khuỷu tay, ngực, nách. Thế nên nói (kệ):

“Đốt lửa, quá ba đêm,
Gởi dục, vào xóm làng.
Chê kinh, nuôi phạm nhân,
Sa-di, y ba màu.
Nhặt cửa, nửa tháng tắm,
Hết Bạt cừ thứ năm.”

(Hết giới thứ 49 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

50. UỐNG NƯỚC CÓ SINH TRÙNG

Khi Phật ở tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả Ưu-đà-di đi đường, thấy khát nước đến cực độ, liền vào trong thôn, tới một cô gái, hỏi: “Này chị, chị cho tôi ít nước.” Cô gái ấy bèn lấy nước đưa cho, nhưng trong nước có trùng, Ưu-đà-di thấy vậy, liền suy nghĩ: “Ta chỉ uống chỗ không có trùng này thôi.” Nhưng khi uống trùng theo nước vào miệng. Khi uống xong, thầy sinh nghi, bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật khiển trách: “Vì sao ông biết nước có trùng mà uống? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, nếu biết nước có trùng thì không được uống.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có hai Tỳ-kheo ở nước Ba la chi phương Nam cùng kết bạn, đến Xá-vệ vấn an Thế Tôn. Giữa đường bị đói khát mà không có nước uống nên họ đi đến một cái giếng. Lúc ấy, một Tỳ-kheo múc nước lên, liền uống. Còn Tỳ-kheo kia thấy nước có trùng nên không uống. Tỳ-kheo uống nước có trùng hỏi Tỳ-kheo bạn: “Vì sao thầy không uống?” (373a) Thầy ấy đáp: “Đức Thế Tôn chế giới không được uống nước có trùng mà nước này có trùng nên tôi không uống.” Tỳ-kheo uống nước bèn khuyên: “Trưởng lão, thầy hãy uống nước chớ để chết khát mà không thấy Phật.” Thầy đáp: “Thà tôi mất mạng chớ không hủy giới của Phật.” Nói thế xong, thầy liền chết vì khát nước.

Thầy Tỳ-kheo uống nước dần dần đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật rồi đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Tỳ-kheo, ông từ đâu đến?

Con từ nước Ba la chi đến.

Này Tỳ-kheo, ông có bạn không?

Chúng con hai người cùng kết bạn, nhưng đi được nửa đường thì bị đói khát mà không có nước, chúng con đến một cái giếng, nước giếng có trùng, con liền lấy uống. Nhờ có sức nước mà con được hầu cận Thế Tôn. Còn thầy kia giữ giới không uống, nên đã chết vì khát nước.

Này kẻ ngu si, ông không thấy Ta mà tưởng rằng được thấy Ta. Còn Tỳ-kheo chết kia thì đã thấy Ta trước rồi. Nếu Tỳ-kheo phóng túng biếng nhác, không thu nhiếp các căn thì dù ở với Ta một chỗ, nhưng Tỳ-kheo ấy cách Ta rất xa. Tuy ông ấy thấy Ta nhưng Ta không thấy ông ấy. Trái lại, nếu Tỳ-kheo sống nơi góc biển chân trời mà không phóng dật, siêng năng không biếng nhác, thu nhiếp các căn, thì tuy cách xa Ta mà Ta thường thấy người ấy và người ấy thường gần Ta.

Thế rồi, Phật nói với Tỳ-kheo (đang diện kiến): “Đó là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, biết nước có trùng thì không được uống.” Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng mà uống thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nghe người khác mà biết.

Trùng: Không phải là cá, rùa, thất thâu (?), ma la (?) mà là các côn trùng nhỏ bé như con quăng quăng, cho đến những loài có hình thù cực nhỏ mà mắt thấy được, đều gọi là trùng.

Nước: Gồm có mười loại như trên đã nói.

Uống: Nước vào đến bụng (thì gọi là uống).

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo thọ cụ túc rồi cần phải sắm dây lọc nước và phải tắm rửa đúng pháp. Khi đi đâu, Tỳ-kheo phải đem theo dây lọc nước. Nếu không có thì tối thiểu phải dùng một góc y Uất-đa-la-tăng (để lọc). Khi nhìn vào nước, không nên dùng thiên nhãn để xem, cũng không được bảo người mắt thông minh xem, tối thiểu là nhờ người có thể thấy những đường chỉ nhỏ nhất trong bàn tay để xem. Khi nhìn vào nước không nên nhìn qua loa mà phải chú ý xem, không được quá mau, không được quá chậm mà phải bằng thời gian con voi lớn quay mình lại, hay chiếc xe chở tre trở đầu. Nước không trùng thì nên dùng, nếu nước có trùng thì nên lọc

mà dùng. Nước có (373b) ba lớp: dưới, giữa, trên. Nếu phần dưới không trùng mà phần giữa và trên có trùng thì nên lấy phần nước không có trùng ở dưới mà dùng. Nếu phần nước ở giữa không có trùng, còn phần trên và phần dưới có trùng thì nên lấy phần nước ở giữa mà dùng. Nếu phần trên không có trùng thì nên lấy phần nước trên mà dùng. Nếu phần trên có trùng thì nên dùng tay vớt nước để cho trùng lặn xuống đáy, rồi lấy nước dùng. Nếu cả ba phần đều có trùng, thì lúc ấy nên lọc nước mà dùng. Nếu trong nước có trùng quá vi tế thì không được dùng rửa tay rửa mặt và dùng dội cầu khi đại tiểu tiện.

Nếu nhà đàn việt mời Tỳ-kheo thọ trai, thì khi ấy nên hỏi: “Người đã lọc nước chưa?” Nếu đáp: “Chưa lọc”, thì nên xem xét người đang đối diện mà tin tưởng được, khi ấy hãy bảo họ lọc nước. Nếu xét người ấy không đáng tin thì không nên sai họ lọc, kẻo sẽ sát hại côn trùng, Tỳ-kheo nên tự lọc rồi dùng. Thế rồi, nên đổ nước có trùng ấy vào trong tô của mình, rồi hỏi xem họ lấy nước ở đâu, để mình đem nước có trùng ấy đổ lại chỗ cũ. Nếu chỗ đã lấy nước trước kia ở xa, mà gần đó thấy có hồ nước trải qua bảy ngày không khô cạn, thì được đem nước có trùng kia đổ vào trong hồ đó. Nếu không có hồ nước, thì phải múc nước đổ thêm đầy tô để nuôi chúng. Rồi đợi khi trời mưa to, có đường nước chảy mạnh, ta sẽ đem tô nước có trùng kia đổ vào trong đó, và chú nguyện rằng: “Người hãy vào trong biển lớn nhé!”

Nếu Tỳ-kheo đang đi giữa đường mà khát nước cần uống, thì khi đến giếng lấy nước phải xem kỹ, không có trùng thì được uống, có trùng thì phải lọc sạch rồi mới uống, như phương pháp ở trên. Nếu biết nước có trùng thì không được đem đổ vào trong thùng.

Nếu đem nước mình múc dưới hồ cho ai thì khi rót ra phải xem kỹ rồi mới đưa.

Nếu thấy nước có trùng thì không được la lên: “Trường lão, nước này có trùng, có trùng”, khiến cho người ấy sinh nghi, không vui.

Nếu người đó hỏi: “Nước này có trùng không?”, thì nên đáp: “Trưởng lão tự xem lấy.” Nếu người đó là bạn tri thức cùng Hòa thượng, A-xà-lê thì nên nói: “Nước này có trùng, nên lọc rồi mới dùng.”

Tóm lại, nếu nước có trùng mà tưởng là không trùng rồi dùng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nước không trùng mà tưởng là có trùng (rồi dùng) thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nước có trùng mà tưởng là có trùng rồi dùng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu nước không có trùng, tưởng là không có trùng rồi dùng, thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 50 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



51. CHO TU SĨ NGOẠI ĐẠO ĐỒ ĂN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả A-nan có tên tốt đầy đủ, tánh tốt đầy đủ, gia thế tốt đầy đủ. Vì đầy đủ ba việc ấy nên được người đời quý trọng. Mỗi khi đến ngày lành (tốt), như về nhà mới, cưới hỏi, xỏ lỗ tai, thì người ta mời A-nan trước hết. Bữa nọ, một nhà kia mời tôn-giả A-nan thọ trai, thì có một người ngoại đạo xuất gia da đen, mắt xanh, bụng bự đến chỗ A-nan xin thức ăn. A-nan (373c) liền cho đồ ăn. Ông ta dùng tay vốc cơm mà ăn, ăn xong lại dùng tay chùi trên mình rồi đi. Lại có một ngoại đạo khác đến hỏi ông ta: “Ông được thức ăn ở đâu vậy?”

Ông đáp: “Tôi được thức ăn từ ông cư sĩ trọ đầu này đây.”

A-nan nghe lời nói ấy, lòng không vui, nên sau đó có người đến xin thì thấy không cho. Đoạn, thầy đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn nói với A-nan: “Người này không biết tri ân. Từ nay trở đi, Ta không cho phép Tỳ-kheo tự tay cho thức ăn cho người xuất gia thuộc ngoại đạo lỗi thê.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, đức Thế Tôn cứ bốn tháng cạo tóc một lần. Người đòi nghe Phật cạo tóc bèn dâng các thức cúng dường. Khi ấy, gặp lúc đói kém nên có năm trăm người thường theo Thế Tôn xin thức ăn thừa. Phật hỏi A-nan có thức ăn thừa không, thầy đáp: “Có bánh.”

Phật bảo: “Hãy chia cho những người khát thực.”

A-nan liền phân phát mỗi người một cái. Trong số đó có một phụ nữ ngoại đạo xuất gia, lúc A-nan cầm bánh cho cô thì có hai cái dính vào nhau. Những người được bánh bèn quây quần ăn tại một chỗ, rồi phát biểu: “Thứ bánh này ngon tuyệt, chỉ hiếm là ít quá, được có mỗi một cái!” Người được hai cái liền nói: “Tôi được hai cái.”

Người được một cái nói: “A-nan sẽ là chồng cô chẳng vì sao lại chỉ cho riêng cô hai cái?”

A-nan nghe thế không vui, liền đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy: “Từ nay trở đi, Ta không cho phép Tỳ-kheo tự tay cho thức ăn cho nam nữ xuất gia thuộc ngoại đạo lỗi thê.”

Rồi các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Vì sao kẻ ngoại đạo đó không biết tri ân?”

Phật dạy: “Không những ngày nay không biết tri ân mà trong quá khứ cũng đã từng như thế, như trong kinh Bản Sinh Di Hựu đã nói rõ.” Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo tự tay cho thức ăn cho nam nữ xuất gia thuộc ngoại đạo lỏa thể thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Lỏa thể: Có kẻ khóa thân đi vào (đạo lỏa thể), rồi mặc y phục đi ra; có kẻ mặc y phục đi vào, rồi khóa thân đi ra; có kẻ mặc y phục đi vào, rồi mặc y phục đi ra; có kẻ khóa thân đi vào, rồi khóa thân đi ra.

Xuất gia: Chỉ cho ngoại đạo xuất gia như Bất-lan Ca-diếp, cho đến Ni-kiền-tử.

Tự tay: Hoặc cho bằng tay nhận bằng tay, hoặc cho bằng bát nhận bằng bát.

Thức ăn: Gồm năm loại thức ăn chính và năm loại thức ăn tạp. Nếu cho các loại thức ăn ấy thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu cha mẹ anh em chị em của Tỳ-kheo xuất gia theo ngoại đạo, Tỳ-kheo cũng không được tự tay (374a) cho thức ăn, mà nên bảo tịnh nhân đưa cho. Nếu không có tịnh nhân thì nên bảo họ tự lấy thức ăn. Nếu sợ ngoại đạo khác ăn hết thì nên bảo họ đưa cho mình cái bát rồi mình tùy ý sốt thức ăn, đoạn, đặt trên giường, ghế, hoặc trên đất rồi nói: “Người tự lấy ăn.”

Nếu người ngoại đạo quyến thuộc ấy trách như sau: “Nay người tiếp ta theo cách của Chiên đà la”, thì Tỳ-kheo nên đáp: “Người xuất gia không đúng chỗ. Đức Thế Tôn chế giới (phải làm) như vậy. Nếu người muốn ăn thì ăn, còn không muốn ăn thì tùy ý.” Nếu khi Tỳ-kheo sai ngoại đạo làm việc thì cũng không được tự

tay đưa cho họ thức ăn mà phải bảo tịnh nhân đưa. Nếu không có tịnh nhân thì đưa như cách ở trên. Nếu ngoại đạo đến xin nước gạo, nước cơm, cũng không được tự tay đưa. Nếu ngoại đạo đến khát thực tại chỗ chúng Tăng, cũng không được tự tay đưa mà phải để dưới đất mà đưa. Nếu ngoại đạo có lòng tin muốn cúng dường Tỳ-kheo, thì bấy giờ Tỳ-kheo cũng không được tự tay đưa thức ăn thức uống, nhưng được sai ngoại đạo làm thức ăn thức uống, rồi bảo họ đưa cho mình ăn. Khi ăn xong, thức ăn còn thừa nên cho họ. Phương pháp cho như trên đã nói. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 51 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

52. NGÔI NƠI PHÒNG NGỦ NHÀ THÍ CHỦ

53. NGÔI CHỖ KHUẤT NHÀ THÍ CHỦ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả Ưu-đà-di cùng với người bạn Bà-la-môn quen biết, hai người cùng ở chung một thôn. Con gái ông Bà-la-môn này lấy chồng tại một thôn khác. Cô ta sai người báo tin cho cha: “Cha hãy thường thường đến thăm con. Nếu cha không đến được thì hãy nhờ thầy Ưu-đà-di thường thường đến thăm con”, như trong hai giới Bất định ở trước đã nói rõ, (cho đến) Phật nói với Ưu-đà-di: “Đó là việc xấu. Người tại gia còn biết phép tắc của sa-môn, ông là người xuất gia vì sao không biết chỗ nào nên ngồi, chỗ nào không nên ngồi? Đó là hành vi phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn Thiện pháp được.” Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết “Thực gia dân xứ” mà ngồi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo biết Thực gia bình xứ mà ngồi thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nghe từ người khác mà biết.

Thực (thức ăn): Gồm có: gạo lúa tẻ, gạo lúa mạch, cá, thịt, các thứ như vậy gọi là thức ăn. Lại có những thức ăn khác như: Nhân thức thấy sắc khởi ái niệm, sinh đắm trước; nhĩ, tỉ, thiệt, thân cũng như vậy. Lại có những thức ăn khác như: Nồi lấy vung làm thức ăn; cối lấy chày làm thức ăn; hộc lấy đầu làm thức ăn..., các trường hợp như vậy đều gọi là thức ăn. Lại còn có thức ăn khác như: nam giới (374b) là thức ăn của phụ nữ; phụ nữ là thức ăn của nam giới.

Gia (nhà): Nhà Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Tì-xá, Thủ-đà-la.

Dâm xứ (chỗ hành dâm): Chỗ vợ chồng hành lạc.

Ngồi: Cùng ngồi một chỗ thì phạm Ba-dạ-đề.

Bình xứ (chỗ khuất): Chỗ mà nam nữ có thể hành dâm không thấy hổ thẹn. Lại có chỗ khuất khác, như: hoặc trong chỗ tối, hoặc cửa được đóng lại.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo ngồi một chỗ với vợ chồng người ta thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo khác từ xa nhìn vào không thấy thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Nếu ngồi tại chỗ dùng để hành dâm, ngồi chỗ che khuất, ngồi trong phòng đóng cửa lại mà Tỳ-kheo ở từ xa nhìn vào không thấy thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo ở ngoài nhìn vào thấy, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

(Nếu Tỳ-kheo) ngồi chung (với vợ chồng người kia) ở trong nhà, mà ở giữa sân có đồng mía che khuất, hoặc đồng lúa che khuất, hoặc bức tường che khuất thì cũng như vậy. Nhưng nếu có Tỳ-kheo bạn thì không phạm tội. Nhưng dù có nhiều người bạn bạch y vẫn phạm, (trừ trường hợp) tất cả (những người ngồi đó) đều là nam giới thì không có tội. Hoặc tất cả những người ấy đều là nữ giới cũng không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 53 & 54 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



54. ĐI XEM QUÂN TRẬN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, viên đại thần thuộc xứ Kiền-tát-la tên Di ni vốn dòng dõi sát-lợi làm phản. Do đó, vua Ba-tư-nặc tập họp bốn binh chủng, chọn ngày lành, cùng với các đại thần đánh trống khua chuông, chuẩn bị kéo quân đi thảo phạt. Khi ấy, tôn-giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà bèn đi đến đứng trước quân sĩ. Nhà vua thấy thế, bèn từ xa bỏ lọng, gập mình tỏ sự cung kính. Các quan đại thần thấy vậy liền chê trách: “Xem ra các ông sa-môn Thích tử này không hiểu thời thế! Nay đại vương muốn thảo phạt nghịch tặc, thế mà các ông ấy lại đứng chặn trước ba quân.” Rồi họ lại than phiền nhà vua: “Tướng sĩ của đại vương đông đảo như vậy, lại gặp được ngày lành, đi tìm sự lợi ích, thế mà khi thấy kẻ sa-môn trọc đầu liền từ xa bỏ lọng, gập mình tỏ sự cung kính!”

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi: “Các ông có việc đó thật chăng?”

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Mong sao tất cả các ông vua đều có lòng tin như vậy! Từ nay về sau, Ta không cho phép (các Tỳ-kheo) vào giữa quân lính để gặp họ.”

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo xem quân lính xuất trận thì phạm Ba-dạ-đề.



❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Quân xuất trận: Tức quân lính cầm khí giới đi đến nước địch. Quân có bốn loại: Tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân.

Tượng quân: (374c) Bốn người bảo vệ một thớt voi. Đó gọi là tượng quân.

Mã quân: Tám người bảo vệ một con ngựa. Đó gọi là mã quân.

Xa quân: Mười sáu người bảo vệ một chiếc xe. Đó gọi là xa quân.

Bộ quân: Ba mươi hai người cầm vũ khí (thành một toán). Đó gọi là bộ quân.

Nếu Tỳ-kheo xem bốn loại quân này, hoặc xem một trong những loại đó thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo muốn xem quân lính rồi từ trong thôn xóm đi đến nơi hoang dã, từ nơi hoang dã đi vào thôn xóm; hoặc từ chỗ thấp lên chỗ cao, từ chỗ cao xuống chỗ thấp; hoặc từ chỗ kín đến chỗ trống, từ chỗ trống đến chỗ kín, cố ý đi đến xem thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo vào thành ấp xóm làng, giữa đường gặp quân trận mà không cố ý xem thì không có tội. Nếu cố ý cất đầu lên, cúi đầu xuống để quan sát thì phạm Ba-dạ-đề.

Hoặc khi vua xuất chinh, hoặc voi lớn xuất trận mà đường chật hẹp đông đúc, khi ấy Tỳ-kheo đứng lại một chỗ không cố ý xem thì không có tội. Nếu tác ý muốn xem thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo xem đấu voi, ngựa, bò cho đến đấu gà, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu quân lính đến Tinh xá, Tỳ-kheo không cố ý xem thì không có tội. Nếu tác ý xem thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thậm chí khi người ta cãi nhau mà xem thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 54 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



55. Ở TRONG QUÂN TRẠI QUÁ HẠN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tại nước Kiều-tát-la có viên đại thần dòng dõi sát-lợi tên Di ni làm phản không tuân phục triều đình. Do đó, vua Ba-tư-nặc bèn sai viên đại thần Đạt đa thống lãnh bốn binh chủng đến đó chinh phạt. Lúc ấy người đi chinh phạt là Đạt đa sai người đến bạch với Thế Tôn: “Nay con sắp xuất chinh, xin Thế Tôn sai các Tỳ-kheo vì con thuyết diệu pháp.” Thế rồi, Phật nói với A-nan: “Ông hãy đến trong quân đội vì người đi chinh phạt là Đạt đa thuyết pháp.” A-nan liền đến đó. Viên đại thần bèn sửa soạn các thức cúng dường. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo biết nhà vua sửa soạn các thứ cúng dường cho A-nan, liền đến trong quân thọ trai. Khi ăn xong, họ đến chỗ quân lính tập trận để xem. Nếu thấy không điều luyện thì chê bai: “Các người dạy người ta cưỡi voi giống như cưỡi heo, thật là phí lương thực của vua, đem đội quân thế này xông trận thì chắc chắn bị mất mạng, mà còn mất voi của vua nữa.” Nếu họ thấy quân lính thiện chiến thì ca ngợi: “Cưỡi voi thật thiện nghệ, mà cầm kích rất đặc thế, lại hiểu rõ đấu pháp tả hữu lui tới, xứng

đáng ăn lộc của quan. Nếu xua đội quân này xông trận thì có thể giữ được thân mình mà voi cũng không bị mất.”

Khi họ xem quân lính cưỡi ngựa, nếu thấy không điều luyện, liền chê bai: “Các người dạy người cưỡi ngựa giống như cưỡi lừa, thật là phí lương thực của vua. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn mất mạng (375a) mà còn mất ngựa của vua nữa.” Nếu họ thấy thiện chiến thì liền ca ngợi: “Các người cưỡi ngựa rất thiện nghệ, cầm dây cương rất đặc thế, lui tới tả hữu đều có phép tắc, xứng đáng nhận bổng lộc của vua. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn bảo vệ được sinh mạng, mà không bị mất ngựa nữa.”

Khi họ xem quân xa, nếu thấy thiếu khả năng thì liền chê bai: “Các người dạy lính lái xe như leo lên giường, thật uổng phí lương thực của vua. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn sẽ bỏ mạng mà còn làm mất xe của vua nữa.” Nếu họ thấy lái xe thiện nghệ thì ca ngợi: “Tài xế cầm lái lui tới điều luyện quay qua phải trái đều rất có phép tắc, xứng đáng nhận bổng lộc của vua. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn giữ được tính mạng mà xe cũng không bị mất.”

Khi họ xem bộ binh nếu thấy không biết bắn thì liền chê bai: “Các người dạy lính cầm cung giống như vuốt lông, thật là uổng phí ăn lộc quan. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn mất mạng, mà còn mất cung tên của quan.” Nếu họ thấy bắn thiện nghệ thì bèn ca ngợi: “Thật là ngay ngắn chính xác đúng là những tay thiện xạ, xứng đáng ăn lộc của quan. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn bảo toàn được tính mạng, mà không bị mất cung tên.”

Khi họ xem đội quân đao thuấn, nếu thấy không có khả năng, liền chê bai: “Các người dạy người ta cầm thuấn giống như cầm đao bằng vải. Nếu dùng đội quân này xông trận chắc chắn bị bỏ mạng, mà còn mất đao trượng của quan nữa.” Nếu thấy thiện nghệ liền ca ngợi: “Dùng đao thuấn thiện nghệ rất khéo léo và có phép tắc.

Nếu dùng đội quân này xông trận chắc chắn bảo toàn tính mạng mà đạo trượng của vua cũng không bị mất.”

Họ chê bai, khen ngợi bốn binh chủng như vậy đó. Những kẻ bị chê bai ai nấy đều giận dữ, nói: “Không những ông Di ni dòng dõi sát-lợi là kẻ thù của chúng ta, mà nay kẻ sa-môn này cũng là tên giặc, chuyên hủy nhục chúng ta, hãy cùng nhau giết hắn cho rồi.” Thế rồi, quân lính được ca ngợi bèn nói với quân lính bị chê bai: “Các sa-môn này đều là dòng dõi vua chúa hoặc là dòng dõi đại thần, hoặc là dòng dõi sát-lợi, họ vốn đã luyện tập binh pháp, thông hiểu chiến trận. Như lời họ nói, lẽ ra các anh nên học tập, trái lại, các anh còn đâm ra oán hận thật là ngu si hết chỗ nói.” Khi ấy, những kẻ bị chê bai nghe như thế đều cảm thấy rất hổ thẹn.

Tôn-giả A-nan nghe được sự việc ấy bèn suy nghĩ: “Nay ta nên đi, nếu ở đây lâu, e sinh tai họa”, liền trở về lại Tinh xá. Phật biết nhưng vẫn hỏi A-nan:

Ông đã thuyết pháp cho người đi chinh chiến là Đạt đa rồi chẳng?

A-nan liền đem sự việc trên bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi:

Các ông có việc đó thật chẳng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy; không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, khi có nhân duyên thì Ta mới cho phép vào trong quân trại ba đêm.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ (375b) phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo có nhân duyên được vào trong quân ngũ ba đêm, nếu quá (ba đêm) thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Nhân duyên: Hoặc việc của Tăng, việc của tháp, việc của riêng mình.

Quân: Như trên đã nói.

Ba đêm: Tối đa là ba đêm, nếu quá thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đêm thứ nhất ngủ tại bộ binh, đêm thứ hai tại tượng binh, đêm thứ ba tại mã binh, đêm thứ tư tại xa binh thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đêm thứ nhất ngủ tại tượng binh, đêm thứ hai tại mã binh, đêm thứ ba tại xa binh, đêm thứ tư tại bộ binh thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đêm thứ nhất ngủ tại mã binh, đêm thứ hai tại xa binh, đêm thứ ba tại cung binh, đêm thứ tư tại sáo (giáo dài) binh thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đêm thứ nhất ngủ tại xa binh, đêm thứ hai tại cung binh, đêm thứ ba tại mâu binh, đêm thứ tư tại đao binh thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đêm thứ nhất ngủ tại cung binh, đêm thứ hai tại sáo binh, đêm thứ ba tại đao binh, đêm thứ tư tại ngoại la binh (lính canh phòng) thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đêm thứ nhất ngủ tại mâu binh, đêm thứ hai tại đao binh, đêm thứ ba tại ngoại la binh, đêm thứ tư rời khỏi chỗ có thể nghe thấy được thì không có tội.

Nếu vì tháp, vì Tăng lo giải quyết công việc chưa xong thì nên rời quân đội một đêm rồi được ngủ trở lại. Nếu thành ấp xa không thể đến được thì nên rời khỏi chỗ quân có thể thấy nghe mà ngủ, khi ngủ nên nói với quân ngoại la: “Ban đêm tôi muốn ngủ tại chỗ xú, chớ tưởng là người khác.”

Nếu quân lính đến đóng trong chùa thì không nên bỏ đi, dù nhiều đêm cũng không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 55 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

56. XEM QUÂN ĐỘI DIỄN TẬP

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ngủ trong quân trại ba đêm rồi, bèn đến chỗ thao trường xem, nếu thấy quân lính không biết cưỡi voi, liền chê bai: “Kẻ này cưỡi voi giống như cưỡi heo, nếu vào trận chiến thì chắc chắn sẽ mất mạng, thật là uổng phí bổng lộc của vua.” Nếu thấy cưỡi voi thiện nghệ thì khen ngợi: “Kẻ này cưỡi voi thiện nghệ, cầm móc điều khiển tới lui, xoay bên trái bên phải đều khéo léo. Nếu xông trận thì chắc chắn phá được quân giặc, lại bảo toàn được tính mạng. Người như thế xứng đáng ăn lộc của vua.” Khi họ thấy những ai không thể cưỡi ngựa, lái xe, cầm cung, đao, mâu, thuẫn, sáo thì nhất nhất chê bai hoặc khen ngợi, rồi chỉ bảo: “Người phải cưỡi voi, cưỡi ngựa, lái xe, cầm cung, cầm thuẫn, cầm mâu (375c) như thế này, thế này này.”

Những kẻ không thể làm được, nghe họ chê như vậy, liền nổi giận, nói: “Đây chính là giặc chứ còn tìm giặc ở đâu nữa. Chúng ta hãy cùng nhau giết hấn.” Khi ấy, những kẻ được khen ngợi liền nói: “Các Tỳ-kheo này đều là dòng dõi vua chúa, dòng dõi sát-lợi đại thần, đều biết binh pháp. Vì sao các anh không chịu khó học hỏi mà trái lại còn oán người ta?” Những kẻ bị chê bai nghe nói thế, liền nguôi giận và trong lòng cảm thấy hổ thẹn.

Các Tỳ-kheo nghe sự kiện ấy, liền đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi sự việc trên:

Các ông có việc đó thật chẳng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo có duyên sự thì được ngủ trong quân trại ba đêm, nhưng nếu xem quân xuất trận, nha kỳ, cãi lộn, đánh nhau, thế lực thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Ba đêm: Tối đa là ba đêm.

Xem: Tạo điều kiện cố ý đi đến, hoặc từ chỗ cao xuống chỗ thấp, hoặc từ chỗ thấp lên chỗ cao.

Quân: Bốn quân chủng như trên đã nói.

Nha kỳ: Cờ hình sư tử, hoặc hình bán nguyệt.

Cãi: Cãi nhau bằng miệng.

Đánh: Hai nhóm giao đấu.

Thế lực: Xem coi sự thế mạnh yếu nghiêng về bên nào, thì gọi là thế lực.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đường gặp quân lính mà không cố ý xem thì không có tội. Nếu tạo phương tiện để xem thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu quân cướp từ trong thôn đi ra, Tỳ-kheo đang đi giữa đường gặp họ mà không cố ý xem thì không có tội. Nếu tạo phương tiện để xem thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành nơi thôn đã gặp quân giặc đến mà không cố ý xem thì không có tội. Nếu tạo phương tiện để xem thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành nơi rừng hoang, rồi bọn cướp vừa cướp bóc trong thôn đi ngang qua chỗ Tỳ-kheo, sau đó, những người truy đuổi bọn cướp đi tìm chúng đến chỗ Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo: “Có thấy bọn cướp không?”, thì Tỳ-kheo không được nói dối, cũng không được chỉ chỗ bọn cướp mà nên nói: “Hãy xem móng tay đây này.”

Nếu Tỳ-kheo đang ở trong thành, bỗng có giặc đến vây thành, rồi vua bảo Tỳ-kheo phải lên cả trên thành để chứng tỏ trong thành có đông người, mà Tỳ-kheo không cố ý xem thì không có tội. Nếu tạo phương tiện để xem thì phạm Ba-dạ-đề. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 56 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

57. ĐÁNH TỖ-KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo từ chỗ ngồi thiền đứng dậy, dùng nắm tay cú vào đầu nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ. Các Tỳ-kheo này liền khóc rống lên. (376a) Phật nghe tiếng khóc, tuy biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Ở trong đây vì sao có tiếng khóc của trẻ con?

Bạch Thế Tôn, nhóm sáu Tỳ-kheo sau khi từ phòng tọa thiền đứng dậy, bèn dùng nắm tay cú lên đầu nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ, do đó nên họ khóc.

Hãy đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến.

Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc kể trên:

Các ông có việc đó thật chẳng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao như vậy?

Vì muốn đùa cho vui.

Này những kẻ ngu si, đó là việc ác, làm náo loạn những người phạm hạnh mà lại bảo là vui. Này nhóm sáu Tỳ-kheo, chớ khinh thường những người ấy. Nếu họ nhập định thì họ có thể dùng sức thần túc xách các người ném vào một thế giới khác đấy. Các ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện dạy rằng nên khởi thân, khẩu, ý Từ bi cung kính cúng dường các bậc phạm hạnh hay sao? Vì sao lại làm việc ác bất thiện như vậy? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo đánh Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Đánh: Hoặc dùng thân, thân phần, thân phương tiện.

Thân: Dùng toàn bộ thân thì gọi là thân.

Thân phần: Hoặc tay, hoặc chân, hoặc cùi chỏ, hoặc đầu gối, hoặc răng, hoặc móng; đó gọi là thân phần.

Thân phương tiện: Hoặc cầm gậy gộc, gạch đá mà đánh, hoặc từ xa ném đá, đó gọi là thân phương tiện.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đánh Tỳ-kheo thì phạm Ba-dạ-đề, đánh Tỳ-kheo-ni thì phạm Thâu-lan-giá; đánh Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni; sau hết, nếu đánh người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu có các loài muông thú hung dữ như voi, ngựa, trâu, dê, chó đến thì không được đánh mà chỉ được cầm gậy gộc gạch đá đập xuống đất để khủng bố chúng mà thôi.

Nếu súc vật vào trong tháp làm phương hại hình tượng, phá hoại hoa quả cây cối, cũng chỉ được dùng gậy gộc, gạch đá đập xuống đất cho chúng sợ bỏ đi mà thôi. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 57 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

58. DẠ ĐÁNH TỠ-KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Vì Thế Tôn chế giới không cho Tỳ-kheo đánh nhau, nên khi ấy nhóm sáu Tỳ-kheo từ phòng thiền đứng dậy dùng nắm tay đe dọa nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ, nói như sau: “Ta sẽ dùng nắm tay này đánh vỡ mặt các người.” Vì bị khủng bố nên họ bèn khóc lớn lên. Phật nghe tiếng khóc, tuy biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Đó là tiếng khóc của trẻ con nào thế?

Đó là do nhóm sáu Tỳ-kheo (376b) từ phòng thiền đứng dậy dùng nắm tay đe dọa nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ, nói như sau: “Ta

dùng nắm tay đánh vỡ mặt các người.” Vì bị khủng bố nên họ liền khóc lớn lên.

Hãy gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến đây.

Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi sự việc trên:

Các ông có việc đó thật chẳng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Tại sao như vậy?

Vì để đùa cho vui.

Này những kẻ ngu si, đó là việc ác, làm náo loạn những người phạm hạnh, mà bảo là đùa cho vui. Các ông chớ khinh thường những người ấy. Nếu họ nhập định thì họ có thể dùng thần lực xách các ông ném vào một thế giới khác đấy. Các ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện dạy rằng phải khởi thân, khẩu, ý Từ bi, cung kính cúng dường các bậc phạm hạnh hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau Ta không cho phép dùng nắm tay để đe dọa nhau.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo dùng chuông đao đe dọa Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Chuông: Bàn tay.

Đao: Ngón tay.

Đe dọa: Biểu lộ dấu hiệu muốn đánh.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu đưa lên một ngón tay đe dọa thì phạm Ba-dạ-đề; cho đến năm ngón cũng như vậy.

Nếu dùng tất cả ngón tay đe dọa thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu dùng nắm tay đe dọa thì phạm Thâu-lan-giá.

Nếu dùng tay đe dọa Tỳ-kheo thì phạm Ba-dạ-đề; đe dọa Tỳ-kheo-ni thì phạm Thâu-lan-giá; đe dọa Thúc-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni; cuối cùng cho đến đe dọa người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu các loại ác thú như voi, ngựa, trâu, dê, chó đi đến thì không được dùng nắm tay đe dọa mà nên dùng gậy gộc gạch đá đập xuống đất khùng bố cho chúng sợ bỏ đi.

Nếu các loại thú ấy vào trong tháp phá hoại các ảnh tượng và hoa quả cây cỏ thì cũng chỉ nên (dùng gậy gộc) đập xuống đất khùng bố cho chúng sợ bỏ đi mà thôi. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 58 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

Hết quyển thứ mười tám

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 19

BA-DẠ-ĐỀ (tiếp theo)

59. CHE GIẤU TỘI TỶ-KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Lúc bấy giờ, Ưu-ba-nan-đà nói với người đệ tử tùy tùng của A-nan-đà anh mình như sau:

Này tên kia, người hãy cùng ta vào xóm làng, đến một nhà kia, họ sẽ cúng dường ẩm thực cho người. Nếu ta có làm điều gì trái oai nghi tại đó, thì người hãy che giấu, chớ nói cho ai biết, vì ta là Thúc phụ của người. Đồng thời ta cũng che giấu lỗi lầm cho Hòa thượng của người.

Dù cho ông, cha hay Hòa thượng của tôi có lỗi, tôi cũng không che giấu, huống gì là Thúc phụ. Trưởng lão hãy tự che giấu lỗi lầm của Hòa thượng tôi, chứ tôi hoàn toàn không thể che giấu lỗi lầm của trưởng lão.

Ưu-ba-nan-đà nghe trả lời như thế, liền suy nghĩ: “Hôm nay ta sẽ làm cho người đau khổ để biết tay.” Thế rồi, hai người cùng vào thành, đến nhà một trưởng giả. Đàn việt trông thấy rất hoan hỷ, chào hỏi, rồi mời ở lại thọ trai. Ưu-ba-nan-đà lại suy nghĩ: “Ta phải trông chừng mặt trời, khi nào gần đến giờ Ngọ, ta sẽ sai hần trở về Tinh xá để cho không kịp bữa ăn của chúng đồng thời cũng mất bữa ăn ở đây, lui tới đều mất bữa ăn, cho hần thấm nỗi khổ đau.” Suy nghĩ thế rồi, khi gần đến giờ Ngọ, thấy bèn bảo ông kia

trở về lại Tinh xá. Vì sợ mất bữa ăn cho nên ông ta vừa ngó chừng mặt trời vừa đi vội vã trở về Tinh xá. Thế nhưng, lúc ấy Tăng chúng vừa ăn xong, ra ngoài cổng Tinh xá, đang ung dung đi kinh hành. Từ xa, họ trông thấy ông ta miệng mồm khô rốc có vẻ như chưa ăn, họ liền nói đùa:

Sáng nay người đi theo Tỳ-kheo giáo hóa vào thành, có được những thức ăn gì ngon chẳng?

Chỉ bị khổ não chứ nào có thức ăn gì đâu.

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Ưu-ba-nan-đa đến. Khi thấy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự kiện trên:

Ông có việc đó thật chẳng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, nếu biết Tỳ-kheo có tội thô ác, thì không được che giấu.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác phạm thô tội mà che giấu, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

(377a) **Tỳ-kheo:** Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nhờ nghe người nói mà biết.

Thô tội: Như bốn Ba-la-di, mười ba Tăng-già-bà-thi-sa; đó gọi là Thô tội.

Che giấu: Không muốn cho người khác biết.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Khi Tỳ-kheo thấy người khác phạm tội thô ác thì không được che giấu, nếu che giấu thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trường hợp này cần phải nói với người khác. Nhưng khi nói, không phải nói với bất cứ ai mà phải nói với Tỳ-kheo tốt, hoặc nói với đồng Hòa thượng, A-xà-lê. Nếu Tỳ-kheo phạm tội kia hung bạo, hoặc dựa vào thế lực của vua, của đại thần, của kẻ hung ác khiến họ có thể sát hại hay hủy hoại phạm hạnh của mình, thì mình nên suy nghĩ: “Ông ta gây nên tội lỗi chắc chắn sẽ chuốc lấy quả báo, ông ta phải tự biết việc ấy. Ví như khi bị hỏa hoạn, ta chỉ nên tự cứu lấy mình, cần gì phải biết đến việc khác.” Thế rồi, khi ấy lo giữ gìn tánh mạng mình thì được xem là không có tội.

Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác phạm bốn Ba-la-di, mười ba Tăng-già-bà-thi-sa, mà tất cả đều che giấu thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu biết người khác phạm ba mươi Ni tát lì, chín mươi hai Ba-dạ-đề, mà tất cả đều che giấu thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu biết người khác phạm bốn Ba-la-đề Đề-xá-ni, chúng học pháp, mà tất cả đều che giấu thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu biết Tỳ-kheo-ni phạm tám Ba-la-di, mười chín Tăng-già-bà-thi-sa mà tất cả đều che giấu, thì phạm Thâu-lan-giá.

Nếu biết Tỳ-kheo-ni phạm ba mươi Ni-Tát-kì, một trăm bốn mươi mốt Ba-dạ-đề mà tất cả đều che giấu, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu biết Tỳ-kheo-ni phạm tám Ba-la-đề Đề-xá-ni, chúng học pháp, mà tất cả đều che giấu thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu biết Thức-xoa-ma-na phạm mười tám hành pháp mà cho họ thọ học trở lại hoặc tất cả đều che giấu, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu biết sa-di, sa-di-ni phạm mười giới, mà tất cả đều che giấu, hoặc cho họ xuất gia trở lại, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Sau cùng, cho đến biết người thế tục phạm năm giới, mà tất cả đều che giấu, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói:

“Nước có trùng, không y
Ngồi chỗ dâm, chỗ khuất.
Xem quân trận, ba hôm
Đánh người và dọa đánh
Hết Bạc cừ thứ sáu.”

(Hết giới thứ 59 của 92 pháp Ba-da-đề)

*

60. SÁT HẠI SINH VẬT

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-li nói rộng như trên. Lúc bấy giờ, có người mặc giáp, mang cung tên đi vào Tinh xá, rồi cởi giáp bỏ cung, ngồi nghỉ dưới gốc cây. Khi ấy, tại vũng đất cát trước sân Tinh xá có đàn bồ câu đang ăn uống vui đùa. Tôn-giả Ưu-đà-di thấy thế, liền nói (với người ấy):

Các hạ (trường thọ), cho tôi mượn cung tên để tôi bắn thử một phát xem.

(377b) Được thôi.

Ưu-đà-di liền lấy cung và năm mũi tên, lắp tên vào, bắn năm phát, hạ năm con bồ câu, đoạn nhổ hết lông, ghim chúng vào khúc cây, đem đến trao cho Thế Tôn, nói:

Bạch Thế Tôn, đây là thịt chim.

Ở đâu mà có vậy?

Bạch Thế Tôn, có người mặc giáp, mang cung tên, đến trước sân Tinh xá, rồi ngồi nghỉ dưới gốc cây, con mượn cung tên ông ta để bắn thử mấy con chim, vì trước kia con đã từng tập bắn nên bắn không trật.

Này kẻ ngu si, đó là việc ác, lẽ ra phải bỏ sớm, lại còn bảo là trước kia đã từng tập bắn nên bắn trúng. Ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện chê trách sự sát sinh, khen ngợi không sát sinh hay sao mà nay còn làm việc ác bất thiện như vậy. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, lẽ ra nên khởi từ tâm cứu hộ chúng sanh, thế mà vì sao Ưu-đà-di lại cướp lấy mạng sống của chúng mà không có lòng từ bi?

Không những ngày nay ông ta không khởi từ tâm mà trong thời quá khứ cũng đã từng như vậy, như trong kinh Bốn Sinh Thích để hoàn nhân đã nói rõ.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Tỳ-xá-li phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo cố ý cướp đoạt sinh mạng của súc sinh thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Cố ý: Trước tiên tạo ra phương tiện.

Cướp đoạt sinh mạng của súc sinh: Hoặc là Thân, Thân phần, Thân phương tiện.

Thân: Chỉ cho toàn thân. Nếu giẫm đạp trên thân của chúng sanh, hoặc lôi kéo, đè xuống muốn cho chúng chết mà chúng chết thật, thì phạm Ba-dạ-đề.

Thân phần: Vì muốn sát hại chúng sanh nên dùng một trong các thứ: hoặc chân, hoặc tay, hoặc đầu gối, hoặc cùi chỏ, hoặc răng, hoặc móng tay... để giết thì gọi là thân phần.

Thân phương tiện: Nếu dùng tay cầm các thứ như cây, gậy, gạch, đá... đến đánh, hoặc đứng từ xa ném, muốn cho chúng chết mà chúng chết thật, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Hoặc Tỳ-kheo muốn sát hại sinh mạng của súc sinh bằng các thứ như: dao, thuốc, thoa, cho mưa, cho ỉa, làm dọa thai...

Đao: Các loại dao lớn nhỏ cho đến một tấc sắt, nếu Tỳ-kheo có tâm sát hại thì khi cầm dao phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; đụng đến thân thể chúng, phạm tội Việt-tỳ-ni; chúng chết, phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là dao.

Thuốc: Có ba loại là: sanh, hợp và độc.

Sanh: Như ở đất nước Ni lâu, đất nước Uất xà ni có loại cỏ độc tên là Ca la; đó gọi là sanh.

Hợp: Như thợ săn dùng các thứ rễ cọng, lá hoa, trái, các loại cỏ trộn lại bào chế thành thuốc; đó gọi là hợp.

Độc: Chất độc của rắn, chất độc của chuột, của chó sói, của mèo, của chó, của gấu, của báo, của người v.v... các thứ như vậy gọi là độc.

Hoặc sanh, hoặc hợp, hoặc độc, (377c) tất cả các thứ như vậy gọi là thuốc.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại muốn giết súc sinh, thì khi chế thuốc phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi thuốc chạm vào thân chúng phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu chúng chết thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là thuốc.

Thoa: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại muốn dùng thuốc bôi vào thân súc sinh, khi bôi nghĩ rằng: “Ta bôi vào đầu, chân, mình để cho nó chết khô”, thì khi cầm thuốc phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chạm vào thân nó phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu vì thế mà nó chết thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là thoa.

Mửa: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại, bào chế thuốc định làm cho súc sinh mửa cả máu mủ ruột gan ra mà chết, thì khi chế thuốc phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi thuốc chạm vào thân nó, phạm tội Việt-tỳ-ni; nhân đó mà nó chết, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là mửa.

Ỉa (đại tiện): Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại, bào chế thuốc đại tiện, muốn làm cho súc sinh đại tiện cả máu mủ ruột gan ra mà chết, thì khi chế thuốc phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi thuốc chạm vào thân nó, phạm tội Việt-tỳ-ni; do đó mà nó chết, thì phạm Ba-dạ-đề.

Làm đọa thai: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại, muốn làm đọa thai súc sinh, thì khi tạo phương tiện, phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chạm thuốc vào thân nó, phạm tội Việt-tỳ-ni; định giết mẹ mà chỉ làm đọa thai, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; định làm đọa thai mà mẹ chết, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; định giết mẹ mà mẹ chết, thì phạm Ba-dạ-đề; định giết thai mà thai chết, cũng phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu súc sinh mang thai người, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là làm đọa thai.

Lại có các trường hợp: Đi theo hàng, dùng chú Tì đà la, dùng mặt vụn, giăng lưới, gài bẫy, đào hầm sập, đường đi, sông.

Đi theo hàng: Có loài súc sinh đi từng hàng hoặc năm con, mười con, hai mươi con, mà Tỳ-kheo muốn giết con đầu lại giết nhằm con giữa, hoặc muốn giết con giữa lại giết nhằm con sau, hoặc muốn giết con sau lại giết nhằm con giữa, hoặc muốn giết con giữa lại giết nhằm con đầu, thì đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu định giết con đầu mà con đầu chết, định giết con giữa mà con giữa

chết, định giết con sau mà con sau chết, thì đều phạm Ba-dạ-đề. Hoặc định giết bất cứ con nào mà nó chết thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là đi theo hàng.

Dùng chú Tì đà la: Nếu Tỳ-kheo muốn giết súc sinh bèn đọc chú Tì đà la, chú làm cho thầy người chết đứng dậy, thì khi đọc chú phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng kinh hãi lòng dựng đứng lên thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nhân đó mà chúng chết, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là dùng chú Tì đà la.

Dùng mặt vụn: Nếu Tỳ-kheo muốn sát hại súc sinh, bèn nghiền bột rắc lên mình chúng định làm cho chúng chết khô, thì khi tạo phương tiện phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chạm thuốc vào mình chúng phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu nhân đó mà chúng chết thì phạm Ba-dạ-đề.

Giăng lưới: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại súc sinh, bèn giăng lưới tại những nơi mà chúng thường đi, thường ăn, thường uống nước, thì khi giăng lưới phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; chạm đến thân chúng phạm tội Việt-tỳ-ni. (378a) Vì thế mà chúng chết phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là giăng lưới.

Gài bẫy: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại súc sinh bèn gài bẫy tại những chỗ mà chúng thường đi, thường ăn và thường uống nước, thì khi gài bẫy phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; chạm đến thân chúng, phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết, phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là gài bẫy.

Đào hầm: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại súc sinh bèn đào hầm tại những nơi mà chúng thường đi, thường ăn và thường uống nước, thì khi đào hầm phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng rơi vào trong đó phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết, phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là đào hầm.

Đường đi: Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành trên đầu đường, thấy súc sinh đến, liền suy nghĩ: “Giờ đây, ta sẽ làm cho không một mống nào thoát chết”, thế rồi khởi tâm sát hại xua chúng chạy đến chỗ sư tử, chỗ hổ báo, chỗ đáng sợ, chỗ nhà vua săn bắn”, thì

khi xua đuổi chúng, phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng phải chịu đau đớn, phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết, phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là đường đi.

Sông: Nếu chùa ở gần bên sông, Tỳ-kheo đang đi kinh hành trên bờ sông, trông thấy súc sinh đi đến, liền suy nghĩ: “Giờ đây ta sẽ làm cho những con vật này không một con nào sống sót”, thế rồi khởi tâm sát hại xua chúng đến chỗ không an toàn, chỗ bờ dốc có nước xoáy, chỗ thi Thâu ma la (?) đi qua, chỗ có sư tử hổ báo và chỗ nhà vua săn bắn; thì khi xua đuổi phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng phải chịu đau đớn, phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết, phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là sông.

Khi một Tỳ-kheo khởi tâm sát hại cầm dao thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng chịu đau đớn thì phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo thì cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo vì muốn sát hại súc sinh, rồi đưa dao cho một người, hai người hay nhiều người khiến họ đi sát hại, thì cũng như vậy. Nếu người được sai lại sai chuyển người khác, cho đến nhiều người, thì khi đưa dao, phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng chịu đau đớn phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết, phạm Ba-dạ-đề.

Các trường hợp thuốc, độc, thoa, mưa, ỉa, làm dọa thai, thì cũng như trường hợp dao đã nói rõ.

Nếu Tỳ-kheo sát hại sinh mạng của súc sinh mà hội đủ năm yếu tố sau thì phạm Ba-dạ-đề. Đó là: (1) Súc sinh; (2) Tưởng đó là súc sinh; (3) Có tâm sát hại; (4) Khởi thân nghiệp; (5) Mạng sống kết thúc. Đó gọi là năm yếu tố. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 60 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

61. GÂY PHIÊN TOÁI TỖ-KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo muốn cho nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ sinh nghi ngờ hối hận liền nói như sau: “Đức Thế Tôn chế giới người đủ hai mươi tuổi mới cho thọ cụ túc, các người chưa đủ hai mươi tuổi mà thọ cụ túc (378b) như thế không thể gọi là Thọ cụ túc.” Họ nghe nói thế liền khóc rống lên. Phật nghe tiếng khóc, biết mà vẫn hỏi (các Tỳ-kheo):

Đó là tiếng khóc của trẻ con nào thế?

Bạch Thế Tôn, nhóm sáu Tỳ-kheo vì muốn cho nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ sinh nghi ngờ hối hận nên nói như sau: “Đức Thế Tôn chế giới người đủ hai mươi tuổi mới cho thọ cụ túc, các người chưa đủ hai mươi tuổi mà thọ cụ túc, thế là chẳng phải thọ cụ túc.” Vì họ nghe nói thế nên mới khóc lóc.

Đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến.

Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc kể trên:

Các ông có việc đó chẳng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao như thế?

Chúng con đùa cho vui vậy mà.

Này những kẻ ngu si! Đó là việc ác, làm náo loạn người phạm hạnh mà bảo là đùa cho vui. Các ông chớ khinh thường bọn họ. Nếu họ nhập định thì họ có thể dùng sức thần túc xách các ông ném vào một thế giới khác cho xem. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, Ta không cho phép làm cho Tỳ-kheo khác nghi ngờ, hối hận.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo cố ý làm cho Tỳ-kheo khác nghi ngờ, hối hận, không vui trong giây lát, thì phạm Ba-dạ-đề.

✱

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Cố ý: Trước hết tạo ra phương tiện.

Nghi ngờ hối hận: Gồm có bảy việc: (1) Sinh; (2) Yết-ma; (3) Hình tướng; (4) Bệnh; (5) Tội; (6) Mạ lỵ; (7) Kiết sử.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Sinh: Nói như sau: “Trưởng lão, đức Thế Tôn chế giới tuổi đủ hai mươi mới cho thọ giới cụ túc, ông chưa đủ hai mươi mà thọ cụ túc, như thế là không thành thọ cụ túc.” Nói như thế là nhằm làm cho người kia sinh nghi, thì dù người ấy có nghi hay không nghi, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là sinh.

Yết-ma: Nói như sau: “Trưởng lão, đức Thế Tôn chế giới một lần bạch ba lần yết-ma, không có người ngăn cản yết-ma (thì yết-ma mới thành tựu); thế mà ông bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu, chúng Tăng không thành tựu, tất cả đều không thành tựu; như vậy là chẳng phải thọ cụ túc, không thể gọi là thọ cụ túc.” Nói như vậy là nhằm làm cho người kia sinh nghi ngờ hối hận, thì dù người ấy có nghi ngờ hối hận hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là yết-ma.

Hình tướng: Nói như sau: “Trưởng lão, đức Thế Tôn chế giới thân thể hoàn toàn, mới cho thọ cụ túc; thế nhưng ông lưng cong, đi

lệch lệch, mắt quáng gà, chân quẹo, đầu ngoẹo, răng khểnh, thân thể không đầy đủ mà thọ cụ túc, như vậy không thể gọi là thọ cụ túc.” Nói như vậy là nhằm làm cho người ấy nghi ngờ hối hận, thì dù người ấy có nghi ngờ hối hận hay không đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là hình tướng.

Bệnh: Nói như sau: “Trưởng lão, đức Thế Tôn chế giới (378c) người không bệnh mới cho thọ cụ túc; thế nhưng ông bị bệnh ghê lở, hoàng đãng, ung thư, bệnh trĩ, bị các bệnh như thế mà thọ cụ túc, thì không thể gọi là thọ cụ túc.” Nói như thế là nhằm làm cho người ấy nghi ngờ hối hận, thì dù họ có nghi ngờ hối hận hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bệnh.

Tội: Nói như sau: “Trưởng lão, đức Thế Tôn chế giới người thanh tịnh mới cho thọ cụ túc, thế nhưng ông phạm tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề Đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni mà thọ cụ túc thì không thể gọi là thọ cụ túc.” Nói như thế là nhằm làm cho người ấy nghi ngờ hối hận, thì dù họ có nghi ngờ hối hận hay không đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là tội.

Mạ lỵ: Nói như sau: “Trưởng lão, đức Thế Tôn chế giới người hoan hỉ mới cho thọ cụ túc, thế nhưng, ông không hoan hỉ, giận dữ hay chửi mắng mà thọ cụ túc, thì không thể gọi là thọ cụ túc.” Khi nói như vậy là nhằm làm cho người ấy nghi ngờ hối hận, thì dù họ có nghi ngờ hối hận hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là mạ lỵ.

Kiết sử: Nói như sau: “Trưởng lão, đức Thế Tôn chế giới người thông minh trí tuệ mới cho thọ cụ túc, thế nhưng ông ngu si vô trí, giống như cục đất, như sừng dê, chim đỗ quyên, chim hồng hộc, mà thọ cụ túc, thì không thể gọi là thọ cụ túc.” Nói như thế là nhằm làm cho người ấy nghi ngờ hối hận, thì dù họ có nghi ngờ hối hận hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là kiết sử.

Nếu có người đến muốn xin thọ cụ túc mà đủ hai mươi tuổi, thì nên cho thọ cụ túc. Nếu chưa đủ, thì nên nói: “Ông hãy đợi đủ hai mươi tuổi đã.” Nếu ông ta thọ cụ túc một chỗ khác thì không nên nói khiến ông nghi ngờ hối hận, nếu nói thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo (thấy người khác) lúc thọ cụ túc mà làm yết-ma không thành tựu, thì nên đưa tay lên nói: “Trưởng lão, phép yết-ma của thầy không thành tựu.” Nếu khi ấy không nói, thì sau đó không được nói để cho họ sinh nghi ngờ hối hận. Nếu nói: “Khi ông thọ cụ túc, tác bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu, Tăng không thành tựu”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có người mắt quáng gà, lưng còng, chân đi khập khiễng, thân thể không hoàn toàn mà đến xin thọ cụ túc, thì nên bảo: “Hãy đợi đã.” Nếu họ thọ cụ túc từ chỗ khác rồi đến, thì không được nói khiến họ sinh nghi ngờ hối hận. Nếu nói thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu người bệnh đến xin thọ cụ túc thì nên nói: “Hãy đợi đã.” Nếu họ đã thọ cụ túc từ nơi khác rồi đến thì không được nói khiến cho họ sinh nghi ngờ hối hận. Nếu nói thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm cho Tỳ-kheo nghi ngờ hối hận, thì phạm Ba-dạ-đề.

(Nếu làm cho) Tỳ-kheo-ni (nghi ngờ hối hận) thì phạm Thâu-lan giá.

(Nếu làm cho) Thúc-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni (nghi ngờ hối hận), thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

(Nếu làm cho) người thế tục (nghi ngờ hối hận), thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. (379a) Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 61 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

62. CHO Y RỒI, LẤY LẠI MẶC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo thường thường thay y, trước bữa ăn mặc chiếc khác, sau bữa ăn lại mặc chiếc khác. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Đó là những y nào vậy?

Đó là y tịnh thí của con.

Vì sao y đã tịnh thí cho người ta mà không xả, còn làm thành ba y để sử dụng? Từ nay trở đi, Ta không cho phép y tịnh thí không xả mà sử dụng.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo đã cho y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, sau đó không xả mà sử dụng, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Cho: Đã tịnh thí cho năm loại người.

Không xả: Sau đó không xả bỏ.

Sử dụng: Nếu làm ba y để sử dụng, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo có nhiều y mà quên không nhớ thì nên lấy hết tất cả y ấy để dồn một chỗ, rồi nói như sau để xả: “Những chiếc y này tôi tịnh thí cho mỗi giáp, mỗi giáp sẽ để tôi tùy ý sử dụng; nay tôi xả tất cả.” Nhưng nếu là ba y thì phải xả riêng từng cái, nói như sau: “Y Tăng-già-lê này thuộc trong số ba y của tôi mà trước đây tôi sử dụng, nay tôi xả nó. Y Tăng-già-lê này (một cái khác) thuộc trong số ba y của tôi, nay tôi sử dụng. Y Uất-đa-la-tăng này thuộc trong số ba y của tôi trước đây tôi sử dụng, nay tôi xả nó. Y Uất-đa-la-tăng này (một cái khác) thuộc trong số ba y của tôi, nay tôi sử dụng. Y An-đà-hội này thuộc trong số ba y của tôi, trước đây tôi sử dụng, nay tôi xả nó. Y An-đà-hội này (một cái khác) thuộc trong số ba y của tôi nay tôi sử dụng. Đây là ba y của tôi, tôi luôn giữ gìn, ban đêm không rời chúng.”

Ngoài ra những tấm vải khác dài chừng hai khuỷu tay, rộng chừng một khuỷu tay trở lên đều phải tịnh thí tất cả. Phép tịnh thí nên nói như sau: “Thưa trưởng lão, đây là y dư của tôi, tôi xin tịnh thí cho mỗi giáp, mỗi giáp sẽ để tôi tùy ý sử dụng. Nếu gặp những dịp như giặt, nhuộm, vá y thì tôi sẽ sử dụng.” Khi dùng xong, tịnh thí xong thì phải đem móc trên giá y, và hằng ngày thường phải ghi nhớ. Nếu quên, thì phải bảo đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ: “Đây là ba y của ta, người phải giúp ta để ghi nhớ hằng ngày.” Nếu không có đệ tử thì nên viết chữ ở chéo y. Nếu tự thân đối diện tịnh thí mà không xả, lại sử dụng, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu không đối diện mà tự nói tịnh thí, rồi không xả mà sử dụng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đối diện với người khác tịnh thí mà không xả, lại sử dụng, (379b) thì phạm Ba-dạ-đề.

Lại nữa, (nếu có y dư) đem tịnh thí cho người khác mà không xả, lại sử dụng, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu không biết y (của mình) thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không có ba y thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Lúc thì xả, lúc thì dùng, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không xả mà đem làm ba y để sử dụng, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không xả mà đem dùng cho việc của tháp, của Tăng rồi cho người khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Không nên đối diện nói tịnh thí mà nên nói tịnh thí gián tiếp với người khác. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 62 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

63. GIẤU VẬT DỤNG CỦA NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo, trước bữa ăn, lấy Tăng-già-lê của người nọ, lấy bát của người kia đem giấu chỗ khác. Khi đến giờ khát thực, vị Tỳ-kheo nọ định vào thôn xóm bên tìm Tăng-già-lê, thì không có. Lại có một Tỳ-kheo khác đi tìm bát cũng không có. Thấy Tỳ-kheo

mất y liền hỏi các Tỳ-kheo: “Các trưởng lão, ai lấy Tăng-già-lê của tôi đi đâu rồi?” Người mất bát thì hỏi: “Ai lấy bát của tôi đi đâu rồi?” Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo liền cười, nói: “Trưởng lão, Tăng già lam này rộng lớn, thầy hãy đi tìm xem.” Thầy ấy liền đi tìm hồi lâu mà không có. Nhóm sáu Tỳ-kheo liền nói: “Trưởng lão, cho tôi một vật gì đi, tôi sẽ tìm giúp cho ông.” Nghe nói thế, thầy biết là ông ta đã lấy giấu. Sau khi ăn, họ lại giấu tọa cụ và ống đựng kim. Khi ăn xong, các Tỳ-kheo muốn vào trong rừng ngồi thiền, đi tìm tọa cụ nhưng không có, bèn hỏi: “Trưởng lão, ai lấy tọa cụ của tôi đi đâu rồi?” Lại có Tỳ-kheo khác cũng hỏi: “Ai lấy ống đựng kim của tôi đi đâu rồi?” Nhóm sáu Tỳ-kheo bèn cười, nói: “Trưởng lão, Tăng già lam này rộng lớn, thầy hãy đi tìm khắp nơi xem.” Thầy ấy liền đi tìm hồi lâu mà không có. Nhóm sáu Tỳ-kheo lại nói: “Ông cho tôi một vật gì tôi sẽ tìm giúp cho ông.” Nghe nói thế, thầy biết là họ đã lấy giấu. Do đó, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc trên:

Các ông có việc đó thật chẳng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Tại sao như vậy?

Để đùa cho vui vậy mà.

Này những kẻ ngu si, đó là việc ác, làm nhiễu loạn các bậc phạm hạnh mà bảo là đùa cho vui à? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn Thiện pháp được. Từ nay về sau, Ta không cho phép vì vui đùa mà cất giấu y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của người khác.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo lấy giấu y bát, tọa cụ, ống đựng kim của người khác, dù là để vui đùa, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Y: Gồm có bảy loại.

Bát: Như bát bằng đất, bát bằng sắt, chúng được chia thành ba loại: thượng, trung và hạ.

Tọa cụ: Như Thế Tôn đã cho phép dùng.

Ống đựng kim: Trong ống có kim.

(379c) **Giấu:** Hoặc tự mình giấu, hoặc bảo người khác giấu, dù là để vui đùa, đều phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Trong ba y, nếu giấu một y nào đó, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu giấu tăng kì chi và các y khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Trong ba loại bát, nếu giấu một cái nào đó, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu giấu bát nhỏ, hoặc đồ đựng khác, thì phạm Việt-tỳ-ni.

Nếu giấu tọa cụ thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu giấu những vật trải ngồi khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Trong trường hợp giấu ống đựng kim mà có kim trong đó, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu không có kim, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có kim, chỉ thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu không có kim, chỉ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có kim chỉ, nhưng mở chỉ ra lấy giấu thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì đùa vui mà giấu y của Tỳ-kheo thì phạm Ba-dạ-đề; giấu y của Tỳ-kheo-ni thì phạm Thâu-lan-giá; giấu y của Thúc-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Sau cùng, nếu giấu y của người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 63 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



64. HÙ NHẤT TỠ-KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo từ trong thiền phòng đứng dậy đi đến một chỗ khuất đứng núp, rồi vểnh tai, nhãn mặt, trợn mắt, le lưỡi, giả tiếng kêu âu âu nhất nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ. Nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ nghe thế kinh hãi cất tiếng khóc thét lên. Phật biết nhưng vẫn hỏi (các Tỳ-kheo): “Đó là tiếng khóc của trẻ con nào thế?” Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật chẳng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao như vậy?

Vì muốn đùa cho vui.

Này những kẻ ngu si, đó là việc ác; làm náo loạn bậc phạm hạnh mà bảo là đùa cho vui. Các ông chớ khinh thường bọn họ. Nếu họ nhập thiền định thì họ có thể dùng thần lực xách các ông ném vào một thế giới khác đấy. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo khủng bố Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dạ-đề.



❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Khủng bố: Nếu dùng sắc, thanh, hương, xúc (để khủng bố) thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Sắc: Nếu đứng núp tại chỗ tối, vênh tai, nhắm mắt, trợn mắt, le lưỡi cho đến cong một ngón tay, kêu tiếng âu âu để hù nhát thì dù người kia có sợ hay không sợ, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là sắc (dùng tướng trạng).

Thanh: Nếu dùng các thứ tiếng như tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng lừa, hoặc kêu một hơi dài, hoặc chột kêu, chột nín, cho đến (380a) kêu tiếng vo ve để hù nhát, thì dù người kia có sợ hay không sợ đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là thanh (dùng tiếng kêu).

Hương: Nếu nói: “Trường lão, trong đó có hơi của rắn, hơi của Phú đơn na, hơi của bò cạp”, dùng các hình thức như vậy nói để hù nhát người kia, thì dù người ấy có sợ hay không sợ đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là hương (hơi).

Xúc: Gồm có các thứ: nóng, lạnh, nặng, nhẹ, trơn, nhám.

Nóng: Nếu dùng lửa hoặc ánh nắng mặt trời hơ nóng y, bát, tô, ổ khóa rồi đem áp vào thân người kia, nói như sau: “Trường lão, lửa cháy, lửa cháy”, làm như vậy khiến cho người kia sợ, thì dù họ có sợ hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là nóng.

Lạnh: Nếu dùng quạt, dùng y mà quạt, hoặc rưới nước, rồi nói: “Trưởng lão, mưa tuyết, mưa tuyết”, làm như vậy để hù nhát người kia, thì dù người ấy có sợ hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là lạnh.

Nặng: Nếu dùng gốc cây nặng hoặc cán cò đề lên người kia rồi nói như sau: “Trưởng lão, tường ngã, tường ngã”; làm như vậy để khủng bố người kia, thì dù họ có sợ hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là nặng.

Nhẹ: Nếu dùng những cái y mỏng nhẹ trùm lên người kia, nói như sau: “Trưởng lão, mây rơi, mây rơi”; làm như vậy để khủng bố người kia, thì dù họ có sợ hay không đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là nhẹ.

Trơn: Nếu dùng cọng hoa súng, cọng hoa Câu mâu đầu, cọng hoa tu kiền đề, hoặc cái then cửa chạm vào thân người kia, rồi nói như sau: “Trưởng lão, con rắn, con rắn”, để khủng bố người ấy, thì dù họ có sợ hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là trơn.

Nhám: Nếu dùng cọng hoa ưu đầu ma, cọng hoa phân đà lợi chạm vào thân người kia, rồi nói như sau: “Trưởng lão, đây là con rít”, nhằm khủng bố người ấy, thì dù họ có sợ hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là nhám.

Nếu khủng bố Tỳ-kheo thì phạm Ba-dạ-đề; khủng bố Tỳ-kheo-ni thì phạm Thâu-lan-giá; khủng bố Thúc-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Sau cùng, nếu khủng bố người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 64 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

65. ĐÙA GIÒN TRONG NƯỚC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, được chư thiên và người đời cúng dường rất nhiều phẩm vật. Bấy giờ, trong thành xá-vệ có hai chị em người kia, (một người) đang mang thai mà chưa sinh, vì có lòng tin nên xuất gia tu hành. Các Tỳ-kheo-ni trông thấy tướng bụng của cô như thế, liền đuổi đi, rồi đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy rằng mang thai ở nhà thì không có tội. Thế rồi, Tỳ-kheo-ni này sau đó sinh một bé trai, bèn đặt tên là Đồng Tử Ca-diếp. Đến năm tám tuổi, cậu bé ấy xuất gia tu hành, thành A-la-hán. Rồi ông cùng với nhóm mười sáu Tỳ-kheo mỗi người đều mang thau tắm ra sông A kì la xuống nước tắm. Họ nằm sấp, nằm ngửa, bơi qua, bơi lại đùa giỡn (380b), tát nước mà tắm. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc đang đứng trên lầu nhìn xem bốn phương, thấy sự việc như thế càng sinh bất tín, vì lúc này vua chưa tin Phật pháp, liền nói với phu nhân Mạt Lợi: “Hãy xem phước điền mà ái khanh phụng sự kia kìa.” Vì phu nhân thâm tín không nghi, nên không ngoái đầu lại xem, liền đáp: “Tâu Đại vương, có lẽ là họ xuất gia còn trẻ, mới thọ cụ túc nên chưa am tường giới luật, hoặc là đức Thế Tôn chưa chế giới ấy, nên mới như thế.” Vua bèn nói với phu nhân: “Vĩ như khi gia trưởng nói thì quyến thuộc phải nghe theo; khi Hòa thượng A-xà-lê nói thì đệ tử nghe theo; khi sa-môn Cù-đàm nói thì đệ tử đều đáp: “Như vậy đó Thế Tôn, như vậy đó Thiện Thệ.” Thế mà trẫm nói với khanh, khanh không ngoái lại xem.” Lúc ấy, tôn-giả Đồng Tử Ca-diếp đang nhập vào mức chót của Thiền thứ tư, dùng Thiền nhĩ nghe được tiếng nói của nhà vua, liền bảo các Tỳ-kheo bạn: “Các trưởng lão, vua đang sinh tâm bất tín và phu nhân Mạt Lợi thì lòng không vui, giờ đây chúng ta hãy làm cho họ phát tâm hoan hỉ.” Thế rồi, tất cả đều nói: “Lành thay”, rồi mỗi người đều dùng thau mức đầy thau nước để trước mặt sắp hàng ngồi kiết già đi trên hư không ngang qua trên điện của vua. Bấy giờ, phu nhân Mạt Lợi đang ngồi ngoài trời, thấy bóng của họ chiếu xuống, liền ngước lên xem, trông thấy họ đang ngồi kiết già theo thứ tự, trước mặt đều đặt thau nước tắm

mà đi trên hư không, giống như đàn nhận chúa, khiến tâm bà rất hoan hỷ, liền tâu với vua: “Đại vương hãy xem, phước điền của nhà thiếp thần đức như thế đó.” Vua thấy thế rồi, lòng rất hoan hỷ, liền nói: “Lành thay! Trẫm được Thiện lợi, mong Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo sống suốt đời trong nước của trẫm, để làm phước điền tốt nhất.”

Các Tỳ-kheo vì trước đó nghe vua nhạo báng, nên đem nhân duyên ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi nhóm mười sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Nay Ta phạt các người; nhân việc các người Ta phải chế giới cho các Tỳ-kheo.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo đùa giỡn trong nước thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Nước: Gồm có mười loại.

Đùa giỡn: Nếu nhảy, lội, bơi qua lại, lặn xuống, trồi lên, quạt nước, tạt nước, xối nước thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nhảy: Vì đùa giỡn mà nhảy xuống nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu đi trên bờ mà bị ngã xuống nước, hay đi trên thuyền

mà va nhằm cây đá trên bờ (380c) bị rơi xuống nước thì không có tội. Đó gọi là nhảy.

Lội: Nếu vì đùa giỡn mà lội nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu đang đi đường phải lội nước, hoặc kéo vật gì qua sông, hoặc có công việc của Tăng, của tháp ở bên kia bờ nên phải thường qua lại để giải quyết, hoặc vì muốn tập bơi (mà lội nước) thì không có tội.

Bơi qua lại: Nếu vì đùa giỡn mà bơi qua lại dưới nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu vì để quên vật gì ở bên kia bờ mà phải bơi qua để lấy, thì không có tội.

Lặn xuống: Nếu vì đùa giỡn mà lặn xuống nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu bát, tô chén, ống đựng kim, các vật khác bị rơi xuống nước nên phải lặn xuống lấy, thì không có tội. Hoặc vì tắm rửa mà phải lặn trong nước, thì không có tội.

Trôi lên: Nếu vì đùa giỡn mà xuống nước rồi trôi lên khỏi nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu lấy vật thì không có tội.

Quạt nước: Nếu vì đùa giỡn mà quạt nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu nước ở trên mặt nóng, muốn lấy nước mát nên phải quạt nước ở trên để lấy nước ở dưới, thì không có tội.

Tạt nước: Nếu vì đùa giỡn mà tạt nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu trên mặt nước có lăng quăng nên phải tạt nước để chúng lặn xuống mà lấy nước không có trùng, thì không có tội.

Xối nước: Nếu vì đùa giỡn mà lấy nước từ dưới sông đổ lên bờ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc đổ nước từ trên bờ xuống sông cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu lấy nước dưới sông đổ lại xuống sông thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu lấy nước từ trên đất đổ xuống đất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo bị cảm gió, lở đầu lấy máu khiến bị hôn mê, hoặc bị bệnh nhiệt mà hôn mê nên phải dùng nước lạnh rưới lên đầu thì không có tội. Nếu trên thức ăn của Tỳ-kheo bị sa-di quấy phá (viết bậy bạ), sợ người thế tục sinh tâm

bất tín, nên thầy tri sự lấy nước xối đi, thì không có tội. Đó gọi là xối nước.

Nếu khi tắm cho Hòa thượng, A-xà-lê mà lấy nước vẽ trên lưng các ngài thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì đùa giỡn mà viết chữ trên bát, tô, chén dùng đựng thức ăn của Tỳ-kheo thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu khi rửa chân mà dùng nước vẽ lên cây hay trên ang, trên tháp, thì cứ mỗi chỗ vẽ phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni.

Nếu dùng ngón tay búng trong nước thành tiếng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lấy nước vung lên trên không rồi đưa tay hứng lấy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 65 của 92 pháp Ba-da-đề)

*

66. CHỈ CHỖ LẤN NHAU

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, vào các ngày chay mồng tám, 14, 15, Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ thăm hỏi. Lúc ấy, nhóm mười sáu Tỳ-kheo đang ngồi tại một chỗ cách Phật không xa, nên Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la và sa-di-ni Chi lê cũng đến đánh lễ thăm hỏi họ. Thế rồi, vì tuổi trẻ thích vui nên các cô lại ngồi gần chỗ các Tỳ-kheo, nhưng do ngồi không ngay ngắn, các Tỳ-kheo thấy thế (381a) bèn chỉ chỗ nhau mà cười. Ngay khi ấy có một Bà-la-môn xấu xí lưng gù, chân quẹo dẫn theo cô vợ trẻ, thấy các Tỳ-kheo cười, liền suy nghĩ: “Chắc là các Tỳ-kheo này thấy ta xấu xí mà dẫn theo một bà vợ đoan chính nên cười ta chớ gì!”, bèn nổi giận, nói: “Các sa-môn Thích tử không biết phép tắc nên dựa vào hình tướng mà cười ta.” Các Tỳ-kheo

liền đáp: “Chúng tôi không cười ông.” Bà-la-môn nói: “Không phải thế, chính là đang cười tôi.” Nói thế xong, ông liền đi đến chỗ Phật, nói như sau: “Kỳ thay Cù-đàm, sa-môn Thích tử không biết phép tắc, thấy tôi xấu xí mà dẫn theo một người vợ đoan chính nên dựa vào hình tướng mà cười tôi.” Phật bèn tùy thuận thuyết pháp cho ông Bà-la-môn, chỉ cho những điều lợi ích, vui vẻ, khiến ông hoan hỉ mà ra đi. Khi ông đi rồi, Phật liền bảo gọi nhóm mười sáu Tỳ-kheo đến. Lúc họ tới, Phật bèn hỏi:

Có người Bà-la-môn rất xấu xí mà dẫn theo một người vợ đoan chính, các ông thấy thế nên cười họ phải không?

Bạch Thế Tôn, chúng con không cười ông Bà-la-môn.

Vậy thì các ông cười ai?

Bạch Thế Tôn, vào ngày chay, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la và sa-di-ni Chi Lê đến chỗ chúng con, rồi ngồi không đoan chính, chúng con thấy thế chỉ cho nhau xem, do thế mà cười vậy.

Các cô Ni ngồi không đoan chính thì các ông phải dùng phương tiện làm cho họ đứng dậy, chứ sao lại cười? Nay Ta phạt các ông; nhân việc này mà ta chế giới cho các đệ tử.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo dùng ngón tay chỉ chỗ nhau thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Nếu dùng một ngón tay chỉ thì phạm Ba-dạ-đề; cho đến dùng năm ngón mà chỉ thì cũng như vậy; hoặc dùng tất cả ngón tay

cũng phạm Ba-dạ-đề. Nếu dùng nắm tay chỉ thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng khúc cây, cành tre chỉ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo cãi lộn rồi dùng tay chỉ nhau thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo trực nguyệt (được phân công làm việc trong tháng), hoặc làm tri sự, sai người ta dọn cơm, dùng ngón tay chỉ nói: “Mỗ giáp, hãy đi dọn cơm”, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu cầm cành tre hoặc khúc cây chỉ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; chỉ nên nói: “Mỗ giáp, hãy đi dọn cơm.”

Nếu sa-di nằm ngủ, muốn gọi dậy, thì nên khảy móng tay mà gọi. Nếu không dậy, thì nên dùng ngón tay nắm áo kéo cho thức dậy.

Nếu các Tỳ-kheo ngồi tại nhà thế tục, có Tỳ-kheo ngó ngán ngồi không ngay ngắn thì nên nói: “Ông hãy ngồi cho ngay ngắn.” Nếu ông ta không hay thì nên nói: “Hãy sửa lại y phục ông cho ngay ngắn.” Nếu cũng không hay nữa thì nên bảo: “Này kẻ ngó ngán hãy che kín thân thể của ông.”

Nếu Tỳ-kheo đến ngồi tại Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni đánh lễ chân Tỳ-kheo, rồi ngồi trước Tỳ-kheo mà không ngay ngắn, (381b) thì không nên nhắc nhở làm cho họ hổ thẹn, mà nên bày phương tiện bảo họ đứng dậy đi lấy vật gì.

Nếu Tỳ-kheo ngồi tại nhà đàn việt, phụ nữ đến đánh lễ chân Tỳ-kheo, rồi ngồi trước Tỳ-kheo mà không ngay ngắn, thì không nên nói làm cho họ xấu hổ, mà nên dùng phương tiện sai họ đi lấy một vật gì.

Nếu dâm nữ đến bốn cột để thử thách Tỳ-kheo nên ngồi không đoan chánh, thì không nên nói mà chỉ nên lánh đi. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 66 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

✱

67. HẸN ĐI CHUNG ĐƯỜNG VỚI NGƯỜI NỮ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một người kia, nhân bà vợ làm điều gì đó phật ý ông nên ông nổi giận cực độ, đánh một trận, rồi bỏ đi. Bà vợ suy nghĩ: “Ông ấy chưa nguôi giận, nếu đánh một trận nữa, e ta chết mất. Giờ đây ta nên chạy trốn”, liền chạy ra khỏi cửa, bỗng trông thấy một Tỳ-kheo vừa khát thực xong, định ra khỏi thành, bà liền hỏi:

Thầy định đi đâu vậy?

Đi ra khỏi thành.

Con muốn đi theo thầy.

Này chị, đây là con đường của vua, hà tất phải hỏi.

Thế là cô ta bèn đi theo sau thầy. Sau lúc đánh vợ, ông chồng suy nghĩ: “Vợ ta bị đòn, e rằng cô ta chạy trốn chẳng?”, liền vào phòng tìm, thì không thấy vợ, bèn hỏi người khác: “Bà ấy đi đâu rồi?” Họ đáp: “Vừa mới đi ra, theo con đường này.” Ông liền đuổi theo sau, bỗng trông thấy bà đang theo sau Tỳ-kheo, nên nổi trận lôi đình, mắng rằng: “Kẻ sa-môn tệ ác, dám dụ dỗ vợ ta đi”, bèn tóm lấy Tỳ-kheo đánh cho một trận nên thân, rồi dẫn lên chỗ quan xử kiện, nói như sau: “Ông Tỳ-kheo này dụ dỗ vợ tôi theo.” Viên quan xử kiện nói: “Hãy đem bọn họ lại đây để ta hỏi rõ thực hư.” Thế rồi, ông liền hỏi Tỳ-kheo: “Ông là người xuất gia vì sao lại dẫn vợ người ta đi?”

Không phải vậy.

Thế thì vì sao bà ấy đi theo?

Tôi vừa khát thực xong định ra khỏi thành, thì người đàn bà ấy hỏi tôi định đi đâu, tôi đáp: “Định rời khỏi thành.” Bà ta nói: “Con cũng muốn đi theo ra khỏi thành.” Tôi đáp: “Này chị, đây là con đường của vua, hà tất chị phải hỏi.” Sự thật là như vậy.

Viên quan xử kiện liền bảo (quân lính): “Đem Tỳ-kheo này đi, gọi bà kia đến.” Rồi ông hỏi: “Ông sa-môn ấy bắt người đi chăng?”

Không phải vậy.

Thế thì vì sao cùng đi với nhau?

Vì tôi bị chống đánh, mà ông ta chưa nguôi giận, tôi sợ ông đánh một lần nữa e sẽ vong mạng, cho nên tôi bỏ chạy, bỗng thấy thầy Tỳ-kheo, tôi liền hỏi: “Tôn-giả đi đâu đó?” Thầy đáp: “Tôi định ra khỏi thành.” Tôi nói tôi muốn đi theo thầy, thầy bảo: “Đây là con đường của vua, cần gì phải hỏi.” Sự thật là như vậy, chứ không phải ông ấy bắt tôi.

Viên quan liền bảo bà ấy đi ra, rồi gọi Tỳ-kheo vào hỏi: “Ông là người xuất gia, vì sao bắt vợ người ta đi mà còn nói dối để mong được thoát tội? Vừa rồi người đàn bà ấy nói (381c) rằng chính ông bắt đi, vì sao ông lại nói không?”

Thầy Tỳ-kheo đáp: “Không phải vậy.” Viên quan liền hỏi lần nữa, thì thầy cũng đáp giống y như lần đầu, nên ông bèn bảo Tỳ-kheo đi ra, rồi gọi người đàn bà kia vào, hỏi: “Người đàn bà tội tệt đáng chết kia, bỏ chồng trốn chạy nói dối gạt quan để mong được khỏi tội sao? Vừa rồi Tỳ-kheo bảo là có bắt người thật, vì sao người nói là không?” Đáp: “Quả thật không phải như vậy.” Quan hỏi như vậy ba lần mà lời đáp của bà ấy vẫn như lúc đầu; do thế, quan giữ người phụ nữ ấy lại, rồi gọi Tỳ-kheo đến để xét nghiệm tình trạng, quan sát sắc diện hầu biết rõ thực hư, thì thấy lời đáp của thầy vẫn như lúc đầu. Quan lại hỏi Tỳ-kheo: “Bát của ông tại sao bị vỡ?”

Vì bị vỡ.

Y vì sao bị rách nát?

Vì bị rách.

Cùi chỗ đầu gối vì sao bị xây xát?

Vì bị thương.

Bà vợ còn giận chồng chưa nguôi, thương Tỳ-kheo phải chịu khổ như vậy mà không tố cáo với quan, liền nói rõ đầu đuôi sự việc với quan. Quan nghe biết sự tình, cực kỳ tức giận, nói với ông chồng: “Tên tội phạm tệ ác kia, người tưởng rằng ngoài vua ra không còn ai nữa sao?”, liền truyền lệnh cho viên quan thuộc hạ giải quyết việc của Tỳ-kheo, cấp phát thuốc men và y bát cho thầy, rồi bắt ông chồng kia hạ ngục, tịch thu tài sản sung vào quốc khố.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Mong sao tất cả các ông vua đều có được tín tâm như thế! Trường hợp này không kỳ hẹn với người ta mà còn bị tai họa như vậy, huống gì là hẹn hò cùng đi với nhau. Từ nay về sau ta không cho phép Tỳ-kheo hẹn hò cùng đi chung đường với phụ nữ.” Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo hẹn hò cùng đi chung đường với phụ nữ, thậm chí đi trong phạm vi một xóm làng, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Phụ nữ: Hoặc là mẹ, hoặc là chị, em, hoặc là người lớn, trẻ con, hoặc tại gia, xuất gia.

Cùng hẹn hò: Hoặc hẹn hôm nay, hoặc ngày mai, nửa tháng, một tháng...

Đường: Hoặc ba do diên, hai do diên, một do diên, nửa do diên; hoặc một Câu lô xá, nửa Câu lô xá, cho đến khoảng trong một xóm làng, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo hẹn hò cùng đi chung đường với phụ nữ trải qua những khoảng cách mỗi xóm làng thì phạm các tội Ba-dạ-đề. Nếu đi qua đi lại, thì mỗi lần đi phạm mỗi tội Ba-dạ-đề. Ngoài ra, giống như trong phần Bạt cừ thứ ba thuộc 92 giới, cùng hẹn hò đi chung đường với Tỳ-kheo-ni đã nói rõ. Ở đây chỉ khác nhau là đi với phụ nữ mà thôi. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 67 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



68. NGŨ CHUNG MỘT NHÀ VỚI NGƯỜI NỮ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả A-na-luật an cư mùa hạ tại núi tháp vừa xong, trở về thành xá-vệ để hầu thăm vấn an Thế Tôn. (382a) Trên đường đi gặp lúc hoàng hôn nên thấy muốn vào thôn xóm để tìm chỗ nghỉ ngơi. Lúc ấy, trong thôn có một bà mẹ dẫn một cô con gái định ra khỏi thôn để lấy nước, thì gặp nhau giữa đường. Cô gái thấy Tỳ-kheo diện mạo đoan chính, oai nghi tể chỉnh, liền sinh dục tưởng. Thấy vào làng đi tìm chỗ nghỉ khắp nơi mà không được, liền suy nghĩ: “Ta hãy ra ngoài thôn tìm một gốc cây mà nghỉ”, bèn trở ra, thì gặp lại mẹ con bà kia. Khi ấy cô gái hỏi mẹ: “Vị sa-môn này đi đâu trong đêm tối vậy?”

Mẹ đáp: “Không biết.”

Cô gái nói: “Vậy mẹ hãy hỏi thử xem.”

Bà mẹ liền hỏi: “Sa-môn lấm lũi ra khỏi thôn trong đêm tối định đi đâu vậy?”

Đáp: “Tôi vào trong thôn tìm chỗ nghỉ mà không được nên định trở ra nghỉ dưới gốc cây.”

Cô gái liền bảo mẹ: “Nên đem ông về nhà cho ông nghỉ tạm.”

Bà mẹ liền nói: “Sa-môn hãy theo tôi về nhà tôi sẽ cho nghỉ nhờ qua đêm.” Tỳ-kheo bèn theo bà về nhà, bà liền chỉ một căn phòng và nói: “Sa-môn, ông có thể nghỉ trong phòng này.” Thấy Tỳ-kheo liền trải nệm cỏ, ngồi kiết già. Mẹ con bà ăn xong bèn vào phòng ngủ. Tỳ-kheo vì đi đường mệt nhọc nên nằm xuống nghỉ ngơi. Cô gái chờ mẹ ngủ say bèn từ từ lén đến chỗ Tỳ-kheo, nắm kéo nệm cỏ. Tỳ-kheo hay được bèn trở dậy ngồi ngay ngắn. Vì phụ nữ tính rụt rè nên cô ta liền bỏ đi. Khi cô đi rồi, Tỳ-kheo bèn nằm trở lại. Nhưng trong chốc lát, cô ta lại đến. Như Thế Tôn đã dạy, có năm loại người ban đêm phần nhiều không ngủ được. Năm hạng người đó là:

1. Phụ nữ khởi dục tưởng, nhớ đến nam nhi, nên ban đêm phần nhiều không ngủ được;
2. Nam nhi khởi dục tưởng nhớ đến phụ nữ, nên ban đêm phần nhiều không ngủ được;
3. Quân đạo tặc có tâm trộm cắp, nên ban đêm phần nhiều không ngủ được;
4. Nhà vua lo nghĩ việc nước, nên ban đêm phần nhiều không ngủ được;
5. Tỳ-kheo tinh tấn tu tập đạo nghiệp, nên ban đêm phần nhiều không ngủ được.

Cô gái này cũng không ngủ được, liền lén đứng dậy đi đến kéo tấm nệm cỏ của Tỳ-kheo. Tỳ-kheo hay được, liền trở dậy ngồi ngay ngắn cho đến sáng. Hôm sau, thầy liền đi đến chỗ Phật. Từ xa trông thấy thầy, Phật biết mà vẫn hỏi: “Ai quá nhiều xúc phạm ông mà mặt mày không vui thế?”

Thầy bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo ngủ chung một nhà với phụ nữ thì phạm Ba-dạ-đề.



❖ Giải thích

Nhà: Cùng có trên một mái che, trong một vách tường.

Nghỉ: Nếu cùng nằm ngủ thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu cùng một phòng mà có cửa riêng biệt thì không có tội. (382b) Nhưng nếu khác phòng mà không có ngăn cách thì phạm Ba-dạ-đề. Cùng phòng, có cách biệt cũng phạm Ba-dạ-đề. Nếu cùng phòng mà khác cửa thì không có tội. Trên có lợp và có tường bao quanh thì phạm Ba-dạ-đề. Trên có lợp mà xung quanh che một nửa thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu trên có lợp mà không có ngăn xung quanh thì không có tội. Nếu có ngăn xung quanh và có che ở trên thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu có ngăn xung quanh và trên che một nửa thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có ngăn xung quanh mà trên không che, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cùng với phụ nữ ở trong ngôi nhà, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo ở trong nhà còn phụ nữ nằm nửa thân trong nhà, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo ở trong nhà, phụ nữ ở ngoài nhà, thì không có tội.

Nếu phụ nữ cùng với Tỳ-kheo ở trong nhà, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu phụ nữ ở trong nhà, Tỳ-kheo nằm nửa thân mình ở trong nhà (nửa thân ở ngoài), thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu phụ nữ ở trong nhà, Tỳ-kheo ở ngoài nhà thì không có tội.

Nếu vào các ngày lễ Phật đản sinh, ngày Phật thành đạo, ngày kỷ niệm Chuyển pháp luân, kỷ niệm La vân, kỷ niệm A-nan, kỷ niệm Ban giá vu sắt (lễ hội bố thí bình đẳng), phải thuyết pháp suốt

đêm thì nên tổ chức ở ngoài trời. Nếu gặp trời mưa gió hoặc tuyết rơi lạnh, thì nên vào trong nhà, ngồi ngay ngắn. Nếu vì già bệnh không thể ngồi được thì nên dùng vật gì ngăn che ra. Nhưng khi ngăn che không nên dùng vật thưa mỏng ngăn che từ vai nách trở xuống.

Nếu Tỳ-kheo đang đi đường, khi vào xóm làng để nghỉ, thì phải nghỉ trong phòng riêng có vách ngăn. Nếu không có nhà phải nghỉ ngoài trời, rồi gặp mưa gió tuyết lạnh phải vào trong nhà thì nên ngồi ngay ngắn. Nếu vì già bệnh ốm yếu không thể ngồi được thì nên dùng vật gì ngăn cách ra. Nếu không ngăn cách mà có người nữ đáng tin thì nên bảo họ: “Ưu-bà-di, người hãy ngủ trước để ta ngồi.” Khi Tỳ-kheo muốn ngủ thì gọi họ dậy, nói: “Ta muốn ngủ, người chớ ngủ. Nếu người ngủ thì người sẽ không có phước.”

Nếu (Tỳ-kheo nghỉ chung chỗ với các loài như) voi cái hoặc lạc đà, trâu, lừa cho đến gà mái, mà khi chúng còn ngẩng đầu lên thì chưa phạm tội; nếu chúng gục đầu xuống ngủ thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu là chó cái nằm xoài đầu ra thì không có tội; nhưng khi nó gục đầu xuống ngủ thì phạm tội Ba-dạ-đề. Cho đến vịt, công, gà mái, mà khi chúng còn xoài đầu ra thì không có tội. Nhưng khi chúng gục đầu vào trong cánh, thì phạm Ba-dạ-đề. Con voi khi còn đang đứng ngay ngắn thì không có tội, nhưng khi nó thiếp ngủ thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đang ngủ trong phòng mà có bà mẹ bỗng một bé gái đang ngủ đi vào phòng thì tất cả Tỳ-kheo đang ngủ đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu lúc ấy thấy Duy na hay tri sự thấy vậy thì nên bảo bà ta: “Bà hãy làm cho đứa bé thức dậy rồi mời bỗng vào.” Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 68 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

69. NGÔI VỚI PHỤ NỮ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả Ưu-đà-di có một người bạn Bà-la-môn quen biết ở cùng thôn; con gái ông ta đi lấy chồng ở một thôn khác; cô sai người nhắn tin cho cha hoặc sư phụ (Ưu-đà-di) thường thường đến thăm cô, như nhân duyên của giới Bất định thứ hai đã nói rõ, cho đến Phật bảo với Ưu-đà-di: “Này kẻ ngu si, (382c) người thế tục tại gia mà còn biết phép tắc của người xuất gia điều gì nên làm, điều gì không nên làm. Ông đã có lòng tin xuất gia mà lại không biết phép tắc nên làm của người xuất gia. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, Ta không cho phép ngồi một mình với phụ nữ tại chỗ trống vắng.” Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với phụ nữ tại chỗ trống vắng thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Một mình: Chỉ duy nhất một người nữ không có ai khác. Giả sử có người khác mà đang ngủ, điên cuồng tâm loạn thống khổ, hoặc trẻ con, phi nhân, súc sinh, thì dù có họ cũng xem như không có.

Chỗ trống vắng: Chỗ vắng vẻ.

Ngồi: Nếu cùng ngồi thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo cùng ngồi với phụ nữ suốt ngày thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo hoặc người nữ nửa chừng đứng dậy đi, rồi ngồi lại, thì cứ mỗi lần như vậy phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nhận lời mời thọ trai, đến nhà đàn việt ngồi, rồi người nữ dọn cơm xong đến ngồi trước Tỳ-kheo, đoạn đứng dậy rót thêm thức ăn, thì cứ mỗi lần đứng dậy ngồi xuống như vậy phạm mỗi tội Ba-dạ-đề. Nếu một người nữ ngồi gần Tỳ-kheo, một người nữ khác lui tới rót thêm thức ăn, thì khi người nữ kia đi ra, Tỳ-kheo nên đứng dậy. Khi đứng dậy, không nên vụt đứng dậy liền khiến cho người nữ đang ngồi sinh nghi tưởng Tỳ-kheo có ý đồ gì khác mà trước khi đứng, nên nói: “Này chị, tôi muốn đứng dậy.” Nếu cô hỏi: “Vì sao đứng dậy?”, thì đáp: “Vì Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo ngồi một mình với phụ nữ ở chỗ vắng vẻ, cho nên tôi đứng dậy.” Nếu người nữ nói: “Tôn-giả chớ đứng dậy, để con đứng dậy”, rồi cô đứng dậy, thì Tỳ-kheo không có tội.

Nếu con gái dưới bảy tuổi ngồi trên đường đi có tầng cấp, rồi chuyển ngồi trên tầng cấp thứ hai, lại chuyển ngồi trên tầng cấp thứ ba, nếu cứ di chuyển chỗ ngồi như vậy, thì cứ mỗi lần di chuyển Tỳ-kheo phạm mỗi tội Ba-dạ-đề (?). Nhưng nếu trong nhà có tịnh nhân đang làm việc qua lại không gián đoạn, thì (Tỳ-kheo) không có tội. Nếu cửa hướng ra đường, mà trên đường có người đi như Tỳ-kheo khát thực không gián đoạn, họ cũng như sự có mặt của tịnh nhân, nên (Tỳ-kheo) không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cùng ngồi trên gác với phụ nữ mà dưới gác tịnh nhân trông thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cũng trông thấy tịnh nhân, thì không có tội. Hoặc Tỳ-kheo ngồi một mình với phụ nữ dưới gác mà trên gác có phụ nữ trông thấy thì cũng như vậy.

Lại có các trường hợp: hoặc thấy mà không nghe, hoặc nghe mà không thấy, hoặc vừa nghe vừa thấy, hoặc chẳng thấy chẳng nghe.

Thấy mà không nghe: Tịnh nhân từ xa trông thấy Tỳ-kheo cùng ngồi với người nữ mà không (383a) nghe tiếng nói, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nghe mà không thấy: Nghe tiếng nói mà không thấy người, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Vừa thấy vừa nghe: Nếu thấy cùng ngồi và nghe được tiếng nói, thì không có tội.

Chẳng thấy chẳng nghe: Trong trường hợp này phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với phụ nữ mà bên cạnh, có người mù, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu bên cạnh có người điếc cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tịnh nhân ấy vừa mù vừa điếc, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu có một tịnh nhân mù, một tịnh nhân điếc, thì không có tội. Nếu tịnh nhân ngủ thì nên đánh thức họ dậy.

Tội này bao gồm lúc ở thôn xóm lúc ở chỗ hoang vắng; hoặc đúng thời, hoặc phi thời; hoặc ban ngày hoặc ban đêm; tại chỗ khuất, không phải chỗ trống; tại chỗ vắng vẻ, không phải chỗ nhiều người; ở gần, chẳng phải ở xa. Thế nên nói:

“Cố đoạt làm người khác nghi ngờ,
Không xả, lấy giấu và khùng bố.
Đùa dưới nước, chỉ chỏ lẫn nhau,
Cùng đi, cùng ngủ chung một nhà.
Tại chỗ hoang vắng cũng như vậy.
Đến đây vừa hết phần thứ bảy.”

(Hết giới thứ 69 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

70. CHO NGƯỜI CHƯA ĐỦ TUỔI THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu mời chư Tăng ở Tinh xá Kỳ-hoàn theo thứ tự, đến nhà bà thọ trai lâu dài. Bà cúi đầu đánh lễ chân chư tăng, lần lượt đến chỗ nhóm mười sáu Tỳ-kheo, thấy họ còn nhỏ, thân thể yếu đuối mà có thể bỏ nhà xuất gia, người nữ vốn nặng lòng từ nên thấy họ liền tưởng họ như con, hơn nữa cũng do lòng tôn kính

pháp, bà liền hỏi: “Khi tăng chúng Kỳ-hoàn không cúng dường, các tôn-giả ăn ở đâu?”

Đáp: “Khi đến giờ, chúng tôi khoác y, cầm bát đi đến từng nhà khát thực.”

Bà liền nói: “Này các tôn-giả, lúc nào không có cúng dường hãy đến nhà con thọ trai. Từ nay về sau hễ hôm nào không có người cúng dường thì con sẽ cúng dường.”

Các Tỳ-kheo trẻ nghe nói thế, liền nhận lời mời, đến bữa không có cúng dường, bèn tới nhà bà thọ trai. Lộc Mẫu thỉnh Phật thường xuyên đồng thời cũng thỉnh A-nan, nên tôn-giả A-nan hằng ngày đến nhà bà, bỗng trông thấy nhóm mười sáu Tỳ-kheo đang thọ trai tại đó. Các Tỳ-kheo trẻ này sinh tâm phóng túng nói với Lộc Mẫu: “Thưa mẹ, thức ăn này nhiều quá!” Bà đáp: “Các con sốt bớt đi.”

Họ lại nói: “Ít quá!”

Bà bảo: “Các con hãy thêm vào.” Họ chê lạnh, nóng, cứng, mềm, ngọt, chua, mặn, nhạt đủ mọi cách như vậy tỏ sự không hài lòng.

Lộc Mẫu vốn có lòng tin và nhiều lòng từ nên đáp: “Tùy các con đòi cái gì thì ta cho cái ấy.”

A-nan thấy thế, liền nghĩ: “Nếu đây là nhà không có niềm tin, chắc chắn sẽ khởi ác tâm.”

Đoạn, thầy đem sự việc ấy đến bạch lên Phật, nói: “Lành thay Thế Tôn, mong rằng từ nay trở đi chớ cho trẻ con thọ giới cụ túc.”

Phật liền dạy: *“Từ nay về sau, người chưa đủ hai mươi tuổi thì không được cho thọ giới cụ túc.”*

(383b) Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, hai cha con người lẩm cẩm kia có lòng tin bỏ nhà xuất gia tu hành. Người con làm sa-di, lo cung cấp các thứ cho năm trăm Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo hoặc đòi cành dương, hoặc đòi lá cây, vì quá nhiều người nên không thể cung cấp đầy đủ. Khi ấy thầy

Tỳ-kheo lắm lắm suy nghĩ: “Ta chỉ có một đứa con mà phải cung cấp cho năm trăm Tỳ-kheo, những yêu sách quá nhiều không thể nào cung cấp cho xuể, như thế này thì không bao lâu chắc chắn nó sẽ sinh bệnh. Nhưng Thế Tôn chế giới người chưa đủ hai mươi tuổi thì không cho thọ giới cụ túc, dầu biết là không nên, song ta hãy cho nó thọ để nó đỡ khổ.” Rồi thầy mời các Tỳ-kheo vào giới trường truyền giới cụ túc cho đứa bé. Sau khi thọ cụ túc, các Tỳ-kheo vẫn sai bảo như lúc trước: “Sa-di, đưa cho ta cành dương, lá cây.”

Ông liền nói: “Tôi đã thọ cụ túc rồi vì sao còn gọi là sa-di?”

Các Tỳ-kheo hỏi: “Ai cho ông thọ?”

Đáp: “Cha tôi chứ ai.”

Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Phật. Phật bèn bảo gọi Tỳ-kheo lắm lắm kia đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc kể trên:

Ông có việc đó thật chẳng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Này kẻ lắm lắm, vì sao ông biết người chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thọ giới cụ túc?

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết người chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thọ cụ túc, thì phạm Ba-dạ-đề. Các Tỳ-kheo nên khiển trách Tỳ-kheo này. Và người đã thọ kia không được xem là đã thọ cụ túc.

*

❖ Giải thích

Chưa đủ: Chưa đủ hai mươi mùa mưa, dưới hai mươi tuổi, đó gọi là chưa đủ hai mươi. Dưới hai mươi mùa mưa mà đủ hai mươi tuổi vẫn gọi là chưa đủ hai mươi. Dưới hai mươi mùa mưa mà quá hai mươi tuổi cũng gọi là chưa đủ hai mươi. Sinh vào mùa Đông rồi thọ giới vào mùa Đông mà chưa trải qua hết an cư, đó gọi là chưa đủ. Sinh vào mùa Xuân rồi thọ giới vào mùa Xuân mà chưa trải qua hết an cư, đó gọi là chưa đủ. Sinh lúc tiền an cư rồi thọ giới lúc tiền an cư mà chưa trải qua hết tiền an cư, đó gọi là chưa đủ. Sinh vào lúc hậu an cư rồi thọ giới lúc hậu an cư mà chưa trải qua hết hậu an cư, đó gọi là chưa đủ.

Khi người ấy (đã thọ giới rồi (?)) dưới hai mươi tuổi mà một nửa số Tăng chúng bảo là dưới hai mươi, một nửa bảo là đủ hai mươi, thì một nửa số người bảo dưới hai mươi phạm Ba-dạ-đề, một nửa bảo đủ hai mươi không có tội. Người ấy được xem là thọ cụ túc hợp pháp.

(383c) Khi người này dưới hai mươi tuổi, mọi người đều bảo là tuổi chưa đủ, mà cho thọ cụ túc, thì tất cả đều phạm Ba-dạ-đề. Người này không được xem là thọ cụ túc hợp pháp.

Khi người này dưới hai mươi tuổi, mọi người đều bảo là tuổi đã đủ rồi cho thọ cụ túc, thì tất cả đều vô tội. Người này được xem là thọ cụ túc hợp lệ.

Đủ hai mươi mùa mưa mà dưới hai mươi năm, thì được xem là đủ hai mươi tuổi. Đủ hai mươi mùa mưa, đủ hai mươi năm, thì được xem là đủ hai mươi tuổi. Đủ hai mươi mùa mưa, quá hai mươi năm, thì được xem là đủ hai mươi tuổi.

Sinh vào mùa Đông, trải qua an cư xong cho thọ cụ túc, thì được xem là đủ hai mươi tuổi. Sinh vào mùa Xuân, an cư xong cho thọ cụ túc, thì được xem là đủ hai mươi tuổi. Sinh vào lúc tiền an cư, tiền an cư xong cho thọ cụ túc, thì được xem là đủ hai mươi tuổi.

Sinh vào lúc hậu an cư, hậu an cư xong cho thọ cụ túc, thì được xem là đủ hai mươi tuổi.

Khi người ấy đủ hai mươi mùa mưa, nửa số người bảo là đủ, nửa số bảo là chưa đủ, thì nửa số bảo chưa đủ phạm tội Việt-tỳ-ni; nửa số bảo đã đủ vô tội. Người ấy được xem là thọ cụ túc hợp lệ. Khi người ấy đủ hai mươi mùa mưa (rồi cho họ thọ cụ túc) mà mọi người bảo là chưa đủ, thì tất cả phạm tội Việt-tỳ-ni. Người ấy không được xem là thọ cụ túc hợp lệ. Khi người ấy đủ hai mươi mùa mưa, tất cả đều bảo là đã đủ, thì tất cả vô tội. Người ấy được xem là thọ cụ túc hoàn hảo.

Nếu Tỳ-kheo biết người chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thọ cụ túc, thì các Tỳ-kheo nên khiển trách Tỳ-kheo ấy, rồi bắt sám hối tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu có người đến xin thọ cụ túc mà đủ tháng thì nên cho thọ cụ túc; nếu chưa đủ, thì nên bảo họ đợi cho đủ rồi mới thọ. Nếu người ấy không biết rõ tuổi, thì nên hỏi cha mẹ bà con của người ấy. Nếu họ cũng không biết thì nên xem miếng ván ghi năm sinh. Nếu cũng không có, thì nên xem vóc dáng của người ấy. Khi xem, không nên xem thẳng hình thể, vì nếu là con nhà giàu có thì hình thể lớn mà tuổi nhỏ. Phải xem tay chân người ấy đã có dấu hiệu trưởng thành chưa. Nếu đã làm như vậy mà vẫn không biết thì nên hỏi xem thời tiết khí hậu đất nước của họ năm nào được mùa, mất mùa, hạn hán, lụt lội (để đoán tuổi tác). Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 70 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

71. HẸN ĐI CHUNG VỚI BỌN CƯỚP

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, hai nước Xá-vệ và Tỳ-xá-ly có mối hiềm khích, nên hằng năm đánh cướp lẫn nhau. Người Tỳ-xá-ly đến Xá-vệ cướp bóc tài sản của dân chúng rồi trở về cương giới của mình cho là yên ổn, cởi bỏ vũ khí để nghỉ ngơi. Vua nước Xá-vệ suy nghĩ: “Ta là quốc vương, phải diệt trừ quân địch để dân chúng yên ổn, lẽ nào lại để cho bọn giặc cướp đoạt tài sản của nhân dân?”, liền truyền lệnh cho các tướng sĩ: “Các người phải truy kích bọn giặc cướp, bắt cho hết bọn chúng; nếu không bắt được thì chớ có trở về tay không.” Tướng sĩ suy nghĩ: “Lệnh vua rất nghiêm khắc, việc này phải nhanh chóng thi hành”, bèn tập hợp quân lính, dò theo dấu vết truy kích.

(384a) Khi ấy, các Tỳ-kheo tại xá-vệ an cư xong, muốn đi đến Tỳ-xá-ly, nhưng bị lạc đường nên rơi vào chỗ bọn giặc cướp. Bọn cướp kinh ngạc, hỏi các Tỳ-kheo:

Các người là những người nào?

Chúng tôi là những người xuất gia.

Xuất gia theo đạo nào?

Xuất gia theo họ Thích.

Thưa các đại đức, các thầy định đi đâu đó?

Định đến Tỳ-xá-ly, nhưng vì lạc đường, nên mới đến đây.

Nhân đó, bọn giặc liền chỉ đường cho các Tỳ-kheo. Thế rồi, các Tỳ-kheo lại hỏi:

Này các tráng sĩ, các vị định đi đâu đó?

Đi tới Tỳ-xá-ly.

Cho chúng tôi cùng kết bạn với.

Chúng tôi là bọn giặc cướp, cướp đoạt tài sản của kẻ khác, đi tắt trong những rừng cây, không theo đường chính; còn các thầy là

những người lương thiện, vì sao lại đi theo chúng tôi? Đây là con đường thẳng, có thể theo đó mà đi.

Các Tỳ-kheo lại yêu cầu: “Hãy dẫn chúng tôi đi theo với, chớ để chúng tôi bị lạc đường một lần nữa.” Bọn giặc lại trả lời như lúc đầu. Hỏi qua, nói lại như thế đến ba lần vẫn chưa dứt khoát, thì quân lính đuổi kịp, bèn tóm cổ bọn giặc cướp cùng với các Tỳ-kheo, đem đến chỗ nhà vua, tâu trình như sau:

Tâu đại vương, đây là bọn giặc cướp.

Trước hết hãy dẫn các Tỳ-kheo đến đây.

Khi lính dẫn các Tỳ-kheo đến nơi, nhà vua bèn hỏi.

Các người là những người xuất gia, vì sao lại làm kẻ cướp?

Chúng tôi không phải là kẻ cướp.

Thế thì vì sao đi với bọn chúng?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc kể trên trình bày đầy đủ cho vua nghe. Nghe xong, vua sai lính đem các Tỳ-kheo đến một chỗ khác, rồi đem bọn giặc cướp đến. Khi chúng đến, vua hỏi:

Những người xuất gia này có phải là đồng bọn với các người không?

Không phải là đồng bọn.

Thế thì vì sao họ lại cùng đi với các người?

Bọn giặc cướp bèn đem sự việc trên trình bày đầy đủ với nhà vua. Vua liền sai lính đem bọn giặc cướp đi, rồi dẫn các Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, nhà vua hỏi:

Các người là những người xuất gia vì sao làm kẻ cướp, mà còn nói dối lừa gạt quan trên để hồng thoát tội. Bọn cướp đã khai rằng các người là đồng bọn, vì sao còn chối cãi?

Các Tỳ-kheo vẫn trả lời như lúc đầu. Vua liền sai quân lính thả các Tỳ-kheo đi, rồi đem bọn cướp ra trị tội theo luật pháp. Nghĩa

là bắt năm trăm tên giặc cướp này mang vòng hoa Ca tì la, đánh trống, dẫn chúng đi nhiễu quanh các ngã tư đường, thông báo cho dân chúng biết. Đến khi sắp bị hành hình, bọn cướp bèn khóc rống lên. Bấy giờ, Phật biết việc đó mà vẫn hỏi:

Này các Tỳ-kheo, có chuyện gì mà nhiều người kêu khóc như vậy?

Bạch Thế Tôn, đó là tiếng kêu khóc của năm trăm tên giặc cướp bị nhà vua sai lính đem đi hành hình đấy.

Phật liền bảo A-nan:

Ông hãy đến nói với nhà vua như sau: “Đại vương là vua của mọi người thì phải thương dân như con mình, chứ vì sao lại đem giết cả năm trăm người trong một lúc?”

A-nan thọ giáo, bèn đem những lời Phật dạy đến bảo với nhà vua. Vua liền nói:

Thưa tôn-giả A-nan, tôi vẫn biết rằng nếu giết một người thì tội báo đã rất nhiều, huống gì giết năm trăm người, nhưng bọn giặc cướp này thường đến phá hoại xóm làng của tôi, cướp bóc tài sản của dân chúng; nếu Thế Tôn có thể giáo hóa bọn chúng, khiến chúng không cướp bóc nữa, thì tôi sẽ tha cho chúng được sống.

(384b) A-nan liền trở về, đem những lời nhà vua nói, bạch đầy đủ lên đức Phật. Phật lại sai A-nan đến nói với nhà vua một lần nữa như sau:

Chỉ cần nhà vua tha cho họ, thì tôi (Phật) sẽ giáo hóa họ từ nay về sau không còn làm kẻ cướp nữa.

A-nan lãnh giáo xong, trước hết đến bộ phận hình sự, nói với viên giám sát: “Những kẻ có tội này, đức Thế Tôn đã cứu họ rồi, các vị không được sát hại họ.”

Rồi thầy hỏi bọn cướp: “Các người có thể xuất gia được không?”

Bọn cướp nói:

Thưa tôn-giả, nếu trước đây chúng tôi xuất gia, thì đã không vướng phải nỗi khổ này. Nay chúng tôi rất mong muốn, nhưng không biết làm sao cho được.

A-nan liền đi đến chỗ nhà vua, thuật lại lời của Thế Tôn nói với vua: “Tôi có thể giáo hóa những người này từ nay về sau sẽ không còn làm kẻ cướp nữa.” Vua bèn ra lệnh giám quan tha mạng cho họ, nhưng chưa cỡi trói, mà dẫn đến chỗ Thế Tôn, để Thế Tôn cỡi trói cho họ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn độ những người ấy nên ngồi ở chỗ đất trống. Bọn giặc cướp từ xa trông thấy Phật thì những dây trói tự nhiên được tháo ra, họ liền cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên. Phật quán sát túc duyên của họ, rồi tùy thuận thuyết pháp như bố thí, giữ giới, sự báo ứng của các hạnh nghiệp, bốn chân lý khổ, tập, diệt, đạo. Ngay lập tức, họ đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Phật liền hỏi:

Các người có thích xuất gia không?

Bạch Thế Tôn, nếu trước đây chúng con xuất gia thì đã không vướng phải nỗi khổ này. Kính mong Thế Tôn hôm nay độ chúng con xuất gia.

Này các Tỳ-kheo, hãy đến một cách khéo léo (Thiện lai Tỳ-kheo).

Khi Phật nói câu ấy thì y phục trên mình của năm trăm tên cướp biến thành ba y, tự nhiên tay cầm bát, uy nghi tề chỉnh, tựa như những Tỳ-kheo đã được trăm tuổi, đều đắc quả La-hán.

Các (cựu) Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, do đâu mà năm trăm tên cướp nhờ ân đức của Thế Tôn tự nhiên được giải thoát?

Không những ngày nay mà trong đời quá khứ họ cũng đã nhờ ân đức của Ta mà được giải thoát, như trong kinh Bản Sinh về loài khỉ đã nói rõ.

Thế rồi, Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì muôn lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo cùng đi chung đường với bọn giặc cướp, dù chỉ trải qua một xóm làng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Giặc cướp: Bọn trộm cướp.

Hẹn: Hoặc hẹn hôm nay, ngày mai, một tháng, nửa tháng v.v...

Đường: Hoặc ba do diên, hai do diên, một do diên, một câu lô xá, nửa câu lô xá, cho đến trong khoảng một thôn xóm.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Không được hẹn cùng đi chung đường với bọn giặc cướp. Khi Tỳ-kheo muốn đi đâu thì nên kết bạn với những người đi xe, những người đi bộ. Bọn giặc cướp có ba dấu hiệu có thể nhận biết, đó là: mùi hương, khí sắc và dáng vẻ.

Mùi hương: Ở nơi hoang vắng, chúng có thể ăn thịt chín hoặc thịt sống.

Khí sắc: Thường có khí sắc sợ hãi.

Dáng vẻ: Vì suốt ngày bị gò bó nên mặt đen, (384c) tóc vàng, trông có vẻ hung ác giống như người ở cõi âm phủ.

Đó là ba dấu hiệu của bọn giặc cướp, Tỳ-kheo không nên đi chung đường với họ. Nếu như bọn cướp giả mạo người tốt, mặc y phục đẹp, rồi đến nơi hoang vắng, chúng bàn với nhau rằng: “Hôm nay chúng ta hãy vào thôn xóm ấy, phá hoại tường vách, cướp đoạt tài vật, không luận sa-môn hay Bà-la-môn, tất cả đều lấy hết”, thì biết

đó chính là bọn cướp. Nhưng khi ấy không nên bỏ chúng mà đi ngay, mà phải tùy thuận theo chúng, đợi đến nơi gần thôn xóm, mới tìm cách rời bỏ chúng. Nếu bọn chúng phát giác được, thì nên nói: “Này các tráng sĩ, chúng tôi chỉ đi tới đây thôi.”

Nếu Tỳ-kheo hẹn đi chung đường với bọn cướp thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu đi chung đường với bọn nữ tặc thì cũng như vậy. Nếu đi chung với bọn ăn trộm vàng thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu đi chung với bọn phản loạn, bọn mắc nợ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 71 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



72. ĐÀO XỚI ĐẤT ĐAI

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng Dã, nói rộng như trên. Lúc bấy giờ, thấy Tỳ-kheo lo việc kinh doanh tự đào đất đắp nền nhà, hoặc làm ngói, làm gạch, nên bị người đời chê bai rằng: “Sa-môn Cù-đàm dùng vô lượng phương tiện đả kích việc sát sinh, ca ngợi không sát sinh, thế mà nay Tỳ-kheo lại tự tay đào đất làm nền nhà, hoặc làm ngói, làm gạch, khiến tổn thương đến mạng sống. Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!” Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn, Phật liền sai đi gọi Tỳ-kheo lo việc kinh doanh đến. Khi thấy đến rồi, Phật bèn hỏi:

Này Tỳ-kheo, ông có làm việc đó thật chẳng?

Bạch Thế Tôn, có thật.

Tuy trong đất không có mạng sống, nhưng đó là việc mà người xuất gia không nên làm. Trái lại, nên ít việc, ít dịch vụ, chớ để cho người đời chê trách mà mất đi điều phước thiện của họ. Từ nay về sau, Tỳ-kheo không được tự tay đào đất.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Khoáng Dã phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

“Nếu Tỳ-kheo tự tay đào đất hoặc sai người đào, chỉ bảo họ đào, thì phạm tội Ba-dạ-đề.”

*

❖ Giải thích

Tự tay mình: Hoặc là tự thân, thân phần, thân phương tiện.

Thân: Cất mình lên nhảy nhót, chạy qua chạy lại, muốn làm cho hư đất, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là thân.

Thân phần: Hoặc tay, chân, đầu gối, khuỷu tay, móng tay; đó gọi là thân phần.

Thân phương tiện: Hoặc dùng cuốc xẻng, rìu búa tự tay đào đất hay đục vào tre gỗ, hoặc từ xa ném, muốn làm cho đất hư hại; nếu đất bị hư hại, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Đất: Gồm hai loại: Sinh và tác.

Sinh: Đất còn nguyên sơ gọi là sinh.

Tác: Gồm hai loại: cơ tác và thượng tác.

Cơ tác: Chỉ cho đất trên đường đi và đất dùng làm tường vách.

Thượng tác: chỉ cho đất đổ trên các tầng lầu, trên mái nhà; đó gọi là thượng tác.

Tự đào: Tự mình đào hoặc sai người khác đào, dù chỉ bảo rằng: “Hãy đào đất này”, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

(385a) Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình tìm phương tiện để đào cho nhiều đất thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu vừa làm vừa nghỉ, thì mỗi lần nghỉ phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu bảo người khác đào mà người ấy đào một lần nhiều đất, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu nhắc đi nhắc lại, bảo họ đào cho nhanh lên, thì mỗi lần lặp lại, phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo muốn cho đất bằng bèn tìm cách quét đất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm tổn thương đất bằng dấu chân muối, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không tạo phương tiện, thì không có tội.

Nếu dùng phương tiện kéo cây gỗ muốn cho đất bị xây xước, thì khi kéo cây gỗ, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đất bị tổn thương như dấu chân muối, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không dùng phương tiện, thì không có tội.

Nếu lừa bò ngựa đi qua muốn cho đất bị hư lở, thì cũng như vậy. Nếu không dùng phương tiện, thì không có tội.

Nếu muốn cho đất bằng phẳng bèn đi kinh hành, thì khi đi kinh hành phạm tội Việt-tỳ-ni; khi đất bị tổn thương bằng dấu chân muối, phạm tội Ba-dạ-đề. Khi đứng, ngồi, nằm cũng như vậy. Nhưng nếu không cố ý thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo dùng chân đạp vào cạnh bờ sông làm cho đất rơi xuống, thì mỗi lần đạp phạm một tội Ba-dạ-đề. Nhưng khi đi cạnh bờ sông, (vô tình) làm cho đất sập, thì không có tội. Tuy nhiên, nếu khối đất bị vỡ nặng hơn một người, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu khối đất bị vỡ nặng không bằng một người, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cầm cây, đá, ngói, gạch, cuốc, xẻng mà lỡ tay bị rơi xuống đất, dù đất bị tổn thương cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo lo việc kinh doanh có nhiều vật dụng của Tăng, của Thập, muốn cất giấu trong đất, nhưng đất ấy thuộc sinh địa, ở chỗ

trống trải, thì không được tự tay mình đào, mà phải sai tịnh nhân làm. Nếu đất ấy thuộc tử địa, ở chỗ khuất, thì được tự mình đào đất, cất giấu. Nếu đóng cọc xuống đất thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đất bị tổn thương như dấu chân muỗi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo muốn căng tấm bạt thì phải đóng đinh ở bốn góc, nếu căng ở chỗ đất chết, vắng vẻ thì tự tay đóng đinh không có tội. Căng ở chỗ đất sống, trống trải, thì phải sai tịnh nhân làm. Khi tháo ra cũng phải sai tịnh nhân làm.

Nếu Tỳ-kheo đóng đinh vào trên vách trong phòng làm vỡ vách thì khi làm xong, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu trên vách trước đó đã có lỗ rồi, thì không có tội.

Nếu mặt đất có nước mưa thấm mà Tỳ-kheo làm vỡ bằng dấu chân chim thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu muốn vẽ trên đất thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đất bị tổn thương như dấu chân chim thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu vẽ trên đất bùn thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo lo việc kinh doanh muốn vẽ sơ đồ thì nên vẽ trên miếng gỗ, trên gạch. Nếu đất trên phòng ở đã cũ kỹ muốn dỡ bỏ thì không được tự tay dỡ mà phải sai tịnh nhân dỡ bỏ.

Nếu Tỳ-kheo muốn phá bức vách thì nên sai tịnh nhân phá lớp đất tô ở bên ngoài rồi mới được tự tay mình gỡ gạch, và khi đến sát mặt nền thì cũng phải sai tịnh nhân gỡ. Nếu bức vách không tô đất mà bị nước mưa thấm ướt thì khi muốn dỡ bỏ phải sai tịnh nhân dỡ vài ba lớp gạch trên mặt, rồi mới tự tay mình dỡ; và khi dỡ đến sát mặt đất thì lại sai tịnh nhân dỡ tiếp. Nếu một đồng ngôi gạch bị mưa thấm ướt, thì khi lấy, Tỳ-kheo không được tự tay mình lấy mà phải sai tịnh nhân lấy chùng (385b) vài ba lớp ở trên, rồi mình mới lấy; và khi đến sát đất lại sai tịnh nhân lấy tiếp. Khi lấy ngôi lợp nhà thì Tỳ-kheo được lấy nhưng khi đến lớp ngôi để sát đất thì phải sai tịnh nhân lấy. Khi chất đồng gạch cũng vậy.

Khi đất thuộc bị mưa thấm ướt thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy cho hết lớp đất thấm mưa, rồi mới tự lấy thì không có tội.

Nếu đất do chuột đào, bị mưa thấm ướt, thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy.

Nếu sau cơn mưa thì Tỳ-kheo không được vét giếng mà phải sai tịnh nhân vét. Nếu tịnh nhân nhỏ không làm được, thì phải đưa họ xuống giếng quây cho nước đục, rồi Tỳ-kheo mới vét. Nếu nước ao, nước đọng sau cơn mưa thì Tỳ-kheo không được tháo nước. Nhưng nếu có bò ngựa đã lội qua thì Tỳ-kheo được tháo. Nếu đất bùn gặp phải trận mưa thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy.

Nếu đất trong ao trong thạp gặp phải cơn mưa thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy.

Nếu sau cơn mưa có nước đọng trên rãnh, trên máng xối thì Tỳ-kheo không được tự tay khai thông mà phải sai tịnh nhân khai thông.

Nếu khi đi đại tiểu tiện dùng nước rửa mà để tay chà trên đất thì phạm tội Ba-dạ-đề. Sau khi đi tiêu tiểu xong, phải dùng tro, bột đập rửa tay.

Nếu nước mưa chảy xoáy đất dón thành một đồng thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy.

Nếu ang, bình, thau v.v... để ngoài trời, trải qua cơn mưa thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy.

Nếu miếng ván dùng để rửa chân trải qua cơn mưa thì Tỳ-kheo không được cầm lấy.

Nếu các vật như gỗ, đá, ngói, gạch để ngoài trời trải qua cơn mưa thì Tỳ-kheo không được tự tay cầm lấy mà phải sai tịnh nhân cầm lấy.

Nếu Tỳ-kheo đào đất thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu đất đó lộn một nửa cát thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu đất đó chỉ thuần là cát thì không có tội. Nếu Tỳ-kheo đào đá, đá cuội, bụi đất thì cũng như vậy (tức không có tội). Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 72 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

Hết quyển thứ mười chín

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHĪKA)

No. 1425



QUYỂN 20

BA-DẠ-ĐỀ (tiếp theo)

73. NHẬN CÚNG DƯỜNG QUÁ GIỚI HẠN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên; bấy giờ cư sĩ Ma Ha Nam thuộc chủng tộc Lê-xa định cung thỉnh chư Tăng về cúng dường thuốc. Nhóm sáu Tỳ-kheo hay tin Ma Ha Nam định cung thỉnh chư Tăng về cúng dường thuốc (385c) nên muốn chọc phá để làm náo loạn họ. Thế rồi, sáng sớm, nhóm sáu Tỳ-kheo khoác y, vào xóm làng, đến thẳng gia đình đó, vái chào họ, rồi hỏi rằng:

Tôi nghe nhà đàn việt định mời chư Tăng về nhà cúng dường thuốc, có thật thế chăng?

Có thật như vậy. Nhưng tôn-giả có cần thứ gì không?

Cần thuốc.

Thế thì cần loại thuốc gì?

Cần chùng ấy sữa đông, chùng ấy dầu, chùng ấy mật, chùng ấy đường phèn, chùng ấy rễ thuốc, lá thuốc, hoa thuốc, trái thuốc v.v...

Ngày hôm nay chưa đủ, đợi kiếm đủ con sẽ cúng dường.

Ông phải chuẩn bị thuốc đầy đủ rồi mới mời chư Tăng chứ, cúng thuốc cho một Tỳ-kheo cũng như cung cấp cho một con voi lớn. Nay tôi chỉ xin thuốc cho một người mà còn không đủ hưởng chi

nhiều người. Ông chỉ cầu mong được tiếng khen, chứ không thật tâm cúng dường.

Thưa tôn-giả, dù cho kho của nhà vua cũng chưa đủ chùng ấy thuốc huống gì nhà con, khi nào tìm đủ con sẽ đem cúng.

Cúng dường hay không cúng mặc ý ông.

Nói xong, nhóm sáu Tỳ-kheo liền bỏ đi. Người đàn việt sau đó tìm đủ các món thuốc, liền đến bạch rằng: “Các thứ thuốc mà trước đây các thầy xin, nay con đã tìm đủ, các thầy hãy đến lấy.” Các Tỳ-kheo nghe xong, liền cười, nói rằng:

Trước đây tôi chỉ nói chơi thôi chứ thực ra tôi không cần thuốc.

Vì sao các thầy lại thử con như vậy? Những vật sở hữu trong nhà con, đối với Phật và các Tỳ-kheo, con không tiếc thứ gì cả.

Ông đàn việt nổi giận sao?

Quả thật là nổi giận.

Nếu ông tức giận thì tôi xin tạ lỗi.

Con không nhận sự tạ lỗi, thầy hãy đến Phật mà sám hối.

Tỳ-kheo liền đến Phật sám hối. Đức Phật hỏi: “Vì có gì mà sám hối?” Họ bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật khiển trách: “Này kẻ ngu si, gia đình Ma Ha Nam thuộc chủng tộc Ly-xa, đối với Phật và các Tỳ-kheo, họ không hề tiếc rẻ bất cứ một vật quý báu nào, vì sao lại quấy nhiễu ông ta? Từ nay về sau, Ta cho phép khi thí chủ mời riêng bốn tháng thì được nhận, ngoại trừ họ mời lại và mời lâu dài.” Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu thí chủ mời cúng dường riêng bốn tháng thì Tỳ-kheo được nhận, nhưng nếu nhận hơn bốn tháng thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trừ trường hợp họ mời lại, mời lâu dài, và mời tùy ý.

*

❖ Giải thích

Bốn tháng: Hoặc bốn tháng mùa Hạ, bốn tháng mùa Đông hay bốn tháng mùa Xuân.

Mời riêng: Mời đích danh cá nhân mình.

Hơn: Hơn bốn tháng.

Trừ trường hợp mời lại: Đức Thế Tôn nói không có tội (nếu mình vẫn tiếp tục nhận cúng dường).

Mời (cúng dường) lâu dài: (Đàn việt) mời cúng dường suốt đời.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu đàn việt nói với Tỳ-kheo: “Xin tôn-giả nhận sự cúng dường của con trong bốn tháng Hạ”, mà Tỳ-kheo nhận họ cúng dường cho đến quá ngày 16 tháng 8, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu như họ mời vào mùa Đông, mùa Xuân thì cũng như vậy.

Đàn việt mời các Tỳ-kheo không (386a) nhất định, hoặc bốn tháng, một tháng, nửa tháng; nếu thời gian mời đã hết thì không được thọ nhận tiếp.

Nếu đàn việt nói: “Tôn-giả thường ở đây thì con sẽ cúng dường thực phẩm lâu dài”, mà Tỳ-kheo rời khỏi nơi đó một đêm thì không được nhận thức ăn trở lại. Nhưng nếu đàn việt nói: “Vì sao tôn-giả không đến nữa?”, thì phải đáp: “Trước đây ông nói rằng nếu tôi ở thường xuyên tại đây thì ông cúng dường thực phẩm, nhưng tôi đã rời khỏi đây một đêm, nên không đến nữa.”

Khi ấy, nếu đàn việt nói: “Rời khỏi hay không rời khỏi (không thành vấn đề), từ nay trở đi xin tôn-giả cứ đến”, thì được phép tiếp tục nhận cúng dường, không có tội.

Nếu đàn việt nói: “Xin tôn-giả nhận sự cúng dường của con cho đến khi hết kho thóc này”, thì khi nhận xong, Tỳ-kheo phải thường thường hỏi người giữ kho xem kho thóc đã hết chưa. Nếu họ bảo rằng đã hết, thì không được nhận cúng dường tiếp nữa. Nhưng nếu đàn việt hỏi: “Vì sao tôn-giả không đến nữa?”, thì hãy đáp: “Trước kia tôi chỉ nhận mời ăn hết kho thóc này, nay kho thóc đã hết, nên tôi không đến nữa.”

Bấy giờ, nếu đàn việt nói: “Tôi không chỉ nói một kho mà còn có nhiều kho khác, vậy từ nay về sau xin tôn-giả cứ đến”, thì tiếp tục nhận cúng dường nữa, không có tội.

Nếu đàn việt mời cúng dường sữa đông, mía thì cũng như vậy.

Nếu đàn việt nói: “Xin tôn-giả nhận con mời cúng dường cho đến hết sữa của con bò cái này, thì sau khi nhận, phải thỉnh thoảng hỏi xem sữa con bò cái ấy đã hết chưa, nếu họ bảo đã hết thì không được nhận cúng dường tiếp. Nếu họ hỏi: “Vì sao tôn-giả không đến nữa?”, thì hãy đáp: “Trước đây tôi chỉ nhận mời cúng dường cho đến hết sữa của con bò cái này. Nay sữa nó đã hết, nên không đến nữa.”

Bấy giờ, nếu đàn việt nói: “Tôi không phải chỉ có một con bò mà còn những con bò khác nữa, vậy, từ nay trở đi tôn-giả cứ đến”, thì tiếp tục nhận cúng dường không có tội.

Nếu đàn việt nói: “Xin tôn-giả nhận sự cúng dường của con cho tới khi nào chàng rể của con còn ở tại đây”, thì Tỳ-kheo nên nhận. Nhưng khi chàng rể ra đi thì không được nhận cúng dường tiếp. Nếu đàn việt hỏi: “Vì sao tôn-giả không đến nữa?” thì hãy đáp: “Trước kia tôi chỉ nhận sự cúng dường trong bao lâu chàng rể còn ở tại đây, nay anh ta đã đi, nên tôi không tới nữa.”

Bấy giờ, nếu họ nói: “Xin thầy nhận sự cúng dường của con trở lại”, thì khi ấy, nhận tiếp sự cúng dường, không có tội.

Nếu đàn việt nói: “Xin tôn-giả nhận bữa cơm trước giờ ăn của con”, thì không được đòi bữa ăn sau. Nếu họ mời bữa ăn sau thì không được đòi bữa ăn trước. Nếu họ mời dùng nước uống phi thời thì không được đòi thuốc và các thứ khác. Nếu họ xin cúng dường dầu thoa chân thì không được đòi nước uống phi thời. Nếu họ xin cúng dường thuốc thì nên đòi thuốc.

Nếu họ nói: “Con xin cúng dường y phục, ẩm thực, ngoạn cụ, thuốc men suốt đời cho tôn-giả”, thì bấy giờ được tùy ý đòi những thứ ấy, không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 73 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

74. CHỐNG CỰ LẠI SỰ KHUYÊN HỌC

Khi Phật an trú tại nước Câu-diệm-di, nói rộng như trên, bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Xiển-đà:

Trưởng lão phải học, đừng phạm năm thiên tội. Nay tôi không nghe lời các ông. Nếu tôi thấy những Trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu sâu sắc, thì tôi sẽ chất vấn họ; nếu họ có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ chấp hành.

Các Tỳ-kheo bèn đem (386b) sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo Xiển-đà đến. Khi thấy đến rồi, Phật liền hỏi các việc trên:

Ông có nói như thế thật không?

Bạch Thế Tôn, có thật như vậy.

Đó là việc xấu. Ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện khen ngợi đức tùy thuận, chê trách sự trái nghịch hay sao? Vì sao ông lại bướng bỉnh tự thị? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại nước Câu-diệm-di phải tập hợp lại tất cả, vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nào được các Tỳ-kheo khuyên bảo phải học, đừng phạm năm thiên tội mà đáp rằng: “Nay tôi không nghe lời các ông. Nếu thấy có những trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu sắc, thì tôi sẽ hỏi họ, nếu họ có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ chấp hành”, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Vì Tỳ-kheo muốn được lợi ích trong chánh pháp thì phải học và phải hỏi han các Tỳ-kheo khác.

*

❖ Giải thích

Năm thiên tội: (1) Tội Ba-la-di; (2) Tăng-già-bà-thi-sa; (3) Ba-dạ-đề; (4) Ba-la-đề Đề-xá-ni; (5) Việt-tỳ-ni.

Đừng phạm: Khuyên bảo học mười hai việc sau đây: (1) Bài tựa của giới kinh; (2) Bốn Ba-la-di; (3) Mười ba Tăng-già-bà-thi-sa; (4) Hai pháp Bất định; (5) Ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề; (6) Chín mươi hai Ba-dạ-đề; (7) Bốn Ba-la-đề Đề-xá-ni; (8) Chúng học pháp; (9) Bảy pháp Diệt tránh; (10) Pháp tùy thuận; (ở đây chỉ kể có mười thứ) phải học chớ có phạm. Nếu khi được người khác khuyên như thế mà đáp rằng: “Tôi không nghe lời ông. Nếu tôi thấy có trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu sắc, thì tôi sẽ hỏi han, nếu vị ấy có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ chấp hành”, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu khi có người khác khuyên: “Trưởng lão, trong năm thiên tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề Đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni, Trưởng lão phải học, chớ có phạm”, mà đáp: “Tôi không nghe lời ông. Nếu tôi thấy có trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe

nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu rộng thì tôi sẽ hỏi han vị ấy, và khi vị ấy có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ tuân hành”, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Hoặc khi có người khuyên nên học bốn chúng (thiên) tội, ba chúng tội, hai chúng tội, một chúng tội, bốn Ba-la-di, chớ có phạm, mà đáp: “Tôi không nghe lời ông. Nếu tôi thấy có trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu rộng, thì tôi sẽ hỏi han vị ấy, và khi vị ấy có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ chấp hành”, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu có người khuyên: “Trưởng lão, trong sáu pháp “tác xả” là yết-ma chiết phục, yết-ma không nói chuyện, Yết-ma khu xuất, (386c) yết-ma phát hỉ, yết-ma cử tội, yết-ma biệt trú, trưởng lão nên học, chớ có phạm”, mà đáp: “Tôi không nghe lời ông. Nếu tôi thấy có trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu rộng, thì tôi sẽ hỏi han vị ấy, và khi vị ấy có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ tuân hành”, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu có người khuyên: “Trưởng lão, trong sáu pháp tác xả yết-ma, Tăng đã làm pháp yết-ma chiết phục (đối với trưởng lão), vậy trưởng lão nên tỏ ra phục tùng, mềm mỏng, bỏ tính bướng bỉnh (cho đến pháp yết-ma biệt trú cũng như vậy), trưởng lão phải học, chớ có phạm”, mà đáp: “Tôi không nghe lời ông. Nếu tôi thấy có trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu rộng thì tôi sẽ hỏi vị ấy, và khi vị ấy có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ tuân hành”, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu có người khuyên: “Trưởng lão, phải học, hiền thiện, giữ giới, đọc tụng kinh pháp thì sẽ được đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán”, thì không được đáp theo lối thông thường rằng: “Tôi sẽ học”, mà nên đáp: “Tôi vì lẽ đó nên mới xuất gia.” Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 74 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

75. UỐNG CÁC THỨ RƯỢU

Khi Phật an trú tại nước Câu-diệm-di, nói rộng như trên. Bấy giờ, tại Câu-diệm-di có con rồng dữ tên Am-bà-la có thể làm cho trời hạn không mưa, khiến lúa thóc thất thu, nhân dân đói khổ, chịu đủ thứ tai ương. Lúc ấy, tôn-giả Thiện Lai bèn đến đó hàng phục con rồng dữ, như trong *kinh Thiện lai Tỳ-kheo* đã nói rõ. Khi đã hàng phục được con rồng dữ thì đất nước trở lại phong thịnh, nhân dân cảm ân đức của thầy nên muốn báo đáp. Bấy giờ, có năm trăm nhà hào phú vì Tỳ-kheo Thiện Lai mà thiết lập chỗ cúng dường thường xuyên, treo cờ xí, đặt giường ghế, mời chư Tăng cúng dường, và mời riêng Tỳ-kheo Thiện Lai về nhà cúng dường các thứ mỹ thực. Lúc ấy có một nhà sau khi cúng dường thức ăn bèn đem rượu có màu sắc như nước lã ra cúng dường Thiện Lai. Nhân khát nước nên thầy uống thứ rượu đó, rồi trở về Tinh xá. Bấy giờ, nhằm ngày đại hội, Thế Tôn đang thuyết pháp, thì Thiện Lai bị hơi men chệnh choáng, hôn mê, nằm dang chân sóng soài trên đất, trước mặt Thế Tôn. Phật biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Tỳ-kheo nào mà nằm dang chân trước mặt Như Lai như thế?

Bạch Thế Tôn, vì Tỳ-kheo Thiện Lai uống quá nhiều rượu nên bị say nằm như thế đó.

Tỳ-kheo Thiện Lai này trước đây có bao giờ ngủ ban ngày không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Tỳ-kheo Thiện Lai khi chưa say rượu có bao giờ nằm sải chân trước mặt Phật không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Khi uống nhiều rượu mà muốn đừng say có được không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Giả sử Tỳ-kheo Thiện Lai không uống rượu thì khi nghe pháp vi diệu, bất tử (387a) có muốn bị mất lợi ích, không chịu nghe pháp không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Tỳ-kheo Thiện Lai này vốn từng hàng phục rồng dữ, nay có thể hàng phục nổi con ếch ương không?

Thưa không thể hàng phục, bạch Thế Tôn.

Giá mà rồng Am-bà-la nghe được chuyện này ắt sẽ không vui. Từ nay về sau Ta không cho phép Tỳ-kheo uống rượu.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bảy giờ tôn-giả Na-di-sí uống rượu đường phèn quá nhiều rồi trở về Tinh xá, thì gặp lúc đại hội, Thế Tôn đang thuyết pháp, nhưng vì bị hơi men chệnh choáng nên Na-di-sí hôn mê bất tỉnh, nằm dang chân sóng soài trước Thế Tôn. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Tỳ-kheo nào mà nằm sải chân trước Như Lai như vậy?

Bạch Thế Tôn, đó là Tỳ-kheo Na-di-sí, vì uống quá nhiều rượu đường phèn nên nằm say khướt như thế đó.

Tỳ-kheo Na-di-sí trước đây có bao giờ nằm ngủ ban ngày không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Tỳ-kheo Na-di-sí trước khi say rượu có từng nằm sải chân trước Phật không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Nếu uống nhiều rượu mà muốn cho không say có được không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Nếu Tỳ-kheo Na-di-sí không uống rượu thì khi nghe thuyết pháp vi diệu, bất tử, có thể để mất cơ hội lợi ích mà không chịu nghe pháp không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép các Tỳ-kheo uống rượu đường phèn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo uống rượu đường phèn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Rượu: Gồm có mười loại: Hòa, điềm, thành, động, tạc, tí, hoàng, tiết, điển, thanh.

Hòa: Dùng cơm tấm, bún nát trộn với nước rồi đựng vào trong thạp, thì dù một giọt nhỏ như đầu ngọn cỏ hay đầu sợi tóc cũng không được thấm vào miệng, hưởng gì dùng ly để uống. Nếu uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là hòa.

Điềm: Gây rượu vừa biến thành vị ngọt rồi uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là điềm.

Thành: Khi chất rượu đã thành khí vị mà uống, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là thành.

Động: Khi hơi nồng của rượu đã biến hoại mà uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là động.

Tạc: Vị rượu đã biến hoại trở thành chua mà đem uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tạc.

Tí: Đem tấm lụa trắng giặt sạch rồi ngâm vào trong rượu, thỉnh thoảng lấy ra phơi nắng, rồi ngâm trở lại, dành khi đi đến những nơi hoang dã, đem vắt lấy nước mà uống, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tí.

Hoàng: Rượu thành màu vàng trong chũa biến thành xanh, đem uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là hoàng.

Tiết: Bã rượu. (trong nguyên bản không giải thích).

Điển: Cặn đục (387b) dưới đáy thùng rượu, nếu uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là Điển.

Thanh: Rượu ở trên mặt thùng có màu trong xanh như dầu, thì dù một giọt nhỏ như đầu ngọn cỏ hay đầu sợi tóc cũng không được thấm vào miệng, huống gì dùng ly để uống. Nếu uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là thanh.

Rượu đường phèn: Gồm có mười loại, là: Hòa, điểm, thành, động, tạc, tí, hoàng, tiết, điển, thanh.

Hòa: Đường phèn trộn với nước của mầm cây rồi đem ngâm trong thùng thì dù chỉ một giọt nhỏ như đầu ngọn cỏ hay đầu sợi tóc cũng không được thấm vào miệng, huống gì dùng ly để uống. Nếu uống thì phạm Ba-dạ-đề.

Còn chín loại sau như trên đã nói.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Ngoài ra còn có các loại: Miến mạch nhân sâm, mễ phạn sâm, mạch phạn sâm, mộc mạch sâm, tiểu sâm.

Miến mạch nhân sâm: Bột lúa mạch trộn với nước mầm cây đem ngâm vào trong thùng, loại này dù một giọt nhỏ như cọng cỏ hay đầu sợi tóc cũng không được thấm vào miệng, huống gì dùng ly để uống. Nếu uống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Mễ phạn sâm: Gạo trộn với nước mầm cây đem ngâm vào trong thùng, nếu uống loại này thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Mạch phạn sâm: Dùng gai lúa mạch trộn với nước mầm cây ngâm vào trong hũ mà uống, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Mộc mạch sâm: Dùng cây lúa mạch trộn với nước mầm cây đem ngâm vào trong hũ rồi uống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Xiêu sâm: Gạo lúa mạch đem rang rồi ngâm vào trong hũ cho lên men, thì dù một giọt nhỏ như đầu ngọn cỏ hay đầu sợi tóc cũng không được thấm vào miệng, huống gì dùng ly để uống. Nếu uống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Sau bữa ăn, uống nước xiêu sâm thì không có tội. Nếu ăn men rượu thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu dùng men rượu trộn với cơm mà ăn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu ăn đường phèn rồi uống nước thì không có tội. Nếu ăn bã rượu thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu hợp ba loại (trên) mà uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu uống rượu ngũ cốc, rượu đường phèn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu uống rượu nho thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu uống nước tu lâu, Nan-đề hay ăn xác của nó đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ăn quả Khư la, Ca tử đa, tử la bà, Câu đà la thì phạm tội Việt-tỳ-ni, vì chúng làm cho người ăn bị say.

Trừ mười bốn loại nước trái cây ép như nước ép trái Am-bà-la cho đến nước ép trái da bà, được phép lọc cho trong rồi uống. Nhưng nếu chúng biến thành màu rượu, vị rượu, mùi rượu thì tất cả đều không được phép uống. Vì uống nước trái cây lên men làm cho người uống bị say, do đó không được phép uống. Ngoại trừ uống rượu mía đắng, rượu nho đắng và nước ép trái cây. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 76 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



76. KHINH THƯỜNG NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại nước Câu-diệm-di, nói rộng như trên. Bấy giờ Tăng đang hòa hợp định làm yết-ma, thì Xiển-đà không đến. Tăng bèn sai sứ giả tới gọi Tỳ-kheo Xiển-đà rằng Tăng đang hòa hợp định làm yết-ma, trưởng lão hãy đến, nhưng Xiển-đà không chịu đến.

Các Tỳ-kheo liền bàn nhau: “Xiển-đà rất ương bướng, nếu gọi đến chắc là ông không đến, trái lại, nếu bảo đừng đến có khi ông lại đến”, bàn xong, bèn sai sứ giả đến bảo: “Trưởng lão đừng đến.”

Thế là Xiển-đà nói: “Thôi, thôi đi, (387c) tất cả các thầy đều đến lại bảo tôi đừng đến.”

Nói xong, Xiển-đà liền đến, vào giữa chúng Tăng. Các Tỳ-kheo bảo Xiển-đà ngồi, nhưng thầy không ngồi. Các Tỳ-kheo lại nói:

Trưởng lão đừng ngồi.

Xiển-đà liền nói: “Các thầy đều ngồi cả vì sao bảo tôi đừng ngồi”, bèn ngồi xuống.

Các Tỳ-kheo lại nói: “Trưởng lão, thầy nên bàn về vấn đề này.”

Xiển-đà nói: “Tôi không nói”.

Các Tỳ-kheo bảo: “Trưởng lão đừng nói”.

Xiển-đà nói: “Các thầy đều nói, tại sao bảo tôi đừng nói?”

Rồi thầy nói mãi không ngừng làm trở ngại những người khác. Các Tỳ-kheo lại bảo: “Trưởng lão nên đi ra ngoài một lát”; nhưng thầy không chịu đi.

Các Tỳ-kheo lại nói: “Trưởng lão chớ có đi”, thì thầy bèn bỏ đi. Do thế, Tăng không hòa hợp, ai nấy đều đứng dậy bỏ đi, khiến Tăng không làm yết-ma được. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo Xiển-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi lại các việc trên:

Ông có những việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc ác. Nay Xiển-đà, ông không từng nghe Ta dùng vô lượng nhưng tiện ca ngợi hạnh tùy thuận, ăn nói nhỏ nhẹ, chê trách tính ương bướng hay sao? Vì sao ông lại tỏ ra ương bướng

tự thị? Đó là việc phi pháp, phi luật chẳng phải điều ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Câu-diệm-di phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo khinh thường người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Khinh thường người khác: Gồm có tám trường hợp: bảo đến mà không đến; bảo đừng đến lại đến; bảo ngồi mà không ngồi; bảo đừng ngồi lại ngồi; bảo nói mà không nói; bảo đừng nói lại nói; bảo đi mà không đi; bảo đừng đi lại đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo Tăng tập hợp định làm các pháp yết-ma như yết-ma chiết phục, không nói, tấn xuất, phát hỉ, cử tội, biệt trú, thì tất cả đều phải đến. Nếu coi thường người khác không thêm đến thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu Tỳ-kheo đang vá y, xông bát, hoặc vì lý do đau ốm không đến được, nên gởi dục, thì không có tội.

Nếu bảo đừng đến, mà coi thường cứ đến, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu trong Tăng có việc, cần gặp, xin Tăng, Tăng cho phép, thì đến không có tội.

Nếu có người bảo: “Trưởng lão hãy ngồi”, nhưng khinh thường không ngồi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu chỗ ngồi có máu mủ, xin Tăng cho phép, rồi không ngồi, thì không có tội.

Nếu có người bảo: “Trưởng lão chớ ngồi”, mà khinh thường người ấy, cứ ngồi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu vì già yếu bệnh hoạn, đứng lâu mỏi mệt, xin phép Tăng, Tăng cho phép, rồi ngồi, thì không có tội.

Nếu có người bảo: “Trưởng lão hãy nói”, mà khinh thường người ấy không nói, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu vì tài hèn, lời nói vụng về, khiến người ta không kính phục, giả sử có nói thì pháp yết-ma cũng không thành tựu, Tăng cũng không hòa hợp, bèn xin Tăng, Tăng cho phép, rồi không nói, thì không có tội.

Nếu có người bảo đừng nói, mà khinh thường người ấy, cứ nói, (388a) thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu suy nghĩ: “Giả sử ta không nói thì việc yết-ma không thành, Tăng không hòa hợp, việc này ta phải nói”, rồi xin Tăng, Tăng cho phép nói, thì không có tội.

Nếu có người bảo đi mà khinh thường người ấy, không đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu suy nghĩ: “Nếu ta ra đi thì việc yết-ma ở đây không thành, sự việc không giải quyết được”, bèn xin tăng, được tăng cho phép, rồi không đi, thì không có tội.

Nếu có người bảo đừng đi mà khinh thường người ấy nên cứ đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu suy nghĩ: “Nếu ta không đi thì yết-ma không thành, sự việc không giải quyết được”, bèn xin phép Tăng, được Tăng cho phép, rồi ra đi thì không có tội.

Nếu Tăng bảo đến mà không đến, bảo đừng đến lại đến, bảo ngồi mà không ngồi, bảo đừng ngồi lại ngồi, bảo nói mà không nói, bảo đừng nói lại cứ nói, bảo đi mà không đi, bảo đừng đi lại cứ đi, thì mỗi sự vi phạm, phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu trong nhóm nhiều người hoặc trong phạm vi thầy trò, bảo đến mà không đến, cho đến bảo đi mà không đi, thì mỗi sự vi phạm, phạm một tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Hòa thượng, thầy giáo thọ bảo đến mà không đến, cho đến bảo đi mà không đi, thì cứ mỗi sự vi phạm, phạm một tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 76 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

77. NGHE LÊN SỰ TRANH CÃI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên; bấy giờ, các Tỳ-kheo xung đột nhau, cùng sống chung một chỗ mà bất hòa. Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đứng ở chỗ khuất lén nghe những người này nói, rồi đem nói với những người kia, nghe những người kia nói rồi đem nói với những người này, khiến cho hai bên xích mích nhau, nên cùng sống chung một trú xứ mà bất hòa. Họ cãi nhau nào là đúng pháp, phi pháp, đúng luật, phi luật, cho đến việc ấy nên làm yết-ma, việc ấy không nên làm yết-ma. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi về sự việc trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu khi các Tỳ-kheo tranh tụng nhau mà một Tỳ-kheo đứng im lặng lắng nghe, với suy nghĩ: Họ có nói điều gì thì ta phải ghi nhớ (chỉ vì mục đích đó chứ không có gì khác), thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tranh tụng: Như nói: Việc đó đúng pháp, phi pháp, đúng luật, phi luật, cho đến việc đó nên làm yết-ma, việc đó không nên làm yết-ma.

Đứng nghe: Hoặc đứng cách bức tường, cách hàng rào, đứng ngoài cửa, cách bức màn, cách tảng đá, cách đám cỏ v.v... lắng

nghe với suy nghĩ: “Họ có nói điều gì thì ta phải ghi nhớ” (chỉ vì mục đích mách lẻo chứ không có gì khác), thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

(388b) Khi hai Tỳ-kheo đang nói chuyện riêng ở trong phòng mà một Tỳ-kheo khác muốn đi vào thì phải khảy ngón tay, giậm chân có tiếng động, nếu người trong phòng bỗng dưng im lặng, thì nên trở lui. Nếu người trong phòng vẫn nói không ngừng thì đi vào không có tội.

Khi một Tỳ-kheo đang ngồi trong phòng mà có hai Tỳ-kheo vừa nói chuyện riêng vừa từ ngoài đi vào thì vị Tỳ-kheo ngồi trong phòng không được im lặng mà phải khảy ngón tay, giậm chân cho có tiếng động. Nếu hai người kia im lặng thì tự mình phải đi ra khỏi phòng.

Nếu Tỳ-kheo đấu tranh với những Tỳ-kheo khác gây nên thù hận, bèn nói rằng: “Người này đã mắng chửi ta, ta phải giết kẻ ác này, rồi bỏ đi, thì vị Tỳ-kheo nghe được điều này, phải đến nói với người kia: “Trưởng lão nên khéo léo để phòng. Tôi nghe có những lời tiếng không hay, có những Tỳ-kheo khách đến tại giảng đường, phòng suối, phòng ngồi thiền, hoặc thầy quản chúng, thầy tri sự sẽ đến thăm đó.”

Khi khách Tỳ-kheo nghe khách Tỳ-kheo nói như sau: “Trưởng lão, chúng ta hãy lấy trộm đồ trong kho nọ, vật trong tháp kia, thức ăn trong nhà bếp của Tăng, y bát của Tỳ-kheo đó”, thì phải im lặng trở về lại giữa chúng Tăng thông báo cho mọi người biết rằng: “Này các đại đức, đồ trong kho nọ, vật nơi tháp kia, thức ăn trong nhà bếp đó, y bát của Tỳ-kheo ấy cần phải phòng bị, vì tôi nghe có kẻ muốn lấy cắp.”

Nếu Tỳ-kheo có nhiều đệ tử thì buổi tối nên đi thăm dò các phòng xem họ có sinh hoạt đúng pháp không. Nếu nghe họ bàn luận về các câu chuyện như chuyện thế tục, chuyện của vua chúa, chuyện trộm cướp v.v..., thì không nên vào phòng ngay lúc ấy quả trách

họ mà phải đợi khi họ đến phòng mình rồi mới dạy bảo như sau: “Các ông vì lòng tin xuất gia, ăn đồ do thí chủ cúng dường, phải ngồi thiền, tụng kinh, vì sao lại bàn luận những chuyện thế tục phi pháp như vậy? Đó chẳng phải là những việc tùy thuận tốt lành của người xuất gia.”

Nếu nghe họ bàn luận kinh điển, đối đáp nghĩa lý, thì không nên vào phòng khen ngợi ngay lúc ấy mà phải đợi họ đến phòng mình rồi mới khen ngợi rằng: “Các ông có thể luận bàn Kinh điển, giảng giải Phật pháp, như đức Thế Tôn dạy: Khi Tỳ-kheo hội họp thì nên làm hai việc, một là im lặng như hiền thánh, hai là giảng luận Phật pháp.”

Khi các Tỳ-kheo đi vào xóm làng vừa đi vừa nói chuyện, thì vị Tỳ-kheo đi sau đến nơi, không được im lặng mà phải đằng hắng, giậm chân cho có tiếng, nếu những người đi trước cứ tiếp tục nói, thì mình đi tới không có tội.

Khi vị Tỳ-kheo đang đi trước mà có các Tỳ-kheo đi sau, vừa đi vừa nói chuyện đến nơi, thì Tỳ-kheo đi trước không được im lặng, mà phải đằng hắng, giậm chân cho có tiếng động (để những người đi sau biết). Khi Tỳ-kheo đi nhiều tháp, hoặc sau bữa ăn đi vào trong rừng ngồi thiền thì cũng làm như vậy. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 77 của 92 pháp Ba-da-đề)

*

78. LẶNG LẶNG BỎ CUỘC HỌP MÀ ĐI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo Tăng tập họp định làm yết-ma cử tội đệ tử đồng hành và đệ tử y chỉ của Ưu-ba-nan-đà. (388c) Ưu-ba-nan-đà nghe chúng Tăng định làm yết-ma cử tội đệ tử mình, liền đứng dậy bỏ đi. Sau

đó, các Tỳ-kheo thấy có chỗ ngồi bỏ trống, liền đi tìm danh xem ai đến, ai không đến, thì mới hay chỗ trống đó là của Ưu-ba-nan-đà. Do vậy, Tăng sinh bất hòa, ai nấy đều đứng dậy bỏ đi, không thể làm yết-ma. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến, Phật liền hỏi vấn đề vừa rồi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc ác. Vì sao trong lúc Tăng định giải quyết sự việc, ông im lặng đứng dậy bỏ đi mà không thưa với các Tỳ-kheo? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tăng định giải quyết sự việc, mà Tỳ-kheo im lặng đứng dậy bỏ đi, không bạch với các Tỳ-kheo, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tăng định giải quyết sự việc: Có hai trường hợp: Một là thuyết pháp, tụng luật; hai là làm yết-ma chiết phục, cho đến yết-ma biệt trú.

Im lặng đứng dậy bỏ đi: Đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi, ra đi.

Không bạch: Nếu bạch không đúng lúc để vào xóm làng thì không được gọi là bạch. Hoặc bạch để đến Tinh xá của Ni giáo giới, cũng không được gọi là bạch. Hoặc bạch để rời chỗ ngồi ăn cũng không được gọi là bạch.

Khi Tăng tập họp thuyết pháp, tụng luật, thì nên bạch rằng: “Con xin rời giảng đường, ra đi.” Tăng đáp: “Được.” Nếu Tăng tập họp để làm yết-ma chiết phục, cho đến yết-ma biệt trú, thì phải vừa bạch vừa gởi dục với Tỳ-kheo. Nếu ở giữa chúng Tăng, không bạch mà đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Khi Tăng tập họp định làm yết-ma chiết phục, cho đến yết-ma biệt trú mà Tỳ-kheo muốn ra đi, thì phải bạch và gởi dục rồi mới đi; nếu không bạch mà chỉ gởi dục thì phạm tội Ba-dạ-đề; nếu bạch mà không gởi dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu không bạch, không gởi dục, thì phạm một tội Ba-dạ-đề, một tội Việt-tỳ-ni; nếu vừa bạch vừa gởi dục thì không có tội. Nếu chỉ đi đại tiểu tiện trong chốc lát, rồi trở vào không bỏ dở việc của Tăng, thì không có tội. Nếu suy nghĩ: “Có thể ta trở lại trễ”, thì nên bạch và gởi dục (rồi mới đi).

Nếu Tăng đang thuyết pháp, tụng luật, thì phải bạch rồi mới đi. Nếu không bạch mà đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo đang nghe nhiều Tỳ-kheo tụng kinh thì phải bạch rồi mới đi. Nếu không bạch mà đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu người tụng kinh ngừng tụng mà nói sang việc khác, thì ra đi không có tội.

Nếu Tỳ-kheo nghe Tỳ-kheo khác đang đọc kinh, thì nên bạch rồi mới đi. Nếu không bạch mà đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo nghe Tỳ-kheo khác đang tụng kinh thì phải bạch (389a) rồi mới đi. Nếu không bạch mà đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 78 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

✱

79. VÀO LÀNG MÀ KHÔNG BÁO NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở nơi hoang vắng (A-luyện-nhã) phi thời đi vào xóm làng, bị người đời chê trách rằng: “Vì sao sa-môn Thích tử ở nơi hoang vắng mà đi vào xóm làng lúc phi thời, muốn tìm thứ gì vậy?”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thấy đến rồi, Phật bèn hỏi lại sự việc kể trên:

Ông có làm việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao ông ở nơi hoang vắng mà lại đi vào xóm làng lúc phi thời, đến nỗi bị người đời chê trách? Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo ở nơi hoang vắng đi vào xóm làng lúc phi thời mà không thưa với Tỳ-kheo khác.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có hai Tỳ-kheo sống tại nơi hoang vắng. Một Tỳ-kheo đang tô phòng thì bị rắn cắn, liền nói với bạn: “Trưởng lão, tôi bị rắn cắn.”

Người ấy đáp: “Đợi tôi mặc y Tăng-già-lê rồi sẽ đi đến gọi y sĩ Kỳ vực.” Nhưng trong lúc thay lấy y thì người kia bị tắt tiếng, và khi lấy y xong thầy thưa: “Thưa Trưởng lão, tôi đi vào xóm làng lúc phi thời đây.”

Lúc ấy, vị Tỳ-kheo kia không thể đáp được, thầy phải thưa đến ba lần rằng: “Thưa Trưởng lão, tôi vào xóm làng lúc phi thời.” Thế nhưng, người kia vẫn không nói được. Thầy bèn suy nghĩ: “Đức Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo ở nơi hoang vắng đi vào xóm làng lúc phi thời mà không thưa với Tỳ-kheo khác. Ta đành phải chờ xem hạnh nghiệp của Thầy ấy như thế nào thôi.” Thế là vị Tỳ-kheo kia liền mệnh chung. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thấy đến rồi, Phật liền hỏi rõ sự tình vừa rồi:

Ông có xử sự như vậy thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Ông ấy nếu dùng từ tâm gọi tên bốn đại Long vương thì không đến nỗi phải chết. Bốn đại Long vương đó là: Trì Quốc Long Vương, Y La Quốc Long vương, Thiện tử Long vương và Hắc Bạch Long vương. Nên nói rằng: “Ta có lòng từ đối với chúng sanh không có chân. Ta có lòng từ đối với chúng sanh hai chân. Ta có lòng từ đối với chúng sanh bốn chân. Ta có lòng từ đối với chúng sanh nhiều chân. Chớ có làm hại những chúng sanh hai chân của ta. Chớ có làm hại những chúng sanh bốn chân của Ta. Chớ có làm hại những chúng sanh nhiều chân của Ta. Chớ có làm hại các chúng sanh của Ta. Mong được sự vô lậu, dùng thiện tâm của các bậc hiền thánh mà nhìn nhau, chớ có sinh ra ác ý.” Giá như vị Tỳ-kheo kia gọi tên của bốn đại Long vương thì đã không bị chết. Từ nay về sau, Ta cho phép lúc gấp rút (không cần theo quy định).”

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, (389b) vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã, đi vào xóm làng lúc phi thời, không bạch với Tỳ-kheo khác – ngoại trừ trường hợp đặc biệt – thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Sống tại A-luyện-nhã: Tại những nơi cách xa thành ấp xóm làng năm trăm cung, mỗi cung dài năm khuỷu tay, không có dân chúng cư trú, thì gọi là a-luyện-nhã.

Phi thời: Sau khi ăn xong, dù thời gian còn sớm cũng vẫn là phi thời.

Xóm làng: Thôn xóm có bờ tường ngăn cách nhau hoặc là ở lẫn lộn (không cách biệt nhau).

Bạch: Nếu bạch xin rời nhà ăn, thì không gọi là bạch. Hoặc bạch xin đến Tinh xá của Ni để giáo giới, thì không gọi là bạch. Hoặc bạch xin rời khỏi nơi thuyết pháp, thì không gọi là bạch. Cần phải bạch như sau: “Thưa Trưởng lão, tôi vào thôn xóm lúc phi thời.” Người kia nên đáp: “Vâng.”

Tỳ-kheo: Chỉ cho những Tỳ-kheo có mặt trong cương giới, chứ không phải là những đồ chúng đang hiện diện.

Ngoại trừ trường hợp đặc biệt: Nếu Tỳ-kheo bị các chứng bệnh hoặc bị rắn cắn cần phải đi gọi thầy thuốc, thì Thế Tôn bảo là không có tội (khi ra đi không bạch).

Nếu hai Tỳ-kheo sống tại A-luỵn-nhã, muốn cùng đi, thì phải bạch lẫn nhau, rồi mới đi. Nếu một người đi trước, thì người sau khi muốn đi phải bạch với Tỳ-kheo khác; nếu không có Tỳ-kheo khác, thì nên thầm nghĩ: “Khi đến giữa đường, ra khỏi cửa, đến xóm làng, hay tại Tinh xá của Ni, mà gặp Tỳ-kheo thì ta sẽ bạch. Bạch xong, ta sẽ vào xóm làng lúc phi thời.”

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đường từ xóm làng này sang xóm làng khác mà thấy ở ven đường có tháp hoặc chỗ thờ chư thiên, thì phải thuận đường đi thẳng qua: Nếu con đường ở dưới tháp miếu ấy xoay về bên trái mà mình đi vòng theo chiều bên phải thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu có hỏa hoạn, ác thú đến hay bị người rượt đuổi, thì đi qua không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đi đường xa, gặp trời tối, muốn vào xóm làng ngủ nghỉ thì không được mang vác túi xách cổng kênh đi vào. Nếu bên ngoài làng có nước thì nên dừng nghỉ ở trong rừng, trước hết sai hai Tỳ-kheo tắm rửa sạch sẽ, khoác y Tăng-già-lê, buộc lại chặt chẽ, bạch lẫn nhau, rồi khiến họ vào thôn xóm xin chỗ ngủ tạm. Nếu xin được chỗ ngủ thì phải xin đàn việt cung cấp những thứ

cần thiết, rồi trở ra khỏi xóm làng, nói với các Tỳ-kheo rằng: “Đã xin được chỗ ngủ.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nên rửa tay chân sạch sẽ, nếu cần uống thức uống phi thời thì nên uống ngay khi ấy, đừng để vào xóm làng mới uống mà bị người ta chê trách là sa-môn ăn đêm. Đoạn, phân công mang vác các túi xách, mặc y Tăng-già-lê, buộc lại chặt chẽ, cầm tích trượng, mang giày dép, bạch hỏi nhau rồi mới vào xóm làng. Khi đã đến chỗ dừng nghỉ, mà muốn đi ra khỏi xóm làng lấy củi, cỏ, nước, thì nên theo con đường cũ mà ra, không có tội. Nếu muốn đi con đường khác thì phải bạch, (389c) nếu không bạch mà đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu muốn đi tìm dầu xoa chân, nước uống phi thời, đi khuyến hóa thức ăn sáng hôm sau, thì phải bạch rồi mới đi. Nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu trong xóm làng có tăng già lam, trên đường có nhà cửa liên tiếp nhau, thì đi (mà không bạch) không có tội. Nếu đi con đường khác thì phải bạch, nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên nói:

“Chưa đủ, đi với cướp,
Đào đất, bốn tháng mồi.
Chưa học và uống rượu.
Khinh người, đứng rình nghe.
Bỏ đi, phi thời vào.
Bạt cù thứ tám xong.”

(Hết giới thứ 79 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

80. ĐI PHI THỜI, KHÔNG BÁO NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả Ưu-ba-nan-đa sáng sớm thức dậy, khoác y đi vào xóm làng, tới nhà đàn việt, nói với Ưu-bà-di: “Những kẻ phạm phu khi mệnh chung phần nhiều bị đọa vào đường ác, bà nên nghe tôi thuyết pháp.”

Lúc ấy, Ưu-bà-di đang sắp đặt việc nhà, bận bịu nhiều việc không rảnh để nghe thuyết pháp, nên cự nự với Tỳ-kheo: “Thôi đi! Thầy đừng lo về những người phạm phu khi chết bị rơi vào đường ác mà hãy lo phần thầy, đừng lo việc của người khác.” Sau khi ăn xong, thầy bèn sai đệ tử chuẩn bị y bát rồi trở lại nhà ấy, nói như trước: “Này Ưu-bà-di, kẻ phạm phu khi chết sẽ rơi vào đường ác; bà nên nghe tôi thuyết pháp.”

Khi ấy, Ưu-bà-di vừa lo cho chồng con ăn xong, đang dùng cơm, không rảnh để nghe pháp, nên cự nự với Tỳ-kheo: “Thôi đi! Đừng lo về những người phạm phu sau khi chết rơi vào đường ác mà hãy tự lo việc của thầy, chớ lo việc của người khác.” Các Tỳ-kheo nghe được, bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-bà-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại sự việc kể trên:

Ông có làm như vậy thật chẳng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn

Này Tỳ-kheo, vậy thì sau khi ăn xong, ông đi làm việc gì?

Có nhiều việc lắm, bạch Thế Tôn. Con muốn làm thầy thuốc để trị liệu các chứng bệnh.

Vì sao trước bữa ăn, sau bữa ăn, ông không bạch với những Tỳ-kheo cùng ăn với mình mà đi đến nhà dân? Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo trước bữa ăn, sau bữa ăn không bạch với Tỳ-kheo cùng ăn với mình mà đi đến nhà dân.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Phật bảo A-nan: “Ông báo tin cho các Tỳ-kheo biết rằng an cư xong, các đàn việt sẽ cúng dường y an cư.” A-nan liền thông báo với các Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo nói: “Đức Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo trước hay sau bữa ăn không bạch với Tỳ-kheo cùng ăn với mình mà đi đến nhà dân. Tôi cùng các vị đồng phạm hạnh cùng ăn, cùng sống bên nhau, vì tôn kính nhau nên không dám thường

bạch.” (390a) A-nan bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta cho phép trong lúc sấm y (khởi bạch).” Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi, cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo cùng ăn một chỗ mà trước khi ăn, sau khi ăn không bạch với Tỳ-kheo khác, đi đến nhà người khác – ngoại trừ trường hợp đặc biệt – thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trừ trường hợp đặc biệt tức là khi sấm y, đó gọi là trường hợp đặc biệt.

*

❖ Giải thích

Cùng ăn: Hoặc dùng bốn thăng gạo nấu cơm, hoặc tám thăng gạo rang, hoặc một đấu hai thăng cơm lúa mạch, hoặc nửa bát, một bát cá thịt. Đó gọi là cùng ăn.

Trước khi ăn: Lúc chưa ăn.

Sau khi ăn: Khi ăn xong, dù trời còn sớm vẫn gọi là sau khi ăn.

Đi đến nhà người khác: Như nhà của sát-lợi, nhà Bà-la-môn, nhà Tì xá, nhà Thủ-đà-la.

Bạch: Nếu bạch vào xóm làng lúc phi thời, bạch đến Tinh xá Tỳ-kheo-ni, bạch rời chỗ thuyết pháp, thì không được gọi là bạch. Mà phải bạch rằng: “Xin trưởng lão nhớ cho, con là mỗ gấp rời chỗ cùng ăn, đi đến nhà khác.” Người kia đáp: “Vâng.”

Ngoại trừ trường hợp đặc biệt: Tức lúc mà Thế Tôn bảo là không có tội.

Trường hợp đặc biệt: Thời gian sấm y. Thời gian này, nếu không thọ y Ca-thi-na thì một tháng, nếu có thọ y Ca-thi-na, thì năm tháng. Trong thời gian của y này được miễn trừ năm việc: (1)

Được ăn biệt chúng; (2) Được ăn nhiều chỗ; (3) Rời trú xứ không cần bạch với người khác; (4) Được cất y dư lâu ngày; (5) Được rời y ngủ chỗ khác mà không có tội.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo rời chỗ cùng ăn với người khác để đi đến nhà khác thì phải bạch rồi mới đi, nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu ăn ở chỗ khác mà có năm thức ăn chính và năm thức ăn phụ thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu gặp hai trường hợp bố thí bữa ăn, thời gian sấm y, thì không bạch với người cùng ăn, đi ăn chỗ khác không có tội.

Nếu trú xứ của Tỳ-kheo không nấu ăn, mà có người mời ăn, thì nơi đây được gọi là cùng ăn (đồng thực). Nếu từ đây muốn đi đến chỗ khác, thì phải bạch rồi đi, nếu không bạch mà đi, thì như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đã nhận trong xóm làng mời, thì nơi đó được gọi là cùng ăn. Nếu ở tại đây thấy thời gian còn sớm muốn đi một lát rồi trở lại thì phải bạch rồi đi; nếu không bạch mà đi thì như trên đã nói.

Nếu trong xóm làng có đàn việt mời tăng thọ trai, rồi một Tỳ-kheo đi ngang qua nhà ấy, đàn việt bèn mời: “Thưa tôn-giả, hôm nay nhà con cúng dường trai phạn cho chúng tăng, xin mời tôn-giả ở lại thọ trai luôn.” Nếu Tỳ-kheo này nhận lời mời tức là cùng ăn. Nếu thấy thì giờ còn sớm, muốn đi nơi khác thì phải bạch rồi mới đi; nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Ngoài ra như trên đã nói.

Nếu đàn việt mời chúng Tăng thọ trai rồi Tỳ-kheo khát thực đi ngang qua nhà ấy, đàn việt liền mời: “Hôm nay con mời chúng tăng thọ trai, xin tôn-giả nhận con mời luôn thể.” Nếu Tỳ-kheo nhận (390b) lời mời, thì nơi đây tức là chỗ cùng ăn. Nếu bỗng chốc, Tỳ-kheo suy nghĩ: “Tâm bố thí của đàn việt này rất trọng hậu, ta không thể tiêu hóa nổi bữa bố thí này, chi bằng ta đi khát thực

chỗ khác để tạm nuôi thân”, rồi bỏ đi, thì phải bạch; nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Ngoài ra, như trên đã nói.

Nếu hai Tỳ-kheo ai cũng có chỗ để ăn, cùng đi trên đường tới xóm làng rồi bàn nhau: “Hôm nay, chúng ta hãy ăn trước tại một nhà, rồi sau đó... cùng ăn bữa ăn sau tại nhà khác”, thì một Tỳ-kheo nên bạch rồi mới đi, nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu đến nhà ăn trước mà có cả năm thức ăn chính và năm thức ăn phụ, thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Nếu rời người cùng ăn, ăn chỗ này chỗ khác mà nhằm lúc có bố thí thức ăn hay thời gian của y, thì cả hai trường hợp ấy đều không có tội. Người thứ hai cũng vậy.

Nếu Tỳ-kheo đi khát thực tại một nhà được một thăng, hai thăng, cho đến một hộc, thì nhận lấy không có tội. Nếu một nhà mà được bốn thăng gạo tẻ, hoặc tám thăng gạo rang, một, hai thăng gạo lúa mạch, hoặc nửa bát, một bát cá thịt, thì không được đi xin thêm chỗ khác nữa. Ở đây, thế nào là phạm, thế nào là không phạm? Nghĩa là tất cả các thứ cháo-trừ cháo cá thịt - và cháo ấy khi múc ra khỏi nồi, viết trên mặt không thành chữ (tức cháo lỏng); tất cả bánh; tất cả gạo rang; tất cả trái cây (đều không được kể là) ăn biệt chúng, hay ăn rồi ăn lại, ăn no rồi ăn nữa. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 80 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



81. VÀO VƯỜN CUNG QUÁ SỚM

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Ở đây, thuật lại trường hợp phu nhân Mạt Lợi mà kinh Trung A hàm đã đề cập có liên quan đến việc các trưởng lão Tỳ-kheo theo thứ tự vào cung giáo giới. Bấy giờ, tôn-giả Ưu-đà-di theo thứ tự vào cung giáo giới

thì gặp lúc phu nhân Mạt Lợi mặc y phục mỏng manh, trơn láng, trang sức vàng bạc ngọc báu trên y phục, đang ngồi giữa hậu cung. Khi Ưu-đà-di vào cung, phu nhân trông thấy sinh tâm cung kính, bỗng đứng bật dậy. Vì được trang điểm bằng vàng bạc ngọc báu nặng và trơn nên y phục tuột xuống đất, khiến phu nhân hổ thẹn đứng trẽn người ra. Các thị nữ bèn lấy thân đứng che phu nhân. Ưu-đà-di thấy thế liền bỏ đi ra, về lại Tinh xá nói với các Tỳ-kheo: “Này các trưởng lão, lâu nay Vua Ba-tư-nặc che giấu bảo vật, hôm nay tôi đã thấy được.”

Thầy thấy thứ gì vậy?

Thấy phu nhân Mạt Lợi.

Này trưởng lão, thầy là người xuất gia, nếu đi vào xóm làng thì phải xem như đi vào nơi hoang vắng, không nên tham luyến thanh sắc, khi thấy thì phải coi như không thấy, nghe thì phải coi như không nghe (mới được).

Tôi đã thấy thực, mà có thể nói là không thấy sao?

Các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau Ta không cho phép Tỳ-kheo vào trong cung vua.

Do các Tỳ-kheo không vào trong cung nên các phu nhân khác (390c) buộc tội phu nhân Mạt Lợi:

Người đã làm cho các Tỳ-kheo không vào cung nữa, khiến chúng ta không được nghe pháp và đánh lễ chư Tăng.

Vì sao lại oán tôi? Các vị hãy tự đi cầu xin đại vương (về việc đó).

Các phu nhân liền đến thưa với vua: “Thưa đại vương, vì có gì mà các Tỳ-kheo không vào cung giáo giới nữa?”

Khi Vua Ba-tư-nặc nghe những lời ấy, liền thân hành đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng qua một bên, rồi bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, vì sao các Tỳ-kheo không vào cung giáo giới nữa?

Vì trong đó có những điều tội lỗi, Như Lai đã thấy nên không cho họ vào nữa.

Bạch Thế Tôn, trong đó có những tội lỗi gì con có thể nghe được không?

Này đại vương, Tỳ-kheo không được vào vương cung vì nơi đó có mười tội lỗi như trong kinh Trung A hàm đã nói.

Bạch Thế Tôn, vì Phật thấy những tội lỗi nên cấm Tỳ-kheo vào vương cung; khi con chưa phát sinh lòng tin, thì chính tay phải của con, con còn không tin, huống gì các Tỳ-kheo? Nay Phật đã chế giới thì phải tùy thuận.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu bảo vật của phu nhân vua sát-lợi đã làm lễ quán đảnh chưa cất mà Tỳ-kheo bước vào khỏi cửa vương cung thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Vua: Gồm có các chủng tộc sát-đế-lợi, bà-la-môn, ưu-già-la vương, xả-già-da vương, bà-na vương v.v...

Nếu vì vua ấy không thuộc dòng dõi sát-lợi (thì Tỳ-kheo) vào vương cung không có tội.

Nếu vì vua ấy thuộc dòng dõi sát-lợi mà không được làm lễ quán đảnh, (thì Tỳ-kheo) vào (vương cung) không có tội.

Nếu vì vua ấy thuộc dòng dõi sát-lợi đã làm lễ quán đảnh mà không có lãnh thổ, thì Tỳ-kheo vào vương cung không có tội.

Nếu vì vua ấy thuộc dòng dõi sát-lợi, đã làm lễ quán đảnh, có đất nước thì Tỳ-kheo không được vào vương cung.

Vào cung: Vào nội cung.

Phu nhân của vua chưa cất bảo vật: Phu nhân của vua chưa cởi những châu báu trang sức đem cất. Trong trường hợp này, nếu Tỳ-kheo bước vào khỏi cửa vương cung, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu nhà vua mới làm cung điện, có lòng tin, hoan hỷ, mời Tỳ-kheo như sau: “Thưa tôn-giả, xin tôn-giả hãy vì tôi mà sử dụng trước cung điện này”, thì Tỳ-kheo nên đáp: “Đức Thế Tôn chế giới không cho chúng tôi vào vương cung.” Nếu nhà vua nói tiếp: “Tôn-giả có cách nào giúp khai thông vấn đề này không?”, thì nên đáp: “Chỉ khi nào phu nhân của vua cởi châu báu trong người ra, thì tôi mới vào vương cung được.” Và khi phu nhân đã cởi hết châu báu ra rồi, thì Tỳ-kheo được vào. Nhưng khi vào rồi, nếu phu nhân của vua lại tuần tự mang các bảo vật vào, thì Tỳ-kheo không được bỏ ra đi, mà cứ ngồi yên, khi ấy không có tội. Nếu như trong khoảng thời gian ấy Tỳ-kheo đi ra ngoài đại tiểu tiện, (391a) thì không được vào trở lại. Nếu vào lại thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu tại những nơi vua thường du ngoạn ngắm cảnh như ao hồ rừng núi, có lập ra hành cung, mà phu nhân của vua đã cởi hết châu báu đeo trong mình, đồng thời nơi đây có bảy lớp cửa, thì Tỳ-kheo vào cửa thứ nhất, thứ nhì, thứ ba cho đến cửa thứ sáu không có tội. Nhưng nếu bước một chân vào cửa thứ bảy thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu bước cả hai chân vào khỏi cửa thứ bảy, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu vua đã đi du ngoạn, khi phu nhân đã cởi hết bảo vật trong mình, hành cung trống không, mọi người vào xem, thì Tỳ-kheo vào không có tội. Hoặc giả, vua có lòng tin, quý mến Tỳ-kheo, dùng tay dắt Tỳ-kheo vào, thì vào không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 81 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

82. DỪNG XƯƠNG, SỪNG LÀM ỐNG ĐỰNG KIM

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên; trong thành này có người thợ làm ngà voi tên là Pháp Dự. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đến nhà ấy, nói: “Này đàn việt, hãy làm giúp tôi một ống đựng kim.” Người thợ này bèn làm cho thầy một ống đựng kim không lớn, không nhỏ, màu sắc tươi nhuận, thầy liền cầm về phòng. Các Tỳ-kheo trông thấy thế, liền hỏi: “Trưởng lão, thầy được ống đựng kim ở đâu mà không lớn, không nhỏ, màu sắc tươi nhuận như vậy?” Thầy đáp: “Ông thợ làm ngà voi tên là Pháp Dự làm cho tôi đó.” Các Tỳ-kheo nghe thế bèn đến đó xin. Người thợ ngà voi thầm nghĩ: “Các Tỳ-kheo đều cần đến ống đựng kim, hơn nữa chúng Tăng là ruộng phước tốt đẹp, vậy ta nên mời chúng Tăng đến nhà cúng dường ống đựng kim.” Nghĩ thế, ông bèn đi đến Tinh xá Kỳ-hoàn, cúi đầu đánh lễ chân chư tăng, bạch rằng: “Con là Pháp Dự, xin mời chư Tăng đến nhà con cúng dường ống đựng kim.” Các Tỳ-kheo nghe vậy, ai nấy đều đến lấy, có người lấy một cái, có người lấy hai, ba, thậm chí lấy mười cái, do thế, ngà voi hết sạch. Đàn việt liền nói: “Ngà đã hết, giờ chỉ còn xương, vị nào cần thì con sẽ làm.” Các Tỳ-kheo đáp: “Chúng tôi đều cần.” Nhưng rồi xương cũng hết, nên người thợ thưa: “Xương cũng hết cả, giờ chỉ còn sừng, thầy nào cần, con sẽ làm.” Các Tỳ-kheo đáp: “Chúng tôi đều cần.” Nhưng vì những người đến đòi quá đông, người thợ không lấy gì để cung cấp nổi.

Bấy giờ, tôn-giả Xá-lợi-phất đến giờ khát thực, bèn khoác y, cầm bát vào thành xá-vệ khát thực, tuần tự đi đến nhà ấy. Bà vợ của Pháp Dự vốn có tín tâm, hoan hỷ, hơn nữa đã từng quen biết Xá-lợi-phất, nên đem thức ăn ra cúng dường, đồng thời cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng ngay trước mặt. Xá-lợi-phất liền hỏi: “Này chị em, gia cảnh thế nào? Cơ nghiệp có gia tăng không?”

Trong nhà cũng tạm tạm, nhưng cơ nghiệp không gia tăng.

Vì sao vậy?

Thưa tôn-giả, ông chồng con mời các Tỳ-kheo về nhà cúng dường ống đựng kim, các Tỳ-kheo hoặc lấy một cái, hoặc lấy hai, ba, thậm chí lấy đến mười cái, nên ngà hết sạch; rồi lấy xương, xương hết, lại lấy sừng. Nhưng vì có quá nhiều người đến đòi nên không lấy gì để cung ứng. Thưa tôn-giả, mọi sinh hoạt trong gia đình con như việc ăn của con cái, cung cấp sưu thuế cho quan trên đều dựa vào cái nghề này. Vì tôn-giả là người mà con rất kính trọng nên mới dám bộc bạch như vậy. Cũng vì thế mà chồng con (391b) khi ở nhà thì nói là không ở nhà, đang thức thì bảo là ngủ v.v...

Bấy giờ, tôn-giả Xá-lợi-phất bèn tùy thuận thuyết pháp, làm cho bà hoan hỷ, rồi trở về Tinh xá, đem sự tình ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo đến. Khi các thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ các việc kể trên:

Các ông có việc như thế thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, ta không cho phép dùng ngà voi, xương, sừng làm ống đựng kim.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo dùng răng, xương, sừng làm ống đựng kim, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Răng: Như các loại răng voi, răng cá, răng ma già la, răng heo v.v...

Xương: Như các loại xương voi, xương ngựa, xương bò, xương lạc đà, xương rồng...

Sùng: Như các loại sùng bò, sùng trâu, sùng tê giác, sùng nai, sùng dê v.v...

Làm: Hoặc tự mình làm, hoặc sai người khác làm thì phải phá bỏ rồi sám hối tội Ba-dạ-đề; nếu không phá bỏ mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Khi đức Thế Tôn chế giới không cho dùng răng, xương, sùng làm ống đựng kim, thì các Tỳ-kheo bèn dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, ngọc báu để làm. Vì vậy Phật dạy: “Ta không cho phép dùng vàng, bạc, châu báu làm ống đựng kim mà nên dùng đồng, sắt, bạch lap, chì, thiết, tinh đồng, đồng trắng, tre, gỗ, lụa Khâm-bà-la, lông chim, cho đến dùng cái đai của túi đựng bát để làm.” Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 82 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



83. LÀM CHÂN GIƯỜNG CAO QUÁ CỠ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ vào các ngày trai trong tháng như ngày mồng tám, mười bốn, rằm, nhân dân trong thành rời khỏi thành đi đến đánh lễ Thế Tôn. Lúc ấy, hoàng tử của Vua Ba-tư-nặc cũng đến đánh lễ. Sau đó, ông đi đến chỗ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi bạch rằng: “Tôi muốn đi tham quan, xin chỉ cho tôi xem các chỗ.” Các thầy đáp: “Rất tốt”, rồi dẫn hoàng tử lên gác, nói: “Hãy xem những cây cột, kèo, đòn dông, xà, trính với những nét chạm trổ và các hình vẽ tinh xảo.” Lần lượt đi đến chỗ ở của Nan-đà, hoàng tử thấy trên sàn nhà màu xanh đặt một chiếc giường cao lớn, trên

giường trải một cái nệm dày, êm ái, hai đầu giường để những cái gối. Thấy thế, liền hỏi:

Thưa tôn-giả, giường nệm này của ai vậy?

Của tôi đấy.

Những thứ này quá sang trọng, không thích hợp cho Tỳ-kheo.

Nếu không thích hợp với tôi thì ai nên dùng nó?

Vua hay hoàng tử sử dụng chúng mới thích hợp.

Tôi không phải hoàng tử sao? Nếu đức Thế Tôn không xuất gia thì Ngài xứng đáng làm Chuyển luân thánh vương, thống trị bốn phương thiên hạ, tất cả các người sẽ là con dân của chúng ta. (391c) Nhưng Thế Tôn không thích làm như thế mà xuất gia, thành Phật, làm đấng Pháp vương. Ta là con của đấng Pháp vương, giả sử trang sức những thứ sang trọng hơn nữa cũng vẫn thích hợp, huống gì những vật thô sơ như vậy.

Vương tử nghe rồi, hổ thẹn im lặng. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi các thầy tới rồi, Phật liền hỏi lại sự việc kể trên:

Các ông có những việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông trang bị giường nệm lộng lẫy để cho người đòi đàm tiếu? Từ nay về sau, ta không cho phép làm giường quá mức độ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Sau khi Thế Tôn chế giới không cho làm giường cao quá mức quy định, các Tỳ-kheo liền theo quy định cắt bớt chân giường nhưng lại kê thêm dưới chân. Bấy giờ nhằm các ngày chay trong tháng như mồng tám, mười bốn, rằm, dân chúng trong thành ra ngoài thành đi đến đánh lễ Thế Tôn. Vương tử của Vua Ba-tư-nặc cũng tới đánh lễ. Rồi ông đi đến chỗ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà, nói: “Xin

tôn-giả hãy chỉ cho tôi xem các nơi.” Cuối cùng, ông đến phòng Nan-đà, thấy chân giường bị cắt, liền hỏi:

Vì sao mà cắt cái chân giường này?

Cắt bớt cho đúng theo sự quy định của Thế Tôn.

Nếu Thế Tôn bảo cắt bớt đầu mà lại kê thêm dưới chân thì có khác gì nhau?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay về sau làm chân giường phải đúng theo mức quy định, Ta không cho phép kê thêm dưới chân.” Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo làm chân giường thì phải làm đúng mức quy định, nghĩa là chiều cao tám ngón tay, ngoại trừ chỗ tra vào thành giường; nếu làm quá mức quy định thì phải cắt bỏ bớt, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Giường: Loại giường ngồi, giường nằm gồm tất cả có mười bốn loại, như đã nói ở trước. Nếu làm quá mức quy định thì phạm tội.

Làm: Hoặc tự mình làm, hoặc sai người khác làm.

Tu Già-đà: Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri.

Tám ngón tay: Tám ngón tay của Phật.

Quá: Quá mức quy định.

Trừ chỗ tra vào thành giường: Từ chỗ lỗ trống trở xuống, (nếu thừa) thì cắt bớt, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không cắt bớt mà sám hối, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình làm giường rồi ngồi suốt ngày trên đó thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu đứng dậy rồi ngồi lại thì mỗi lần ngồi phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu ngồi trên giường người khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu kê thêm chân giường cũng phải kê đúng kích thước đã quy định và vững chắc.

Nếu mình là Tỳ-kheo khách đi đến trú xứ nào mà được phân phối giường theo thứ tự, nhưng giường cao quá mức quy định thì nên bảo thầy tri sự cho mượn cái cửa. Nếu hỏi mượn để làm gì, thì đáp: “(392a) Cái giường này cao quá mức độ, tôi muốn cửa bớt chân cho đúng pháp.” Nếu thầy tri sự nói: “Đừng cửa bớt, đàn việt thấy sẽ không vui”, và mình cũng không ở đó lâu thì nên đào đất chôn chân giường xuống cho bằng mức quy định. Nếu mình còn ở lại lâu, thì nên dùng ống bằng gỗ bọc lại đoạn chân giường bị chôn dưới đất, đừng để nó bị hư hoại.

Nếu Tỳ-kheo vào xóm làng đến nhà đàn việt ngồi, mà ngồi cái giường cao, thì không được ngồi để thông đôi chân. Nếu đó là gia đình quen biết cũ thì nên bảo họ đưa cái ghế nhỏ để gác chân. Nếu đó không phải là nhà quen biết cũ thì nên bảo họ đưa viên gạch hay cục gỗ dùng để gác chân mà ngồi. Nhưng nếu ngồi trên giường cao ở nhà phước thiện thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 83 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

84. DỒN BÔNG LÀM NỆM

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhằm các ngày chay trong tháng như ngày mồng tám, mười bốn, rằm, dân chúng trong thành đi đến thăm viếng đánh lễ Thế Tôn. Vương tử Vua Ba-tư-nặc cũng đến đánh lễ. Rồi ông đến chỗ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà, nói: “Xin trưởng lão hãy chỉ cho tôi xem các nơi.” Các thầy nói: “Tốt lắm”, rồi liền dẫn Vương tử lên trên gác, vừa chỉ vừa nói: “Này Vương tử, hãy xem những cây cột, kèo, đòn dông, xà nhà, trính với những nét chạm trổ và các hình vẽ tinh xảo kia kia”; đoạn, dẫn về phòng mình. Thấy trên nền phòng màu xanh có đặt một chiếc giường đẹp, trên giường trải một tấm nệm bông, hai đầu giường để những cái gối, rồi trải tấm ra trắng lên trên; thấy thế, Vương tử liền hỏi:

Đồ đạc này của ai vậy?

Của tôi đó.

Những thứ này quá đẹp đẽ, lộng lẫy, không phù hợp với tôn-giả.

Nếu không phù hợp với tôi thì ai nên sử dụng chúng?

Vua, vương tử và đại thần dùng chúng mới thích hợp.

Tôi không phải Vương tử sao? Nếu Thế Tôn không xuất gia thì Ngài xứng đáng làm Chuyển luân Thánh vương, làm vua bốn phương thiên hạ, tất cả bọn người sẽ là con dân của chúng ta; nhưng Thế Tôn không thích làm vua mà Ngài đã xuất gia, thành Phật làm đấng Pháp luân vương. Ta là vương tử của Pháp luân vương, giả sử trang bị hơn thế nữa cũng vẫn thích hợp, huống gì dùng những vật thô sơ như vậy.

Vương tử nghe xong, hổ thẹn không nói lời nào. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ các việc kể trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông dùng bông làm nệm khiến cho người đời đàm tiếu? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng bông làm nệm.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo dùng bông làm nệm, để ngồi hay nằm thì phải moi bỏ, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Bông: Gồm các loại như bông a già, bông bà già, (392b) bông Cưu tra xà, bông giác, bông cỏ, bông Ca-thi, bông hoa và các loại khác. Đó gọi là bông. Phải moi bông trong nệm ra hết rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Khi moi bông ra, phải đập giũ làm cho hết; nếu không hết, thì nhúng nước cho ướt tay, chà lên làm cho sạch, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình làm, rồi trợn ngày ngồi trên đó, thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu đứng dậy rồi ngồi trở lại, thì mỗi lần ngồi phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu ngồi trên bông của người khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nhồi bông làm gối dùng gối đầu, kê chân thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng vì bệnh mà gối đầu, kê chân, thì không có tội. Nếu dùng da nhồi bông làm gối thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Vì cả da và bông.

Nếu Tỳ-kheo vào xóm làng, rồi bị gió thổi bông bay dính trên y, mà túm y lại ngồi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; phải giũ sạch rồi mới ngồi.

Nếu xe chở bông hay có người gánh, mang bông đi rồi bông bị gió thổi bay dính lên y của Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo túm lại ngồi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; phải giũ hết bông, rồi mới ngồi.

Nếu chỗ đất có phủ bông cỏ thì Tỳ-kheo không được ngồi. Nếu Tỳ-kheo đi ngang qua ruộng có bông giấp, khiến bông dính trên y, thì không được ngồi, phải giũ hết rồi mới ngồi. Nếu trải bông cỏ, bông hoa rồi ngồi lên trên, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu dồn đống bông cỏ, bông hoa rồi ngồi lên trên cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu trồng ruộng bông, cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vì luật sư, pháp sư mà trải tòa sư tử, rải hoa, mà hoa dính trên tòa thì không được ngồi, phải phỉu hết hoa, rồi mới ngồi, thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 84 của 92 pháp Ba-dạ-đề)



85. LÀM TỌA CỤ QUÁ QUY ĐỊNH

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Vì năm điều lợi ích nên Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri cứ năm hôm đi tuần hành phòng các Tỳ-kheo một lần, Ngài thấy giường nệm ngọa cụ của các Tỳ-kheo có những vết nhớp dơ bẩn bỏ ngổn ngang khắp nơi giống như hoa mạn đà la đang phơi giữa nắng gắt, Phật liền hỏi các Tỳ-kheo:

Giường nệm ngọa cụ của ai mà dơ nhớp bẩn thỉu thế này?

Bạch Thế Tôn, đó là ngọa cụ của các Tỳ-kheo vì không dùng vật gì che đậy nên bị dơ nhớp như vậy.

Từ nay về sau, Ta cho phép làm tọa cụ.

Lại nữa, khi Phật cho phép làm tọa cụ rồi, các Tỳ-kheo bèn may tọa cụ nhiều lớp. Vì năm việc lợi ích nên đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri cứ năm hôm đi tuần hành phòng các Tỳ-kheo một lần, Ngài thấy những vải vóc, tọa cụ dơ bẩn bỏ ngổn ngang khắp nơi, giống như hoa mạn đà la đem phơi ngoài nắng gắt, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Những tọa cụ của ai để nguyên tua vải mà may, cái bản dơ dáy thế này?

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn cho phép làm tọa cụ, (392c) nên các Tỳ-kheo bèn để nguyên tua vải mà may như vậy.

Vì sao các ông lại để nguyên tua vải mà may tọa cụ? Từ nay về sau phải làm cho đúng mức, chiều dài hai gang tay tu Già-đà, chiều rộng một gang tay rưỡi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhiều Tỳ-kheo đang ở tại giảng đường, bàn bạc như sau: “Này Trưởng lão, Thế Tôn chế tọa cụ lớn nhỏ, nếu trải chỗ ngồi thì hai đầu gối không có, nếu đắp trên hai đầu gối, thì chỗ ngồi lại không có.” Các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền hỏi các Tỳ-kheo:

Vị Thượng tọa trong chúng Tăng là ai?

Xá-lợi-phất, bạch Thế Tôn.

Phật liền nói với Xá-lợi-phất: “Nhiều vị phạm hạnh bàn về việc đó, vì sao ông ngồi im lặng mà nghe? Nay Ta phạt ông phải đứng phơi nắng.”

Xá-lợi-phất nhận sự trừng phạt, đứng phơi nắng ngoài trời. Các Tỳ-kheo liền đến trước Thế Tôn sám hối và bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, tôn-giả Xá-lợi-phất thân thể mảnh mai yếu đuối, xin Thế Tôn tha thứ lỗi lầm cho thầy, chớ để thầy mất vui.”

Phật nói: “Chẳng những ngày nay tâm ông ấy không thể lay chuyển mà trong thời quá khứ cũng đã từng như vậy, như trong kinh Xà Bản Sinh đã nói rõ. Con rắn lúc ấy là Xá-lợi-phất, tâm nó rất kiên cố không hề lay chuyển.”

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, thấy tấm nệm của Tăng ở giữa mới tốt, nhưng hai bên dơ bẩn, Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo, ngọa cụ này của ai mà ở giữa thì mới tốt nhưng hai bên dơ bẩn thế này?

Bạch Thế Tôn, vì Thế Tôn chế tọa cụ nhỏ che không đủ, nên chỗ được che thì sạch, còn chỗ không che thì dơ.

Từ nay về sau, Ta cho phép làm tọa cụ hai lớp, nhưng không được làm một cách tùy tiện, mà nên dùng loại vải cũ nhỏ may thành hai lớp. Nếu dùng vải Khâm-bà-la thì một lớp, còn vải Kiếp bố thì làm hai lớp.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả A-na-luật vắt tọa cụ trên vai, đến đánh lễ dưới chân Thế Tôn. Phật biết mà vẫn hỏi: – Vật gì trên vai ông vậy?

Bạch Thế Tôn, đó là tọa cụ nhỏ. Song cái tọa cụ này nhỏ quá, xin Thế Tôn cho phép tăng thêm lên.

(393a) Tăng thêm chừng bao nhiêu là vừa đủ?

Bạch Thế Tôn, chừng một gang tay.

Ta cho phép tăng thêm một gang tay.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo làm tọa cụ thì phải làm đúng kích thước chiều dài hai gang tay Tu Già-đà, chiều rộng một gang tay rưỡi, lại tăng thêm (mỗi chiều) một gang tay nữa. Nếu làm quá mức quy định thì phải cắt bỏ bớt, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Làm: Hoặc tự mình làm, hoặc sai người khác làm.

Tọa cụ: Đức Thế Tôn cho phép làm với mức độ chiều dài hai gang tay Tu Già-đà, chiều rộng một gang tay rưỡi.

Chiều dài: Túc chiều dọc.

Chiều rộng: Túc chiều ngang.

Tu Già-đa: Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri.

Gang tay: Gang tay của đức Như Lai dài hai thước bốn tấc.

Thêm một gang tay: Gấp hai, ba lớp (miếng) vải rồi kết nối thêm vào tọa cụ. Nếu quá mức quy định thì cắt bớt rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không cắt bớt mà sám hối, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình làm, hoặc sai người khác làm chiều dài đúng cỡ, chiều rộng quá cỡ, thì khi làm xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tự mình làm hoặc sai người khác làm chiều rộng đúng cỡ, chiều dài quá cỡ, hay ở giữa đúng cỡ, ở ngoài rìa quá cỡ, hay ở ngoài rìa đúng cỡ, ở giữa quá cỡ, thì khi làm xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi gấp lại, xếp lại, thấm nước rồi đem phơi khô mà vẫn còn dài lớn quá cỡ, thì phạm tội Ba-dạ-đề; nếu sử dụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi làm phải làm đúng cỡ, không được làm quá cỡ.

Tọa cụ là loại vật dụng bằng vải vóc dùng để ngồi, nên không được làm ba y, không được tịnh thí, hay dùng để lót củi, cỏ hoặc lau chùi, mà chỉ được dùng để trải ngồi.

Nếu đi đường thì được xếp lại để trên túi y, hay vắt trên vai rồi mang đi. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 85 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

86. MAY Y CHE GHẺ QUÁ KÍCH THUỐC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Vì năm sự lợi ích nên Thế Tôn cứ năm hôm đi tuần tra phòng ở của các Tỳ-kheo một lần, thấy y bị dính đầy máu mủ của ghẻ lở đang phơi nắng, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Y của ai mà dơ bẩn thế này?

Bạch Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ lở nên y phục dơ bẩn như thế.

Từ nay về sau, Ta cho phép các Tỳ-kheo được may y che ghẻ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Thế Tôn cho phép may y che ghẻ, các Tỳ-kheo không cắt các tua ở lễ tắm vải mà may nguyên như vậy. Vì năm sự lợi ích nên cứ năm hôm Thế Tôn đi tuần tra phòng ở của các Tỳ-kheo một lần; Ngài thấy những chiếc y che ghẻ được may với những tua vải, dính đầy máu mủ đang phơi ngoài nắng. Tuy biết (393b) nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo.

Y của ai mà may cả những tua vải, dơ bẩn như thế này?

Bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn cho phép may y che ghẻ, các Tỳ-kheo may nguyên cả những tua vải, nên bị dính máu mủ dơ như thế đó.

Vì sao các ông để nguyên cả tua vải may y che ghẻ? Từ nay về sau may y che ghẻ phải đúng với kích thước.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo may y che ghẻ thì phải may đúng theo kích thước, chiều dài bốn gang tay Tu Già-đà, chiều rộng hai gang tay rưỡi. Nếu may quá kích thước thì phải cắt bỏ, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Y che ghê: Thế Tôn cho phép may với kích thước dài rộng theo gang tay của Tu Già-đà, như trên đã nói. Nếu quá kích thước thì cắt bỏ, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không cắt bỏ mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình may hoặc sai người khác may mà chiều dài đúng kích thước, chiều rộng quá kích thước, hoặc chiều rộng đúng kích thước, chiều dài quá kích thước, hoặc ở giữa đúng kích thước, ngoài lề quá kích thước, hoặc ngoài lề đúng kích thước, ở giữa quá kích thước, thì khi may xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi xếp lại đo, gấp lại đo, thấm nước đo, rồi đem phơi khô mà còn dài rộng quá cỡ, thì làm xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho nên cần phải làm đúng theo kích thước.

Loại y che ghê và y tùy thân không được dùng làm ba y, không được tịnh thí, không được dùng để gói củi, cỏ, hay lau chùi. Khi muốn vào xóm làng thì mặc y che ghê trước mặc y Tăng-già-lê sau, rồi buộc chặt lại. Khi trở về, thì cởi y Tăng-già-lê đập giũ, xếp lại, cất vào chỗ cũ, còn y che ghê thì dùng cởi, nếu cởi vảy ghê sẽ lột ra chảy máu, cần ngâm mình dưới nước, nhưng không được ngâm mình ở chỗ Tăng chúng thường tắm, mà nên ngâm ở chỗ vắng vẻ. Sau khi y đã thấm nước thì cởi ra giặt cho sạch. Lúc tắm xong, nên dùng nó lau mình. Cách sử dụng hằng ngày cũng đều như vậy. Đến khi ghê lạnh thì được dùng nó làm ba y và tịnh thí, ngoại trừ việc dùng tiếp tục. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 86 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

87. MAY ÁO TẮM MƯA QUÁ KÍCH THUỐC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trong ba mươi việc, nhất là vấn đề liên quan đến Tỳ-xá-khư Lộc Mầu bố thí y tắm mưa cho các Tỳ-kheo trong vòng mười hai do điền.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Sau khi Thế Tôn cho phép may y tắm mưa, các Tỳ-kheo không cắt bỏ các tua vải, cứ để nguyên như thế mà may. Vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm Thế Tôn đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, thấy những tua vải của y tắm mưa bị dơ bẩn được đem phơi nắng, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Y phục của ai mà để nguyên cả tua vải may dơ bẩn như thế?

(393c) Bạch Thế Tôn, sau khi Phật cho phép may y tắm mưa, các Tỳ-kheo để nguyên cả tua vải may nên trông như bẩn như thế.

Vì sao các ông lại để nguyên cả tua vải may y tắm mưa? Từ nay về sau phải may đúng kích thước, chiều dài sáu gang tay Tu Già-đà, chiều rộng hai gang tay rưỡi.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo may y tắm mưa phải may đúng kích thước, chiều dài sáu gang tay Tu Già-đà, chiều rộng hai gang tay rưỡi. Nếu quá kích thước thì phải cắt bỏ, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Y tắm mưa: Đức Thế Tôn quy định kích cỡ, chiều dài sáu gang tay Phật, chiều rộng hai gang tay rưỡi. Chiều dài, chiều rộng của gang tay Phật như trên đã nói. Nếu quá kích cỡ thì phải cắt bỏ rồi

sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không cắt bỏ mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình may hoặc sai người khác may mà chiều dài đúng kích thước, chiều rộng quá kích thước, hoặc chiều rộng đúng kích thước, chiều dài quá kích thước, hoặc ở giữa đúng kích thước mà ở ngoài biên quá kích thước, hoặc ở ngoài biên đúng kích thước, ở giữa quá kích thước, thì khi may xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tự mình làm hay sai người khác làm như gấp lại, xếp lại, thấm nước rồi đem phơi khô, mà làm xong còn dài rộng quá cỡ, thì phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Vị Tỳ-kheo nào thành tựu năm đức tính thì Tăng nên mời chia y tắm mưa. Năm đức tính đó là: (1) Không thiên vị; (2) Không giận dữ; (3) Không sợ hãi; (4) Không ngu si; (5) Biết ai được chia, ai không được chia.

Thầy yết-ma nên tác bạch như sau:

“Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm đức tính, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng hãy mời Tỳ-kheo mỗ giáp chia y tắm mưa.” Đây là lời tác bạch.

“Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm đức tính, nay Tăng mời Tỳ-kheo mỗ giáp chia y tắm mưa. Các đại đức nào bằng lòng Tỳ-kheo mỗ giáp chia y tắm mưa thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.”

Tăng đã bằng lòng mời Tỳ-kheo mỗ giáp chia y tắm mưa, nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.”

Sau khi làm yết-ma xong nên xướng ở giữa Tăng: “Thưa các đại đức, các vật được chia ở đây sai khác không đồng nhau, cỡ chừng bốn ngón, tám ngón tay thì theo lý không được kể đến.” Nếu không xướng như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Từ ngày mồng một tháng tư trở đi, hễ được y tắm mưa, thì lần lượt chia từ Thượng tọa trở xuống. Khi đã có rồi thì không được tắm khỏa thân, cũng không được mặc y tắm mưa thường xuyên mà nên mặc những y cụ khác. Nếu ở chỗ vắng hoặc chỗ nước sâu thì tắm khỏa thân không có tội.

(394a) Không được mặc y tắm mưa làm các việc trong chúng Tăng như dọn quá đường, lau nhà, hốt tro trắng, hốt bùn, lợp nhà, khai thông rãnh nước, đào giếng, mà nên mặc những cái y cũ khác làm các việc ấy.

Y tắm mưa này không được dùng làm ba y; không được dùng tịnh thí; không được dùng vào những việc như đi lấy củi, cỏ, hay lau chùi; không được mặc vào trong những ao nước, vũng nước để tắm. Được mặc khi có mưa lớn, nhưng mưa nhỏ thì không được mặc. Nếu cơn mưa lớn bỗng dừng hết, mà cái quần chưa sạch, thì được mặc vào trong ao, trong vũng nước để tắm.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh thổ tả rồi uống thuốc, hay lở đầu chảy máu, hoặc lúc thọ trai ở chỗ trống, thì được dùng y này làm màn để che.

Y tắm mưa này được sử dụng từ nửa tháng tư đến rằm tháng tám. Khi mãn hạn nên xướng giữa Tăng rằng: “Thưa các đại đức, hôm nay Tăng xả y tắm mưa.” Xướng ba lần như vậy. Khi đã xả rồi, được dùng làm ba y, hoặc tịnh thí, hoặc dùng vào các việc khác. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 87 của 92 pháp Ba-da-đề)

✱

88. MAY Y QUÁ CỠ Y PHẬT

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo mặc y để nguyên các tua vải. Các ngoại đạo cũng mặc y để nguyên các tua vải. Khi ấy Ưu-bà-tắc muốn đánh lễ Tỳ-kheo,

lại đánh lễ nhằm ngoại đạo, đến khi nghe lời chúc nguyện khác lạ, mới biết không phải là Tỳ-kheo, nên thấy mắc cỡ. Trái lại, đệ tử của ngoại đạo muốn đánh lễ ngoại đạo, lại đánh lễ nhằm Tỳ-kheo; hai bên có những nhầm lẫn như vậy. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Từ nay về sau, y của Tỳ-kheo phải cắt bỏ những cái tua để tác tịnh và nhuộm để tác tịnh.”

Các ngoại đạo vì muốn cho mình khác với Tỳ-kheo nên dùng son, đá đỏ nhuộm y, cầm gậy có ba nấc và chiếc bình nhỏ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, các Tỳ-kheo ở nơi hoang dã khi được y Câu xá da, muốn mặc, bèn dùng màu để nhuộm, như ba loại màu dùng để nhuộm y mà ở trên đã nói.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, Tỳ-kheo được y Khâm-bà-la cũng như trên đã nói.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, tôn-giả Tôn-đà-la-nan-đa vốn là con trai di mẫu của Phật, có ba mươi tướng. Sau bữa ăn, thấy từ thành xá-vệ đi ra, có A-nan đi theo sau, như: trong việc ba màu y ở trên đã nói.

Lại nữa, khi Phật ở tại thành xá-vệ, lúc ấy, tôn-giả A la quân trà may y của mình theo kích thước y của Phật, rồi mặc đi vào thành xá-vệ. Vị Tỳ-kheo này thân lùn mà y dài, nên kéo lê y trên đất mà đi, do vậy, bị người đời đàm tiếu rằng: “Sa-môn Thích tử kéo lê y mà đi.” Lại có người mỉa mai: “Ông không biết sao? Y của sa-môn Cù-đàm không phải do chính cha mẹ mình may, mà là nhặt của người ta vớt, nên mới như vậy.”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. (394b) Phật liền bảo gọi A la quân trà đến. Khi thấy đến rồi, Phật bèn hỏi lại sự việc trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, nên tùy theo kích cỡ của thân mình mà may y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Khi Tỳ-kheo may y thì phải căn cứ kích cỡ y của Như Lai để may, nếu may quá kích cỡ phải cắt bỏ, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Cỡ y của Như Lai chiều dài chín gang tay Tu Già-đà, chiều rộng sáu gang tay. Đó gọi là cỡ y của Như Lai.

*

❖ Giải thích

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình may hay sai người khác may mà dài đúng cỡ, rộng quá cỡ, thì khi may xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tự mình may hay sai người khác may mà chiều rộng đúng cỡ, chiều dài quá cỡ hoặc ở giữa đúng cỡ, ngoài biên quá cỡ, hoặc ngoài biên đúng cỡ, ở giữa quá cỡ, hoặc gấp lại, xếp lại, thấm nước rồi đem phơi khô mà còn dài rộng, thì làm xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi may nên may giảm kích thước, không được may quá kích thước, và phải tùy theo kích cỡ của thân mà may.

Y Tăng-già-lê có ba loại: Thượng, trung, và hạ.

Loại thượng: Dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay.

Loại trung: Dài năm khuỷu tay, một tay không duỗi ra; rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra.

Loại hạ: Dài bốn khuỷu tay rưỡi, rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra. Khi đắp y dùng hai ngón tay căng ra mà đắp.

Y Uất-đa-la-tăng có ba loại: Thượng, trung và hạ.

Loại thượng: Dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay.

Loại trung: Dài năm khuỷu tay, một tay không duỗi ra; rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra.

Loại hạ: Dài bốn khuỷu tay rưỡi, rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra.

Y An đa hội cũng có ba loại: Thượng, trung, và hạ.

Loại thượng: Dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay.

Loại trung: Dài năm khuỷu tay, một tay không duỗi ra, rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra.

Loại hạ: Dài bốn khuỷu tay rưỡi, rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra.

Cuối cùng cho đến loại Phú tam mạn đà la, quần v.v... Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 87 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

Hết quyển hai mươi

